BÙI-VĂN-BẢO ★ ĐOÀN-XUYÊN

QUỐC-VĂN TOÀN TẬP

Soạn đúng Chương-Trình của Bộ Q. G. G. D.

NGỮ-VỰNG
TẬP ĐỌC
HỌC THUỘC LÒNG
CHÍNH-TẢ
VĂN-PHẠM
TẬP LÀM VĂN
TẬP VIẾT

LỚP NHẤT



NHÀ XUẤT-BẢN SỐNG MỚI

TỦ SÁCH GIÁO-KHOA TIỂU-HỌC

của nhà SỐNG - MỚI xuất-bản

308, Phạm-ngũ-Lão — SAIGON

Quốc-văn Toàn Tập (từ lớp Năm tới lớp Nhất)	*Bùi-văn-Bảo, Đoàn-Xuyên*
Tiểu-Học Quốc-văn (từ lớp Năm tới lớp Nhất)	*Hà-mai-Anh*
Toán-pháp (từ lớp Năm tới lớp Nhất)	*Cao-văn-Thái, Hà-mai-Anh, Vũ-tiến-Thu; Khổng-trọng-Thu, Nguyễn-mạnh-Tuân*
Vệ-sinh (từ lớp Năm tới lớp Nhất)	*Bùi-văn-Bảo*
Chính-tả văn-phạm (từ lớp Ba tới lớp Nhất)	*Đặng-duy-Chiểu*
Ngữ-vựng (từ lớp Tư tới lớp Nhất)	*Bùi-văn-Bảo, Đoàn-Xuyên, Bùi-quang-Kim, Trịnh-ngọc-Thám*
Việt-luận (từ lớp Ba tới lớp Nhất)	*Bùi-văn-Bảo*
Việt-sử (từ lớp Ba tới lớp Nhất)	*Bùi-văn-Bảo*
600 bài tính mẫu lớp Nhất, Nhì	*Cao-văn-Thái, Khổng-trọng-Thu*
600 bài tính mẫu lớp Ba	*Cao-văn-Thái, Khổng-trọng-Thu*
600 bài tính mẫu Tư, Năm	*Cao-văn-Thái, Khổng-trọng-Thu*
500 bài tính-đố lớp Nhì	*Hà-mai-Anh*
141 bài tính mẫu lớp Nhất	*Bùi-văn-Bảo*
180 bài tính mẫu lớp Nhì	*Bùi-văn Bảo*
300 bài tính mẫu lớp Ba	*Bùi-văn-Bảo*
Đức-dục (từ lớp Năm tới lớp Nhất)	*Đặng-duy-Chiểu*
Chính-tả văn-phạm lớp Nhất	*Bùi-văn-Bảo*
Muốn đỗ vào Đệ-thất	*Đặng-duy-Chiểu, Nguyễn-mạnh-Tuân*
Bài-giải đề-thi Đệ-thất	*Bùi-văn-Bảo*
Luyện thi tiểu-học và Đệ-thất	*Bùi-văn-Bảo*
Câu hỏi thường-thức lớp Nhất	*Khổng-trọng-Thu*
Hình-học Nhì, Nhất	*Trương-quan-Liêm*
100 câu hỏi toán	*Trương-quan-Liêm*
Tiểu-học thường-thức cẩm-nang	*Hà-mai Anh*
Chính-tả văn-phạm	*Trịnh-thiên-Tư*
Quy-tắc công-thức toán tiểu-học	*Khổng-trọng-Thu*
Địa-lý lớp Nhất	*Hoàng-thế-Mỹ*
Địa lý lớp Nhì	*Hoàng-thế-Mỹ*
Địa-lý lớp Ba	*Đoàn-Xuyên*
Số-học (từ lớp Tư tới lớp Nhất)	*Khổng-trọng-Thu*
Hình-học đo-lường (từ lớp Tư tới lớp Nhất)	*Khổng-trọng-Thu*
Quốc-văn toàn thư (từ lớp Năm tới lớp Nhất)	*Đặng-duy-Chiểu*
Luyện thi Đệ-thất	*Nguyễn-huy-Côn và Lê-đình-Huyên*
200 bài tính khó	*Hoàng-anh-Việt*

Giấy phép số 643 /XB 30.000
ngày 23-4-58 của N.T.T.N.P.

Giá : 34 đ.

Từ nhà kho sách xưa
của Quán Ven Đường

BÙI-VĂN-BẢO — ĐOÀN-XUYÊN
Giáo-viên Tiểu-học

QUỐC-VĂN
TOÀN TẬP

LỚP NHẤT

GỒM 16 PHỤ BẢN MÀU IN TRÊN GIẤY LÁNG
THƯỢNG-HẠNG CỦA NGHỆ-SĨ NHIẾP-ẢNH
NGUYỄN-VĂN-KHÔI
VÀ 2 TRANG MẪU CHỮ TẬP VIẾT

Nhà xuất-bản SỐNG MỚI
30/B, đường Phạm-ngũ-Lão — SAIGON

Kính gửi Quý-vị Văn-nghệ-sĩ
có tác-phẩm trích in trong sách này,

Thưa Quý-vị,

Vì không có đầy-đủ địa-chỉ của Quý-vị để gửi thư riêng, chúng tôi xin mượn mấy dòng sau đây xin phép Quý-vị cho chúng tôi được trích một số bài trong các tác-phẩm của Quý-vị để bình-giảng và cho in vào cuốn sách này.

Mong Quý-vị vui lòng ưng-thuận cho để các em học-sinh Việt-nam được hân-hạnh trau-giồi tiếng mẹ đẻ qua các tác-phẩm văn-chương của Quý-vị.

Xin cảm ơn Quý-vị.

Và ở đây, một lần nữa, chúng tôi xin thành-thực tỏ lòng tri-ân Văn-sĩ Nhất-Linh đã vui lòng cho phép chúng tôi được trích các văn-phẩm của Tự-lực Văn-đoàn để soạn bộ Quốc-văn toàn-tập này.

Sài-gòn, đầu Xuân Mậu-Tuất

SOẠN-GIẢ
Kính bút

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

BIÊN-TẬP ĐẠI-Ý

Theo đúng chương-trình Tiểu-học hiện-hành và phương-châm sư-phạm của bộ Quốc-gia giáo-dục, chúng tôi biên-soạn cuốn Quốc-văn toàn-tập này. Mỗi cuốn gồm có 7 môn :

— Ngữ-vựng.
— Tập-đọc, Học thuộc lòng.
— Chính-tả và Văn-phạm, Tập-viết.
— Tập làm văn.

đầy-đủ cho cả niên-học (gồm 34 tuần-lễ).

Về **Ngữ-vựng** mỗi bài chúng tôi lựa-chọn chừng 20 từ-ngữ thông-dụng để giải-nghĩa cho các em học-sinh hiểu rõ và có thể dùng ngay vào trong câu văn được. Nếu học nhiều tiếng quá e không đủ thì-giờ ở lớp.

Những bài **Tập-đọc, Học thuộc lòng** đều sát với chủ-điểm và có liên-quan mật thiết với các môn khác, nhất là môn Việt-sử.

Những thí-dụ về **Văn-phạm** đều lấy ngay ở trong bài Chính-tả. Những câu ứng-dụng trong bài **Tập-viết** thường ngắn và đầy-đủ ý-nghĩa.

Về phần **Tập làm văn** chúng tôi ghi thêm cách-thức viết từng thể-văn để các em học-sinh đỡ bỡ-ngỡ khi tập xong thể này sang thể khác.

Dù chúng tôi đã cố-gắng rất nhiều song chắc-chắn vẫn còn khuyết-điểm, vậy mong các bậc đàn anh trong giáo-giới vui lòng chỉ-bảo cho để chúng tôi kịp thời sửa-chữa trong kỳ tái-bản. Xin đa tạ trước.

Các Soạn-giả

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo An Túc - 2203425

LỜI CHỈ-DẪN
của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

Khoa Việt-ngữ ở các lớp Tiểu-học có mục-đích thực-tế và làm cho học-sinh có những tài-liệu và biết dùng những tài-liệu ấy trong sự tiếp-xúc hàng ngày :

— Một là để phát-biểu tư-tưởng của mình bằng lời nói hoặc câu văn ;

— Hai là để hiểu-biết tư-tưởng của những người chung quanh mình khi nghe lời nói hoặc khi đọc câu văn.

Tiếng Việt-nam từ nay là chuyển-ngữ cho tất cả các môn học trong chương-trình giáo-dục nước nhà, nên khoa Việt-ngữ còn có mục-đích trực-tiếp là làm cho học-sinh có một căn-bản ngữ-vựng cần-thiết trong sự học-tập.

Chương-trình Việt-ngữ gồm có :

— Ngữ-vựng,

— Tập-đọc, học thuộc-lòng,

— Chính-tả và văn-phạm, tập viết,

— Tập làm văn.

Trong thời-khắc-biểu của các lớp Tiểu-học đều có ghi những môn ấy, duy môn Tập làm văn không ghi ở thời-khắc-biểu lớp năm. Trong những giờ ngữ-vựng và tập đọc, thầy-giáo phải tập cho học-trò nói chuyện (nói cho bạo-dạn và cho tự-nhiên, có thứ-tự, có đầu đuôi, đừng kéo dài từng tiếng một). Còn môn văn-phạm thì chỉ ghi trong chương-trình lớp nhì và lớp nhất, nhưng cũng cốt để dạy đại-cương về ngữ-pháp mà thôi. Thầy-giáo sẽ dùng những bài chính-tả hoặc tập-đọc để giúp học-sinh nhận-xét một vài định-luật thông-thường riêng của Việt-ngữ, để giúp chúng trong việc tập làm văn.

Những vấn-đề trong chương-trình đã ấn-định sẽ học đi học lại kỹ-lưỡng theo phương-pháp tiệm-tiến, đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết, từ chỗ gần đến chỗ xa, từ chỗ dễ đến chỗ khó, từ chỗ cụ-thể đến chỗ trừu-tượng. Thầy-giáo phải dùng vật-liệu, tranh-ảnh hoặc tỉ-dụ thiết-thực để cụ-thể-hóa tất cả các môn ngữ-vựng, tập-đọc, học thuộc lòng, chính-tả, tập làm văn... Trong lúc dạy Việt-ngữ, thầy-giáo nên nhớ rằng chương-trình ấy không phải đứng tách hẳn chương-trình của các môn học khác như đức-dục, công-dân giáo-dục, sử-ký, địa-lý v.v... mà phải cố tìm cách cho chương-trình các môn học ấy và khoa Việt-ngữ có liên-lạc với nhau.

Ở lớp nhì và lớp nhất, những danh-từ khoa-học và kỹ-thuật (thuật-ngữ), những danh-từ Hán-Việt hoặc ngoại-lai (tân-ngữ), những danh-từ thường dùng trong công-văn sẽ chiếm một phần quan-trọng. Các tiếng gốc ở chữ Hán sẽ dạy nhiều hơn và giảng kỹ hơn, theo lối tách riêng từng chữ, rồi hợp lại mà giải-nghĩa toàn cả tiếng, hoặc cả câu thành-ngữ.

Đặc-biệt chú-ý về Việt-ngữ : Nên nhẹ về phần tầm-chương trích-cú, nghệ-thuật vị nghệ-thuật và phải chú-ý đề-cao vấn-đề nghệ-thuật vị nhân-sinh (phục-vụ cho đạo-đức con người, cho hạnh-phúc gia-đình, cho an-ninh xã-hội, cho Độc-lập, Tự-do),

CHƯƠNG-TRÌNH

LỜI DẶN : *Giáo-viên mỗi lớp sẽ tùy chủ-điểm, tùy địa-phương, tùy thời-tiết... mà dạy các mục sau này, mục nào trước, mục nào sau, tùy-tiện.*

NGỮ-VỰNG

Sự hoạt-động về thể-chất. — *Thể-thao — Trò chơi có tính-cách thể-thao. Du-ngoạn, du-lịch.*

Sự hoạt-động tinh-thần — *Các ban học. Các khoa chuyên-môn. Các nhà bác-học. Phòng thí-nghiệm. Sự sáng-chế. Các ngành văn-hóa.*

Kỹ-nghệ và thương-mại. — *Công, kỹ-nghệ. Hải cảng, xuất-cả g, nhập-cảng.*

Xã-hội.— *Cứu-tế. Hội-thiện. Hợp-tác-xã. Chủng-tộc. Tôn-giáo. Chính-thể.*

Binh-bị.— *Quân-nhân. Võ-khí. Chiến-tranh. Hòa-bình.*

TẬP-ĐỌC — HỌC THUỘC-LÒNG

Tập đọc, học thuộc lòng những bài văn hay, vừa sức hiểu-biết của học-sinh, trích ở tác-phẩm của các văn-sĩ, thi-sĩ và các chí-sĩ hiện-đại ; tập cho quen các lối văn. Tập cho học-trò phê-bình, giải-thích. Đọc những tác-phẩm có khuynh hướng về đạo-lý, về chủ-nghĩa quốc-gia, về tình-cảm, về trào-phúng của các văn-gia và thi-gia cận-đại.

CHÍNH-TẢ — VĂN-PHẠM — TẬP VIẾT

Chính-tả.— *Viết chầm những bài dài độ 15 dòng, có tương-quan với chương-trình ngữ-vựng, văn-phạm và đức-dục. Để ý một cách đặc-biệt đến cách phát-âm và lối viết các phụ-âm đầu như ch và tr, d, gi, và r, s và x cũng như phụ-âm c, t, n, ng. Giải-nghĩa tiếng thông-thường, tìm ý nghĩa chính của bài chính-tả.*

Văn-phạm.— *(dùng bài chính-tả hoặc tập-đọc mà dạy). Ôn lại chương-trình lớp nhì.*

Những điều cương yếu về ngữ-pháp.

— Nhận-xét về cách nối liền 2, 3 câu đơn thành một câu kép với những từ-ngữ : và, thì, hoặc, v.v ..

— Nhận-xét về cách chuyển-tiếp từ ý này sang ý khác, hoặc từ đoạn này sang đoạn khác với những từ-ngữ : cho nên, tuy-nhiên, nhưng mà, v.v...

— Phân-tách từ-loại.

Tập viết.— *Giống như chương-trình lớp nhì, thêm chữ khổ lớn.*

TẬP LÀM VĂN

— Tập lại các thể văn đã làm ở lớp nhì.

— Đơn-từ thông-thường, tự-thuật.

— Giải-nghĩa những cách-ngôn, phương-ngôn, tục-ngữ thông-thường và dễ hiểu.

TUẦN-LỄ THỨ NHẤT

NGỮ-VỰNG

THỂ-THAO

Danh-từ.— Thể-dục — Thể-thao — Lực-sĩ — Huấn-luyện-viên — Hội điền-kinh — Khán-đài — Kỳ-đài — Sân vận-động — Dụng-cụ — Thế-vận-hội.

Tính-từ.— (Thân-thể) cường-tráng — (Lực-sĩ) hoàn-toàn — (Khán-đài) danh-dự.

Động-từ.— Biểu-diễn (thể-thao) — Tham-dự (Thế-vận-hội).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— Khôn chẳng qua lẽ
Khỏe chẳng qua lời...
— Mạnh được yếu thua.

GIẢI-NGHĨA.— **Thể-dục** : phép luyện-tập cho thân-thể khỏe-mạnh — **Thể-thao** : phép luyện-tập thân-thể để phô-diễn cho mọi người xem hoặc để tranh lèo, đoạt giải như : đá bóng, đánh cầu, v.v... **Lực-sĩ** : người có sức-lực khỏe-mạnh. **Huấn-luyện-viên** : người trông-nom, dạy-dỗ người khác luyện-tập. **Hội điền-kinh** : hội tập ném lao, cử tạ, nhảy cao, v.v... **Khán-đài** : (*Khán* : xem-xét) nơi ngồi xem diễn võ. **Kỳ-đài** : chỗ đắt cao dựng cột để kéo cờ. **Thế-vận-hội** : (do năm tiếng Thế-giới vận-động hội rút ngắn lại) nơi lực-sĩ các nước trên thế-giới hội-họp để tranh tài cao thấp. Thế-vận-hội 1956 họp ở Men-buốc (Úc). **Cường-tráng** : khỏe-mạnh. **Lực-sĩ hoàn-toàn** : lực-sĩ khỏe-mạnh, giỏi về mọi môn điền-kinh. **Biểu-diễn** : (*Biểu* : bày ra ngoài. *Diễn* : luyện-tập) luyện-tập cho công-chúng xem. **Tham-dự** : chen dự vào. **Khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời** : khôn-ngoan đến đâu cũng phải thua lẽ phải, khỏe-mạnh đến đâu cũng phải chịu lời nói đúng. Đại-ý câu này khuyên ta không bao giờ nên dùng võ-lực, mà nên dùng lời-lẽ phải chăng để dàn-xếp mọi việc ở đời.

BÀI TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Người năng tập . . . . thì thân-thể . . . . . và không hay ốm đau. Chiều nào học-sinh cũng tập thể-dục ở . . . . . dưới sự chỉ-dẫn của . . . . Năm 1956, nước ta đã tham-dự . . . . ở nước Úc-đại-lợi. Tuy vậy các . . . . Việt-nam còn cần phải tập-luyện thêm nhiều về điền-kinh để tranh tài cao thấp với lực-sĩ của các nước bạn.

TẬP-ĐỌC

THỂ-DỤC VÀ THỂ-THAO

1.— Thể-dục và thể-thao đều nhằm mục-đích làm cho thân-thể nở-nang, khoẻ-mạnh. Thể-dục chuyên-chú đến sự luyện-tập nên có phần khó-khăn. Thể-thao có tính-cách nô-đùa và **biểu-diễn** như : đá bóng, đánh quần, bơi thuyền, trượt tuyết v.v...

2.— Trước khi chơi thể-thao, ta phải tập thể-dục cho quen với sự mệt-nhọc và thân-hình nở-nang đều-đặn. Chơi thể-thao mà không tập thể-dục trước, có khi nguy-hiểm. Vì vậy, trẻ em chưa nên chơi thể-thao nếu thân-thể chưa nhớn đầy-đủ. Dưới mười bốn tuổi không nên tranh-đấu thể-thao mà chỉ cần tập thể-dục. Ngay đến những nhà thể-thao cũng không được sao-nhãng thể-dục. Có loại thể-dục chung cho **toàn-thể**, có loại riêng-biệt cho từng môn thể-thao...

3.— Hiện nay, ở các trường học, người ta rất chú-trọng đến việc **luyện-tập** cho trẻ em có một thân-thể **cường-tráng**. Tuy vậy, trong khi luyện-tập, ta phải tập dần-dần, trước ít, sau nhiều, để thân-thể chịu-đựng được sự **vận-động** mệt-mỏi mà không có hại.

Theo Bác-sĩ DỤC

GIẢI-NGHĨA.— **Toàn-thể :** tất cả, không chừa ai. **Luyện-tập :** (*Tập :* năng làm cho quen. *Luyện :* rèn) tập cho quen. **Cường-tráng :** mạnh khỏe, to lớn. **Vận-động :** cất nhắc, cử-động, không ngồi yên một chỗ.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng.**— Thể-dục và thể-thao đều nhằm mục-đích gì ? — Kể những trò chơi về thể-thao.— Trước khi chơi thể-thao, ta phải làm gì ?— Bao nhiêu tuổi mới nên chơi thể-thao ? — Phải tập thế nào thì mới có lợi ?

Lời văn : *Thể-thao* và *thể-dục* khác nhau thế nào ? — Tìm tiếng thay cho tiếng *nô-đùa* .— Danh-từ gì dùng để chỉ người to-lớn, khỏe-mạnh ?

DÀN-BÀI.— 1 — Thể-dục và thể-thao khác nhau.
2 — Chơi thể-thao cũng cần phải tập thể-dục.
3 — Cách luyện-tập thân-thể cho trẻ em.

ĐẠI-Ý.— **Thể-dục và thể-thao đều làm cho thân-thể khỏe-mạnh, nhưng phải luyện-tập theo đúng phương-pháp.**

HỌC THUỘC-LÒNG

TRẬN CẦU QUỐC-TẾ

1.— Nắng vừa xế, cổng thao-trường rộng mở,
Cả hai đoàn cầu-thủ tiến ra sân.
Tiếng hoan-hô vang-dội khắp xa gần
Để cổ-võ cho trận cầu quốc-tế...

2.— Đoàn tuyển-thủ nước nhà hơi nhỏ bé
Nếu so cùng cầu-tướng ở phương xa !
Còi xuất-quân lanh-lảnh được ban ra,
Thì trận đấu đã vô cùng sôi-nổi.
Tiền-đạo ta, như sóng cồn, tiến tới
Khi tạt ngang, khi nhồi bóng, làm bàn,
Khiến đối-phương thành rối-loạn, hoang-mang,
Hậu-vệ yếu, phải quay về thế-thủ.
Thiếu bình-tĩnh, một vài người chơi dữ,
Nên trọng-tài cảnh-cáo, đuổi ra sân.
Quả bóng da lăn-lộn biết bao lần,
Hết hai hiệp và hội nhà đã thắng !

3.— Ta tuy bé song đồng lòng, cố-gắng
Biết nêu cao gương đoàn-kết đấu-tranh,
Khi giao banh, khi phá lưới, hãm thành,
Nên đoạt giải, dù địch to gấp bội !

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Thao-trường** : (*Thao :* diễn-tập. *Trường* : đám đất rộng dùng làm nơi tụ-họp đông người). Ở đây là bãi đá bóng hay sân banh. **Cầu-thủ :** người đá banh, cùng nghĩa với cầu-tướng. **Hoan-hô :** vui-mừng, vỗ tay reo, hò-hét. **Cổ-võ :** (*Cổ :* đánh trống vang-động. *Võ :* múa) tỏ ý vui mừng hoặc làm rầm-rộ để khuyến-khích người khác. **Quốc-tế :** giữa các nước khác nhau, ý nói trận cầu này do cầu-thủ hai nước đấu với nhau. **Xuất-quân** : ra trận, bắt đầu tranh-đấu. **Tiền-đạo :** hàng cầu-thủ đi trước. **Đối-phương :** người hoặc phe đối-địch với mình. **Hậu-vệ :** cầu-thủ đứng sau hàng tiền-đạo để giữ thành nhà. **Trọng-tài :** người đứng giữa, phân-xử cho hai bên, ở đây là người điều-khiển trận banh.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng.**— Hai đoàn cầu-thủ tiến ra sân vào lúc nào ? — Khi họ ra sân thì khán-giả làm thế nào ? — Đoàn tuyển-thủ nước nhà chơi banh như thế nào ? — Những người chơi dữ bị ai cảnh-cáo ? — Vì sao ta thắng cuộc ?

Lời văn.— Tiếng gì ở đoạn đầu tả sự vui-mừng của khán-giả ? — Câu *sóng. còn tiến tới* gợi cho ta hình-ảnh gì ?— Tìm tiếng khác thay cho tiếng *đối-phương*

DÀN-BÀI.— 1— Cảnh tưng-bừng, náo-nhiệt, lúc cầu-thủ ra sân.
2— Trận đá banh giữa hai đoàn cầu-thủ.
3— Lý-do thắng-cuộc của ta.

ĐẠI-Ý.— **Đoàn cầu-thủ của ta biết đoàn-kết đấu-tranh nên đã thắng-cuộc.**

★

CHÍNH-TẢ

THÂN-HÌNH CƯỜNG-TRÁNG

Dũng đứng dậy vào buồng thay áo tắm. Mặc xong, anh đưa tay nắn cặp đùi chắc nịch và xoa bộ ngực nở-nang. Anh khoan-khoái, sung-sướng thở ra một hơi dài. Cử-chỉ ấy nhắc anh nhớ đến tập thể-dục. Anh bèn đứng thẳng người, phưỡn ngực, mềm-mại đưa đôi cánh tay lên, xuống và hít vào, thở ra thực mạnh.

Dũng vừa thoáng thấy bóng mình lờ-mờ in nghiêng vào một bên cửa kính. Tuy những miếng kính phản-chiếu không được rõ-ràng tấm thân dày-dặn, cân-đối của anh, nhưng anh cũng ngắm thấy đường lưng thẳng, cánh tay cứng chắc. Kết-quả ấy, anh tốn nhiều công-phu lắm mới có.

Dũng như một cây non đương lớn và chứa đầy nhựa sống của buổi đầu xuân. Thân-hình anh có một vẻ đẹp hùng-tráng, trái với vẻ đẹp nhu-nhược, mảnh-khảnh của một số thư-sinh.

Theo KHÁI-HƯNG

GIẢI-NGHĨA.— **Cường-tráng** : khỏe-mạnh và to lớn. **Khoan-khoái** : nhẹ-nhàng, dễ chịu. **Cân-đối** : đều-đặn, không phần nào to quá, hoặc nhỏ quá. **Nhu-nhược** : mềm-yếu.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S.— Sung-sướng, sung-mãn, sung-sức, sung-công.

X.— Năm xung tháng hạn, xung-quanh, xung-đột, xung-phong.

D.— Dày-dặn, bánh dày.

G.— Giày-xéo, giày-guốc.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : cử-chỉ, phản-chiếu, công-phu, mảnh-khảnh.
2) Tìm ba danh-từ mượn ở chữ Hán như : *Thể-dục.*
3) Khi tập thể-dục, Dũng làm thế nào ?
4) Phản-nghĩa với *cường-tráng* là gì ? Thanh-niên cần phải làm thế nào để cho thân-thể được khỏe-mạnh ?

★

VĂN-PHẠM

NGUỒN-GỐC TIẾNG VIỆT-NAM

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Thân-hình cường-tráng* khi đọc câu *Dũng đứng dậy vào buồng thay áo tắm. Mặc xong... nở-nang* các em đều hiểu cả. Nhưng khi đọc đoạn *Anh có một vẻ đẹp hùng-tráng, trái với vẻ đẹp nhu-nhược...* thì có nhiều tiếng như : *hùng-tráng, nhu-nhược, v.v...* cần phải giảng nghĩa mới hiểu. Những tiếng : *Dũng đứng dậy vào buồng thay áo tắm* là những tiếng do ông, cha ta đặt ra từ ngày xưa hay là **tiếng Nôm.**

Còn những tiếng *Hùng-tráng, nhu-nhược, thư-sinh* là những tiếng mượn của người Trung-hoa nên gọi là **chữ Hán** hay **chữ Nho.**

BÀI HỌC.— Tiếng Việt-nam có hai nguồn-gốc chính là :

1) Tiếng riêng của ta hay tiếng **Nôm** như : anh, nở-nang, mềm-mại, v.v...
2) Tiếng mượn của chữ Hán như thân-hình, cường-tráng, thư-sinh v.v...

Gần đây, giao-thiệp với người Âu, Mỹ, ta còn mượn được của họ nhiều tiếng để làm giàu cho tiếng Việt-nam. *Thí-dụ :* ô-tô, xà-phòng, xăm, lốp, mít-tinh, cao-bồi, v.v...

★

TẬP VIẾT

Khi viết, muốn khỏi bị cận-thị hay lệch, vẹo xương-sống, **học-sinh** nên ngồi thẳng người, không tì ngực vào mép bàn, đầu hơi ngả về **đằng trước.**

Cầm bút bằng ngón tay giữa, ngón tay trỏ và ngón tay cái. Không nên giữ chặt quản bút quá ! Hai cánh tay cùng để trên mặt bàn, bàn tay trái đè góc dưới quyển vở. Cánh tay phải đặt nhẹ xuống bàn để cho bàn tay cử-động được dễ-dàng. Quyển vở phải để ngay-ngắn trên bàn, trước mặt học-sinh, cách mắt độ 30 cm.

Chữ viết nên dùng lối **chữ đứng** (xem mẫu chữ thường và chữ rông in ở cuối sách này).

Mỗi bài tập viết thường gồm chữ khổ nhỏ, chữ khổ vừa, chữ khổ lớn; chữ « rông ». Các mẫu chữ viết đều xếp theo loại tương-tự nhau, từ dễ đến khó. Số dòng chữ phải còn viết tùy-thuộc ở số giờ nhiều hay ít.

Chữ i, u lối thường : — ù-ì

★

TẬP LÀM VĂN

TẢ ĐỒ-VẬT

Chỉ-dẫn đại-cương.— Muốn tả một đồ-vật, trước hết ta nên tả toàn thể bằng vài câu rồi sau mới tả đến các chi-tiết, các bộ-phận. Tiếp-theo phải nói đến công-dụng của đồ-vật ấy và nên ghi thêm những cảm-tình cùng ý-nghĩ riêng của ta.

Muốn cho bài văn được linh-hoạt, ta phải quan-sát cho thật tinh-tường. Mắt trông, tai nghe, mũi ngửi, tay sờ-mó... cảm-giác thế nào, thì nói ra cho-minh-bạch, khúc-triết. Như thế là ta đã thành-thật trong khi tìm ý, đặt lời. Tuy nhiên, để tránh những điều vô-vị, tầm-thường, ta chỉ nên chú-ý đến những cái gì cần-thiết, đặc-biệt nhất mà thôi. Có làm như vậy thì người khác xem văn của ta mới hình-dung được rõ-ràng đồ-vật do ta miêu-tả mà không lẫn nó với những đồ-vật khác đồng-loại.

Ngoài ra, lời văn cần phải gọn-gàng, có màu-sắc, nhờ ở cách khéo dùng những tĩnh-từ, động-từ hoặc trạng-từ thích-đáng... Dưới đây là một dàn-bài mẫu có thể áp-dụng chung cho những bài tả đồ-vật.

DÀN BÀI.— 1) **Mở bài :** Trông thấy vật này ở đâu ? Lúc nào ? Trong khung-cảnh nào ?

2) **Thân bài :** a) Toàn-thể.
b) Các bộ-phận, những điểm đặc-biệt.
c) Công-dụng.
d) Cảm-tưởng hoặc ý-nghĩ mà vật đó đã gợi cho ta.

3) **Kết-luận :** Giữ-gìn, săn-sóc...

★

CHIẾC ÁO MỚI

Trước ngày khai-trường, mẹ em đã may cho em một chiếc áo mới. Hãy tả lại chiếc áo đó.

DÀN BÀI — 1) **Mở bài :** Áo may dịp nào ? Bằng gì ? Ai may cho ?

2) **Thân bài :** a) Các bộ-phận : cổ, tà, tay áo, cúc, túi v.v...
b) Đặc-điểm : kiểu đẹp, màu nhã, vải tốt, tiện.
c) Ích-lợi.

3) **Kết-luận :** Mặc áo là nhờ đến sự hy-sinh, vất-vả của mẹ. Giữ-gìn cẩn-thận cho áo khỏi bẩn, rách.

TUẦN-LỄ THỨ NHÌ

NGỮ-VỰNG

TRÒ-CHƠI CÓ TÍNH-CÁCH THỂ-THAO

Danh-từ.— Bóng tròn — Bóng chuyền — Bóng rổ — Bóng bàn — Cầu-thủ — Trọng-tài — Giám-biên — Hội-tuyển — Giải quán-quân — Đoàn tuyển-thủ — Khán-giả.

Tính-từ.— (Cầu-thủ) xuất-sắc — (Trọng-tài) công-bình — (Đoàn tuyển-thủ) vô-địch.

Động-từ.— Đấu bóng (giao-hữu) — Phá (kỷ-lục) — Nêu (thành-tích).

Thành-ngữ, tục-ngữ, ca-dao :

— *Tranh lèo giật giải.*
— *Tinh-thần thượng-võ nêu cao,*
Được, thua, quyết chẳng khi nào quan-tâm !

GIẢI-NGHĨA : **Cầu-thủ :** người đá banh. **Giám-biên :** người giúp trọng-tài, trông xem banh có ra khỏi vạch vôi hay không. **Hội-tuyển :** hội gồm những cầu-thủ xuất-sắc được tuyển lựa ra để tranh giải với đội khách. **Khán-giả :** người đi xem. **Giải quán-quân :** (quán-quân nghĩa đen là ông tướng đứng đầu quân kinh) giải nhất, hơn hết thảy mọi người. **Đoàn tuyển-thủ :** đoàn cầu-thủ đã được tuyển-lựa để đi tranh giải. **Xuất-sắc :** tài-giỏi, vượt lên trên mọi người. **Công-bình :** ngay thẳng, không thiên-lệch. Ở đây là rất đứng-đắn, không nghiêng về phe nào. **Vô-địch :** giỏi nhất, không ai địch nổi. **Thành-tích :** kết-quả đã đạt được. Thí-dụ : Lực-sĩ A đã nêu được nhiều thành-tích về chạy nhanh và nhảy cao trong kỳ thi điền-kinh vừa qua. **Kỷ-lục :** thành-tích vẻ-vang, tốt-đẹp hơn mực thường. Thí-dụ : Trong kỳ Thế-vận 1956, lực-sĩ X đã phá kỷ-lục về các môn phóng lao và ném đĩa. **Đấu bóng giao-hữu :** đấu bóng thân-thiện, không cần thua hay được. **Tranh leo, giật giải :** (*Lèo* : giải treo để tặng người tài-giỏi) cố-để giành phần thắng, để đoạt giải thưởng nhất. **Tinh-thần thượng-võ :** lòng ham-chuộng thể-thao, không vì được, thua mà thù-hằn nhau.

BÀI TẬP.— *Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :*

Trên sân vận-động các . . . . đang đá bóng tròn. Trong khi . . . . đi, lại phất cờ ở hai bên sân cỏ thì . . . . chạy theo các cầu-thủ để điều-khiển trận đấu . . . . ngoại-quốc đã biểu-diễn nhiều "pha" tất đẹp mắt. Nhiều cầu-thủ . . . . đã chiếm được cảm-tình của các . . . . ưa-chuộng thể-thao . . . . nước nhà đã tận-tình tranh-đấu để bảo-vệ màu cờ của xứ-sở.

TẬP ĐỌC

CHƠI BÓNG CHUYỀN

1.— Trời còn sớm **tinh-sương**, mọi người đã thấy hiện ra ở cửa chùa, một sân bóng chuyền tươm-tất. Đoàn trai-trẻ trong làng đương nhảy-nhót, cười-đùa ở đó.

2.— Tiếng bóng «bình-bịch» vang lên trong không-khí nghe cũng vui tai. Thỉnh-thoảng họ lại reo lên :

— «Hay ! Hay lắm !»

— «Nảng lên ! Đập nữa đi ! Tuyệt !»

Một người đứng ở góc sân lấy tay đánh mạnh vào quả bóng cho nó qua lưới sang bên kia. Cứ thế, họ **chuyền** quả bóng cho nhau. Người này chuyền cho người khác, bên nọ **tung** sang bên kia... cho đến khi nào, một bên không đỡ được, để **hụt** quả bóng xuống đất ở trong vòng vôi là bị thua. Trong bọn, có anh Trọng và anh Tịch là đánh giỏi hơn cả. Ít khi hai anh này để hụt bóng. Ồ ! còn anh chàng Hồng **hạt mít** kia sao mà **vụng** thế ! Anh luôn luôn để bóng vướng vào lưới, hoặc hụt xuống đất...

3.— Trời đã sáng hẳn. Anh nào anh nấy say-sưa chuyền bóng vừa đập, vừa reo-hò ầm-ĩ cả một góc chùa.

Theo MẶC-THU

GIẢI-NGHĨA : **Sớm tinh sương** : sáng sớm, lúc hãy còn sương. **Tươm-tất** : chu-đáo, ở đây có nghĩa là sân chùa đã được sửa-sang bằng-phẳng để chơi bóng chuyền cho dễ-dàng. **Chuyền** : đưa qua từ tay người này đến tay người kia. **Tung** : hất lên cao. **Hụt** : trượt, lỡ. **Hạt mít** : hạt của quả mít, ý nói người béo tròn như hạt mít. **Vụng** : dở, không khéo. **Tuyệt** : hết sức khéo.

CÂU HỎI : **Ý-tưởng** : Sân bóng chuyền được lập ở đâu ? — Khi thấy cậu-thu chơi hay, người ta làm gì ? — Khi nào thì bị thua ? — Trong bọn chơi bóng chuyền, người nào chơi khá nhất ? — Họ chơi bóng thế nào ?

Lời văn : Thay tiếng *tươm-tất* ở đoạn đầu bằng một tiếng khác ? — Tiếng gì ở đoạn dưới chỉ đoàn trai-trẻ chơi bóng một cách say-mê ? — Tiếng *hạt mít* ở đây dùng theo nghĩa gì ?

DÀN BÀI.— 1 — Sân bóng vào buổi sớm tinh-sương.
2 — Lúc chơi bóng.
3 — Mọi người say-sưa chơi bóng.

ĐẠI-Ý.— **Chơi bóng chuyền rất vui nên đã hấp-dẫn được nhiều trai-trẻ trong làng.**

CHÍNH - TẢ

BÓNG CHUYỀN VÀ BÓNG RỔ

Có hai môn thể-thao rất thích-hợp với mọi người ; già, trẻ, trai, gái, giàu, nghèo, ai ai cũng có thể chơi được. Đó là bóng chuyền và bóng rổ.

Muốn lập một sân bóng chuyền hay bóng rổ ư ? Cũng không khó-khăn hay tốn-kém gì lắm ! Thể-lệ chơi lại rất dễ-dàng. Khi chơi, chia làm hai, mỗi bên năm hoặc sáu người. Cuộc chơi bóng rổ so với bóng chuyền cũng không kém phần hào-hứng. Tại các nước Âu, Mỹ, dân-chúng rất hâm-mộ hai môn thể-thao này. Từ một làng hẻo-lánh, xa-xăm, đến một đô-thị ồn-ào, đông-đúc, đâu đâu cũng thấy mọc lên những sân bóng rổ, bóng chuyền. . .

Hiện nay, tại nước ta, các cơ-quan hữu-trách đang nỗ-lực phát-triển hai môn thể-thao này để góp phần vào công-cuộc cải-tạo giống-nòi và phục-hưng đất-nước. . .

Theo DUY-MINH

GIẢI-NGHĨA.— **Thể-lệ** : cách-thức, lề-lối. **Hào-hứng** : vui-thích. **Hâm-mộ** : yêu-mến một cách thành-thực. **Đô-thị** : (*Đô* : chỗ đông người ở. *Thị* : chợ) chỗ buôn-bán đông-đúc. **Cơ-quan hữu-trách** : cơ-quan có trách-nhiệm, ở đây là nhà cầm-quyền hành-chánh hoặc các hội thể-thao. **Phục-hưng** : (*Phục* : lại trở lại. *Hưng* : đứng dậy) đã suy rồi lại làm cho nổi lên được.

NHẬN-XÉT :

Ch.— Bóng chuyền, chuyền tay, chuyền cành, bay chuyền, dây chuyền.

Tr.— Truyền-bảo, truyền ngôi, truyền lệnh, truyền-đơn, truyền-giáo, truyền-khẩu, truyền-nhiễm, truyền-thần, truyền-thanh, truyền-thống, truyền-thụ, truyền-tụng, bí-truyền, lưu-truyền, tuyên-truyền...

X.— Xa-xăm, xa-xôi, xa-hoa, xa-xỉ, xót-xa, xa-giá.

S.— Sa-cơ, sa-sút, sa-thải, sa-tây.

CÂU-HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Hẻo-lánh, nỗ-lực phát-triển, cải-tạo giống-nòi.
2) Nguyên-âm là gì ? Trong bài này tiếng nào có một nguyên-âm ? Tiếng nào có hai nguyên-âm mà không có phụ-âm ?
3) *Thể-thao* và *thể-dục* khác nhau thế nào ? cho thí-dụ.
4) Đại-ý bài này là gì ?

VĂN-PHẠM

NGUYÊN-ÂM VÀ PHỤ-ÂM

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Bóng chuyền và bóng rổ* có câu : *Muốn lập một sân bóng chuyền hay bóng rổ ư ?* tiếng **ư** chỉ có một chữ mà đọc lên có âm-thanh rõ-ràng nên gọi là nguyên-âm.

Trái lại trong tiếng **rò** có hai chữ thì chữ **ò** tự nó có âm-thanh sẵn nên gọi là nguyên-âm, còn chữ **r** không đứng một mình được mà phải ghép vào trước nguyên-âm **ò** để thành một tiếng khác nên gọi là phụ-âm.

BÀI-HỌC.— Vần Quốc-ngữ có 29 chữ cái, lại chia ra làm chữ nguyên-âm và chữ phụ-âm.

Chữ nguyên-âm có thể đứng riêng một mình và tự nó đã có âm-thanh, ý-nghĩa rõ-ràng.

Thí-dụ : a, e, i, u, o, y, vân vân.

Chữ phụ-âm tự nó không có âm-thanh, không đứng riêng được mà phải ghép vào một nguyên-âm mới có thể thành một tiếng có nghĩa.

Thí-dụ : b, c, d, đ, t, v, x, vân vân.

★

TẬP VIẾT

Chữ n, m lối thường : — mũ ni.

★

TẬP LÀM VĂN

QUYỂN SÁCH VỠ-LÒNG (HỌC-VẦN)

Trong khi xếp lại sách, em đã tìm thấy quyển sách vỡ-lòng thuở trước. Em hãy tả lại quyển sách ấy.

DÀN BÀI.— 1) **Mở bài :** Tại sao tìm thấy quyển sách ?

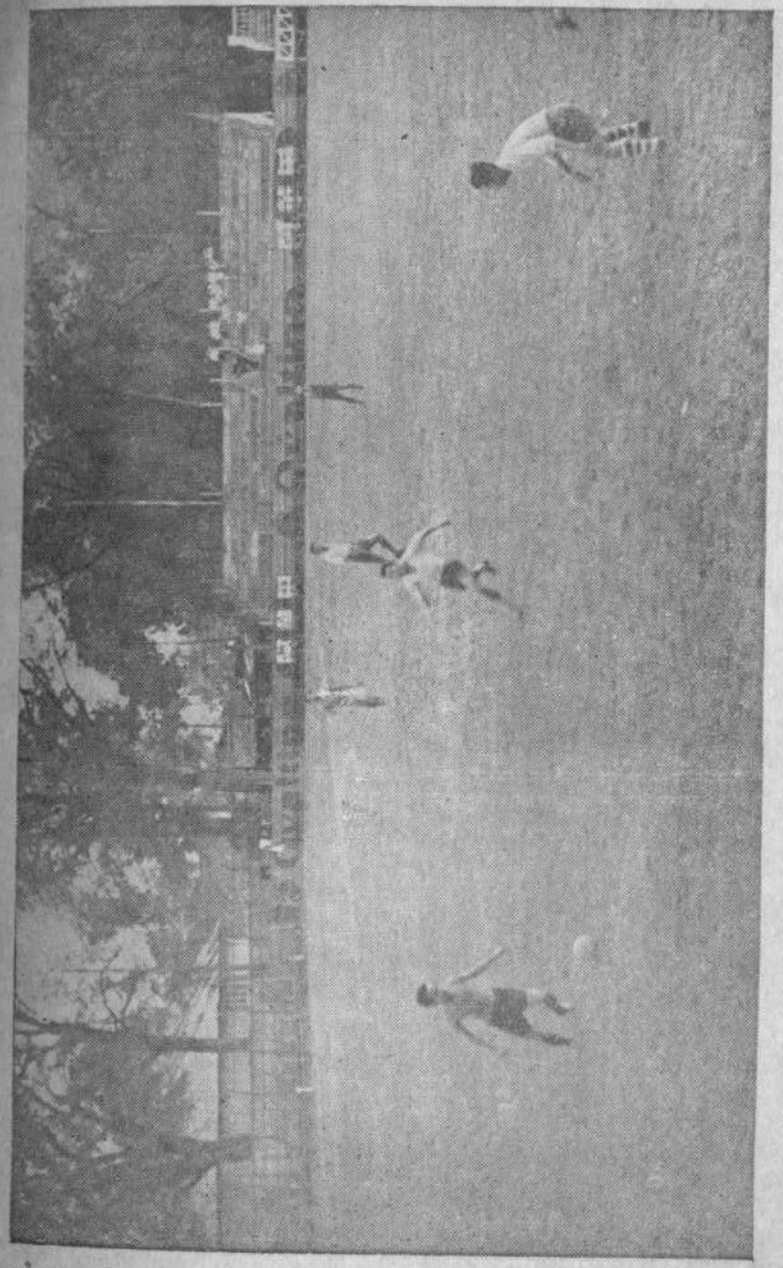
2) **Thân bài :** a) Quyển sách : bìa, giấy, chữ in, hình vẽ, các vết bẩn, những chỗ tô màu.

b) Kỷ-niệm cũ : Ai mua cho ? Vì sao bị thầy giáo phạt ? Nhờ học thuộc bài nào mà được cha mẹ khen ? v.v...

3) **Kết-luận :** Lòng mến yêu quyển sách. Cất đi để làm kỷ-niệm quãng đời thơ-ấu.

I

CHỦ-ĐỀ : THỂ-THAO



PHỤ-BẢN SỐ 1 — *ĐẤU BÓNG TRÒN*

II

CHỦ-ĐỀ : **DU-NGOẠN**



PHỤ-BẢN SỐ 2

BÀI SAU LONG-H

TUẦN-LỄ THỨ BA

NGỮ-VỰNG

DU-NGOẠN

Danh-từ.— Du-khách — Danh-lam, thắng-cảnh — Trưởng-đoàn — Lăng-miếu — Di-tích lịch-sử — Tiền phí-tổn — Kỷ-luật.

Tính-từ.— (Giang-sơn) gấm-vóc — (Cuộc giải-trí) lành-mạnh — (Ban tổ-chức) giàu kinh-nghiệm.

Động-từ.— Gia-nhập (đoàn du-ngoạn) — Khảo-sát (di-tích lịch-sử) — Tổ-chức (cuộc du-ngoạn).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.*
— *Đi cho biết đó biết đây,*
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn ?
— *Đi đến nơi, về đến chốn.*

GIẢI-NGHĨA : **Du-ngoạn :** đi chơi, xem phong-cảnh đẹp. **Du-khách :** khách dự những cuộc du-ngoạn. **Danh-lam, thắng-cảnh :** nơi nổi tiếng vì có nhiều phong-cảnh đẹp. **Trưởng-đoàn :** người đứng đầu trong đoàn. **Lăng-miếu :** mả và đền thờ vua, chúa. **Di-tích lịch-sử :** dấu-vết lịch-sử còn sót lại như : hàng bia bá ở Văn-miếu Hà-nội, điện Thái-hòa ở Huế, mộ Trương-công-Định ở Gò-công, v.v... **Tiền phí-tổn :** tiền chi-phí. **Gấm-vóc :** (nghĩa đen thứ hàng tơ, nền bóng có nhiều hoa) ở đây là rất đẹp. **Giàu kinh-nghiệm :** từng-trải, biết cách sắp-đặt chương-trình và tránh được mọi trở-lực. **Gia-nhập :** (*Gia :* thêm. *Nhập :* vào) tham-dự vào, ghi tên để cùng đi. **Kỷ-luật :** phép-tắc mà một đoàn-thể phải tuân theo. **Khảo-sát :** xem-xét kỹ-lưỡng. **Tổ-chức :** (*Tổ :* xâu lại, ghép lại) xếp đặt công việc để khỏi phí thì giờ và thu được kết quả. **Đi đến nơi, về đến chốn :** câu này khuyên ta phải đi đến tận nơi và về thẳng nhà, không nên lang-thang, la-cà ở dọc đường. **Đi một ngày đàng, học một sàng khôn :** đi nhiều, thì sẽ học được nhiều điều hay, có ích.

BÀI TẬP : Chọn những tiếng đã học điền vào các chỗ trống cho hợp nghĩa :

Tục-ngữ ta có câu . . . . đại-ý khuyên mọi người nên gia-nhập các đoàn du-ngoạn. Có đến thăm viếng những . . . . . ta mới thấy mến yêu tha-thiết . . . . của ông cha ta để lại. Ta lại có dịp . . . . . những di-tích lịch-sử để hiểu rõ thêm các môn học ở nhà trường. Muốn cho cuộc du-ngoạn được hoàn-toàn bổ-ích, các . . . . phải tuân theo , ... mà ban Tổ-chức đã đặt ra.

TẬP ĐỌC

ĐI TẮM BIỂN

1.— Một đoàn, hơn bốn mươi chiếc xe đạp, **bon-bon** trên đường trải nhựa. Trời hôm nay râm mát nên chúng tôi vừa đạp, vừa ca vang khúc nhạc « Lên-đường ». Ai cũng mong-ước rồi đây sẽ được nô-đùa với sóng biển.

2.— Một giờ sau đã nghe thấy tiếng sóng vỗ ầm-ầm, trước nhỏ sau to. Ở phía chân trời, lờ-mờ hiện ra những rặng **phi-lao** cao vút. Cảnh-vật nơi đây cũng đổi khác, nhà-cửa thưa-thớt, đồng cỏ **bao-la.** Từng đàn trâu bò thả rông đi đi, lại lại. Thỉnh-thoảng những con dang, con sếu thấy có bóng người, lại vỗ cánh vụt bay lên...

Vừa tới nơi, cả đoàn **du-ngoạn** đi gửi xe rồi vui-vẻ kéo nhau ra bãi biển rộng mông-mênh. Vỏ hến, vỏ ốc, mai mực ngổn-ngang trắng xóa ! Từ ngoài khơi, những ngọn sóng bạc-đầu gào-thét đuổi nhau, chạy xô vào bờ. Chúng tôi, như một đàn vịt, reo mừng vì được đùa-giỡn với sóng lam, cát trắng...

3.— Sau một ngày **tiếp-xúc** với thiên-nhiên, chúng tôi tuy thấm mệt mà chưa muốn quay về. Tiếng sóng ngoài biển cả xa xa như có **mãnh-lực** gì làm **lưu-luyến** chúng tôi...

Theo VÂN-TRÌNH

GIẢI-NGHĨA.— **Bon-bon :** đi nhanh. **Phi-lao :** một loài thông, thân cao lá nhỏ, thường trồng ở bãi cát ngoài bờ biển. **Bao-la :** vây bọc một khoảng rộng mênh-mông. **Du-ngoạn :** (*Du :* chơi. *Ngoạn :* xem ngắm) đi chơi để ngắm cảnh-vật. **Tiếp-xúc :** (*Tiếp :* giáp liền. *Xúc :* đụng chạm đến) gần-gũi với. **Mãnh-lực :** sức mạnh. **Lưu-luyến :** (*Lưu :* giữ lại. *Luyến :* quấn-quít) lấy cảm-tình giữ lại, không để rời xa.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng :** Bầu trời hôm nay thế nào ? — Mọi người mong ước gì ? — Nhà-cửa và đồng cỏ ở đây thế nào ? — Tới nơi, đoàn học-sinh làm gì ? — Vì sao họ không muốn về ?

Lời văn : Tiếng gì ở đoạn thứ nhất chỉ đoàn du-ngoạn vui-vẻ lên đường ? — *Du-ngoạn* và *du-lịch* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tiếng « sóng bạc-đầu » gợi cho ta hình-ảnh gì ?

DÀN-BÀI.— 1— Lúc lên đường.
2— Phong-cảnh ngoài bãi biển.
3— Cảnh đẹp thiên-nhiên lưu-luyến cả đoàn.

ĐẠI-Ý.— **Được ra biển tắm, đoàn học-sinh vui-thích không muốn về**

HỌC THUỘC LÒNG

LÊN ĐƯỜNG

1— « Đi cho biết đó, biết đây
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn ? »

2— Chúng ta là lũ chim non
Đậu trên cửa tổ, ngắm vòm trời cao...
Bình-minh phớt ánh mây đào,
Cỏ-cây hớn-hở đón chào ánh dương.
Ngàn hoa lấp-lánh giọt sương
Vẳng nghe khúc nhạc «Lên đường» đâu đây.
Trước khi lướt gió, đè mây,
Phải lo tập nhảy, tập bay dần dần...
Mai ngày, mạnh cánh, cứng gân
Tha-hồ bay, lượn, xa gần khắp nơi...
Trùng-dương, giỡn sóng ngoài khơi
Cao-nguyên, tắm nắng mặt-trời đầu non.

3— « Ở nhà nhất mẹ, nhì con
Ra đường chán vạn kẻ giòn hơn ta ! »
Có đi thăm khắp gần xa
Trường-sơn, Tam-đảo, Nhĩ-hà, Cửu-long,
Mới càng thấy mến non-sông
Biết ơn Tiên-tổ, nhớ công đồng-bào...

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA : **Bình-minh :** lúc đêm vừa hết, mặt-trời sắp mọc. **Mây đào :** mây màu phơn-phớt đỏ như hoa đào. **Ánh dương :** ánh mặt-trời. **Tha-hồ :** tự ý mình, muốn làm gì thì làm. **Trùng-dương :** (*Trùng :* hết lần này đến lần khác. *Dương :* biển) qua biển này đến biển khác. **Cao-nguyên :** đất bằng phẳng ở miền núi cao. **Tam-đảo :** tên một dãy núi ở Vĩnh, Phúc-yên.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng :** Tại sao lại gọi chúng ta là lũ chim non ? — Cảnh trời bình-minh thế nào ? — Trước khi lướt gió, đè mây, thì phải làm gì ? — Dãy Trường-sơn và dải Nhĩ-hà ở đâu ? — Có đi xa, chúng ta mới thấy gì ? —

Lời văn : Những tiếng gì ở đoạn giữa tả cảnh bình-minh ? — Tiếng *mạnh cánh, cứng gân* tả cái gì ? — Hai tiếng *mến* và *yêu* khác nhau thế nào ?

DÀN BÀI.— 1— Đi xa rất có ích.
2— Sự sung-sướng khi lên đường.
3— Càng đi xa mới càng thấy quý-mến non-sông.

ĐẠI-Ý.— **Có đi du-ngoạn mới biết vẻ đẹp của non-sông và công-lao của Tiên-tổ.**

CHÍNH-TẢ

NGẮM BIỂN

Khi Hiền ra biển thì mặt-trời vừa mọc và ẩn sau dãi núi tím nằm ngang. Làn nước đủ màu, từ màu lam xẫm, lam nhạt ngoài xa cho đến các màu hồng, màu vàng ở gần bờ.

Trên nền trời da cam chói-lọi, những vạch đỏ thắm xòe ra như bộ nan quạt làm bằng ngọc-lựu.

Quay nhìn về phía thành-phố, ánh-sáng đèn điện chưa tắt và nhợt-nhạt, lấp-ló trong lá phi-lao, như những ngôi sao buổi sớm mai, lờ-mờ sau làn mây mỏng.

Hiền dừng bước dưới hàng cây, lắng tai nghe giọng hót đổ hồi và trong-trẻo của con chim chích-chòe đậu trên cành lá. Khi mặt-trời đã lên cao, Hiền mới lững-thững ra bãi cát.

Biển ra đã xa. Mực thủy-triều lên xuống không cách nhau mấy, nhưng bãi biển chỉ hơi thoai-thoải nên lúc nước lui trông rộng mênh-mông. Và trên bãi, hàng ngàn con dã-tràng đang thi nhau xe cát...

Theo KHÁI-HƯNG

GIẢI-NGHĨA : **Ẩn** : giấu kín, lánh mình, nấp. **Ngọc-lựu** : thứ ngọc màu đỏ giống như màu hoa lựu đỏ. **Thành-phố** : nói chung các phố-xá ở đô-thị. **Lững-thững** : dáng đi thong-thả không vội-vàng. **Thủy-triều** : nước biển lên xuống hàng ngày.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Gi.— Giải-nghĩa, giải phiền, giải-ách, giải-phẫu, giải-tán.

D. — Dải áo, dải núi, dải đất.

R. — Rải-rác, rải đá.

S. — Sắc-lệnh, sắc thuốc, màu sắc.

X. — Xấc-mắc, xắc-xói (rỉa-rói).

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : phi-lao, thoai-thoải, lấp-ló, mênh-mông.

2) Dấu giọng là gì ? Trong đoạn đầu bài này có mấy loại dấu giọng ?

3) Bài này có thể chia làm mấy đoạn ? Là những đoạn nào ?

4) Kể những từ-ngữ chỉ màu-sắc ở trong bài này.

VĂN-PHẠM

DẤU GIỌNG

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả « *Ngắm biển* » có những từ-ngữ : « da cam » và « dã-tràng ». Ta thấy *da* và *dã* viết cùng một số chữ như nhau (2 chữ : 1 phụ-âm và 1 nguyên-âm) nhưng lúc đọc lên thì giọng của hai tiếng khác nhau và nghĩa cũng khác nhau.

Tiếng *da* (da cam) chỉ màu như màu da quả cam chín vì không có dấu nên khi đọc lên nghe giọng tự-nhiên, bằng-phẳng. Tiếng *dã* (dã-tràng) có dấu ngã (~) ở trên nên khi đọc lên nghe giọng cao và dài ra,

Dấu ngã là 1 dấu giọng.

BÀI HỌC.— Tiếng Việt-nam phần nhiều có sáu thanh, một thanh không có dấu, còn năm thanh kia thay-đổi khác nhau là do ở năm dấu giọng.

Những tiếng không có dấu hay có *dấu huyền* (`) thuộc về âm bằng.

Thí-dụ : ba, bà.

Những tiếng có *dấu sắc* (´), *hỏi* (?), *ngã* (~), *nặng* (.) đều thuộc về âm trắc.

Thí dụ : bá, bả, bã, bạ.

Dấu giọng rất cần vì nếu bỏ sót dấu hay đánh sai dấu là làm sai-lạc hẳn nghĩa của một tiếng.

*

TẬP VIẾT

Chữ t, s, lối thường : sư-tử, tu-sĩ

*

TẬP LÀM VĂN

TỜ NHẬT-BÁO

Sáng nào em cũng đi mua một tờ nhật-báo về xem. Hãy tả lại tờ nhật-báo đó và nói rõ những ích-lợi của nó.

DÀN-BÀI.— **1) Mở bài :** Em đi mua báo gì ? ở đâu ? lúc nào ?

2) Thân bài : a) Hình-thức tờ nhật-báo : mấy trang ? tên báo ? in màu gì ? tranh-ảnh ở đâu ? chữ to hay nhỏ ? in đẹp hay xấu ?

b) Nội-dung : các mục trong tờ nhật-báo ; tin-tức, xã-thuyết, thơ văn, truyện ngắn, truyện dài, tùy-bút v.v...

c) Ích-lợi : biết tin-tức, mở rộng kiến-văn, giải-trí v.v...

3) Kết-luận : Xem xong cất đi để khi cần dùng đến còn tra-cứu.

TUẦN-LỄ THỨ TƯ

NGỮ-VỰNG

DU-LỊCH

Danh-từ.— Cơ-quan du-lịch — Giấy thông-hành — Giấy chu-lưu — Người hướng-đạo — Hành-lý — Khách-sạn — Du-ký — Sở Hối-đoái — Nha Thuế-quan.

Tính-từ.— (Hành-lý) cồng-kềnh — (Khách-sạn) lịch-sự — (Du-khách) phong-nhã.

Động-từ.— Cấp (giấy thông-hành) — Xuất-trình (thẻ căn-cước) — Vượt (biên-giới) — Khám-xét (hành-lý) — Ghi-chép (kỷ-niệm).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Đi biển nhớ phương, đi đường nhớ lối.*

— *Ở nhà nhất mẹ, nhì con,*
Ra đường chán vạn kẻ giòn hơn ta...

GIẢI-NGHĨA : **Du-lịch** : đi chơi thăm những xứ xa-lạ. **Giấy thông-hành** : giấy cho phép các du-khách ngoại-quốc được đi, lại ở một vùng nào. — **Giấy chu-lưu** : (*chu* : quanh) giấy phép lưu-thông khắp mọi nơi. — **Người hướng-đạo** : người dẫn đường, chỉ lối cho du-khách. — **Hành-lý** : đồ dùng đem theo khi đi đường như quần-áo, chăn-màn, máy ảnh v.v... **Khách-sạn** : nhà có sẵn đồ-đạc cho du-khách thuê ở tạm trong ít lâu. — **Du-ký** : sách ghi-chép những điều mắt thấy, tai nghe trong khi đi du-lịch. — **Sở Hối-đoái** : cơ-quan giữ việc trả tiền giữa hai nước, không phải dùng hiện-kim, mà chỉ do ngân-hàng đứng giao-trả. **Nha Thuế-quan** : Cơ-quan đặt ở những nơi giao-thông (hoặc đường thủy, hoặc đường bộ), để đánh thuế hàng-hóa buôn bán, qua lại. — **Cồng-kềnh** : không gọn-gàng, choán mất nhiều chỗ. — **Lịch-sự** : sang-trọng, đẹp-đẽ, đầy-đủ tiện-nghi. — **Phong-nhã** : (phong-lưu và nhã-nhặn) trỏ người ăn-mặc đứng-đắn, nói-năng lịch-sự, cử-chỉ đường-hoàng. — **Cấp** : phát cho. — **Xuất-trình** : đưa ra cho người ta xem. — **Vượt** : ở bên này sang qua bên kia. — **Đi biển nhớ phương, đi đường nhớ lối** : đi tàu ở ngoài biển khơi thì phải dùng địa-bàn mà tìm phương-hướng cho khỏi bị lạc, đi trên đường lộ phải nhớ lối.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : du-khách, viễn-du, du-học-sinh, khách-sạn.*

2) Muốn đi du-lịch ngoại-quốc, phải xin giấy-tờ và hỏi thể-thức ở đâu ?

3) Tìm năm danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng «du» như du-lịch.

4) Giải-nghĩa sơ-lược câu ca-dao ;
«Ở nhà nhất mẹ, nhì con,
Ra đường chán vạn kẻ giòn hơn ta.»

TẬP ĐỌC

MỘT CHUYẾN ĐI

1.— Tàu từ-từ quay mũi, rồi cứ xa dần. Bấy giờ mới đến lúc phất khăn mặt là đoạn **tương-biệt** sau cùng.

Trên tàu, dưới bến, phấp-phới những mảnh vải, mảnh lụa, cái xanh, cái trắng, cái hồng, như đàn bươm-bướm bay. Bay mà không tiến được bước nào, bay mà không tới được gần nhau, càng bay lại càng xa, cho đến lúc không trông rõ người nữa.

2.— Tàu đã ra ngoài cửa sông, đến chỗ nước xanh, nước đỏ giao nhau. Qua ngọn hải-đăng cuối-cùng thì trời vừa tối. Gió chiều thổi lộng bốn bề, làm cho mát-mẻ lòng người **viễn-khách**. Ai nấy **kiểm-điểm** lại **hành-lý**, rồi sửa-soạn ăn cơm.

Ăn xong, chúng tôi đóng cửa phòng, lên trên « boong » hóng mát. Bấy giờ trăng vừa mọc, trước còn ngâm nửa vành dưới nước, chiếu sáng một góc trời. Sau từ-từ trăng lên cao, biển mặt biển thành một ảng thủy-tinh lấp-loáng.

Tàu rẽ sóng mà đi, nước bị gạt ra hai bên, bọt bắn lên trắng xóa.

3.— Chuyến đi này nhờ sóng gió êm-đềm nên ngồi trong tàu có thể ngắm những cảnh trời xa, đất lạ. Thật là một **cơ-hội** tốt để mở rộng thêm **kiến-văn** của mình.

Theo PHẠM-QUỲNH

GIẢI-NGHĨA : **Tương-biệt** : cùng xa nhau. **Hải-đăng** : (*Hải* : biển. *Đăng* : đèn) cây đèn xây ở cửa biển để làm hiệu cho tàu bè ban đêm đi lại khỏi mắc cạn. **Viễn-khách** : người đi xa. **Kiểm-điểm** : xem-xét lại. **Hành-lý** : những thứ mang theo khi đi xa như quần-áo, đồ dùng v.v... **Cơ-hội** : dịp xảy ra. **Kiến-văn** : những điều tai nghe, mắt thấy.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Khi tàu quay mũi ra, người ta làm gì để chào nhau ? — Những mảnh vải, lụa đó giống hệt những con gì ? — Nước xanh, nước đỏ giao nhau ở chỗ nào ? — Gió biển làm cho người thế nào ? — Chuyến đi này có ích-lợi gì cho tác-giả ?

Lời văn : Tiếng *phấp-phới* gợi cho ta hình-ảnh gì ? — Những tiếng nào ở đoạn đầu dùng để chỉ màu-sắc ? — Tiếng *du-khách* và *viễn-khách* khác nghĩa nhau thế nào ?

DÀN-BÀI.— 1— Cảnh tàu rời bến.
2— Cảnh mặt biển lúc tàu đang chạy.
3— Ích-lợi của chuyến viễn-du.

ĐẠI-Ý : **Chuyến đi xa bằng tàu biển này làm cho tác-giả mở rộng thêm kiến-văn của mình.**

CHÍNH-TẢ

ĐI CHƠI ĐỒI

Sau khi đi vòng theo con đường chợ, dưới bóng rợp của rặng lim, ba người trèo lên ngọn đồi ở sau chùa. Họ đến ngồi nghỉ bên miếu bỏ hoang còn trơ ba cái bệ phủ rêu đen. Ánh mặt-trời rọi qua mấy khóm thông già xơ-xác...

Đưa mắt ngắm cảnh bao-la, Mai thấy cây xanh, mây đẹp trong bầu không-khí êm-đềm. Lơ-lửng ở sườn đồi, trông về phía đông-nam, chùa Bách-môn nhô cái nóc lên giữa những gác chuông. Bốn gác chuông này như hình cái gương và bốn cánh của đóa hoa sen xòe nở. Cúi nhìn xuống chân đồi, Mai thấy li-ti những người : nào già, nào trẻ, nào trai, nào gái. Họ đương chăm-chỉ làm việc trong những thửa ruộng vuông-vuông, nho-nhỏ tựa ô bàn cờ.

Phong-cảnh đẹp như ở trong tranh vẽ. Không-khí trong và mát quá ! Mọi người quên cả mệt-nhọc. Họ sẽ ghi-nhớ mãi cuộc đi chơi đầy thi-vị này.

Theo KHÁI-HƯNG

GIẢI-NGHĨA : **Xơ-xác** : cành trơ-trụi chỉ còn mấy cái lá úa. **Lơ-lửng** : ở giữa chừng... **Chùa Bách-môn** : một ngôi chùa cổ có rất nhiều cửa ở vùng Bắc-ninh. **Li-ti** : nhỏ quá. **Đầy thi-vị** : rất đẹp, các thi-sĩ có thể tìm thấy nhiều ý thơ ở đó.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Ch.— Chơi-bời, chơi rông, chơi trèo.

Tr. — Ma trơi.

S. — Sanh đẻ, cây sanh, sanh (sinh) nhật.

X. — Xanh chảo, xanh đỏ, xanh rì, tuổi xanh.

Tr. — Leo-trèo, trèo cây, trèo cao ngã đau.

Ch.— Chèo đò, vụng chèo khéo chống, bơi chèo, hát chèo.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : khóm, bao-la, êm-đềm, trèo, rọi qua.

2) Bài này thuộc thể văn gì ?

3) Dấu chấm câu để làm gì ? Kể những dấu chấm câu ở bài này.

4) Tại sao mọi người còn nhớ mãi cuộc đi chơi này ?

VĂN PHẠM

DẤU CHẤM CÂU

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Đi chơi đồi* chúng ta nhận thấy có nhiều dấu khác nhau ở cuối mỗi câu. Ở đoạn giữa câu đầu có dấu phẩy sau tiếng *bao-la* để phân-cách hai từ-ngữ *bao-la* và *Mai*. Sau hai tiếng *êm-đềm* lại có dấu chấm (.) để chỉ ý câu nói đã hết nên chấm câu. Ở đoạn trên, sau tiếng *xơ-xác*, tác-giả dùng dấu nhiều chấm (...) để chỉ đoạn văn ấy còn nhiều nữa nhưng lược bớt đi.

Tất cả những dấu đó đều gọi là dấu chấm câu.

BÀI HỌC.— Dấu chấm câu làm cho bài văn thêm rõ nghĩa, sáng-sủa và có mạch-lạc. Có nhiều loại dấu chấm câu như :

Dấu phẩy (,) — dấu chấm (.) — dấu chấm phẩy (;) — dấu hai chấm (:) — dấu hỏi (?) — dấu than (!) — dấu ngoặc đơn ( ) dấu ngoặc kép « » — dấu vạch ngang (—) — dấu nhiều chấm (. . .) — dấu nối (-) v.v...

Mỗi dấu chấm câu có một công-dụng riêng.

★

TẬP VIẾT

Chữ o, e, lối thường: — no-nê, ỏn-ẻn

★

TẬP LÀM VĂN

CHIẾC XE-MÁY DẦU

Vì phải đi làm xa, cha em đã có dành-dụm để mua một chiếc xe-máy dầu. Hãy tả lại chiếc xe đó.

DÀN BÀI.— 1) **Mở bài** : Tại sao cha em phải mua chiếc xe này ? Mua hồi nào ? Ở đâu ?

2) **Thân bài** : a) Hình-dáng chiếc xe : khung (sườn), màu sơn, tay lái, yên, bàu đựng dầu, các bộ-phận khác của xe máy.

b) Cách xử-dụng dễ-dàng, đi lại nhanh chóng rất tiện-lợi cho những người đi xa đỡ mệt.

3) **Kết-luận** : Cha em rất cẩn-thận khi đi đường để tránh tai-nạn và xe lâu hỏng. Ngày nghỉ em lau xe giúp cha.

TUẦN-LỄ THỨ NĂM

NGỮ-VỰNG

CÁC BAN HỌC

Danh-từ.— Bộ Quốc-gia Giáo-dục — Bậc Đại-học — Bậc Trung-học — Bậc Tiểu-học — Ngành Bình-dân giáo-dục — Nha Học-vụ — Tòa Viện-trưởng — Ty Tiểu-học — Trường mẫu-giáo.

Tính-từ.— (Ban học) phổ-thông, chuyên-khoa — (Trường Trung-học) đệ-nhất-cấp, đệ-nhị-cấp.

Động-từ.— Mở-mang (các ban học) — Soạn-thảo (chương-trình) — Tổ-chức (kỳ thi).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Tiên học lễ, hậu học văn.*
— *Ấu nhi học, tráng nhi hành.*
— *Học thầy không tầy học bạn.*

GIẢI NGHĨA : **Bậc Đại-học :** bậc học cao nhất có nhiều ngành như : y-khoa, luật-khoa, văn-khoa v.v... **Bậc Trung-học :** ở trên bậc Tiểu-học và chia ra làm hai cấp là : cấp phổ-thông hay đệ-nhất-cấp (4 năm) và cấp chuyên-khoa hay đệ-nhị-cấp (3 năm). **Bậc Tiểu-học :** bậc học cho các trẻ em, từ lớp năm cho đến lớp nhất. **Bình-dân giáo-dục :** việc dạy những người lớn tuổi vào buổi tối. **Nha học-vụ :** nha trông-nom về việc học như : soạn-thảo chương-trình, tổ-chức các kỳ thi v.v... **Ban học phổ-thông :** ban học dạy những điều thông-thường mà mọi người dân cần phải biết qua. **Chuyên-khoa :** riêng về một khoa như : toán, văn-chương, vạn-vật v. v... **Soạn-thảo :** sửa-soạn và viết ra. **Tiên học lễ, hậu học văn :** trước học lễ-phép rồi sau mới học đến văn-bài (ý nói đức-dục còn quan-trọng hơn trí-dục). **Ấu-nhi học, tráng nhi hành :** lúc còn trẻ thì đi học để lúc lớn đem những điều học được ra thực-hành, giúp ích cho mọi người.

BÀI-TẬP : Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa:

Mọi việc học ở nước ta đều do . . . . điều-khiển. Có ba bậc học là . . . . . , và . . . . Ngoài ra còn ngành . . . . chuyên dạy đồng-bào nghèo, luống tuổi, không có hoàn-cảnh ra trường. Trông-nom việc học ở mỗi tỉnh là Ty . . . . Bậc Trung-học còn chia làm hai ban là . . . . và . . . .

TẬP ĐỌC

NGÀNH GIÁO-DỤC

1.— Từ mấy năm nay, mặc dầu hoàn-cảnh khó-khăn, ngành giáo-dục đã khá **tiến-triển** cả về hai **phương-diện:** lượng và phẩm.

2.— Về lượng, bộ Quốc-gia giáo-dục đã cố gắng mở thêm trường, sở, **đào-tạo** giáo-chức để theo kịp sự tăng-gia không ngừng của số học-sinh. Về **phẩm**, chương-trình và phương-pháp giáo-dục cũng được sửa-đổi nhằm mục-đích hiến cho toàn dân một nền **giáo-dục dân-tộc** và **tiến-bộ**. Trong một ngày gần đây, khắp các vùng thôn-quê hẻo-lánh sẽ vang lên những tiếng trẻ-em đọc bài. Đô-thị nào cũng có một trường trung-học với phòng thí-nghiệm đầy-đủ. Viện Đại-học Huế, Đà-lạt đã được thành-lập để giúp cho các sinh-viên miền Trung và miền Cao-nguyên đỡ phải tốn-kém vào trọ học ở Sài-gòn như trước.

3.— Chương-trình đã được vạch ra và đang dần-dần **thực-hiện**. Lẽ dĩ-nhiên, muốn chóng đạt được kết-quả tốt-đẹp, cần phải có sự hợp-tác chặt-chẽ giữa bộ Quốc-gia giáo-dục với các cơ-quan, các đoàn-thể nhân-dân toàn-quốc. Đó là tinh-thần phát-triển cộng-đồng mà chúng ta vẫn thường nghe nhắc tới.

TRÚC-SƠN

GIẢI-NGHĨA : **Giáo-dục :** việc dạy-dỗ thanh-thiếu-niên về cả ba mặt đức, trí và thể-dục. **Tiến-triển :** (*Tiến :* lên. *Triển :* mở ra) tiến hơn lên và mở rộng ra. **Phẩm :** giá-trị tốt hoặc xấu. **Lượng :** số nhiều hay ít. **Giáo-dục dân-tộc :** nền giáo-dục hợp với tinh-thần sẵn có của dân-chúng trong nước. **Tiến-bộ :** một ngày một khá hơn lên. **Thực-hiện :** làm thành sự thực.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng :** Ngành giáo-dục hiện nay đã tiến-triển thế nào ? — Mục-đích của nền giáo-dục nước nhà là gì ? — Ở những nơi nào có trường Đại-học ? — Làm thế nào để đạt được kết-quả trong việc giáo-dục trẻ em ?

Lời văn : Phân-biệt 2 tiếng *học-sinh* và *sinh-viên* — Tìm tiếng phản-nghĩa với *cao-nguyên*, với *tiến-bộ*.— Đặt một câu có tiếng *thực-hiện*.

DÀN BÀI.— 1— Ngành giáo-dục đã tiến-triển.
2— Công-việc đã thực-hiện được.
3— Sự cần-thiết của tinh-thần phát-triển cộng-đồng.

ĐẠI-Ý.— **Muốn cho ngành giáo-dục tiến mạnh, cần phải có tinh-thần phát-triển cộng-đồng.**

HỌC THUỘC LÒNG

RU EM

1.— Ru em, em ngủ đi thôi,
Chị còn đi học kiếm đôi ba vàn,
Muốn làm bổn-phận công-dân
Mà không biết chữ muôn phần nhuốc-nhơ.
Chữ i cho chí chữ tờ,
Đọc ba bốn lượt không ngờ nhớ ngay...

2.— Em ơi! em ngủ cho say
Chị còn tập viết bài này cho xong.
Ngủ đi, chị viết mấy dòng
Để còn biên chép việc trong gia-đình.
Bán-buôn, sổ-sách phân-minh
Lãi-lời biết rõ, công-trình gắng thêm.

3.— Ngủ đi em, ngũ đi em!
Ngủ đi cho chị học thêm mấy bài.
Thuộc lòng, học một, biết hai,
Vệ-sinh, địa-lý, nằm dài ngâm-nga.
Từ nay biết chữ nước nhà,
Chị không mang tiếng mù-lòa như xưa...

Theo BA-SAO

GIẢI-NGHĨA : **Công-dân :** người dân có đầy-đủ bổn-phận và quyền-lợi ở trong một nước độc-lập. **Nhuốc-nhơ :** xấu-xa. **Việc gia-đình :** mọi việc ở trong nhà. **Phân-minh :** rõ-ràng, rành-mạch, đâu ra đó. **Vệ-sinh :** cách bảo-vệ đời sống và giữ-gìn sức-khỏe. **Địa-lý :** khoa-học dạy về hình-thể của đất-đai, sông, ngòi cũng như dân-số, phong-tục cùng cách sinh-hoạt của mỗi nước. **Ngâm-nga :** đọc kéo dài giọng ra như hát. **Mù-lòa :** ở đây là dốt, nhìn vào chữ mà không trông thấy gì.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng :** Chị ru em ngủ để làm gì? — Người mà không biết chữ thì thế nào? — Các em đi học để làm gì? — Sự học có lợi thế nào? — Người không biết chữ ví như người gì?

Lời văn : Bài này thuộc về thể văn gì? — Phản-nghĩa với *nhuốc-nhơ*, với *phân-minh* là gì? — Hai tiếng *mù-lòa* gợi cho ta hình-ảnh gì?

DÀN BÀI.— 1— Mọi người công-dân đều phải biết chữ.
2— Ích-lợi của sự học.
3— Biết chữ sẽ khỏi bị mang tiếng là mù-lòa.

ĐẠI-Ý.— **Bổn-phận của mọi công-dân là phải biết chữ để giữ-gìn quyền-lợi của mình.**

*

CHÍNH-TẢ

SỰ HỌC

Tại các nước độc-lập và tân-tiến như Anh, Pháp, Hoa-kỳ v.v... bắt cứ người công-dân nào cũng phải học qua bậc tiểu-học. Đó là cưỡng-bách giáo dục. Nhưng muốn thành-công và nâng cao mực sống, mọi người còn phải cố tiến lên bậc trung-học để sau này theo đuổi một ngành chuyên-môn ở bậc đại-học.

Tuy vậy giới-hạn của sự học không phải chỉ thu gọn ở trong khung-cảnh học-đường. Nhà buôn, nhà công-nghệ, nhà nông đều phải luôn luôn tìm-tòi, học-hỏi thêm để canh-tân phương-pháp, cải-tiến nghề-nghiệp, khuếch-trương công việc. Có thế mới khỏi bị thua-sút vì sự cạnh-tranh ráo-riết ở thị-trường sản-xuất và tiêu-thụ.

Ngoài ra, ích-lợi của sự học còn vượt khỏi phạm-vi chật-hẹp của cá-nhân mà lan rộng đến địa-hạt quốc-gia, nhân-loại nữa.

Theo Tuần-báo TRẺ

GIẢI-NGHĨA : **Độc-lập :** *(Độc :* một mình. *Lập :* đứng) có quyền tự-chủ về cả nội-trị lẫn ngoại-giao, không lệ-thuộc vào nước nào. **Cưỡng-bách giáo-dục :** bắt-buộc mọi người đến tuổi là phải ra trường học-tập. **Canh-tân :** sửa-đổi theo mới. **Khuếch-trương :** mở cho rộng, phóng cho to lên. **Nhân-loại :** loài người ở trên thế-giới.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Gi.— Giáo-dục, gươm-giáo, giáo-đầu, giáo-giở, bắc giáo xây tường.
R. — Cao-ráo, ráo-riết, khô-ráo, hết ráo.
X. — Sản-xuất, xuất-bản, xuất-cảng, xuất-chúng, xuất-sắc, xuất-xứ.
S. — Suất-đinh, áp-suất.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : cải-tiến, cạnh-tranh ráo-riết, cá-nhân, nhân-loại.

2) Danh-từ là gì ? Kể vài danh-từ riêng trong bài chính-tả.

3) Sự học có ích như thế nào ? Tại sao mọi công-dân đều phải cố-gắng học-tập ?

4) Tìm mấy câu ca-dao hoặc tục-ngữ ở trong có tiếng « học ».

★

VĂN-PHẠM

DANH-TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Sự học*, tiếng *công-dân* dùng để chỉ người, tiếng *học-đường* dùng để chỉ một đồ-vật. Đó là những danh-từ. Những tiếng *Anh, Pháp, Hoa-kỳ* cũng là những danh-từ song chỉ dùng để gọi riêng mấy nước lớn ở Âu-châu, Mỹ-châu nên gọi là danh-từ riêng.

Danh-từ *Anh* có một tiếng nên gọi là danh-từ đơn.

Danh-từ *Hoa-kỳ, công-dân* gồm có hai tiếng nên gọi là danh-từ ghép.

BÀI HỌC.— Danh-từ là những tiếng dùng để chỉ người, đồ-vật hoặc con vật.

Thí-dụ : công-dân, học-đường, sư-tử.

Danh-từ chung dùng để chỉ chung mọi người, mọi đồ-vật, mọi con vật cùng một loại.

Thí-dụ : học-sinh, xã-hội, trâu, bò.

Danh-từ riêng dùng để chỉ riêng một người, một con vật hay một vị-trí nào không giống những cái khác cùng loại.

Thí-dụ : Nguyễn-văn-Ba, Vàng, Sài-gòn v.v...

★

TẬP VIẾT

Chữ a, d lối thường : — da-dẻ, ẩn-dật

TẬP LÀM VĂN

TẢ THÚ-VẬT

Chỉ-dẫn đại-cương.— Tả thú-vật cũng như đồ-vật phải tả toàn-thể trước rồi đến các bộ-phận sau. Thú-vật khác đồ-vật vì có hứng biết cử-động, có trí-khôn, có cảm-giác, có cách sinh-hoạt và tính-tình riêng-biệt. Như vậy, ngoài việc nó giúp ích cho chúng ta, cũng nên nói thêm những cảm-tình của ta đối với nó. Tóm lại, ta phải làm nổi bật lên những điểm đặc-biệt của mỗi loài bằng cách nhấn mạnh vào cách sinh-hoạt và tính-tình riêng-biệt của chúng..

DÀN-BÀI MẪU CHUNG CHO NHỮNG BÀI TẢ THÚ-VẬT

1) Mở bài : Thú-vật này gặp ở đâu ? trong trường-hợp nào ?

2) Thân bài : a) Hình-dáng tổng-quát.
b) Về đặc-biệt của mỗi bộ-phận.
c) Tính-tình và cách sinh-hoạt.
d) Công-việc nó giúp ích người.

3) Kết-luận : Cảm-tình của ta đối với thú-vật đó. Cách chăm-nom săn-sóc v.v...

★

CON GÀ TRỐNG

Cửa chuồng vừa mở, chú gà trống đã nhảy ra vỗ cánh, nghiêng đầu gáy «cúc, cu, cu...» Em hãy tả lại con gà đó.

DÀN-BÀI.— **1) Mở bài :** Em trông thấy con gà ở đâu ? lúc nào ?

2) Thân bài : a) Hình-dáng : lông, mào, cánh, cựa, đuôi v.v...
b) Thức ăn của nó.
c) Vẻ hiên-ngang, đĩnh-đạc, tính hiếu-chiến, can-trường.

3) Kết-luận : Con gà trống thật xứng-đáng là chúa-tể ở trong sân nuôi gà vịt.

TUẦN-LỄ THỨ SÁU

NGỮ-VỰNG

CÁC GIÁO-CHỨC

Danh-từ.— Viện-trưởng — Khoa-trưởng — Hiệu-trưởng — Giám-học — Giám-thị — Giáo-sư — Giáo-viên — Hương-sư — Giảng-viên — Sinh-viên — Học-sinh — Học-viên.

Tĩnh-từ.— (Giáo-sư) lỗi-lạc, tận-tâm — (Sinh-viên) ưu-tú.

Động-từ.— Thuyết-trình — Nghiên-cứu — Thí-nghiệm — Thảo-luận.

Tục-ngữ, Ca-dao, Thành-ngữ :

— *Ấu bất học, lão hà vi? — Hay học thì sang, hay làm thì có.*

— *Học chẳng hay, cày chẳng biết.— Học ăn, học nói, học gói, học mở.*

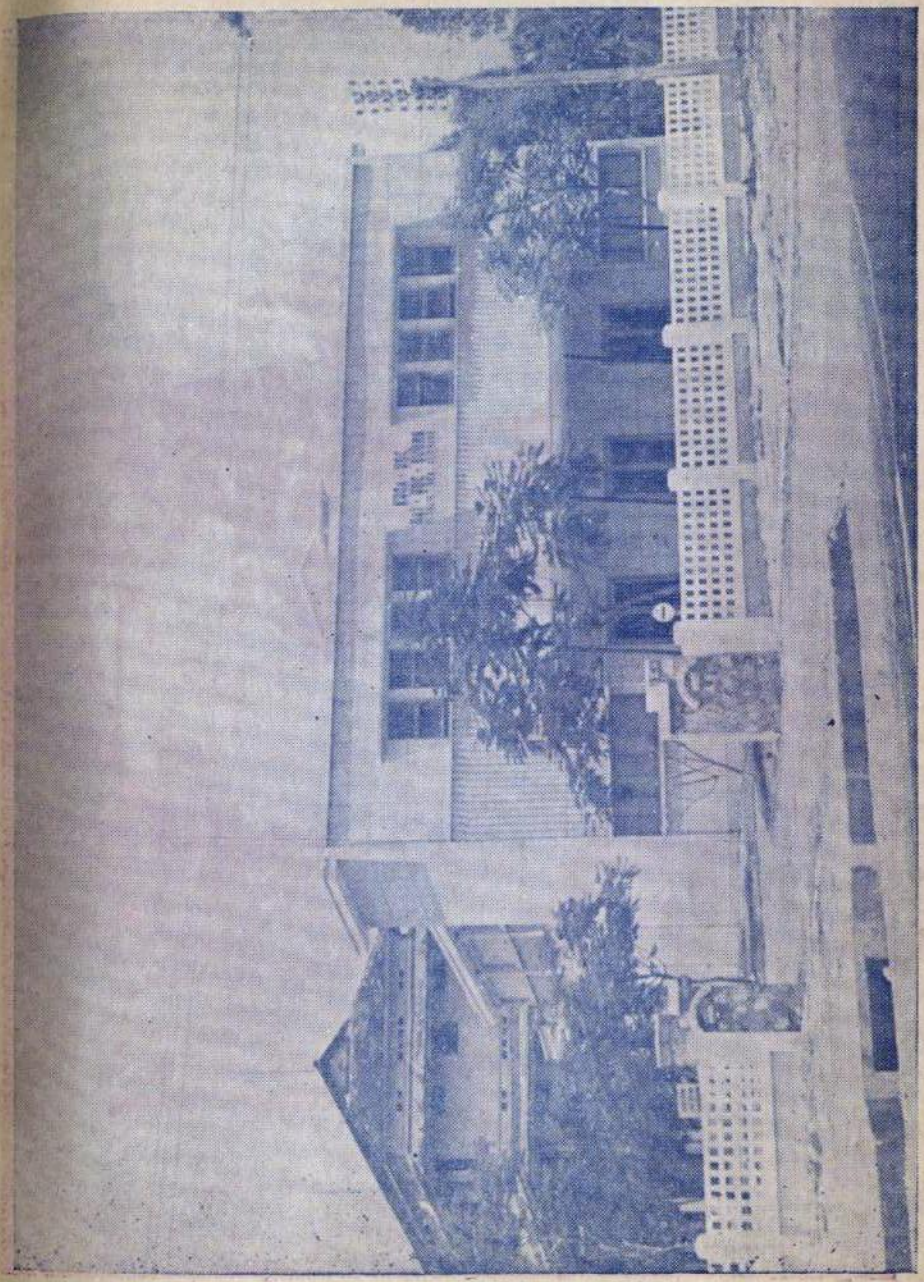
GIẢI NGHĨA : **Viện-trưởng :** người đứng đầu viện Đại-học. trên các khoa-trưởng. **Khoa-trưởng** : người đứng đầu về một khoa tại viện Đại-học. Thí-dụ : Các ông Khoa-trưởng Y, Dược, Luật-khoa cũng thảo-luận với ông Viện trưởng. **Hiệu-trưởng :** người đứng đầu một trường Trung hoặc Tiểu-học. **Giám-học :** người giúp việc ông Hiệu-trưởng trường Trung-học đệ-nhị-cấp để tổ-chức các lớp, điều-động giáo-sư, phân-phối học-sinh, áp-dụng chương-trình v.v... **Giám-thị** : người trông nom học-sinh ở các trường. **Hương-sư** : người dạy-dỗ trẻ em trong làng và ăn lương của làng. **Giảng-viên :** nhân-viên giảng-dạy một môn học gì ở các trường học. Thí-dụ : Giảng-viên Bình-dân giáo-dục dạy đồng-bào nghèo đọc, viết. **Sinh-viên :** thanh-niên có bằng tú-tài toàn phần, đang theo học các ngành chuyên-môn ở viện Đại-học. **Học-viên :** những người đã có tuổi mà còn đi học. Thí-dụ : Số học-viên theo lớp Bình-dân giáo-dục gồm đủ mọi hạng người ; già, trẻ, trai, gái. **Lỗi-lạc :** tài-giỏi khác thường. **Tận-tâm** : hết lòng giảng-dạy, không quản khó-nhọc. **Ưu-tú :** (*Ưu :* hơn hết. *Tú :* đẹp) tài-giỏi, xuất-sắc hơn cả. **Thuyết-trình :** (thuyết-minh, trình-bày) cắt nghĩa rõ-ràng và trình-bày công-việc đã làm cho mọi người biết. **Nghiên-cứu :** xem-xét kỹ-càng để tìm hiểu. **Thí-nghiệm** : ra bài thi cho học trò giải-đáp để xem-xét học-lực và định cao thấp — Dùng các hóa-chất và dụng-cụ để thử xem những định-lý khoa-học này đúng hay sai.

BÀI-TẬP : Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Viện Đại-học Sài-gòn đặt dưới quyền một . . . . có nhiều . . . giúp việc. Ở trường Trung-học . . . . và . . . . điều-động giáo-sư và phân-phối học-sinh. Nhờ có những giáo-sư . . . . và . . . . nên học-sinh đã thu-lượm được nhiều kết-quả tốt đẹp. Ở viện Đại-học các . . . . cùng nhau nghiên-cứu đề-tài. Một người đứng lên . . . . để cả lớp cùng . . . . Tại các lớp Bình-dân giáo-dục . . . . giúp-đỡ các . . . . luống tuổi đọc thông, viết thạo chữ Quốc-ngữ.

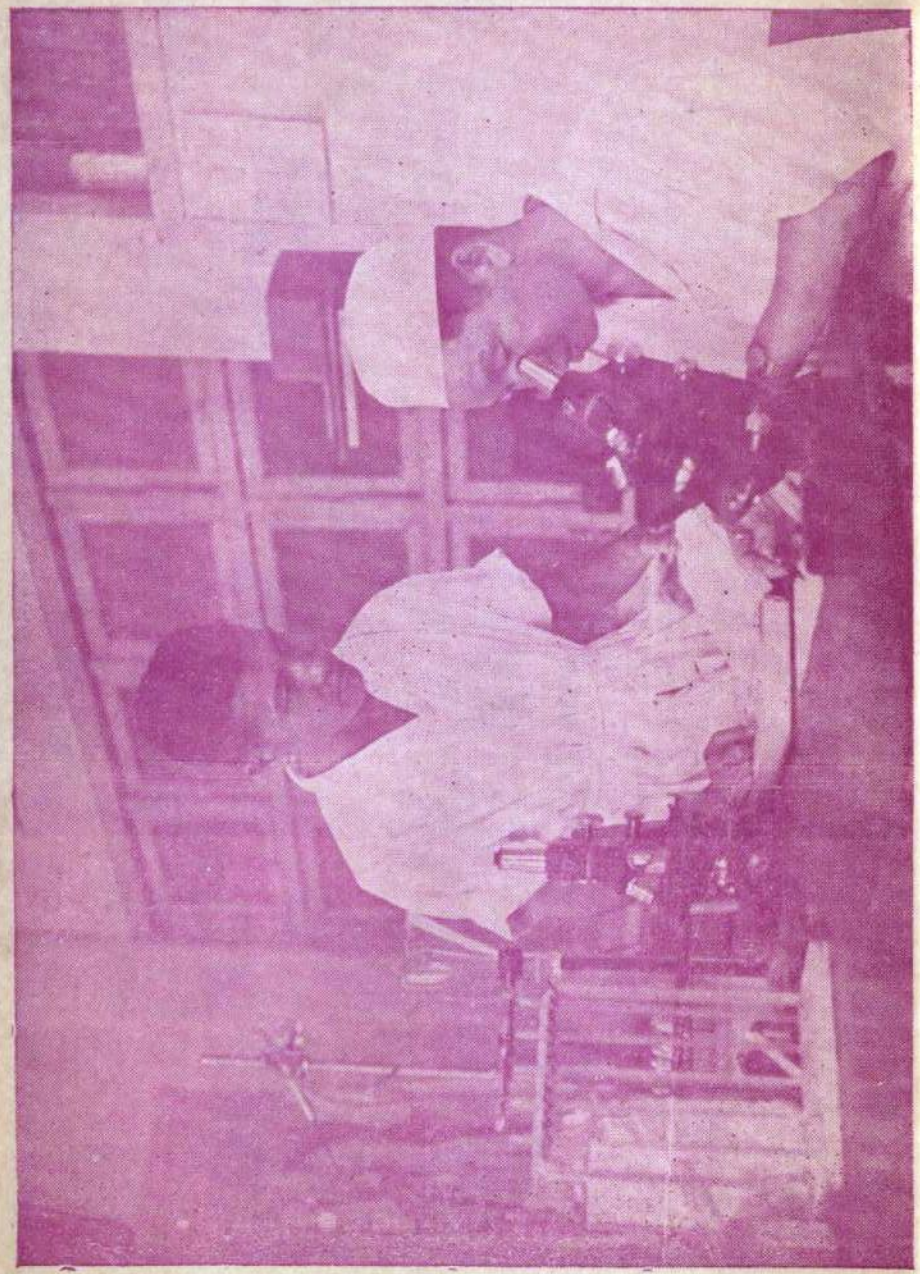
III

CHỦ-ĐỀ : **CÁC BẬC HỌC**



PHỤ-BẢN SỐ 3 *TRƯỜNG ĐẠI-HỌC KHOA-HỌC*

IV
CHỦ-ĐỀ : PHÒNG-THÍ-NGHIỆM



PHỤ-BẢN SỐ 4 — *XEM XÉT VI-TRÙNG*

TẬP ĐỌC

TRƯỜNG MẪU-GIÁO

1.— Vấn-đề giáo-dục trẻ em, từ lên ba đến lên sáu, rất được các nhà **sư-phạm** chú-ý. Ở những nơi đông-đúc đã thấy có nhiều trường mẫu-giáo, nhiều **ấu-trĩ-viên** để săn-sóc, huấn-luyện **ấu-sinh.**

2.— Cảnh-trí nơi đây **khoáng-đãng**, vui-tươi và mát-mẻ. Các lớp học xinh-xinh, quét vôi màu tươi-sáng, thật là thích-hợp với tâm-hồn trẻ. Chung quanh là những bồn cỏ xanh non với những luống hoa sặc-sỡ. Thêm vào đó, lại còn có cây cao, bóng mát, cột đu, ngựa gỗ, thang leo để các trẻ-em thỏa sức nô-đùa.

Mỗi lớp có bao nhiêu em là có bằng ấy bộ bàn ghế xinh-xắn vừa tầm, sơn màu tươi-đẹp. Trên tường, treo la-liệt những tranh-ảnh mà nét vẽ cũng như màu-sắc, vừa đơn-sơ, vừa **ngộ-nghĩnh**. Một dãy tủ nhỏ, đựng đầy học-cụ và đồ-chơi, kê sát tường vôi...

3.— Ở đây, tất cả mọi môn học đều nhằm mục-đích làm nảy-nở toàn-diện con người. Trong lớp, các em tập nặn, cắt, vẽ, thêu, múa, hát, kể chuyện v.v... Ngoài trời, các em chạy, nhảy, đánh đu, cưỡi ngựa gỗ, leo cầu tụt, xem-xét cỏ-cây, thú-vật. Nhờ không-khí trong-sạch, chỗ chơi rộng-rãi, **dụng-cụ** đầy-đủ, các em vừa mở-mang kiến-thức vừa rèn-luyện **khiếu thẩm-mỹ** để trở nên những học-sinh ưu-tú sau này.

Theo HOÀNG-LAN

GIẢI-NGHĨA : **Mẫu-giáo** : *(Mẫu :* mẹ. *Giáo :* dạy) cách dạy-dỗ trẻ em như mẹ dạy con. Ở đây là một lớp học được tổ-chức như lối sống ở trong gia-đình giữa mẹ với con để dẫn-dắt, dạy-dỗ những trẻ nhỏ tuổi. **Sư-phạm** : khuôn-phép, cách-thức dạy học. Thầy-giáo thường gọi là nhà sư-phạm. **Ấu-trĩ-viên** : vườn cây mát, có nhiều đồ-chơi để cho trẻ-em tới nô-đùa. **Ấu-sinh** : những trẻ còn nhỏ tuổi. **Khoáng-đãng** : rộng-rãi, mát-mẻ. **Ngộ-nghĩnh** : khả-ái, đáng yêu. **Dụng-cụ** : đồ dùng. **Khiếu thẩm-mỹ** : (*Thẩm :* xem-xét kỹ-càng. *Mỹ :* vẻ đẹp) óc nhận-xét, biết yêu chuộng vẻ đẹp.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Người ta mở các lớp gì để dạy-dỗ trẻ em ? — Khung-cảnh ở lớp mẫu-giáo phải thế nào ? — Vì sao ta phải trang-hoàng như thế ? — Các môn học ở lớp này nhằm mục-đích gì ? — Các em thường học những môn gì ?

Lời văn.— Những tiếng gì ở đoạn giữa chỉ cảnh vui-tươi của lớp mẫu-giáo ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *mát-mẻ, đơn-sơ*. Những tiếng *ngộ-nghĩnh, vui-tươi, đơn-sơ* cho ta hình-ảnh của ai ?

DÀN BÀI.— 1— Việc dạy-dỗ trẻ-em.
2— Cảnh trường mẫu-giáo.
3— Cách dạy và kết-quả thâu-lượm được.

ĐẠI-Ý.— **Trường mẫu-giáo lo dạy-dỗ và mở-mang năng-khiếu cho những trẻ-em nhỏ tuổi.**

✶

CHÍNH-TẢ

VIỆT-NGỮ

Có kẻ bảo tiếng ta nghèo, không thể sản-xuất được một nền văn-học có giá-trị. Đó chẳng qua là cái thành-kiến sai-lầm. Một thứ tiếng giàu hay nghèo là do nơi trình-độ của dân-tộc nói thứ tiếng ấy. Nếu trình-độ dân ta càng ngày càng cao thì tiếng ta càng ngày càng thêm phong-phú là lẽ tất-nhiên.

Có người lại nói: tiếng Việt-nam là một tiếng đơn-âm, không có biến-thể cho nên tiến-hóa chậm và không tiện-lợi để diễn-giải các khoa-học. Nhưng các tiếng đơn-âm và không biến-thể lại có một ưu-điểm khác bù lại. Những tiếng phức-âm luôn-luôn thay hình, đổi dạng, cho nên đọc những di-văn của đời trước, các nhà khảo-cứu thường gặp nhiều nỗi khó-khăn. Trái lại, những tiếng đơn-âm ít biến-hóa, dễ khiến cho nhà khảo-cổ nhìn rõ quá-khứ và lưu-truyền di-tích lại tương-lai.

Nhờ có tinh-thần tự-lập mà trải bao đời, dân-tộc ta vẫn giữ được nguyên-vẹn, khiến cho tiếng Việt ngày nay có vẻ rất thuần-túy.

Theo LÊ-VĂN-NỰU

GIẢI-NGHĨA : **Thành-kiến** : ý-kiến có sẵn, không sao lay-chuyển nổi. **Phong-phú** : dồi-dào, đầy-đủ. **Tiếng đơn-âm** : tiếng nói mỗi tiếng chỉ có một âm như tiếng Việt, tiếng Tàu v.v... **Tiếng phức-âm** : (hay tiếng đa-âm) tiếng nói do nhiều âm-thanh hợp thành như tiếng Pháp, tiếng Anh v.v... **Thuần-túy** : hoàn-toàn, không pha-trộn và rất tốt-đẹp.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D. — Đổi dạng, bộ-dạng, hình-dạng, quan-dạng, tự-dạng.
Gi. — Giạng cẳng, giạng chân.
R. — Rạng đông, rạng-rỡ, rạng vẻ.
Tr. — Trải bao đời, từng-trải, trang-trải, trống-trải.
Ch. — Chải đầu, chải-chuốt, bàn chải, bơi chải.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : biến-hóa, ưu-điểm, nhà khảo-cổ, di-tích.
2) Mạo-từ là gì ? Kể những mạo-từ ở trong bài chính-tả này.
3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : phong-phú, tương-lai, đơn-âm.
4) Tại sao tiếng Việt ngày nay lại rất thuần-túy ?

✶

VĂN-PHẠM

MẠO-TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Việt-ngữ* ta thấy : tiếng *các* đứng trước danh-từ *khoa-học*, tiếng *những* đứng trước danh-từ *tiếng phức-âm*. Những tiếng *các, những* đều là mạo-từ.

Mạo-từ *những* đứng trước danh-từ *tiếng phức-âm* dùng về số nhiều.

Mạo-từ *các* cũng dùng về số nhiều như mạo-từ *những* song tiếng *các* đứng trước danh-từ *khoa-học* mà người ta đã biết rồi nên không cần phải chỉ rõ trong câu nói nữa.

BÀI HỌC.— Mạo-từ là tiếng đứng trước danh-từ để có một tiếng khác hay một câu chỉ-định rồi. Những tiếng mạo-từ chính là : *cái, các, những.*

Thí-dụ : Cái quyển vở này.
Những học-trò tốt.
Các môn học, *các* bậc học.

✶

TẬP VIẾT

Chữ c, x, lối thường — xà-cừ, cư-xá

✶

TẬP LÀM VĂN

CON BÒ GẶM CỎ

Trên cánh đồng rộng, một chú bò vàng đang gặm cỏ. Tả lại dáng-điệu của nó.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Khung-cảnh — Cánh đồng cỏ rộng, con bò gặm cỏ.
2) **Thân bài** : a) Hình-dáng — Tổng-quát : da, lông.
— Chi-tiết đặc-biệt (sừng, tai, yếm, đuôi).
b) Dáng-điệu — Khi đi thong-thả.
— Khi gặm cỏ.
— Khi nhai lại.
— Khi đuổi ruồi.
3) **Kết-luận** : kể công-việc mà nó giúp ích cho nhà nông.

TUẦN LỄ THỨ BẢY

NGỮ-VỰNG

CÁC KHOA CHUYÊN-MÔN

Danh-từ.— Khoa canh-nông — Khoa thương-mại — Nhạc-viện. — Trường mỹ-thuật — Trường kỹ-thuật — Trường mỹ-nghệ — Trường không-quân — Trường hàng-hải — Kỹ-sư — Chuyên-viên.

Tính-từ.— (Trường kỹ-nghệ) thực-hành — (Kỹ-sư) chuyên-môn.

Động-từ — Huấn-luyện (chuyên-viên) — Thành-lập (nhạc-viện) — Chấn-hưng (mỹ-nghệ).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.*

— *Ruộng bề-bề không bằng nghề trong tay.*

GIẢI-NGHĨA.— **Khoa canh-nông :** khoa dạy về việc cày-cấy, trồng-trọt. **Khoa thương-mại :** khoa dạy về cách buôn-bán. **Nhạc-viện :** viện dạy âm-nhạc. **Trường mỹ-thuật :** trường dạy các khoa chuyên-môn về điện-khí, máy-móc v.v... **Trường mỹ-nghệ :** trường dạy các nghề khéo như nặn, đúc, chạm-trổ, khảm, đan, thêu v.v... **Trường hải-quân :** trường dạy về nghề hàng-hải, chuyên đào-tạo các hoa-tiêu, thuyền-trưởng, thủy-binh v.v... **Thực-hành :** đem những điều đã học được ra thi-hành, làm thành sự thực. **Huấn-luyện :** dạy-bảo, rèn-luyện. **Chuyên-viên :** nhân-viên chuyên-môn về một ngành nào. **Chấn-hưng mỹ-nghệ :** sửa-sang, xếp-đặt, làm cho mỹ-nghệ càng ngày càng phát-đạt, thịnh-vượng hơn lên. **Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh :** một nghề mà học cho tinh-xảo, biết đến nơi đến chốn, thì một thân mình được vinh-hiển, sung-sướng. **Ruộng bề-bề không bằng nghề trong tay :** (*Bề bề* là nhiều lắm) ruộng nhiều nhưng có thể bị bỏ hoang, mất mùa hoặc bán đi mất, còn nghề đã học được thì đi đâu cũng có việc làm, làm mãi cũng không hết mà còn tinh-xảo hơn lên và đủ sức nuôi sống cả gia-đình.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Kỹ-sư, Chuyên-viên, Trường không-quân, Thành-lập nhạc-viện.*

2) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : thực-hành, hàng-hải, thành-lập.

3) Ở Nha-trang có những trường chuyên-môn gì ?

4) Tìm một câu ca-dao hoặc tục-ngữ ở trong có tiếng nghề.

TẬP ĐỌC

TRƯỜNG BÁCH-KHOA BÌNH-DÂN

1.— Những buổi tối, khi ánh đèn Đô-thành bật sáng, giữa lúc các công, tư-sở, các xưởng máy tan **tầm**, thì tại trường nữ-học ở đại-lộ Trần Hưng-đạo lại hiện ra một cảnh tưng-bừng, náo-nhiệt. Đèn điện ở mười lăm lớp chạy dài trên ba tầng lầu rực sáng. Từng tốp, đủ cả nam-nữ thanh-niên, học-sinh, công, tư-chức, thợ-thuyền tiểu-thương, người đáp ô-tô-buýt, kẻ đi bộ, đi xe máy, **lũ-lượt** kéo vào sân trường và tản đi các lớp. Đấy là những **học-viên** trường Bách-khoa bình-dân tới **trau-giồi** thêm tri-thức.

2.— Khi đặt chân vào trường này, các học-viên đã tạm quên địa-vị, nghề-nghiệp của mình để tuân theo kỷ-luật và nghe lời giảng-dạy **sang-sảng** của các **giảng-viên**. Có những học-viên già, tuổi lớn gấp đôi những giảng-viên trẻ, song ở đây tuổi không đáng kể, mà chỉ kể tới lòng **hiếu-học** của người nghe và **sở-trường** của người dạy.

2.— Đây là một trường **độc nhất vô song** tại Việt-nam. Nhờ ở số tiền do ngân-quỹ bộ Quốc-gia giáo-dục giúp-đỡ, với lòng nhiệt-thành của một số thanh-niên trí-thức dạy giúp không lấy tiền, trường đã **đào-tạo** được một số lớn chuyên-viên để phụng-sự Tổ-quốc.

Theo HOÀNG-LAN

GIẢI-NGHĨA.— **Tan tầm :** hết giờ làm việc. **Lũ-lượt :** từng lũ, từng lượt, hết bọn này đến bọn khác. **Trau-giồi :** làm cho tốt đẹp thêm. **Hiếu-học :** chăm học. **Sở-trường :** giỏi về một môn gì. **Độc nhất vô song :** có một không hai. **Đào-tạo :** nung-đúc, gây dựng lên.

CÂU HỎI : **Ý-tưởng :** Vì sao buổi tối, tại trường nữ-học lại hiện ra cảnh tưng-bừng, náo-nhiệt ? — Học-viên ở trường này thuộc về những giới nào ? — Trường này dạy những môn gì ? — Nhờ đâu mà trường đã giúp học-viên tiến mạnh về chuyên-môn và văn-hóa ?

Lời văn : Tiếng gì ở đoạn đầu tả cảnh nhộn-nhịp ? — *Giảng-viên* và *giáo-viên* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tìm mấy câu tục-ngữ hoặc ca-dao ở trong có tiếng *học*.

DÀN-BÀI : 1.— Cảnh tưng-bừng, náo-nhiệt lúc vào học.
2.— Việc giảng-dạy ở trong lớp.
3.— Kết-quả của trường Bách-khoa bình-dân.

ĐẠI-Ý : **Trường Bách-khoa bình-dân đã giúp một số lớn học-viên hiểu biết thêm về chuyên-môn và văn-hóa để phụng-sự Tổ-quốc.**

HỌC THUỘC LÒNG

TRÊN ĐƯỜNG KIẾN-THIẾT

1.— Từ khi ta hoàn-toàn độc-lập,
Bao vấn-đề khẩn-cấp nêu ra.
Trên đường kiến-thiết Quốc-gia
Giờ đây còn thiếu nhiều nhà chuyên-môn...

2.— Chính-phủ đã luôn luôn đề-cử
Các sinh-viên ưu-tú ra ngoài,
Học thêm cho được thành tài,
Góp nhiều kinh-nghiệm, một mai trở về...
Nào y-tế, nào nghề hàng-hải,
Nào dược-khoa, thương-mại, canh-nông,
Nào là điện-học, hàng-không
Từ chuyên-khoa đến phổ-thông phải tường.
Sau khi đã qua trường thực-nghiệp,
Các chuyên-viên làm việc không ngừng.
Giúp nền kinh-tế phục-hưng,
Ruộng-vườn kết trái, núi-rừng nở hoa...

3.— Dốc lòng kiến-thiết Quốc-gia
Muôn người như một, ắt là thành công!

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Quốc-gia** : nói chung cả một nước. **Độc-lập** : có đầy-đủ chủ-quyền, không lệ-thuộc nước nào. **Ưu-tú** : (*Ưu* : tốt hơn. *Tú* : đẹp), trội hơn, giỏi hơn cả. **Hàng-hải** : cách đi biển. **Dược-khoa** : khoa dạy chế thuốc. **Chuyên-khoa** : học riêng về một khoa nào như học về toán, về vạn-vật hay về văn-chương. **Phổ-thông** : chỉ học những điều thông-thường không chuyên về khoa nào.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Hiện nay nước ta còn thiếu nhiều cán-bộ về ngành nào? — Chính-phủ luôn luôn làm công-việc gì? — Các sinh-viên được phái ra nước ngoài để học những môn gì? — Sau khi ở trường thực-nghiệp ra, họ sẽ làm những việc gì? — Muốn cho nước nhà được thịnh-vượng phải làm thế nào?

Lời văn.— Phản-nghĩa với *chuyên-khoa* là gì? — *Quốc-gia* và *quốc-tế* khác nghĩa nhau thế nào? — Đặt một câu ngắn với hai tiếng *ưu-tú*.

DÀN-BÀI.— 1— Việc kiến-thiết quốc-gia ngày nay.
2— Các khoa chuyên-môn mà ta cần phải học.
3— Chắc-chắn sẽ thành-công.

ĐẠI-Ý.— **Trên đường cạnh-tân xứ-sở, chúng ta cần phải có nhiều nhà chuyên-môn để kiến-thiết quốc-gia.**

★

CHÍNH-TẢ

SỬ LÀ GÌ?

Sử là sách để chép những công-việc đã qua.

Người đọc sử phải suy-xét việc gốc-ngọn, tìm-tòi căn-nguyên những công-việc mà người xưa đã làm. Có thể mới hiểu rõ đời trị, đời loạn của một nước, những trình-độ tiến-hóa của dân-tộc. Chủ-đích của sử là làm cái gương chung-cổ cho con người soi. Nhờ vậy mà ta biết cách sinh-hoạt của người xưa. Chính tiền-nhân ta đã phải lao-tâm, lao-lực, chiến-đấu mới giữ vững được cái địa-vị ở dưới bóng mặt-trời này.

Hơn nữa, có thông-hiểu sự-tích nước mình thì mới có lòng yêu nước, yêu nhà. Do đó ta sẽ cố-gắng học-hành, hết sức làm-lụng để vun đắp thêm vào cái nền-móng xã-hội mà tổ-tiên đã xây nên và để lại cho ta. Cho nên, bất-luận dân-tộc nào có đủ tư-cách là một nước độc-lập thì đều có sử cả.

Theo TRẦN-TRỌNG-KIM

GIẢI-NGHĨA.— **Căn-nguyên** : cội-rễ, gốc-nguồn. **Trình-độ** : từng quãng, từng độ. Nghĩa bóng : mức cao thấp, nhiều ít của sự học hay trí khôn-ngoan. **Đời trị** : đời thái-bình thịnh-trị, không có giặc-giã. **Chủ-đích** : cái đích chính. **Chung-cổ** : lâu-dài mãi mãi.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ.

S. — Sử-xanh, lịch-sử, kinh-sử, giả-sử.
X. — Xử án, xử-trí, cư-xử.
Ch.— Chung-chạ, chung-đụng, lâm-chung (chết), chung-qui, chung-thân, chung-quanh.
Tr.— Trung-thành, trung-dũng, trung-nghĩa, Trung-hoa.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : sinh-hoạt, lao-tâm, lao-lực, địa-vị, sự-tích.
2) Loại-từ đặt ở chỗ nào trong câu ? — dùng để làm gì ? Kể mấy loại-từ chung trong bài này.
3) Mục-đích chính của sử là gì ?
4) Tìm những tiếng phản-nghĩa với «độc-lập», với «tiền-nhân».

✶

VĂN-PHẠM

LOẠI - TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Sử là gì ?* tiếng *người* (con người soi...) là một danh-từ chỉ động-vật. Trước danh-từ ấy các em thấy tiếng *con* dùng để chỉ loài cho danh-từ *người*. Tiếng *con* gọi là loại-từ.

Tiếng *cái* đứng trước danh-từ *gương* (cái gương) cũng là một loại-từ vì nó chỉ loài cho danh-từ chỉ đồ-vật *gương*.

BÀI-HỌC.— Loại-từ là tiếng đặt trước danh-từ để chỉ loài của danh-từ ấy. Loại-từ có hai thứ là **loại-từ chung** và **loại-từ riêng.**

Loại-từ chung dùng để chỉ chung các loài-vật hay đồ-vật.

Thí-dụ : Con trâu, *con* cá, *con* chim.
Cái bàn, *cái* tủ, *cái* áo.

Loại-từ riêng dùng để chỉ các hạng, các giống người, động-vật hay đồ-vật.

Thí-dụ : Thợ mộc, *thợ* nề, *thợ* máy.
Hoa lan, *hoa* cúc, *hoa* hồng.
Chim câu, *chim* chích-chòe, *chim* gáy.

✶

TẬP VIẾT

Chữ v, r, lối thường. — ra vào, ra về

✶

TẬP LÀM VĂN

CON BƯỚM

Em đã có dịp quan-sát con bướm khi bay, khi lượn, khi đậu, khi hút nhụy hoa. Trước cảnh nhởn-nhơ bay-lượn đó, em nghĩ như thế nào ?

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Em xem bướm lượn ở đâu ?
2) **Thân bài** : a) Sơ-lược hình-dáng, râu, cánh, vòi v.v...
b) Cách bay, cách đậu của con bướm.
c) Ý-nghĩ về đời sống rực-rỡ nhưng mỏng-manh của con bướm.
3) **Kết-luận** : Xưa nay, người ta vẫn cho con bướm là con vật thế nào ? Tại sao ?

TUẦN-LỄ THỨ TÁM

NGỮ-VỰNG

CÁC KHOA CHUYÊN-MÔN *(t.t)*

Danh-từ.— Văn-khoa — Luật-khoa — Y-khoa — Dược-khoa — Hóa-học — Vật-lý-học — Vạn-vật-học — Thực-vật-học — Động-vật-học — Triết-học — Điện-học — Quang-học — Từ-học.

Tính-từ.— (Khoa-học) thực-nghiệm, tự-nhiên.

Động-từ.— Đào-tạo (nhân-tài) — Truyền-bá (khoa-học) — Tranh-luận.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Trai thì đọc sách ngâm thơ*
Dùi mài kinh-sử để chờ kịp khoa...
— *Văn-chương, phú-lục chẳng hay*
Trở về làng cũ học cày cho xong.
— *Văn hay, chữ tốt.*

GIẢI-NGHĨA : **Văn-khoa :** khoa dạy triết-học, văn-chương v.v... **Luật-khoa :** khoa dạy pháp-luật cổ-kim, đông, tây để đào-tạo các luật-sư. **Y-khoa :** khoa dạy về thuốc và phép trị bệnh để đào-tạo các y-sĩ. **Dược-khoa :** khoa dạy việc chế thuốc để đào-tạo các dược-sĩ. **Hóa-học :** môn học nghiên-cứu về cách tổ-chức nên vật-chất và sự biến-đổi của vật-chất. **Vật lý-học :** môn học dùng quan-sát và thực-nghiệm để nghiên-cứu các tính-chất của vật-thể và các hiện-tượng như : điện, từ, nhiệt, lực v.v... **Vạn-vật-học :** môn học về mọi vật trong vũ-trụ. **Động-vật-học :** môn học về các sinh-vật có tri-giác và biết chuyển-động. **Thực-vật-học :** môn học về các loài cây-cỏ. **Triết-học :** môn học nghiên-cứu về nguyên-lý của vũ-trụ và vạn-vật. **Điện-học :** một ngành trong vật-lý-học, chuyên nghiên-cứu về tính-chất của điện và những hiện-tượng do điện sinh ra. **Quang-học :** một ngành trong vật-lý-học, chuyên nghiên-cứu về các hiện-tượng của ánh-sáng. **Từ-học :** môn học nghiên-cứu về tính-chất và quan-hệ giữa điện và từ-thạch (nam-châm). **Thực-nghiệm :** đã được thí-nghiệm và đúng với sự thật. **Đào-tạo nhân-tài :** dạy-dỗ, luyện thành những người tài-giỏi. **Truyền-bá :** truyền rộng đi khắp mọi nơi. **Tranh-luận :** bàn-luận để tìm lẽ phải.

BÀI-TẬP : Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Ở Viện Đại-học Việt-nam có nhiều khoa như . . . . . v. v. . . Trong số sinh-viên, có người thích . . . . có người thích . . . . Điện-học, quang-học, từ-học đều thuộc về ngành . . . . Để . . . . giúp nước, Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa vừa cho thành-lập thêm Viện Đại-học ở Huế. Trong khi . . . . . các nhà bác-học đã phát-minh ra nhiều điều có ích cho nhân-loại.

TẬP ĐỌC

BƯỚC TIẾN CỦA Y-HỌC

1.— Từ hai mươi năm nay, bước tiến của y-học rất là quan-trọng. Y-học đã thắng được bao nhiêu là bệnh mà xưa kia các **danh-y** đành chịu bó tay.

2.— Nhờ những thứ thuốc mới phát-minh, có thể gọi là **thần-dược**, những bệnh như **thương-hàn**, sưng phổi, đau màng óc, ho-lao, cùi (hủi) v.v... đều bị đẩy lui. Ngay cả đến bệnh tê-liệt trẻ-em cũng đã có thuốc tiêm phòng rất hiệu-nghiệm.

Khoa **giải-phẫu** cũng tiến một bước khá xa. Nhờ có thuốc mê, nhờ có truyền máu, **bác-sĩ** giải-phẫu có thể mổ hàng giờ mà không nguy-hiểm cho bệnh-nhân. Mổ óc, mổ tim, khâu mạch máu, tiếp con ngươi, tiếp cơ-thể ngày nay là những chuyện thông-thường.

Nhờ y-học mà sức khỏe của chúng ta được bảo-vệ và bệnh-tật giảm đi rất nhiều. Nạn «hữu sinh vô dưỡng» gần như mất hẳn ở các nước tân-tiến. Các sản-phụ sinh-nở dễ-dàng và trẻ em đẻ ra thường mạnh-khỏe và cao lớn hơn bố mẹ. Trong những kỳ **Thế-vận** gần đây, biết bao nhiêu **kỷ-lục** mới đã được nêu ra và số lực-sĩ cũng nhiều hơn gấp bội.

3.— Trước những ích-lợi quá **hiển-nhiên** mà sự tiến-bộ về y-học đã đem lại cho chúng ta, thử hỏi ai là người không hoan-nghênh nhiệt-liệt ?

Theo Bác-sĩ NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

GIẢI-NGHĨA : **Danh-y** : thầy thuốc hay, nổi tiếng. **Thần-dược** : thuốc hay, công-hiệu như thần. **Thương-hàn** : bệnh sốt dai-dẳng, trầm-trọng do vi-trùng Eberth ăn loét ruột non mà sinh ra. **Khoa giải-phẫu** : khoa mổ-xẻ các bộ-phận ở trong thân-thể. **Hữu sinh vô dưỡng** : trẻ em có đẻ mà không nuôi được vì sài-đẹn. **Thế-vận** : do năm tiếng Thế-giới Vận-động-hội rút ngắn lại, là một tổ-chức thể-thao có các nước tham-dự, thành-lập ở Hy-lạp từ 776 trước Thiên-chúa giáng-sinh. **Hiển-nhiên** : rõ-ràng, không còn nghi-ngờ gì nữa.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng**.— Sự tiến-bộ về y-học từ hai mươi năm nay thế nào ? — Kể những bệnh nguy-hiểm mà nay đã có thuốc chữa.— Ngày nay các bác-sĩ chuyên-môn có thể mổ được những bộ-phận gì trong người ? — Tại sao ở các nước văn-minh nạn *hữu sinh vô dưỡng* lại gần mất hẳn ? — Ở các kỳ Thế-vận gần đây, người ta nhận thấy điều gì ?

Lời văn.— Tìm hai tiếng nôm thay cho hai tiếng *thần-dược*.— *Hoan-nghênh* với *hoan-hô* khác nghĩa nhau thế nào ? Cho thí-dụ — Tìm mấy tiếng trong đó có tiếng *sĩ* như *bác-sĩ*.

DÀN-BÀI.— 1— Bước tiến của y-khoa gần đây.
2— Kết-quả thâu-lượm được.
3— Sự hoan-nghênh nhiệt-liệt của mọi người.

ĐẠI-Ý.— **Gần đây, y-học rất tiến-bộ, đã thắng được nhiều bệnh và làm giảm hẳn nạn «hữu sinh vô dưỡng».**

★

CHÍNH-TẢ

CÁC MÔN ĐỊNH-BỆNH

Y-học càng tiến bao nhiêu thì các môn định-bệnh lại càng chính-xác bấy nhiêu.

Cổ-y-học chỉ dùng ba môn là : hỏi, xem và bắt mạch để tìm ra bệnh rồi bốc thuốc. Tân-y-học, ngoài ba môn này, lại có thêm các môn gõ, nghe với dụng-cụ tinh-xảo và các lối thử của phòng thí-nghiệm. Muốn dùng các môn ấy, phải thông-thạo cơ-thể-học, sinh-lý-học, lý-hóa-học, vi-trùng-học, v.v... nghĩa là những môn mà cổ-y-học chưa hề biết tới. Riêng về môn gõ, nghe và bắt mạch không cần dụng-cụ, tân-y-học cũng đã bỏ xa nền y-học cổ-truyền. Nếu ta lại kể cả những môn định-bệnh tân-tiến tại các phòng thí-nghiệm và điện-quang thì sẽ thấy ngay là cổ-y-học vẫn còn ở trong thời-kỳ ấu-trĩ của nghề chữa bệnh...

Việc định-bệnh là việc chính của thầy-thuốc. Nếu đã biết rõ căn-nguyên bệnh rồi thì chỉ cần áp-dụng những kinh-nghiệm của dược-khoa vào việc chữa bệnh là đủ.

Theo Bác-sĩ DỤC

GIẢI-NGHĨA.— **Định-bệnh** : tìm xem là mắc bệnh gì để cứu-chữa. **Sinh-lý-học** : một môn trong khoa sinh-vật-học chuyên nghiên-cứu về cơ-năng và cách sinh-hoạt của động-vật. **Điện-quang** : dùng ánh-sáng điện để chiếu, soi và chụp hình các bộ-phận trong cơ-thể như : tim, phổi v.v... **Ấu-trĩ** : trẻ-thơ, non-nớt, chưa trưởng-thành. **Căn-nguyên** : nguồn-gốc.

NHẬN XÉT CHÍNH-TẢ :

X.— Chính-xác, xác-chết, xác pháo, kiết-xác, xác-xơ, xác-đáng, xác-định, xác-thực, chân-xác, đích-xác.

S.— Gầy sác, sớn-sác, rừng sác.

X.— Tinh-xảo, xảo-ngôn, xảo-quyệt, xảo-trá, đấu-xảo, xảo-thủ.

S.— Sảo chè, rổ sảo, hài-sảo.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Dụng-cụ tinh-xảo, phòng thí-nghiệm , y-học cổ-truyền, kinh-nghiệm.

2) Thế nào là chỉ-định-từ ? Kể những chỉ-định-từ chính ở trong bài này.

3) Tại sao tân-y-học lại tiến nhanh hơn cổ-y-học ?

4) Tìm năm danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng « y» như y-học.

✶

VĂN-PHẠM

CHỈ-ĐỊNH-TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính tả *Các môn định-bệnh* các em thấy tiếng *này* đặt sau danh-từ *môn* làm cho ta hiểu ngay là ba môn mà tác-giả định nói đến. Vậy tiếng *này* là chỉ-định-từ.

Tiếng *ấy* đứng sau danh-từ *môn* cũng là chỉ-định-từ vì nó chỉ cho ta biết là các môn kể ở trên rồi.

BÀI-HỌC.— Chỉ-định-từ là những tiếng đặt sau tiếng danh-từ để chỉ rõ người hay vật mà ta nói đến. *Thí-dụ :* Ngày *nay*. Quyển vở *này*. Người học-trò *ấy*.

Những tiếng *nay, này, ấy* còn gọi là chỉ-thị chỉ-định-từ.

✶

TẬP VIẾT

Chữ l, h, lỗi thường : — lanh-lợi, lọ hoa

✶

TẬP LÀM VĂN

CON VOI

Trong khi đi xem « xiếc », hoặc đến chơi Sở-Thú, em đã trông thấy một con voi lớn. Hãy tả lại con voi đó.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Trông thấy con voi ở đâu ? dịp nào ?

2) **Thân bài** : a) *Hình-dáng :* các bộ-phận (ghi chép kỹ những đặc-điểm như : vòi ngà, mồm, tai v.v...)

b) *Tính-tình :* hiền-lành hay hung-ác ? Thích ngâm mình trong nước, không sợ nắng) — dễ dạy.

c) *Cách sinh hoạt :* ăn cỏ, mía, chuối.

3) **Kết-luận** : Cảm-tưởng khi thấy con vật khổng-lồ đó bị người nhỏ bé điều-khiển.

TUẦN-LỄ THỨ CHÍN

NGỮ-VỰNG

CÁC NHÀ BÁC-HỌC

Danh-từ.— Bác-sĩ — Kỹ-sư — Triết-gia — Học-giả — Chuyên-viên — Sử-gia — Kỹ-thuật-gia — Hàn-lâm-viện — Luận-án.

Tính-từ.— (Học-lực) uyên-thâm — (Tư-tưởng) siêu-việt — (Tài-năng) lỗi-lạc — (Sử-gia) công-bằng.

Động-từ.— Đệ-trình (luận-án) — Chứng-minh (định-luật) — Phê-bình — Khảo-cứu — Thí-nghiệm.

GIẢI-NGHĨA.— **Bác-học** : (*Bác :* rộng) nhà học rộng, biết nhiều. **Bác-sĩ** : học-vị cao nhất, tinh-thông chuyên-môn, tốt-nghiệp bậc Đại-học. *Thí-dụ :* Y-khoa bác-sĩ. **Triết-gia** : người nghiên-cứu về triết-học, tức là môn học về nguyên-lý của vũ-trụ và nhân-sinh. **Học-giả** : người học nhiều và biết rộng (thông kim bác cổ). **Hàn-lâm-viện** : hội những nhà bác-học chuyên làm việc cho văn-chương, khoa-học v.v... **luận-án** : luận-đề đã được nghiên-cứu kỹ-lưỡng do các nhà chuyên-môn (như triết-gia, y-sĩ, khoa-học-gia) đưa ra để bày-tỏ ý-kiến hoặc chủ-trương của mình về một điều gì. **Học-lực uyên-thâm** : sức học sâu, rộng, hiểu-biết nhiều điều mới lạ, bổ-ích. **Siêu-việt** : vượt qua bậc tầm-thường, cao hơn cả. **Tài-năng lỗi-lạc** : tài-năng hơn người. **Khảo-cứu** : tra-xét, tìm-tòi. **Đệ-trình luận-án** : đem luận-án ra trình-bày trước một hội-đồng giám-khảo để được cấp bằng tốt-nghiệp Đại-học. **Chứng-minh** : dùng bằng-cớ, thí-dụ mà giảng-giải cho mọi người hiểu rõ điều mình nói.

BÀI TẬP.— *1) Giải-nghĩa những từ-ngữ : Kỹ-sư, Sử-gia, Chuyên-viên, Kỹ-thuật-gia.*

2) Một sử-gia cần phải có những đức-tính gì ? (Công-bằng, có tinh-thần khoa-học, hiểu-biết sâu rộng v.v...)

3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : siêu-việt, uyên-thâm.

4) Kể một vài công-việc của nhà bác-học (sưu-tầm, khảo-cứu, thí-nghiệm, phê-bình v.v...)

TẬP ĐỌC

NHÀ BÁC-HỌC

1.— Trước hết, nhà bác-học chưa tin một cách mù-quáng vào những lời nói không **căn-cứ.** Bao giờ họ cũng quan-sát và thí-nghiệm chứ không lý-luận **viển-vông**.

2.— Nhà bác-học lại còn cần có óc **phê-bình** khi đứng trước các **hiện-tượng.** Họ rất thận-trọng trong khi nghiên-cứu, thường nghi-ngờ chính mình cùng những điều ức-đoán. Tuy-nhiên, bao giờ họ cũng vững lòng tin ở khoa-học và hiểu rằng trong trời đất có nhiều định-luật mà họ có thể khám-phá ra được. Óc phê-bình còn giúp họ tránh sự hấp-tấp, quá tín vào những câu chuyện mới nghe qua. Những thần-thoại trong lịch-sử sở-dĩ được lưu-truyền là vì người nghe thiếu óc phê-bình, chỉ để mặc cho trí tưởng-tượng của mình bay bổng...Chuyện « *Trăm trứng, trăm con* » đã khiến dân ta tự-phụ là con Rồng cháu Tiên cũng như chuyện **thần-thông biến-hóa** đã gây cảm-hứng cho loại tiểu-thuyết kiếm-hiệp của người Tàu. Ngoài ra, nhà bác-học lại không hề **vụ-lợi.** Họ chỉ biết đi tìm **chân-lý,** thấy sao nói vậy, không giấu-giếm những điều mình mới **khám-phá** ra.

3.— Tóm lại, nhà bác-học chân-chính lấy sự làm việc là một nguồn vui, can-đảm vượt qua mọi nỗi khó-khăn và không chịu âm-thầm sống trong bóng tối mịt-mù của ngu-dốt.

Theo NGUYỄN-VĂN-TÀI

GIẢI-NGHĨA.— **Căn-cứ** : (*Căn* : rễ *Cứ* : chỗ tựa) ỷ-tựa chắc-chắn, ở đây nghĩa là dựa vào chứng-cớ. **Viển-vông** : vu-vơ, không có gì làm bằng. **Hiện-tượng** : hình-tượng rõ-rệt hiện ra. **Hấp-tấp** : vội-vàng, không suy-xét kỹ. **Thần-thoại** : chuyện hoang-đường về quỉ-thần. **Thần-thông biến-hóa** : phép mầu-nhiệm của thần-thánh làm cho không hóa ra có, có hóa không. **Vụ-lợi** : chỉ chuộng tiền bạc, ham của-cải. **Chân-lý** : lẽ phải, sự thực, không ai chối-cãi được. **Khám-phá** : tìm ra, xét thấy những điều giấu kín.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Nhà bác-học là người thế nào ? — Tại sao nhà bác-học cần phải có óc phê-bình ? — Họ rất thận-trọng trong công-việc gì ? — Tại sao những thần-thoại còn được lưu-truyền ? — Nguồn vui của nhà bác-học là gì ?

Lời văn : Tìm tiếng phản-nghĩa với *viển-vông, mù-quáng.* Tìm mấy tiếng bắt đầu bằng tiếng *thần* như *thần-thoại* — Những tiếng gì chỉ đức-tính cần phải có của nhà bác-học.

DÀN-BÀI : 1.— Óc thực tế của nhà bác-học.
2.— Cách làm việc và lòng tin-tưởng.
3.— Nhà bác học chân-chính.

ĐẠI-Ý.— **Nhà bác-học phải có óc sáng-suốt, lòng can-đảm, chí cương-quyết để đi tới thành-công.**

HỌC THUỘC LÒNG

ÓC KHÔN-NGOAN

1 — Chúng ta sống ở trong trời-đất,
To chẳng bằng vâm, khỏe kém hùm,
Nhanh-nhẹn thua xa loài vượn, khỉ,
Ra ngoài sương-gió, ốm-đau luôn...

2 — Nếu ngoảnh trông về lúc cổ-sơ,
Ăn lông, ở lỗ, có ai ngờ
Tấm thân yếu-ớt không nanh-vuốt
Mà vẫn hiên-ngang đến tận giờ!

Chính là nhờ ở óc khôn-ngoan.
Biết cách sinh-nhai, biết họp-đoàn,
Chống lại thiên-nhiên, trừ mãnh-thú,
Tập dùng cơ-khí, học nông-tang.

Rồi cứ theo đà, tiến rất mau,
Tìm-tòi, thám-hiểm khắp năm châu,
Phát-minh, sáng-chế muôn ngàn thứ
Chinh-phục không-gian, chủ địa-cầu...

3 — Có nhẽ mai đây, nhiều chuyện lạ!
Phi-thuyền hỏa-tiễn tới cung trăng
Giấc mơ vạn-kỷ xưa thành-tựu
Liên-lạc trần-gian với chị Hằng...

BẢO-VÂN

GIẢI - NGHĨA.— **Cổ-sơ** : đời xưa. **Sinh-nhai** : kiếm ăn, sinh sống, **Mãnh-thú** : (*Mãnh* : dữ-tợn. *Thú* : loài bốn chân) loài thú hung-dữ. **Cơ-khí** : nói chung về máy-móc. **Thám-hiểm** : dò thăm những đất mới lạ đầy gian-nguy, hiểm-trở, chưa ai đến. **Phát-minh** : khởi đầu tìm ra một điều gì mà chưa ai biết. **Chinh-phục** : (*Chinh* : đánh dẹp. *Phục* : bắt phải theo) ở đây là làm chủ không-gian. **Nông-tang** : làm ruộng và trồng dâu. **Vâm** : voi. **Vạn-kỷ** : từ lâu lắm, hàng vạn thế-kỷ rồi.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Nhờ đâu người ta lại khôn hơn loài vật ? — Cách sinh-hoạt của ta đời cổ-sơ thế nào ? — Tổ-tiên ta đã phải *chống* với gì để sống ? — Nhờ đâu mà ta làm chủ được không-gian ? — Người ta đang dự-định thám-hiểm ở đâu ?

Lời văn — Tìm những tiếng ở đoạn đầu chỉ sự yếu-ớt của loài người — Tìm tiếng phản-nghĩa với «cồ-sơ», «hiên-ngang» — Lấy tiếng «phát-minh» mà đặt thành một câu ngắn,

DÀN-BÀI : 1 — Loài người yếu-đuối hơn cả.
2 — Những tiến-bộ vì có khối óc khôn-ngoan.
3 — Hy-vọng của loài người.

ĐẠI-Ý.— **Vì có óc khôn-ngoan nên loài người đã chinh-phục được không-gian và làm chủ muôn vật.**

★

CHÍNH-TẢ

KHOA-HỌC

Khoa-học có phải là thần linh-thiêng ban hạnh-phúc hay gây tai-họa cho loài người chăng ? Nếu không, sao lại có người tôn-thờ nó và lại có kẻ nguyền-rủa nó ! Lầm cả ! Khoa-học chỉ là một một lợi-khí của con người Tự nó không làm phúc hay gieo họa cho ai. Nếu khoa-học được đem phụng-sự công-cuộc hòa-bình thì nền văn-minh nhân-loại sẽ tốt-đẹp, xán-lạn biết bao ! Những đô-thành hoa-lệ, những cơ-khí tân-kỳ, những cuộc thám-hiểm trên cung trăng, quan-sát dưới đáy biển đều nhờ khoa-học mà dễ thực-hiện. Trái lại, nếu đem áp-dụng khoa-học vào chiến-tranh thì sự tàn-phá lại thảm-khốc vô cùng, nhân-loại có khi còn bị tiêu-diệt nữa. Cho nên một danh-nhân đã nói :

«Nhân-đạo bao giờ cũng cần phải đi trước khoa-học mới được».

Theo THU-GIANG

GIẢI-NGHĨA.— **Xán-lạn** : sáng-láng, rực-rỡ. **Hoa-lệ** : lộng-lẫy, đẹp-đẽ. **Cơ-khí tân-kỳ** : máy-móc, đồ dùng mới và lạ. **Nhân-đạo** : đạo làm người. Ý nói phải tôn-trọng quyền-lợi của loài người, không xâm-phạm đến tính-mệnh, tài-sản, tự-do của ai.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S. — Sao-sa, sao-tẩm, sao-lục, trăng sao, làm sao ?

X.— Xao-xác, xao-xuyến, xôn-xao, xao-nhãng.

D.— Deo-dẻo, dăn-deo.

G.— Gieo mạ, gieo vạ, gieo-neo.

R.— Hò reo, reo mừng, nước reo.

Tr.— Chiến-tranh, tranh-ảnh, cạnh-tranh, tranh-luận.

Ch.— Chanh-chua, quả chanh, lanh-chanh.

CÂU HỎI : 1.— Giải-nghĩa : Quan-sát, nhân-loại, thảm-khốc, tiêu-diệt.
2.— Tìm những tiếng đại-danh-từ ở trong bài này.
3.— Khoa-học là gì ? Tại sao khoa-học lại cần được nhân-đạo hướng-dẫn ?
4.— Tìm vài câu ca-dao ở trong có tiếng *học*.

★

VĂN-PHẠM

ĐẠI-DANH-TỪ

NHẬN-XÉT :

Ở bài chính-tả *Khoa-học* tiếng *nó* trong câu *tự nó không làm phúc hay gieo họa cho ai cả* dùng để thay cho hai tiếng khoa-học mà tác-giả đang nói đến.

Ở đoạn đầu những tiếng *nó* dùng để chỉ khoa-học mà không phải nhắc lại những tiếng khoa-học nhiều lần. Vậy tiếng *nó* dùng để thay cho danh-từ *khoa-học* nên gọi là *đại-danh-từ*. *Đại* ở đây nghĩa là thay-thế.

BÀI-HỌC.— Đại-danh-từ là tiếng dùng thay cho danh-từ để khỏi phải nhắc lại nhiều lần một tiếng danh-từ. *Thí-dụ :* Xuân là học-trò ngoan. **Anh** (thay cho trò Xuân) được thầy yêu, bạn quý.

Em tôi lên ba tuổi. **Nó** (thay cho em tôi) mới bập-bẹ **biết nói**. Lúc rỗi tôi thường dẫn **nó** đi chơi. Những tiếng **anh, nó** đều là đại-danh-từ. Có nhiều thứ đại-danh-từ như :

1.— **Nhân-vật đại-danh-từ :** Ta, tao, qua, tôi, tớ, mi, mày, bay, ngươi, nó, va, y, hắn, chúng ta, chúng nó v.v...

2.— **Chỉ-thị đại-danh-từ :** Ấy, kia, nọ, này.

3.— **Nghi-vấn đại-danh-từ :** Ai, gì, người nào, cái nào. Sau nghi-vấn đại-danh-từ phải có dấu chấm hỏi **(?)**.

4.— **Phiếm-chỉ đại-danh-từ :** Ai, gì, người ta.

★

TẬP VIẾT

Chữ b, k, lối thường : — bán-kính ; bách-khoa

TẬP LÀM VĂN

TẢ CÂY-CỐI, HOA-QUẢ

Chỉ-dẫn đại-cương.— Cũng như tả đồ-vật hay tả thú-vật, muốn tả cây-cối, hoa-quả thì ta phải tả từ hình-dạng tổng-quát đến các bộ-phận đặc-sắc. Nếu cần, nên nói qua về cách trồng-tỉa và chăm-bón.

Sau đó ta mới nói đến sự ích-lợi của cây hoặc hoa-quả ấy. Nhiều thứ cây, nhiều thứ hoa còn có ý-nghĩa tượng-trưng nữa (Thí-dụ : cây thông tượng-trưng cho sự thẳng-thắn, hiên-ngang ; hoa hồng tượng-trưng cho vẻ kiều-diễm ; hoa lan tượng-trưng cho vẻ cao-quý v.v...)

Dù sao cũng không nên làm bài luận có tính-cách văn-chương với một bài khảo-sát khô-khan, tỉ-mỉ về thảo-mộc-học.

Dưới đây là một dàn-bài mẫu có thể áp-dụng cho các bài văn tả cây-cối hoặc hoa-quả.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài.**— Thấy cây (hoặc hoa-quả) này ở đâu ? trong dịp nào ?

2) **Thân bài.**— a) Hình-dáng tổng-quát.
b) Các bộ-phận (thân, cành, rễ, lá, hoa, quả).
c) Cách trồng-tỉa và chăm-bón.
d) Ý-nghĩa tượng-trưng (nếu có).
e) Sự ích-lợi.

3) **Kết-luận.**— Cảm-tưởng hoặc kỷ-niệm mà nó gợi cho ta.

★

CÂY TRE

Ở miền quê, thường trồng tre quanh vườn để làm hàng rào. Em hãy tả cây tre và nói rõ nó có ích-lợi cho chúng ta như thế nào ?

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài.**— Tre thường mọc ở đâu ? (chung quanh làng bờ ao v.v...)

2) **Thân bài.**— a) *Tả cây tre* : thân cây cao mấy thước ? Đốt nọ cách đốt kia bằng gì ? — Gốc tre thế nào ? — Cành tre mọc ở đâu ra ? Gai tre cứng hay mềm ? — Lá tre hình gì ? màu gì? mọc như thế nào ? — Măng mọc ở đâu ?

b) *Ích-lợi* : làm nhà, chẻ lạt, đan rổ, cắm kè, rào giậu, đóng đồ-dùng... là tre cho trâu bò ăn hoặc để thồi. Măng tre để nấu cỗ v.v...

3) **Kết - luận.**— Cây tre là một thứ cây đặc-biệt Việt-nam. Cụm tre đã được Chính-phủ Cộng-hòa chọn làm biểu-hiệu trong các con dấu...

TUẦN - LỄ THỨ MƯỜI

NGỮ-VỰNG

PHÒNG THÍ - NGHIỆM

Danh-từ.— Nhà bác-học — Phòng thí-nghiệm — Ống nghiệm — Nhiệt-kế — Phong-vũ-biểu — Kính hiển-vi — Cân tự-động — Cân tiểu-ly — Người phụ-tá — Dụng-cụ.

Tính-từ.— (Phòng thí-nghiệm) đầy-đủ — (Máy-móc) tinh-vi — (Dụng-cụ) tối-tân — (Người phụ-tá) cần-mẫn.

Động-từ.— Theo-dõi (cuộc thí-nghiệm) — Phân-tích (các hóa-chất) — Áp-dụng — Điều-khiển (máy-móc).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Cầm cán, nẩy mực.*
— *Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.*
— *Con mắt là mặt đòn cân.*

GIẢI-NGHĨA.— **Phòng thí-nghiệm** : phòng làm việc của các nhà bác-học, khoa-học, có đầy-đủ dụng-cụ để thí-nghiệm về hóa-chất, về vi-trùng, về dược-phẩm v. v... **Ống-nghiệm** : ống bằng thủy-tinh để đựng các hóa-chất đem ra thí-nghiệm, quan-sát. **Nhiệt-kế** : dụng-cụ để đo nhiệt-độ, còn gọi là hàn-thử-biểu. **Phong-vũ-biểu** : dụng-cụ đo áp-lực của không-khí để biết trước trời nắng hay mưa, yên-lặng hay dông-bão. **Kính hiển-vi** : ống kính làm cho các loại vi-trùng lớn lên gấp bội (800 lần) để trông cho rõ. **Cân tự-động** : cân không dùng đến quả cân, chỉ bỏ vật muốn cân lên đĩa rồi nhìn trên mặt cân là thấy trọng-lượng của vật ấy. **Cân tiểu-ly** : cân nhỏ để cân các vật rất nhẹ. **Người phụ-tá** : người giúp việc. **Dụng-cụ** : đồ-dùng. **Tinh-vi** : (*Tinh* : kỹ, rành rõ. *Vi* : rất nhỏ) tinh-tế, kỹ-càng. **Tối-tân** : rất mới. **Cần-mẫn** : chăm-chỉ, nhanh-nhẹn, tinh-khôn. **Phân-tích** : dùng phương-pháp khoa-học để tìm biết rõ những thành-phần trong các vật hỗn-hợp. Thí-dụ : dùng dòng điện để phân-tích nước thành hai chất : ốc-xy và hít-rô. **Áp-dụng** : đem những điều đã học được ra dùng vào một việc gì. **Điều-khiển** : điều-động, cắt-cử, sai-phái, trông-nom cho làm một việc gì.

BÀI TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Các nhà bác-học cặm-cụi làm việc tại . . . . Ở đây đã có đầy-đủ . . . . . như : nhiệt-kế, phong-vũ-biểu, kính hiển-vi, cân tự-động, ống-nghiệm v. v... Nhờ có . . . . mà các nhà bác-học đã . . . . cuộc thí-nghiệm và . . . . các hóa-chất một cách dễ-dàng. Họ đem . . . . những điều mới phát-minh vào cách sinh-hoạt của dân-chúng để cho đời sống được tươi-đẹp hơn lên. Nhờ có những người phụ-tá . . . . . giúp việc . . . . . các máy-móc nên những cuộc thí-nghiệm của các nhà bác-học dễ thành-tựu.

TẬP ĐỌC

NGUYÊN - TỬ - NĂNG

1.— Từ năm 1943 đến nay, người ta đã tiến-bộ rất nhiều trong việc xử-dụng nguyên-tử-năng. Nhưng kết-quả quan-trọng đó chỉ là bước đầu trong **kỷ-nguyên** mới mà thôi.

2.— Với nguyên-tử-năng, người ta đã chế được những thứ thuốc thần để cứu nhân-loại và làm được những **dụng-cụ khoa-học** tối-tân. Nguyên-tử-năng còn thay-thế cho điện-khí để chúng ta có thể khai-phá được tất-cả đất hoang và **dẫn-thủy nhập-điền** cả ở những vùng sa-mạc. Nguyên-tử-năng còn thay cho các loại phân-bón khiến ruộng-đất được màu-mỡ thêm và hoa-quả tăng lên gấp bội. Với nguyên-tử-năng, những **nguyên-liệu** ở dưới đất hay ở dưới biển sâu sẽ được khám-phá và khai-thác. Với nguyên-tử-năng người ta sẽ chế ra những nhiên-liệu mới dùng để phóng vệ-tinh lên chinh-phục không-gian.

3.— Nguyên-tử-năng còn giúp cho các nhà bác-học phát-minh ra muôn ngàn thứ khác để phụng-sự hòa-bình nhân-loại. Nguyên-tử-năng hứa-hẹn với ta rất nhiều. Nó sẽ đưa chúng ta đến một thế-giới thần-tiên, nếu ta không dùng nó vào mục-tiêu chiến-tranh để đưa loài người đến chỗ tận-thế.

Theo THẾ-GIỚI TỰ-DO

GIẢI-NGHĨA.— **Nguyên-tử** : phần nhỏ nhất trong một chất, không thể chia tách ra được nữa (các nhà bác-học Hy-lạp đời cổ đã biết có chất này nhưng mãi đến ông Einstein mới thành-công trong việc chế ra hai trái bom nguyên-tử đầu-tiên ném xuống đất Nhật năm 1945). **Kỷ-nguyên** : phép ghi-chép, năm, tháng lúc bắt đầu. **Dụng-cụ** : đồ dùng. **Dẫn-thủy nhập-điền** : dẫn nước vào ruộng. **Sa-mạc** : bãi mênh-mông toàn cát. **Nguyên-liệu** : vật còn nguyên-chất chưa chế-tạo thành hóa-phẩm như : chì, kẽm, bông, tơ v.v... **Khám-phá** : tìm ra. **Phát-minh** : sáng-chế, tìm ra lần đầu tiên.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Từ năm 1943 đến nay, người ta đã tiến-bộ nhiều về việc gì ? — Với nguyên-tử-năng người ta có thể làm được những việc gì ? — Nguyên-tử-năng dùng trong việc bón phân có lợi thế nào ? — Nguyên-tử-năng còn hứa-hẹn với ta điều gì ? — Nếu dùng nguyên-tử-năng vào chiến-tranh, nhân-loại sẽ thế nào ?

Lời văn.— *Nhiên-liệu* với *nguyên-liệu* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *chiến-tranh*, với *tối-tân*.— Tìm mấy tiếng có tiếng *nguyên* ở đầu như *nguyên-tử*.

DÀN-BÀI.— 1— Tiến bộ về việc xử-dụng nguyên-tử-năng.
2— Công-dụng của nguyên-tử-năng.
3— Hy-vọng của loài người.

ĐẠI-Ý.— **Đem nguyên-tử-năng phụng-sự hòa-bình, các nhà bác-học sẽ làm cho cõi đời thành một thế-giới thần-tiên.**

★

CHÍNH TẢ

VIỆN PASTEUR

Nhờ có viện Pasteur ở Sài-gòn mà nhiều người đã thoát chết vì bệnh chó dại và nhiều bệnh nguy-hiểm khác nữa. Viện này do ông Pasteur sáng-lập từ năm 1891 đến nay đã được trao trả về chính-phủ Việt-nam để săn-sóc sức-khỏe cho dân-chúng. Ông Pasteur là một nhà hóa-học nổi danh, đã từng phát-minh ra thuốc chống bệnh chó dại.

Viện Pasteur luôn luôn cố gắng loại-trừ những nỗi đau-đớn cho người dân lành. Trong phòng thí-nghiệm và dưỡng-đường, các nhân-viên làm việc không ngừng để đàn-áp bệnh lao, bệnh đậu-mùa và các bệnh truyền-nhiễm khác nữa.

Vì được chính-quyền nâng-đỡ nên viện đã chữa bệnh và phát thuốc không lấy tiền cho quần-chúng. Hàng ngày, một ban chuyên-viên ưu-tú gồm có bác-sĩ, nữ phụ-tá thuộc nhiều chủng-tộc, tận-tụy với chức-vụ, đã săn-sóc rất nhiều bệnh-nhân, nam, phụ, lão, ấu. Viện chính là một cơ-quan khoa-học và bác-ái, hoàn-toàn phục-vụ nhân-dân...

THẾ-GIỚI TỰ-DO

GIẢI-NGHĨA.— **Hóa-học** : môn học nghiên-cứu cách tổ-chức và biến-hóa của vật-chất. **Phát-minh** : tìm ra lần đầu tiên những điều mà trước đây chưa có ai biết. **Dưỡng-đường** : nơi để cho bệnh-nhân nghỉ-ngơi chữa bệnh. **Quần-chúng** : số đông người. **Nữ phụ-tá** : những thiếu-nữ giúp việc quân-đội. **Ưu-tú** : tài-giỏi, tốt-đẹp hơn cả.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D.— Do ông thành-lập, căn-do, duyên-do, lý-do, nguyên-do, do-thám, tự-do, do-dự, Do-thái.

G.— Gio tàn, bánh gio.

R.— Co-ro, ro-ró.

Ch.— Chống bệnh, chống-đỡ, chống-chế, chống-chọi, chèo-chống, chống-cự.

Tr.— Trống-chiêng, gà trống, nhà trống, trống-trải, trống-trếnh.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Thành-lập, loại-trừ, chuyên-viên, tận-tụy với chức-vụ.
2) Tĩnh-từ là gì ? Kể những tĩnh-từ chỉ đức-tính của nhà bác-học Pasteur.

3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với *dân-chúng*, với *ưu-tú*.
4) Ông Pasteur là người nước nào ? Ông đã có công gì với nhân-loại ?

✶

VĂN-PHẠM

TĨNH-TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả « *Viện Pasteur* » ở đầu câu có những tiếng : *Nhiều bệnh nguy-hiểm khác nữa.*

Chúng ta thấy hai tiếng *nguy-hiểm* dùng để chỉ tính-chất của nhiều bệnh.

Ở đoạn hai có những tiếng : *Người dân lành.*

Chúng ta lại thấy tiếng *lành* dùng để chỉ tính-tình của người dân.

Vậy những tiếng *nguy-hiểm*, *lành* đặt sau những danh-từ *bệnh*, *người dân* để chỉ rõ cái tính-chất của những danh-từ ấy nên đều gọi là *tĩnh-từ*.

BÀI-HỌC.— Tĩnh-từ là tiếng dùng để chỉ cái tính hay cái thể của tiếng danh-từ.

Thí-dụ : Học-trò *chăm-chỉ*. Em bé *gầy*.

Tĩnh-từ chỉ có một tiếng là *tĩnh-từ đơn*.

Thí-dụ : Vườn *đẹp*, vở *sạch*.

Tĩnh-từ do nhiều tiếng hợp lại gọi là *tĩnh-từ ghép*.

Thí-dụ : Giáo-sư *kiên-nhẫn*, quốc-gia *hùng-cường*.

✶

TẬP VIẾT

Chữ y, g, lối thường : — giặt-gya ; yên-lặng

✶

TẬP LÀM VĂN

BÔNG HỒNG NHUNG

Sáng nay đi thăm vườn, mẹ em đã reo to lên rằng : « A ! có bông hồng nhung mới nở ». Cả nhà vui-vẻ chạy ra xem. Em tả lại bông hồng nhung đó.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Sự ngạc-nhiên, vui thích của cả nhà khi thấy bông hồng-nhung đã nở.

2) **Thân bài** : a) Tả bông hồng : cành hoa, đài hoa, nhụy hoa, tràng hoa, cuống hoa, màu-sắc, hương thơm, những giọt sương mai còn đọng lại.

b) Tại sao em thích hoa hồng ? màu-sắc đẹp, hương thơm nhè-nhẹ, bền lâu v.v...

3) **Kết-luận** : Chơi hoa là một thú vui thanh-nhã rất được mọi người ưa-thích.

TUẦN-LỄ THỨ 11

NGỮ-VỰNG

SỰ SÁNG-CHẾ

Danh-từ.— Bằng phát-minh — Sự sáng-chế — Óc sáng-kiến — Chế-phẩm — Dụng-cụ — Máy in — Máy điện — Khinh-khí-cầu — Phi-cơ — Máy nổ — Máy hơi nước — Nguyên-tử — Hỏa-tiễn — Vệ-tinh nhân-tạo.

Tĩnh-từ.— (Dụng-cụ) tối-tân — (Sự sáng-chế) kỳ-diệu — (Chế-phẩm) tuyệt-kỹ.

Động-từ.— Phát-minh — Sáng-chế — Chế-tạo — Ứng-dụng — Sản-xuất.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Nhanh như điện.*
— *Giống như in.*
— *Năng-lực nguyên-tử phụng-sự hòa-bình.*

GIẢI-NGHĨA.— **Sáng-chế** : Do ý-kiến của mình chế ra lần đầu tiên Thí-dụ : Nông-dân miền Tây mới sáng-chế ra chiếc máy cày. **Bằng phát-minh** : giấy khen cấp cho người đầu tiên đã chế ra các máy-móc, dụng-cụ có ích. **Sáng-kiến** : ý-kiến mới-mẻ, nghĩ ra trước tiên. **Chế-phẩm** : (hay chế-tạo-phẩm) phẩm-vật do công-nhân chế ra và đã được đem dùng. Phản-nghĩa với nguyên-liệu. **Dụng-cụ** : đồ-dùng để làm việc. **Khinh-khí-cầu** : trái cầu lớn, chứa khí nhẹ có thể bay bổng lên trên không. **Phi-cơ** : máy bay. **Nguyên-tử** : phần rất nhỏ của vật-chất, tức là đơn-vị nhỏ hơn hết của nguyên-tố, không thể chia tách ra được nữa, cũng không thể đứng riêng một mình mà phải liên-hợp với nguyên-tử khác thì mới thành một phân-tử. Sự phát-minh của khoa-học cận-đại chứng tỏ rằng nguyên-tử là do điện-tử, tức bộ-phận nhỏ hơn nữa tổ-chức nên. **Hỏa-tiễn** : đạn lửa bắn ra để thiêu-đốt những mục-tiêu quân-sự. Hỏa-tiễn ngày nay là một loại phi-cơ chạy bằng nhiên-liệu để phóng lên không-gian. **Kỳ-diệu** : lạ-lùng, tài-giỏi, hiếm có. **Tuyệt-kỹ** : (*Tuyệt* : cực kỳ, rất mực. *Kỹ* : khéo) vô cùng khéo-léo, tài-giỏi. **Ứng-dụng** : đem dùng vào đời sống hàng ngày. **Sản-xuất** : sinh-sản, chế-tạo ra. **Giống như in** : rất giống, như in ở cùng một khuôn chữ mà ra. **Năng-lực nguyên-tử phụng-sự hòa-bình** : năng-lực nguyên-tử trong kỳ Đại-chiến thứ hai đã nhằm vào mục-đích chiến-tranh để chế bom nguyên-tử giết hại loài người. Nhận thấy mối nguy-hại ấy, nhiều người đề-xướng ra thuyết dùng năng-lực nguyên-tử để phụng-sự hòa-bình, làm cho nhân-loại sung-sướng hơn lên. (Thí-dụ : để chữa bệnh, chạy máy, trồng-trọt v.v...)

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : máy nổ, máy hơi nước, điện-lực, Vệ-tinh nhân-tạo.*
2) Tìm tiếng phản-nghĩa với : tối-tân, nhân-tạo, thông-minh.
3) Tìm mấy danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng "sáng" như sáng-chế.
4) Kể tên một vài nhà bác-học danh-tiếng ở trên thế-giới.

TẬP ĐỌC

VỆ-TINH NHÂN-TẠO

1.— Nhiều vệ-tinh nhân-tạo đã được phóng lên và hiện nay đang quay chung quanh trái-đất. Vậy vệ-tinh nhân-tạo là gì? Giản-dị lắm! Đó là một trái cầu hay một hình nào khác, đã được các nhà bác-học sáng-chế ra và phóng lên.

2.— Vệ-tinh tự nó không có gì lạ. Điều cần-yếu là làm sao có thể phóng được nó vượt ra ngoài sức hút của trái-đất để tới **quỹ-đạo.** Ngoài ra, còn phải tính cho nó khỏi bị bốc cháy vì sự cọ-sát của không-khí. Muốn phóng vệ-tinh nhân-tạo, người ta phải dùng đến mấy **hỏa-tiễn** chập lại. Hỏa-tiễn thứ nhất đẩy vệ-tinh lên với tốc-độ nhất-định. Lên cao chừng sáu chục cây-số thì hỏa-tiễn thứ hai nổ máy, tầng thứ nhất rời ra và rớt xuống. Khi tới độ cao năm trăm cây số thì đến lượt hỏa-tiễn thứ ba hoạt-động với tốc-độ trên bảy ngàn mét trong một giây. Lúc này đầu mũi hỏa-tiễn phóng ra một trái cầu tức là vệ-tinh nhân-tạo quay quanh trái đất.

3.— Vệ-tinh nhân-tạo có ích-lợi gì? — Nhờ bay trên cao lại có máy **quan-sát**, nên vệ-tinh có thể báo cho các nhà khoa-học biết rõ tình-hình khí-tượng ở thượng-tầng không-khí. Căn-cứ vào đó, người ta sẽ sáng-chế ra loại phi-thuyền chở người lên các **hành-tinh** mà không nguy-hại đến tính-mệnh.

Theo T.V.S.

GIẢI-NGHĨA: **Vệ-tinh nhân-tạo**: dụng-cụ giống một ngôi sao nhỏ quay quanh trái-đất, do người chế-tạo ra. **Quỹ-đạo**: đường hình bầu-dục của các hành-tinh quay quanh mặt-trời. **Tốc-độ**: sức bay nhanh. **Quan-sát**: xem-xét. **Khí-tượng**: hiện-tượng xảy ra trong không-khí như: gió, mưa, sấm, sét, sương mù v.v... **Thượng-tầng**: tầng ở trên. **Hành-tinh**: ngôi sao quay quanh mặt trời như Kim-tinh, Thủy-tinh, Địa-cầu v.v...

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng**: Vệ-tinh nhân-tạo do nước nào chế ra? — Vệ-tinh đó hình gì? — Điều cần-yếu để phóng vệ-tinh là gì? — Muốn phóng vệ-tinh phải làm thế nào? — Vệ-tinh nhân-tạo có ích-lợi gì?

Lời văn: Phản-nghĩa với *nhân-tạo* là gì? — *Hành-tinh* và *định-tinh* khác nhau thế nào? — Tìm mấy danh-từ trong ấy có tiếng *hỏa* như *hỏa-tiễn.*

DÀN-BÀI: 1.— Vệ-tinh nhân-tạo là gì?
2.— Cách phóng vệ-tinh nhân-tạo.
3.— Ích-lợi của vệ-tinh nhân-tạo.

ĐẠI-Ý: **Nhờ có vệ-tinh nhân-tạo, các nhà bác-học có thể quan-sát được thượng-tầng không-khí và sẽ thực-hiện được giấc mộng du-lịch liên-hành-tinh.**

HỌC THUỘC LÒNG

NHẠC HÙNG

1— Nhạc trỗi dậy, như ngoài khơi cuộn sóng
Như ào-ào, dồn-dập tự phương xa,
Như ca vang ai vì nước quên nhà,
Như thúc-giục mọi người mau tiến bước.

2— Nhạc hùng-dũng của thời xưa dựng nước,
Bỗng quay-cuồng như gió táp, mưa sa,
Bỗng vang lên như tiếng xáp lá cà,
Như tiếng đạn rít lên ngoài chiến-trận.

Nhạc kêu gọi chúng ta mau họp bạn,
Yêu đồng-bào và chống lại xâm-lăng.
Chốn sa-trường, lòng dũng-cảm thêm tăng,
Dòng máu nóng bừng sôi trong động-mạch...

3— Nhạc hùng ơi! như chiến-công hiển-hách,
Người xưa buồn và gây lại niềm tin,
Vì nhạc hùng, ta làm việc liên-miên
Cho dân-tộc, cho mẹ hiền đất Việt.

Theo VĂN-CAI

GIẢI-NGHĨA.— **Chiến-trận**: nơi hai bên dàn quân đánh nhau. **Đồng-bào**: cùng một bọc, ý nói người cùng một dòng-giống. **Xâm-lăng**: lấn cướp đất-đai của người khác. **Sa-trường**: nơi đánh nhau, mặt trận. **Dũng-cảm**: mạnh-bạo, can-đảm. **Động-mạch**: (*Động*: lay-chuyển. *Mạch*: đường máu chạy trong người) mạch phân-phát máu đi khắp cơ-thể, trái với tĩnh-mạch. **Chiến-công**: công đánh giặc. **Dân-tộc**: nói chung mọi người dân trong một nước.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng**: Nhạc trỗi dậy giống như gì? — Nhạc thúc-giục ai khi ra trận? — Nhạc kêu gọi chúng ta làm gì? — Nhạc hùng gây lại cho chúng ta niềm gì? — Kể một vài bản nhạc hùng mà em thường được nghe.

Lời văn: Những tiếng gì ở đoạn đầu đọc lên nghe như tiếng nhạc? — Tiếng *đạn rít lên* gợi cho ta cảm-tưởng gì? — Tìm mấy danh-từ ghép trong có tiếng *đồng* như *đồng-bào.*

DÀN-BÀI: 1— Nhạc hùng nổi dậy.
2— Tác-dụng của nhạc hùng.
3— Nhạc hùng còn làm cho tinh-thần ta phấn-khởi.

ĐẠI-Ý.— **Điệu nhạc hùng-dũng gây lòng yêu nước và đem niềm tin-tưởng lại cho mọi người.**

CHÍNH-TẢ

VIỆC SÁNG-TÁC RA CHỮ QUỐC-NGỮ

Chữ Quốc-ngữ là một thứ chữ dùng tự-mẫu La-tinh để phiên-âm tiếng Việt. Quốc-ngữ nghĩa đen là tiếng nói của một nước. Vậy cái từ-ngữ ấy đã dùng không đúng vì đó là một thứ chữ chứ không phải là một thứ tiếng! Tuy-nhiên vì đã dùng quen nên ta không thể thay-đổi được nữa.

Thật ra từ thế-kỷ thứ 17 trở về trước, ở nước ta chỉ có chữ Nôm để phiên-âm tiếng Việt. Vì chữ Nôm chưa có chuẩn-đích mà học lại mất nhiều công-phu, nên các nhà truyền-giáo người Âu liền mượn tự-mẫu La-tinh, để đặt ra chữ Quốc-ngữ, cho tiện việc dịch kinh, soạn sách.

Việc sáng-tác ra chữ Quốc-ngữ chắc là công-trình chung của nhiều người, trong đó có các giáo-sĩ người Tây-ban-nha, Bồ-đào-nha và Pháp. Nhưng, người có công nhất trong việc này, vẫn là cố Đắc-lộ. Chính ông là người đầu tiên đã đem in nhiều sách bằng chữ Quốc-ngữ, nhất là cuốn tự-điển đã khiến cho người đời sau có tài-liệu mà học-hỏi, kê-cứu.

Theo DƯƠNG-QUẢNG-HÀM

GIẢI-NGHĨA.— **Sáng-tác :** tự mình làm ra, không mô-phỏng, bắt-chước người khác. **Tự-mẫu :** chữ cái trong văn-tự các nước như A, B, C. **Từ-ngữ :** tiếng dùng để ghi mọi sự, mọi vật, có thể gọi tên, nói ra, dùng riêng mà thành lời được. **Chuẩn-đích :** *(Chuẩn :* cái dùng để làm mực. *Đích :* cái theo đó mà làm) cái để làm mực, để nhằm vào đó mà làm việc. **Đắc-lộ :** phiên-âm tiếng Alexandre de Rhodes. **Tự-điển :** sách giải-nghĩa và chia điển-tích các chữ, các tiếng.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Gi.— Truyền-giáo, gươm-giáo, rắn giáo, bắc giáo xây tường, giáo-viên, giáo-hội, giáo-dục, giáo-đường, chỉ-giáo, khuyên-giáo, thụ-giáo, giáo-đầu, giáo-giở (cũng như trò-trở, giáo có nghĩa là quay-lộn lại).

R.— Phơi cho ráo, ráo mồ-hôi, cao-ráo, hết-ráo, ráo-riết, ráo-hoảnh.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : phiên-âm, thế-kỷ, tài-liệu, kê-cứu.

2) Động-từ là gì ? Có mấy thứ động-từ ? Kể hai động-từ đơn và hai động-từ ghép.

3) Ai sáng-tác ra chữ Quốc-ngữ ? — Chữ Quốc-ngữ có lợi thế nào cho dân-tộc ta ?

4) Tìm những tiếng đồng-âm dị-nghĩa với *quốc* mà đặt thành một câu ngắn.

VĂN-PHẠM

ĐỘNG-TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả : *Việc sáng-tác ra chữ Quốc-ngữ* có câu : *Ông* **là** *người đầu-tiên đã* **đem in** *nhiều sách bằng chữ Quốc-ngữ.*

Các em hẳn thấy tiếng *là* chỉ cái trạng-thái của tiếng *ông* đứng làm chủ-từ.

Tiếng *đem in* chỉ công-việc làm của tiếng *người* đứng làm chủ-từ.

Những tiếng : *là, đem in* đều là động-từ.

BÀI HỌC.— Động-từ là tiếng dùng để chỉ *việc làm* của chủ-từ.

Thí-dụ : Em *học* bài.
Giáo-sư *viết* bảng.

Động-từ còn dùng để chỉ cái trạng-thái của người hay mọi vật.

Thí-dụ : Học-sinh *là* tương-lai của đất-nước.
Nước tôi *có* nhiều trang sử vẻ-vang.

Động-từ còn chia ra làm *động-từ đơn* và *động-từ ghép.*

*

TẬP VIẾT

Chữ N, M, lối hoa : — Nam-dương, Mã-lai

*

TẬP LÀM VĂN

CỤM CHUỐI

Cuối vườn nhà em có cụm chuối tiêu. Hôm nay, nhân ra hái lá chuối khô về lau bàn, em đã có dịp quan-sát tỉ-mỉ cụm chuối đó. Hãy tả lại.

DÀN-BÀI.—

1) **Mở bài :** Nơi mọc cụm chối tiêu mà em thường ra hái lá.

2) **Thân-bài :** a) Toàn-thể cụm chuối : cây già, cây non, mầm.
b) Thân cây, rễ, lá. Ảnh-hưởng của mưa, gió.
c) Ra hoa, kết-quả.
d) Công-dụng của củ chuối, bẹ chuối, hoa chuối, lá chuối, quả chuối.

3) **Kết-luận :** Cây chuối vừa có ích, vừa dễ trồng, nên ở đâu cũng có.

TUẦN-LỄ THỨ 12

NGỮ-VỰNG

CÁC NGÀNH VĂN-HÓA

Danh-từ.— Văn-chương — Khoa-học — Giáo-dục — Âm-nhạc — Thi-ca — Kịch-bản — Vũ-điệu — Sân-khấu — Màn-ảnh — Văn-hóa-vụ.

Tĩnh-từ.— (Văn-chương) bác-học, bình-dân — (Âm-nhạc) du-dương — (Thi-ca) hùng-tráng.

Động-từ.— Trình-diễn (âm-nhạc) — Phổ-biến (giáo-dục) — Xuất-bản (thi-ca).

Tục-ngữ, ca-dao :

— *Văn-chương, phú-lục chẳng hay*
Trở về làng cũ, học cày cho xong. (Ca-dao)

— *Văn-chương nết đất, thông-minh tính trời. (K)*

GIẢI-NGHĨA.— **Văn-hóa :** cuộc sinh-hoạt có ý-thức của nhân-loại hoặc của một dân-tộc về phương-diện kinh-tế, xã-hội, giáo-dục, nghệ-thuật v.v... **Văn-chương :** nói chung về cách chọn chữ, làm văn cho hay. **Khoa-học :** môn học thực-nghiệm, có phương-pháp. **Âm-nhạc :** nghệ-thuật dùng âm-thanh để diễn-tả tình-cảm. **Thi-ca :** *Thi* : thơ như thơ Đường, thơ mới, thơ tự-do. *Ca* : bài văn vần, có thể hát lên được như ca-dao, lục-bát, song-thất lục-bát v. v... **Kịch-bản :** bản kịch viết ra để diễn-viên cứ theo đó mà diễn trên sân-khấu. **Vũ-điệu :** các điệu múa. **Sân-khấu :** nơi các diễn-viên, ca-sĩ đóng kịch, ca hát, nhảy múa cho khán-giả xem. **Văn-hóa-vụ :** cơ-quan trông-nom về các ngành văn-hóa. **Văn-chương bác-học :** văn-chương cầu-kỳ, chải-chuốt mà chỉ người học rộng mới hiểu nổi. **Văn-chương bình-dân :** văn-chương thích-hợp với giới bình-dân vì giọng-điệu tự-nhiên, chất-phác, chân-thật. *Thí-dụ :* Ca-dao là loại văn-chương bình-dân. **Du-dương :** lên bổng, xuống trầm, nghe rất êm tai. **Hùng-tráng :** mạnh-mẽ, làm cho lòng người thêm phấn-khởi, hăng-hái. **Trình-diễn :** trình-bày, phô-diễn cho khán-giả xem hoặc cho thính-giả nghe. **Xuất-bản :** in thành sách để bán cho công-chúng.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Văn-chương, màn-ảnh, sân-khấu, phổ-biến.*
2) Kể các tôn-giáo hiện có ở nước ta ?
4) Màn-ảnh có lợi hay có hại ? Cho thí-dụ.
4) Tìm những tiếng phản-nghĩa với "du-dương", với "hùng-tráng".

TẬP ĐỌC

VẤN-ĐỀ CHÍNH-TẢ

1.— Ít lâu nay, trong sách-báo, trên những tấm biểu-ngữ, trên những tờ yết-thị, những lỗi chính-tả cứ phô ra một cách trơ-trẽn.

2.— Sở-dĩ người mình viết mà thường để lại nhiều lỗi chính-tả là vì nhiều lý-do.

Trước hết vì khi nói, mình **phát-âm** không đúng ! Mỗi **địa-phương** đọc sai một số âm. Lý-do thứ hai vì chữ Quốc-ngữ học dễ và chóng, thành-thử nhiều người lầm tưởng rằng : « Cứ nhận được những chữ cái và biết chắp vần là viết được chữ Quốc-ngữ rồi.» Lý-do thứ ba là phần nhiều người mình đã quen cái thói **cẩu-thả di-truyền** nên khi viết không thận-trọng, miễn viết thành chữ là đủ.

Sau cùng là vì dư-luận quá hờ-hững với những lỗi chính-tả. Khi xưa, viết chữ Pháp, nếu người ta để một lỗi chính-tả rất nhỏ thì những người khác đều cho là dốt, là non. Thế mà ngày nay, những người có tài, có học, viết chữ nước nhà, để lại nhan-nhản những lỗi thì người chung-quanh chẳng ai để ý đến !

3.— Có người tưởng cứ viết được rồi đọc lên, người ta hiểu là đủ. Nghĩ như thế là nghĩ một cách nông-nổi, **hàm-hồ**. Chính những lỗi chính-tả đã làm cho tiếng ta nghèo đi, mất phần **chính-xác** và không được duy-nhất từ Bắc chí Nam.

Trích sách «MUỐN ĐÚNG CHÍNH-TẢ»

GIẢI-NGHĨA.— **Biểu-ngữ :** những lời gọn-ghẽ, rõ-ràng viết vào vải hay giấy để nêu nguyện-vọng, ý-kiến của một giới nào. **Yết-thị :** (*Yết :* dán. *Thị :* bảo cho biết) mệnh-lệnh hay những điều chỉ-dẫn viết vào giấy, dán lên cho mọi người xem. **Phát-âm :** đọc theo tiếng. **Địa-phương :** một vùng nào. **Cẩu-thả di-truyền:** thói làm việc đại-khái, luộm-thuộm từ đời trước truyền lại. **Dư-luận :** ý-kiến, lời bàn-bạc của dân-chúng. **Chính-xác :** rõ-ràng, không sai-nhầm. **Duy-nhất :** chỉ có một, không hai.

CÂU HỎI — **Ý-tưởng : Ta thường thấy những lỗi chính-tả ở đâu ? — Tại sao người mình để lại nhiều lỗi chính-tả ? — Kể một vài thói cẩu-thả di-truyền của người mình ? — Để lỗi chính-tả có hại như thế nào ? — Ta phải làm thế nào để viết đúng chữ Quốc-ngữ.**

Lời văn : Tìm tiếng thay cho tiếng *yết-thị* (bố-cáo) — Tiếng *trơ-trẽn* ở đây có ý-nghĩa gì ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *địa-phương*.

DÀN-BÀI.— 1 — Lỗi chính-tả ở trên các sách-báo.
2 — Lý-do để lỗi chính-tả lại.
3 — Viết sai chính-tả là làm cho tiếng ta nghèo đi.

ĐẠI Ý.— **Viết chính-tả có đúng thì tiếng ta mới giàu thêm và được duy-nhất từ Bắc chí Nam.**

★

CHÍNH-TẢ

LỄ-PHÉP

Ngày nay, người ta ở trong xã-hội, trong khi giao-tế với nhau, cần phải có lễ-phép.

Nhưng giữ lễ-phép không phải là tự làm đê hạ mình đi mới là tôn-trọng kẻ khác. Không phải là tự nằm rạp xuống đất hay uốn gãy mình làm đôi, mới tỏ là mình kính-trọng người ta. Cách lễ-phép như vậy thời : một là giả-dối, hai là đê-hèn, đều đáng khinh-bỉ !

Bấy nay, xét trong cách lễ-phép của người mình, phần nhiều như thế cả. Đối với người dưới thời tuyệt-nhiên đã không có chút lễ-phép gì, thường lấy sự thô-bỉ, tàn-nhẫn mà đãi kẻ kém mình. Đối với người trên, thật đê-tiện quá chừng ! Rụt-rè, khúm-núm, gãi đầu, gãi tai, bẩm bẩm, thưa thưa, vâng vâng, dạ dạ, coi lời ăn, tiếng nói, dáng đứng, cách ngồi, tưởng phàm là người biết trọng cái phẩm-giá của con người, không tự-hạ đến thế !

Theo PHẠM-QUỲNH

GIẢI-NGHĨA.— **Giao-tế** : giao-thiệp với những người khác. **Đê-hạ** : thấp-hèn. **Tuyệt-nhiên** : một cách tuyệt-đối, không khác nữa. **Tàn-nhẫn** : độc-ác, không còn cảm-tình đối với những người bị đau-khổ. **Thô-bỉ** : tục-tằn, không lịch-sự.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Gi.— Giao-tế, giao-du, giao-hữu, giao-kèo, giao-phong, giao-thiệp, giao-thừa, kết-giao, giao-ước.

D.— Dao-bàu, dao-kéo, dao-cầu, dao-díp,

R. — Rao hàng, bán rao, rêu-rao.

Gi.— Phẩm-giá, giá-cả, đánh-giá, đấu-giá, giá-trị, giá gương, cây Thánh-giá.

R.— Rổ rá, rá gạo, cà-rá.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : xã-hội, tôn-trọng, khúm-núm, phẩm-giá, tự-hạ.
2) Trạng-từ là gì ? Kể mấy trạng-từ do tĩnh-từ biến thành.
3) Tìm những từ-ngữ dùng để tả dáng-điệu và ngôn-ngữ của một người không biết tự-trọng.
4) Tại sao ta không nên lầm *lễ-phép* với *luồn cúi* ?

★

VĂN-PHẠM

TRẠNG-TỪ

NHẬN-XÉT : Trong bài chính-tả *Lễ-phép* có câu : *không phải là tự nằm rạp xuống đất mới tỏ là mình kính-trọng người ta.* Ta thấy tiếng *rạp* phụ-nghĩa cho động-từ *nằm* để cho ta biết nằm như thế nào ? Vậy tiếng *rạp* gọi là trạng-từ.

BÀI HỌC.— Trạng-từ là tiếng dùng để phụ-nghĩa cho một động-từ, một tĩnh-từ hay một trạng-từ khác.

Thí-dụ : Chim bay *lướt* trên cánh đồng.
Chúng ta học bài *rất* dài.
Thỏ chạy nhanh *lắm*.

Nhiều tiếng tĩnh-từ, khi đặt sau động-từ, thường biến thành trạng-từ.

Thí-dụ : Ba viết *đẹp*.
Nam học *giỏi*.

★

TẬP VIẾT

Chữ I, K lối hoa, — Ích-Khiêm,

★

TẬP LÀM VĂN

CÂY CHANH

Nhân bữa cơm trưa, mẹ em sai em ra vườn hái chanh. Hãy tả cây chanh đó.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Ra vườn, gần bờ ao, hái chanh.
2) **Thân bài** : a) Toàn-thể : thân cây mọc lòa-xòa, rất thấp chạm đất.
b) Các phần : cành cây đầy gai, vỏ nhẵn, lá dày, xanh thẫm, có mùi thơm.
c) Hoa và quả chanh.
3) **Kết-luận** : Cây chanh rất có ích — lá chanh, quả chanh đều dùng làm gia-vị — chăm tưới và bắt sâu cho cây.

TUẦN-LỄ THỨ 13

NGỮ-VỰNG

CÁC NGÀNH VĂN-HÓA

Danh-từ.— Bác-sĩ — Giáo-sư — Nhà bác-học — Văn-hào — Văn-nhân — Thi-sĩ — Nghệ-sĩ — Họa-sĩ — Nhạc-sư — Nhạc-sĩ — Nhạc-công — Nhạc-sinh — Ký-giả — Phóng-viên — Tài-tử.

Tính-từ.— (Giáo-sư) chuyên-môn — (Nghệ-sĩ) tài-hoa — (Văn-sĩ) lãng-mạn — (Thi-sĩ) trào-phúng.

Động-từ.— Sáng-tác — Sưu-tầm (tài-liệu) — Phóng-sự — Hướng-dẫn (dư-luận).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Văn nhân, tài tử.*

— *Đọc sách, ngâm thơ.*

— *Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vời.*

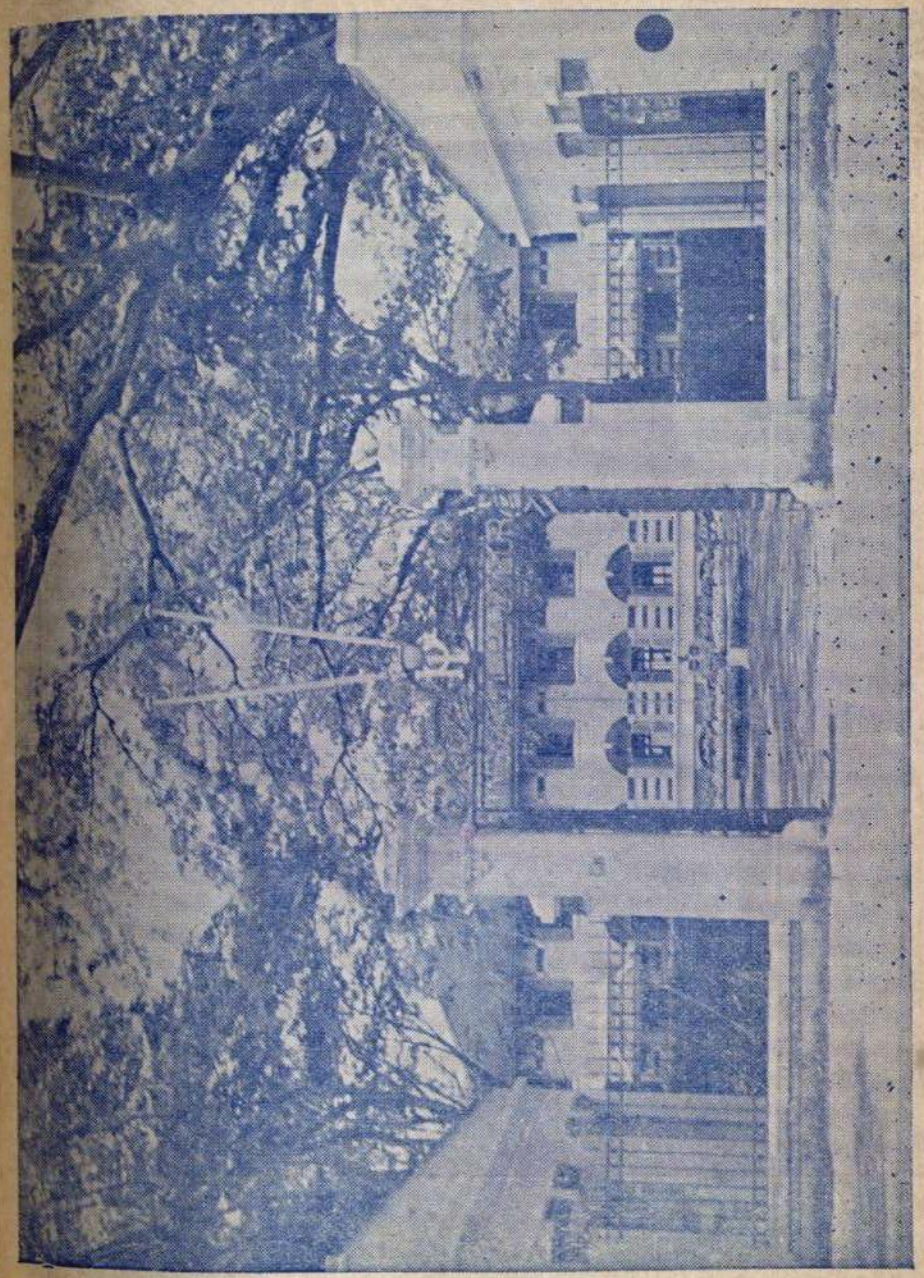
GIẢI-NGHĨA.— **Nhà bác-học** : người học rộng biết nhiều. *Thí-dụ* Nhà bác-học Pasteur, Trương-vĩnh-Ký v.v... **Văn-hào** : nhà văn tài-giỏi, nổi tiếng. *Thí-dụ* : Nguyễn-Du là một đại văn-hào về đời Lê-mạt. **Nhạc-sư** : người dạy âm-nhạc hoặc đứng đầu một ban âm-nhạc (còn gọi là nhạc-trưởng). **Nhạc-sĩ** : người chuyên về âm-nhạc hoặc soạn nhạc. **Nhạc-công** : người chuyên xử-dụng nhạc-khí như thổi kèn, đánh trống, gảy đàn v. v... **Ký-giả** : người viết báo. **Phóng-viên** : (hay phỏng-viên) nhân-viên nhà báo chuyên đi lượm-lặt tin-tức thời-sự. **Tài-tử** : người học giỏi, văn hay hoặc người thủ vai chính trong cá vở kịch, phim chiếu bóng v.v... **Nghệ-sĩ tài-hoa** : (nghệ-sĩ) có thực-tài và rất được mến-chuộng. **Văn-sĩ lãng-mạn** : (Văn-sĩ) chuyên viết những chuyện tình tứ và ca-tụng sự tự-do cá-nhân. **Trào-phúng** : (*Trào* : cười, giễu-cợt. *Phúng* : mượn-lời bóng-bẩy để cảm-hóa người ta) giễu-cợt, cười đùa để răn đời. *Thí-dụ* : Yên-đổ, Tú-Xương là những nhà thơ trào-phúng. **Sáng-tác** : chính tự mình làm ra, không phỏng theo người khác. **Sưu-tầm** : tìm-kiếm, thu-thập. **Phóng-sự** : (hoặc phỏng-sự) hỏi thăm để biết rõ sự-việc. **Hướng-dẫn** : (dư-luận) : chỉ đường, dẫn lối cho ý-kiến và dư luận của dân-chúng. **Câu thần lại mượn bút hoa vẽ-vời** : (câu này trích trong truyện Kiều) ý nói lời thơ đã hay lại được chép ra bằng những nét chữ rất đẹp.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Đại-hội Văn-hóa toàn-quốc có rất nhiều . . . . và . . . . . tới tham-dự. Giới . . . đã đem trình-bày những bản nhạc hùng được . . . . trong khi thành-lập chính-thể Cộng-hòa. Các . . . . cũng dùng báo-chí của mình để . . . . và xây-đắp một nền văn-hóa dân-tộc. Theo gương nhà . . . . Trương-vĩnh-Ký, các giáo-sư cũng . . . tài-liệu để thuyết-trình về ngành giáo-dục.

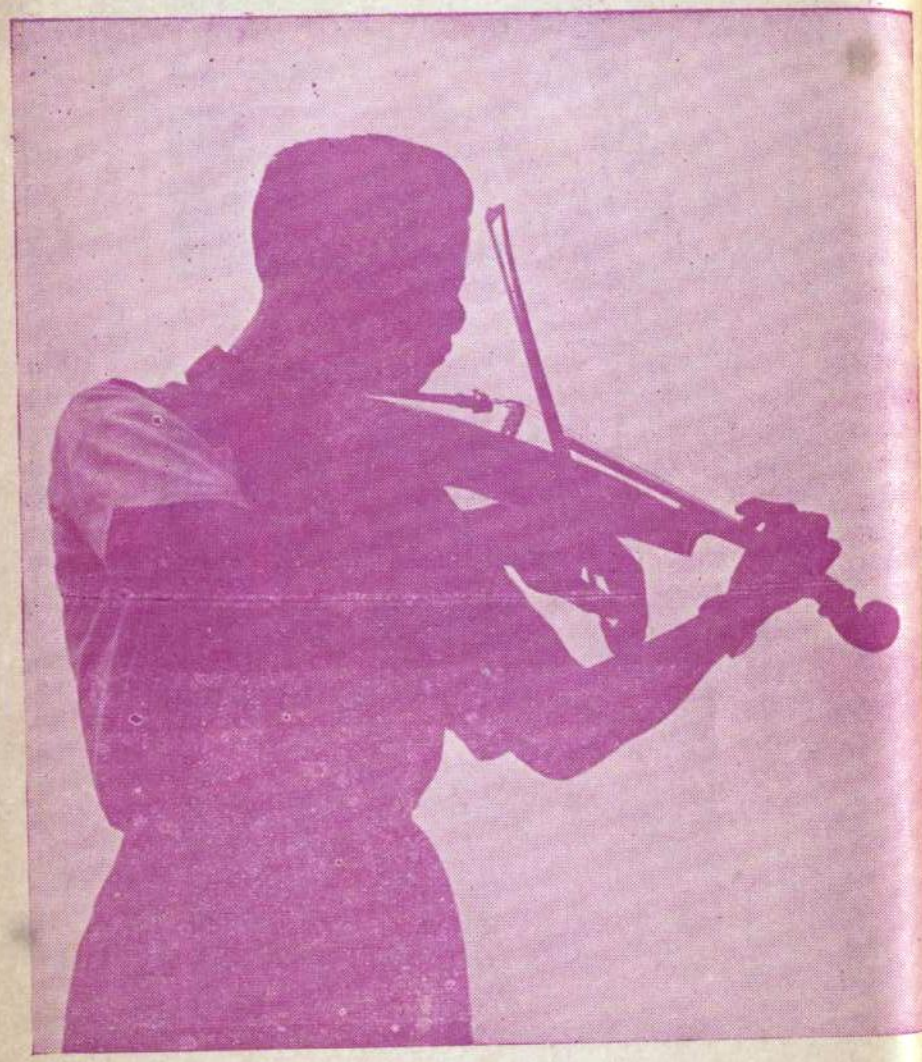
V

CHỦ-ĐỀ : CÁC NHÀ BÁC-HỌC



PHỤ-BẢN SỐ 5 — *VIỆN PASTEUR*

VI
CHỦ-ĐỀ : CÁC NGÀNH VĂN-HÓA



PHỤ-BẢN SỐ 6

ĐẠO VĨ-CẦ

TẬP ĐỌC

ÂM-NHẠC

1 — Âm-nhạc là một nghệ-thuật dùng **âm-thanh** để **truyền-bá tư-tưởng**. Theo **định-nghĩa** đó, ta thấy âm-nhạc rất đắc-dụng trong việc giáo-dục dân-chúng.

2.— Thật vậy, những bài ca vui mạnh của hướng-đạo-sinh đã làm cho thanh-niên yêu đời, mến nước. Nói đến quân-đội thì âm-nhạc còn cần hơn nữa. Khi một đoàn quân lên đường thì **khúc quân-hành** hùng-tráng lại làm cho binh-sĩ thêm **phấn-khởi.** Đồng-thời, điệu kèn ấy còn **kích-thích** biết bao người xúm-xít ở chung-quanh !

Đứng về phương-diện giáo-dục, chúng ta không nên để cho các em gặp bài nào, hát bài ấy. Còn gì hại cho bằng một em mười một, mười hai tuổi, luôn mồm ca những câu **tình-tứ**, buồn-thương ! Tuổi trẻ là tuổi yêu đời nên cần những nhạc-điệu vui-tươi, mạnh-mẽ. Một số bài như : *Học-sinh hành-khúc, Thiếu-sinh quân, Trung-thu chèo thuyền, Hè về, Chú cuội* v.v.... có thể gọi là thích-hợp với tâm-hồn trẻ...

3.— Tuy-nhiên, những bản nhạc thuộc vào loại trên vẫn còn quá ít-ỏi nếu đem so với số nhạc-phẩm xuất-bản hồi gần đây... Ước-mong rằng : vì tương-lai của đất-nước, các nhạc-sĩ Việt-nam sẽ **sáng-tác** thêm cho các em nhỏ một số bài vui-tươi và hùng-tráng...

Theo LÊ HOÀNG-LONG

GIẢI-NGHĨA : **Âm-thanh** : những tiếng dùng trong âm-nhạc. **Truyền-bá tư-tưởng** : làm cho tư-tưởng lan rộng đi khắp mọi nơi. **Định-nghĩa** : cái nghĩa đã đặt ra và được mọi người công-nhận. **Khúc quân-hành** : bài ca để quân-nhân hát khi đi đường. **Kích-thích** : (*Kích* : khêu-động; *Thích* : đâm) dùng âm-nhạc để khêu-gợi và thúc-giục cho người ta hăng-hái lên. **Phấn-khởi** : hăng-hái, mạnh-mẽ. **Câu tình-tứ** : câu hát lẳng-lơ giữa trai và gái. **Hùng-tráng** : mạnh-mẽ.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Âm-nhạc là gì ? — Âm-nhạc có ảnh-hưởng gì đối với việc giáo-dục ? — Những điệu ca vui-mạnh làm cho lòng người thế nào ? — Kể vài bản nhạc thích-hợp với tuổi trẻ ? — Vì sao cần phải sáng-tác cho học-sinh những nhạc-phẩm hùng-mạnh ?

Lời văn : Tìm những tĩnh-từ chỉ tính-chất của những bài ca hướng-đạo ? — Kể một vài bài ca có hại cho trẻ. — Tìm tiếng phản-nghĩa với *buồn-thương* với *hùng-tráng*.

DÀN-BÀI : 1.— Âm-nhạc đối với giáo-dục.
2.— Ảnh-hưởng của âm-nhạc.
3.— Cần có thêm những bản nhạc vui-tươi cho học-sinh.

ĐẠI-Ý.— **Âm-nhạc rất có lợi trong việc giáo-dục cho nên ta cần có nhiều bản nhạc vui-tươi và hùng-tráng.**

HỌC THUỘC LÒNG

GƯƠNG TỰ-LẬP

1 — Đã đến lúc đem cánh tay dũng-mãnh,
Đem sức người thử-thách gió cùng mưa.
Tưới mồ-hôi lên luống đất, cày-bừa,
Đạp gai-góc, hiên-ngang ta tiến bước...

2 — Vì hạnh-phúc, vì tương-lai đất-nước,
Tôi tự tin, không ỷ-lại, chần-chờ.
Lấy sức mình, anh giành được ấm-no,
Lưỡi cày bén ăn sâu lòng đất cứng.
Trên nắng cháy, dưới sình lầy, đứng vững,
— Anh em ơi ! ta cứ tiến, không lùi !
Cùng hát lên, truyền-cảm nhịp tươi-vui.
Vung tay mạnh, ta gieo mầm lúa ngọt.
— Anh đã mệt ? Có lên, ta cày nốt
Đất phì-nhiêu, bát-ngát dưới trời Nam.

3 — Ta gắng lên, hãnh-diện việc ta làm,
Gương tự-lập treo cao cùng Thế-giới.

Theo ĐỀ-QUYÊN

GIẢI-NGHĨA.— **Tự-lập** : tự gây-dựng lấy sự-nghiệp cho mình. **Dũng-mãnh** : mạnh-mẽ, hăng-hái. **Hiên-ngang** : nhìn cao, bước thẳng, không sợ-sệt. **Ỷ-lại** : (*Ỷ* : nương-tựa. *Lại* : nhờ-vả) trông nhờ vào người khác. **Truyền-cảm** : (*Truyền* : trao lại. *Cảm* : cái gì từ ngoài vào làm cho mình nhận thấy) trao lại cho người khác điều gì mà mình thấy. **Hãnh-diện** : lên mặt, tự cho việc mình làm là xứng-đáng. **Phì-nhiêu** : nhiều màu-mỡ.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng.**— Tưới mồ-hôi lên luống cày để làm gì ? — Vì sao ta phải làm việc ? — Vung tay mạnh để làm gì ? — Đất ở đâu phì-nhiêu bát-ngát ? — Vì sao ta có thể hãnh-diện về việc ta làm ?

Lời văn : Tiếng *nắng cháy, sình lầy* gợi cho ta hình-ảnh gì ? — *Tự-lập* với *tự-cường* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tiếng gì ở đoạn giữa chỉ ruộng đất ở nước ta tốt và rộng ?

DÀN-BÀI.— 1 — Đã đến lúc phải ra sức làm việc.
2 — Lý-do khiến ta làm việc.
3 — Công-việc ta làm rất có ích-lợi.

ĐẠI-Ý.— Ta cố-gắng cày cấy, làm việc để treo cao gương tự-lập.

CHÍNH-TẢ

CÔNG-TÁC VĂN-HÓA

Nói về hoạt-động xã-hội của thanh-niên, ngoài thể-dục và thể-thao, còn phải kể đến công-tác văn-hóa nữa.

Công-tác văn-hóa nhằm việc nâng cao dân-trí cho đồng-bào Người dân có trình-độ văn-hóa khá, sẽ thấy đời sống được sáng-sủa hơn. Đồng-thời, địa-vị của dân-tộc cũng như của quốc-gia, sẽ được nâng cao trên trường quốc-tế.

Một thí-dụ cụ-thể là : chỉ vì thất-học, hàng năm dân quê ta đã đốt phí mấy triệu bạc vàng-mã. Ngoài ra, những cảnh lên đồng, đội bát hương, uống nước thải, đã làm cho người ngoại-quốc có một ấn-tượng không đẹp với trình-độ tiến-hóa của toàn dân.

Vậy, công-tác chính của thanh-niên lúc này là công-tác văn-hóa. Chúng ta phải tham-gia các tổ-chức chống nạn mù-chữ để bài-trừ mê-tín, cải-tạo đời sống của đồng-bào và xây-dựng tương-lai cho đất-nước.

SINH-LỰC

GIẢI-NGHĨA.— **Công-tác** : nhiệm-vụ, phần việc phải làm. **Dân-trí** : trình-độ hiểu biết của dân-chúng trong nước. **Quốc-tế** : các nước trên thế-giới. **Thất-học** : không được đi học, bị mù-chữ. **Nước thải** : nước lã cúng-lễ rồi bỏ ra. **Bài-trừ mê-tín** : trừ bỏ những điều tin nhảm, phần khoa-học, như đau ốm cho là do ma làm chứ không phải vì vi-trùng v.v... **Cải-tạo** : (*Cải* : thay-đổi. *Tạo* : làm) đem cái cũ đổi thành mới, làm cho tốt-đẹp hơn lên.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ.—

S. — Sáng-sủa, sáng-suốt, sáng-kiến, sáng-chế, sáng-tác, sáng-lập.

Tr. — Dân-trí, trí-óc, trí-tri, trí-tuệ, cách-trí, giải-trí, nhất-trí, mưu-trí, bố-trí, vị-trí, trí-trá, trí-sĩ, hưu-trí.

Ch.— Chí-hướng, chí-khí, chí-sĩ, ý-chí, phỉ chí, dĩ-chí, đồng-chí, chí-tâm, chí-thành, địa-chí, báo-chí, mộ-chí.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Địa-vị, thí-dụ cụ-thể, ấn-tượng, trình-độ tiến-hóa.
2) Giới-từ là gì ? Giới-từ thường đặt ở chỗ nào trong một câu ?
3) *Đồng-bào* và *đồng-chí* khác nghĩa nhau thế nào ?
4) Công-tác chính của thanh-niên lúc này là gì ?

VĂN-PHẠM

GIỚI-TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả « *Công-tác văn-hóa* » ở đoạn cuối ta thấy có câu : « *Người ngoại-quốc có một ấn-tượng không đẹp với trình-độ tiến-hóa của toàn dân* ».

Trong câu này tiếng *với* nối động-từ *có* một ấn tượng không đẹp với danh-từ *trình-độ tiến-hóa* ; tiếng *của* nối danh-từ *trình-độ tiến-hóa* với danh-từ *toàn-dân*.

Vậy những tiếng *với* và *của* đều là giới-từ.

BÀI-HỌC.— Giới-từ là tiếng dùng để liên-lạc một tiếng với tiếng túc-từ ở liền sau.

Thí-dụ : Ba nói chuyện *với* bạn.
Tôi viết bằng *bằng* phấn.
Tủ sách *của* gia-đình.
Những giới-từ chính là : *với, bằng, của, từ, đến* v.v...

*

TẬP VIẾT

Chữ H, V, lối hoa : — Hà-tiên, Vĩnh-long

*

TẬP LÀM VĂN

TẢ NGƯỜI

Chỉ-dẫn đại-cương : Văn tả người cũng như văn tả đồ-vật, cầm-thú, cây-cỏ, cần phải xác-thực và linh-động. Văn tả người thường chia ra làm ba phần là : tả hình-dáng, tả tính-nết, tả tình-cảm.

Muốn tả hình-dáng của một người, ta phải quan-sát kỹ-lưỡng những chi-tiết bề ngoài (như khổ người, vẻ mặt, cách ăn-mặc, nói-năng, cử-chỉ v.v. . .) để rồi chỉ nêu lên những điểm đặc-biệt nhất mà thôi. Như thế, người đọc văn của ta sẽ không lẫn nhân-vật mà ta đem ra tả với muôn ngàn người khác, thường vẫn gặp trên đường đời. Lẽ cố-nhiên là phải tránh những câu văn rườm-rà cũng như những tiếng quá sáo ! Sau hết, khi muốn tả những người thợ, ta cũng không nên quên những đồ-dùng riêng-biệt của họ *(Thí-dụ* : thầy-bói có tráp và đĩa gieo quẻ, thợ-mộc có đục, có chàng, quân-nhân với lưỡi lê, cây súng v. v. . .)

Muốn tả tính-nết (chăm-chỉ, lười-biếng, hiền-lành, hung-tợn, hào-phóng, keo-

kiệt) là những thứ vô-hình, trừu-tượng, ta phải nhớ rằng : « *Tính-nết thường lộ ra ở ngôn-ngữ, cử-chỉ, y-phục, vẻ mặt v.v...* ». Vậy nếu ta để ý nhận-xét và giàu óc tưởng-tượng sẽ có thể tìm ra mối tương-quan giữa hình-dáng bên ngoài với tính-tình phức-tạp bên trong.

Sau hết, muốn tả tình-cảm (vui, buồn, yêu, ghét v.v...) ta phải chú-ý đến sự thay-đổi nét mặt, lời nói cùng cử-chỉ của nhân-vật đó. Cảnh-vật bên ngoài (mưa, nắng, đồng-quê, thành-thị, rừng thẳm, biển rộng), cũng ảnh-hưởng đến tình-cảm rất nhiều. Tuy-nhiên ta cũng không nên quên rằng một vài nét phác-họa đơn-sơ nhưng xác-thực còn giá-trị bằng mấy những đoạn văn miêu-tả nhạt-nhẽo và rườm-rà !

Tóm lại, khi muốn tả người, ta nên cố gắng quan-sát kỹ, phân-tách rõ, để cho người đọc văn ta có cảm-giác như là đương nhìn thấy những nhân-vật *sống* thật-sự, ở ngay trước mắt.

DÀN BÀI MẪU CHUNG CHO CÁC BÀI TẢ NGƯỜI

1) Mở bài : Giới-thiệu nhân-vật.

2) Thân bài : a) Hình-dáng (khổ người, vẻ mặt, cử-chỉ, lời nói, cách ăn mặc, đồ-dùng v.v...).
b) Tính-nết (tính tốt hoặc tật xấu được biểu-lộ ra ở ngôn-ngữ).
c) Tình-cảm (nếu có).

3) Kết-luận : Cảm-tình của ta đối với người ấy — Gương sáng mà họ nêu cho ta v.v..

*

NGƯỜI HỌC-TRÒ TỐT

Ngày nào thầy cũng khen anh Sơn và khuyên mọi người nên bắt-chước. Hãy tả lại hình-dung và tính-nết người học-trò tốt đó.

DÀN-BÀI.—

1) Mở bài : Anh Sơn thường được khen-ngợi và kể làm gương-mẫu.

2) Thân bài : a) Hình-dung (sơ-lược), cách ăn-mặc.
b) Đức-tính (đúng giờ, chăm-chỉ, cẩn-thận, cố-gắng, thứ-tự).
c) Kết-quả thâu-lượm được về việc học.
d) Cách cư-xử (lễ-phép, hòa-nhã) với thầy, với bạn.

3) Kết-luận : Cảm-tình của mọi người đối với anh Sơn. Cố-gắng bắt-chước anh Sơn.

TUẦN-LỄ THỨ 14

NGỮ-VỰNG

TIỂU-CÔNG-NGHỆ

Danh-từ.— Trường mỹ-nghệ — Chế-phẩm — Nhân-công — Thủ-công-nghệ — Nguyên-liệu — Nghề đúc — Nghề tiện — Nghề dệt — Nghề thêu — Nghề đan — Nghề làm đồ gốm — Nghề kim-hoàn — Nghề điêu-khắc — Nghề may-cắt.

Tính-từ.— (Nghề) tinh-xảo — (Nguyên-liệu) dồi-dào — (Dụng-cụ) thô-sơ — (Nhân-công) khéo.

Động-từ.— Học nghề — Lập xưởng công-nghệ — Chế-tạo — Sản-xuất, Tiêu-thụ (hàng-hóa).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Mưu thầy, mẹo thợ.*

— *Ruộng bề-bề không bằng nghề trong tay.*

— *Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.*

GIẢI-NGHĨA.— **Mỹ-nghệ :** nghề khéo tay, có mỹ-thuật.— **Đồ gốm :** đồ-dùng bằng đất sét nung chín như : chum, vại, bát, đĩa. **Thủ-công-nghệ :** nghề làm bằng tay chân chứ không dùng đến máy-móc. *Thí-dụ :* đan-nát, chạm-trổ đều là thủ-công-nghệ. **Nguyên-liệu :** các thứ để chế ra hóa-phẩm như củi, gỗ, quặng sắt, tơ tằm v.v... **Nghề kim-hoàn :** nghề làm các đồ nữ-trang như vòng, xuyến, hoa, nhẫn bằng vàng, bạc. **Nghề điêu-khắc :** nghề chạm-trổ, đắp tượng v.v... **Tinh-xảo :** vừa kỹ, vừa khéo. **Dồi-dào :** quá đầy-đủ, thừa-thãi, không thiếu chút gì. **Thô-sơ :** cục-mịch, cũ-kỹ, không được tinh-xảo. **Học nghề :** tập làm trong một thời-gian cho quen nghề. **Tiêu-thụ :** mua sắm hàng-hóa về dùng. **Mưu thầy, mẹo thợ :** ông thầy phải có cơ-mưu, sư-phạm thì dạy học-trò mới chóng tấn-tới, cũng như người thợ phải có mẹo-mực thì làm đồ-dùng mới khéo và lâu hỏng.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Trong khi phát-động phong-trào dùng đồ nội-hóa, Chính-phủ đã nghĩ đến việc chấn-hưng. . . . . Ngoài việc lập xưởng, dựng trại, bộ Lao-động còn tổ-chức những lớp. . . . . vào buổi tối cho giới cần-lao. Trường. . . . . Biên-hòa đã. . . . . được nhiều đồ gốm rất đẹp. Những. . . . . đem trưng-bày ở ngoại-quốc đã được đặc-biệt chú-ý. Nhờ ở nguyên-liệu. . . . . và . . . . khéo, hàng-hóa sản-xuất ra bán rất chạy. Nếu chúng ta, ai cũng có một nghề, thì lo gì mà chả kiếm ăn được dễ-dàng ! Vì thế cho nên tục-ngữ đã có câu. . . . . .

TẬP ĐỌC

TIỂU-CÔNG-NGHỆ VIỆT-NAM

1.— Nhiều tiểu-công-nghệ ở nước ta đã **xuất-hiện** từ đầu thế-kỷ thứ mười một đến thế-kỷ thứ mười sáu. Mấy nghề chính là : nghề dệt, nghề thêu, nghề khảm, nghề làm đồ gốm, đồ đồng, nghề dệt chiếu, nghề đan, nghề làm nón v.v...

2.— Những tiểu-công-nghệ đó thường gồm mấy **đặc-tính** như sau :

a) Nó là một hoạt-động phụ vì các nhà tiểu-công-nghệ vẫn có nghề chính là nghề làm ruộng, nuôi gà. Chỉ những lúc tháng ba, ngày tám rỗi-rãi mới quay ra làm nghề để kiếm thêm tiền cho gia-đình.

b) Các nhà tiểu-công-nghệ thường sống **tập-trung** trong các xã thôn. Vì vậy, có xã này chuyên về dệt lụa, có xã kia chỉ biết dệt chiếu hoặc đúc đồng.

c) Nhờ sự khéo tay và tài **mô-phỏng**, các **chế-phẩm** rất được ngoại-quốc chú ý.

3.— Chúng ta cũng nhận rằng nghề khảm, nghề thêu v.v... là những nghề chuyên-môn, cần phải tập-luyện khá lâu. Hơn nữa những sản-phẩm mỹ-thuật chế-tạo ra, không phải để cung-cấp cho dân nghèo mà để bán cho những người giàu-có hoặc để xuất-cảng. Nếu được hướng-dẫn **chu-đáo** và kiếm được **thị-trường** thì những nghề ấy sẽ có cơ **phát-triển** mạnh. Do đó, đời sống của các giới tiểu-công-nghệ sẽ được nâng cao mà nền kinh-tế quốc-gia cũng thêm phồn-thịnh.

Theo VŨ-QUỐC-THÚC

GIẢI-NGHĨA.— **Xuất-hiện :** hiện ra, bắt đầu có. **Đặc-tính :** tính-cách riêng. **Rỗi-rãi :** rảnh-rang, thong-thả. **Mô-phỏng :** (*Mô :* cái cốt. *Phỏng :* bắt-chước) bắt-chước theo khuôn-khổ, mẫu-mực của người khác. **Chu-đáo :** đầy-đủ, đến nơi, đến chốn. **Thị-trường :** chỗ buôn-bán, nơi tiêu-thụ hàng-hóa. **Phát-triển :** mở rộng ra. **Tập-trung :** (*Tập :* họp, nhóm. *Trung :* giữa) họp lại ở một chỗ.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng :** Tiểu-công-nghệ của ta đã có từ thế-kỷ nào ? — Những nghề chính là nghề gì ? — Các nhà tiểu-công-nghệ thường tập-trung ở đâu ? — Đồ khảm, đồ chạm thường đem bán ở đâu ? — Nếu tiểu-công-nghệ được phát-triển thì đời sống dân-chúng sẽ thế nào ?

Lời văn : Tìm tiếng thay thế cho tiếng *xuất-hiện*. — *Mô-phỏng* với *sáng-chế* khác nhau thế nào ? — Tìm mấy câu ca-dao ở trong có tiếng *nghề*.

DÀN-BÀI : 1— Tiểu-công-nghệ Việt-nam,
2— Những đặc-tính của nó.
3— Tương-lai của tiểu-công-nghệ.

ĐẠI-Ý.— **Những tiểu-công-nghệ của ta, nếu được hướng-dẫn, sẽ có cơ phát-triển mạnh.**

✶

CHÍNH-TẢ

MỘT TRUNG-TÂM ĐỊNH-CƯ

Trung-tâm này có thể coi là một nơi định-cư gương-mẫu. Ở đây, người dân tị-nạn đã xây-dựng đủ nhà-cửa để ở và cấy lúa, trồng khoai, đào ao, thả cá để tự-cung, tự-cấp. Họ đã hòa mình theo nhịp sống địa-phương, theo đúng đường-lối của chính-phủ.

Đồng-bào định-cư không phải chỉ biết có nghề trồng-trọt mà thôi. Trong khi nhàn-rỗi, họ còn gắng sức phát-triển tiểu-công-nghệ. Người ta đã thành-lập được nhiều xưởng cưa máy và cưa tay cùng những xưởng đóng đồ gỗ. Xưởng nào cũng có tới vài trăm nhân-công làm việc nhộn-nhịp suốt ngày. Đời sống đã hoàn-toàn ổn-định chứ không còn lạ-lùng, bỡ-ngỡ như mấy năm về trước.

Dù người có khó tính đến đâu cũng phải nhận thấy rằng : « Đồng-bào định-cư, với hai bàn tay khỏe-mạnh và khối-óc cần-cù, đã không làm phụ lòng mong-mỏi của chính phủ và các nước bạn... »

TRÚC-SƠN

GIẢI-NGHĨA.— **Tị-nạn :** đi tránh nạn. **Tự-cung, tự-cấp :** tự mình sản-xuất lấy các thứ cần-dùng mà không phải mua ở ngoài. **Ổn-định :** yên-ổn, xếp-đặt đâu vào đó. **Bỡ-ngỡ :** lạ-lùng, ngơ-ngác chưa quen. **Cần-cù :** chịu khó chăm-chỉ làm việc. **Phụ lòng :** không làm vừa lòng, vừa ý...

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

X.— Xây-dựng, xây (quay) lưng lại, xây-xẩm cả người.
S.— Sây da, sây-sát,
D.— Hờn-dỗi, giận-dỗi, dằn-dỗi.
R.— Rỗi việc, nhàn-rỗi, tằm ăn rỗi.
D.— Dù-sao, ví-dù, nhảy dù, con bú-dù.
R.— Rù-rờ, lù-rù, cù-rù.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : địa-phương, tiểu-công-nghệ, nhân-công, đồng-bào.*
2) Tại sao lại có trung-tâm định-cư ?
3) Liên-từ là gì ? Kể những liên-từ ở trong bài chính-tả ?
4) Lấy mỗi từ-ngữ, di-cư, định-cư, tản-cư, hồi-cư mà đặt thành một câu ngắn.

✶

VĂN-PHẠM

LIÊN-TỪ

NHẬN-XÉT :

Ở bài chính-tả: *Một trung-tâm định-cư* trong câu : *Người dân tị-nạn đã xây-dựng đủ nhà-cửa để ở và cấy lúa* chúng ta thấy tiếng *và* nối hai đoạn *xây-dựng nhà* và *cấy lúa* với nhau.

Trong câu cuối cùng tiếng *rằng* nối hai đoạn với nhau, tiếng *và* thứ nhất nối *hai bàn tay* với *khối óc* ; tiếng *và* thứ hai nối *chính-phủ* với *các nước bạn*.

Vậy những tiếng *và, rằng* đều là liên-từ vì chúng dùng để nối.

BÀI HỌC.— Liên-từ là tiếng dùng để liên-hợp (nối) mấy tiếng cùng một loại, hoặc mấy mệnh-đề, hoặc mấy câu với nhau.

Thí-dụ : Giấy *và* mực là đồ-dùng của học-trò.
Ba được khen *vì* anh học giỏi.
Ai cũng hiểu *rằng* sự học rất cần.

Những tiếng liên-từ chính là : *và, cũng, vì, nhưng* v.v...

✶

TẬP VIẾT

Chữ S, L, lối hoa : — Sóc-trăng, Lâm-đồng

✶

TẬP LÀM VĂN

THƯƠNG-BINH

Ngoài đường phố, một thương-binh đang chống nạng đi một cách vất-vả, khó-nhọc. Hãy tả lại người thương-binh đó và nói cảm-tưởng của em.

DÀN-BÀI.— **1) Mở bài** : Địa-điểm và thời-gian gặp người thương-binh.
2) Thân bài : a) Hình-dáng, vết thương đặc-biệt (què hoặc cụt v.v...)
b) Cách phục-sức (xoàng-xĩnh.)
c) Về mặt tuy xanh-xao, mệt-mỏi song vẫn không kém phần cương-quyết.
3) Kết-luận : Cảm-tưởng : mến-phục và thương-cảm người chiến-sĩ đã hy-sinh xương-máu để bảo-vệ non-sông.

TUẦN-LỄ THỨ 15

NGỮ-VỰNG

CÔNG-NGHỆ

Danh-từ.— Máy-móc — Công-nhân — Đốc-công — Xí-nghiệp — Luật lao-động — Tổng liên-đoàn lao-công — Nghiệp-đoàn — Chủ — Thợ — Quỹ bù-trừ.

Tĩnh-từ.— (Nền kỹ-nghệ) thịnh-vượng — (Máy-móc) tối-tân — (Nghiệp-đoàn) vững-chắc — (Thợ) cần-mẫn — (Chủ) biết điều.

Động-từ.— Thành-lập (xưởng kỹ-nghệ) — Tuyển-dụng (nhân-công) — Gia-nhập (nghiệp-đoàn) — Khuếch-trương (công-nghệ).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Cậy thầy, cậy thợ.*
— *Nhân-sinh bách-nghệ.*
— *Múa rìu qua mắt thợ.*

GIẢI-NGHĨA.— **Máy-móc** : nói chung về các thứ máy phát ra sức mạnh để đỡ phải dùng sức người. **Công-nhân** : người làm công, thợ-thuyền. **Đốc-công** : người trông coi, thúc-giục thợ làm việc. **Xí-nghiệp** : công-cuộc kinh-doanh mưu lợi. *Thí-dụ* : hầm mỏ, đường xe lửa, hãng buôn đều là xí-nghiệp. **Luật lao-động** : bộ luật riêng về lao-động nói đến qui-chế xưởng-thợ, luật làm mỏ, tổ-chức nghiệp-đoàn, quyền đình-công v.v... **Liên-đoàn** : đoàn-thể của những người cùng một nghề, liên-kết chặt-chẽ với nhau để giữ-gìn quyền-lợi. **Nghiệp-đoàn** : cũng có nghĩa như liên-đoàn. **Quỹ bù-trừ** : quỹ do các chủ xí-nghiệp phải đóng góp thêm để trả phụ-cấp gia-đình cho anh em công-nhân. **Thịnh-vượng** : phát-đạt, càng ngày càng tốt-đẹp hơn lên. **Cần-mẫn** : siêng-năng, nhanh-nhẹn. **Biết điều** : khéo cư-xử không hách-dịch, không kèo-kiệt, không bóc-lột công-nhân. **Tuyển-dụng** : kén-chọn để lấy người vào làm việc trong các công, tư-sở. **Gia-nhập** : ghi tên xin vào một đoàn-thể nào để hoạt-động. **Khuếch-trương** : mở-mang cho to-tát hơn lên. **Cậy thầy, cậy thợ** : khi có việc gì thì phải chạy quanh, hết nhờ người này, lại nhờ người khác lo giúp việc cho mình. **Nhân-sinh bách-nghệ** : người ta sinh ra ở đời, thì mỗi người làm một nghề, có đến trăm ngàn nghề khác nhau. **Múa rìu qua mắt thợ** : (*Rìu* : một thứ búa lưỡi sắt, cán gỗ, đầu dài dùng để đẽo vỏ cây) khoe tài trước người giỏi hơn mình là liều-lĩnh, ngu-dại!

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Lao-công — Tiểu kỹ-nghệ — Quỹ bù-trừ — Xí-nghiệp.*
2) Công-nghệ của ta gồm những nghề gì ?
3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : cần-mẫn, thịnh-vượng, tối-tân.
4) Giải-nghĩa câu : « Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh. »

TẬP ĐỌC

NGHỀ ĐÁNH CÁ BIỂN

1.— Sau **nông-nghiệp**, nghề đánh cá chiếm một phần **quan-trọng** trong đời sống của dân Việt-nam. Nghề đánh cá chia làm hai loại là đánh cá biển và đánh cá sông.

2.— Nhờ **ưu-thế** về địa-lý, tỉnh Khánh-hòa rất thuận-tiện cho nghề đánh cá biển, vì có nhiều bến **thiên-nhiên, rất tiện** cho thuyền đánh cá về đậu. Ngoài lưới, đăng, dân ở vùng này còn dùng lưới quét. Mùa đánh cá thường thường từ tháng giêng đến tháng bảy và từ tháng một đến tháng chạp âm-lịch. Dân chài ở Khánh-hòa lên tới mười ngàn người. Họ ở rải-rác tại sáu chục làng, dọc theo bờ biển. Số thuyền đánh cá có tới bốn ngàn chiếc chia làm ba hạng : hạng dài, hạng trung và hạng **tam-bản**. Hàng năm, số cá đánh được rất nhiều, dùng để bán ăn tươi, ướp khô hoặc làm nước-mắm.

3.— Muốn cho công-cuộc làm ăn được phát-đạt; họ lập hợp-tác-xã **ngư-nghiệp**, góp vốn mua thuyền máy, lưới lớn để tối-tân-hóa nghề-nghiệp. Mai đây, chúng ta sẽ hãnh-diện khi nhìn thấy ở ngoài khơi hải-phận Việt-nam, những đoàn tàu đánh cá có mang quốc-kỳ nước Việt.

Theo T.G.T.D.

GIẢI-NGHĨA.— **Nông-nghiệp** : nghề làm ruộng. **Ưu-thế** : (*Ưu* : hơn, tốt *Thế* : cách bày ra) những chỗ tốt, tiện-lợi cho việc đánh cá. **Thiên-nhiên** : tự có sẵn chứ không phải do bàn tay người làm ra. **Tam-bản** : thuyền nhỏ làm bằng ba miếng ván mỏng và dài ghép lại. **Rải-rác** : ở mỗi chỗ một ít. **Phát-đạt** : một ngày một hơn lên. **Ngư-nghiệp** : nghề đánh cá. **Hải-phận** : phần biển thuộc về một nước.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** — Sau nông-nghiệp thì nghề gì quan-trọng đối với dân vùng Khánh-hòa ? — Vì sao tỉnh Khánh-hòa lại thuận-tiện cho nghề đánh cá ? — Ngoài lưới, đăng, dân-chúng còn dùng gì để đánh cá ? — Có bao nhiêu người và thuyền đánh cá ? — Muốn cho nghề đánh cá được phát-đạt, họ đã làm gì ?

Lời văn.— Tìm tiếng phản-nghĩa với *thuận-tiện, thiên-nhiên* — Tìm mấy danh-từ ghép trong có tiếng *nghiệp* như *nông-nghiệp* — Tìm vài câu tục-ngữ hoặc ca-dao trong có tiếng *cá*.

DÀN-BÀI.— 1 — Nghề đánh cá biển và cá sông.
2 — Nghề đánh cá của dân tỉnh Khánh-hòa.
3 — Việc tối-tân-hóa nghề đánh cá.

ĐẠI-Ý.— **Nhân-dân Khánh-hòa chuyên nghề đánh cá. Họ đang lo tổ-chức những đoàn tàu để tối-tân-hóa nghề-nghiệp.**

HỌC THUỘC-LÒNG

VỮNG TAY CHÈO

1.— Trôi-giạt, mênh-mông giữa nước trời
Một thuyền lướt sóng, bạn đường ơi !
Mái chèo đầy mạnh nhờ tay bạn,
Bánh lái ghìm dây, đã có tôi.

2.— Vui chung một kiếp sống phiêu-bồng,
Hồ-hải cùng say, thỏa ước-mong.
Bến lạ, đường xa, rồi sẽ tới,
Đồng lòng nên thách cả cuồng-phong.
Bão-tố, lo gì buổi sáng nay,
Lòng tin chuyền mạnh xuống đôi tay.
Ta vui gió lộng ngàn phương lại.
Vang hát, chèo khua rộn tháng, ngày...

3.— Qua rồi ! cả quãng đời tăm-tối,
Tôi, bạn hòa chung một nhịp cười...
Mưa, nắng chẳng phai lòng thủy-thủ
Ngày mai đẹp lắm bạn đường ơi !

Theo VÂN-LONG

GIẢI-NGHĨA.— **Mênh-mông** : mờ-mịt, rộng-rãi, tưởng như không có bờ-bến. **Bạn đường** : người cùng chí-hướng, cùng theo một đường đi với mình. **Phiêu-bồng** : (*Phiêu* : trôi. *Bồng* : loài cỏ) trôi-nổi, nhẹ-nhàng như mớ cỏ, ý nói nay đây, mai đó. **Hồ-hải** : (*Hồ* và *hải*) ở khắp mọi nơi. **Cuồng-phong** : trận gió dữ, gió lốc. **Gió lộng** : gió thổi mạnh. **Thủy-thủ** : người làm việc ở dưới tàu, thuyền.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng.**— Cái gì trôi-giạt ở giữa nước, trời ? — Bạn và tôi đang làm gì ? — Vì sao ta có thể thách cả cuồng-phong ? — Tôi và bạn hòa chung nhịp gì ? — Qua đời tăm-tối, chúng ta tới đâu ?

Lời văn.— Tiếng *đời tăm-tối*, gợi cho ta hình-ảnh gì ? — Tiếng *trôi-giạt* chỉ cuộc đời thế nào ? — Tìm tiếng thay cho tiếng *hồ-hải*.

DÀN-BÀI.— 1 — Tôi và bạn ở trên thuyền lướt sóng.
2 — Vì vững lòng tin nên thắng nguy-hiểm.
3 — Tới bến vinh-quang,

ĐẠI-Ý.— **Đời chúng ta như con thuyền nơi biển cả, nếu vững tay chèo thì sẽ tới bến vinh-quang.**

CHÍNH-TẢ

THANH-NIÊN VÀ THỰC-NGHIỆP

Trong đời sống thực-tế, chúng ta đã thấy cái lúng-túng của một số thanh-niên. Từ trước tới nay, quá chú-trọng vào mảnh bằng, quá hoài-bão về chức-vị, họ đã không quan-tâm đến thực-nghiệp.

Bây giờ, cần nhất chúng ta phải biết lấy một nghề, dù là nhỏ-mọn. Trong đời sống, không có một nghề nào hèn mà chỉ có con người ti-tiện. Vậy phải tập lấy một nghề và đừng nhìn đời bằng con mắt sai-lầm như trước. Cũng chớ chú-trọng nhiều về giá-trị của văn-bằng, của manh quần, tấm áo đấy ! Cái bất-lực của chúng ta trước vấn-đề sinh-hoạt hiện thời, cảnh thất-nghiệp của một số người, đã vạch rõ cho thanh-niên biết đâu là bước đường phải tiến.

Trong công-cuộc kiến-thiết Quốc-gia, chúng ta phải chú-trọng đến thực-nghiệp. Đó là căn-bản của nền kinh-tế nước nhà và còn là môn thuốc chữa căn bệnh sinh-hoạt khó-khăn cho dân Việt-nam thời hậu-chiến vậy !

Theo VIỆT-SƠN

GIẢI-NGHĨA.— **Thực-nghiệp** : gọi chung các nghề nông, công, thương cùng những việc làm có ích-lợi thiết-thực. **Hoài-bão** : ôm-ấp ở trong lòng, mơ-tưởng đến rất nhiều. **Quan-tâm** : để ý đến. **Ti-tiện** : hèn-mọn. **Thời hậu-chiến** : thời sau khi chiến-tranh đã chấm dứt.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Ch.— Chú-trọng, chú-bác, bùa-chú, chú-ý, chú-thích, cước-chú, phụ-chú.

Tr.— Trú chân, trú-ngụ, cư-trú, trú-sở, trú-quán, trú-phòng, tạm-trú.

S.— Sinh-hoạt, sinh-dưỡng, sinh-kế, sinh-lực, sinh-mệnh, sinh-nhai, sinh-tố, sinh-vật-học.

X.— Xinh-đẹp, xinh-xắn, xinh-xinh.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : thanh-niên, chức-vị, chú-trọng, căn-bản, nền kinh-tế.

2) Trợ-ngữ-từ là gì ? Kể những trợ-ngữ-từ chính mà em biết.

3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : thanh-niên, thời hậu- chiến, ti-tiện.

4) Tại sao thanh-niên lại phải chú-trọng đến thực-nghiệp ?

VĂN-PHẠM

TRỢ-NGỮ - TỪ

NHẬN-XÉT :

Ở bài chính-tả : *Thanh-niên và thực-nghiệp*, trong câu . . . *Cũng chớ chú-trọng nhiều về giá-trị của văn-bằng, của manh quần, tấm áo đấy!* tiếng *đấy* đặt ở cuối câu dùng để dặn-dò, nhắc lại điều chúng ta đã biết.

Tiếng *đấy* làm cho câu văn, lời nói đỡ ngắn-ngủn, cộc-lốc nên ta gọi tiếng đó là trợ-ngữ-từ.

BÀI HỌC.— Trợ-ngữ-từ là tiếng đặt thêm vào sau câu văn, lời nói, hoặc để thêm ý vào, hoặc làm cho câu văn đỡ ngắn-ngủn, cộc-lốc.

Thí-dụ : Đừng quên *nhé*.

Quyển sách đây *ạ* !

Nên cẩn-thận *đấy* !

Những trợ-ngữ-từ chính là : *kia, nhé, đấy, ạ, vậy*.

Những trợ-ngữ-từ : *tá, ru, vay* chỉ dùng để làm văn chứ không dùng để nói chuyện.

*

TẬP VIẾT

Chữ C, G lối hoa:— Cần-thơ, Gia-định

*

TẬP LÀM VĂN

TẢ NGƯỜI HOẠT-ĐỘNG

Chỉ-dẫn đại-cương : Nếu khi tả người, ta chỉ nói qua về cách làm việc của họ thì, trái-lại, khi tả người hoạt-động, ta cũng chỉ nên tả lướt hình-dáng của họ mà thôi. Điều cần-thiết là phải chú-ý đặc-biệt đến động-tác của họ.

Mỗi động-tác thường gồm nhiều cử-động, quy-tụ vào một mục-đích đã định. Muốn tả một động-tác thì phải giới-thiệu nhân-vật chính rồi mới tả đến khung-cảnh và những cử-động theo thứ-tự trước, sau.

Nếu khéo dùng động-từ và lời văn dài, ngắn khác nhau thì bài văn của ta sẽ linh-hoạt như một cuốn *phim*, lần-lượt trình-bày trước mắt mọi người những cử-động thật *sống* của các nhân-vật được diễn-tả.

DÀN-BÀI MẪU CHUNG CHO CÁC BÀI TẢ NGƯỜI HOẠT-ĐỘNG

1) **Mở bài** : Khung-cảnh và nhân-vật (hình-dáng sơ-lược).

2) **Thân bài** : a) Sửa-soạn để hoạt-động.

b) Động-tác chính (phân-tách ra từng cử-chỉ).

c) Kết-quả.

3) **Kết-luận** : Cảm-tưởng của chúng ta.

*

NGƯỜI THỢ HỚT-TÓC

Em vào một tiệm hớt-tóc. Trong khi chờ-đợi, em đã có dịp quan-sát người thợ hớt-tóc đang làm việc. Hãy thuật lại.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Vào tiệm hớt-tóc ngồi đợi.

2) **Thân bài** : a) Hình-dáng sơ-lược người thợ hớt-tóc.

b) Người thợ hớt-tóc đang làm việc : đồ-dùng sạch-sẽ. Tay lược, tay kéo, tỉa tóc cho khách hàng ngồi trên ghế.

Lúc cạo mặt, lúc gội đầu, lúc lấy ráy tai v.v...

c) Khi làm xong.

3) **Kết-luận** : Cảm-tưởng của em : cửa tiệm đông khách vì người thợ này cẩn-thận, sạch-sẽ, đồ dùng sắc-bén, giá tính phải chăng.

TUẦN-LỄ THỨ 16

NGỮ-VỰNG

KỸ-NGHỆ

Danh-từ.— Khoáng-sản — Mỏ than — Nhiên-liệu — Quặng — Kim-loại — Lò-đúc — Máy-cán — Máy-rèn — Điện cao-áp — Xưởng máy — Kỹ-sư — Thợ-thuyền — Hợp-kim.

Tĩnh-từ.— (Thép) già, non — (Kỹ-sư) chuyên-môn — (Máy-móc) tinh-xảo — (Xưởng-máy) đồ-sộ, tối-tân...

Động-từ.— Khai (mỏ) — Luyện (thép) — Điều-khiển (máy-móc).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Có công mài thép, có ngày nên kim.*

— *Hoài hơi nói kẻ vô tri.*

Một trăm gánh chì đúc chẳng nên chuông...

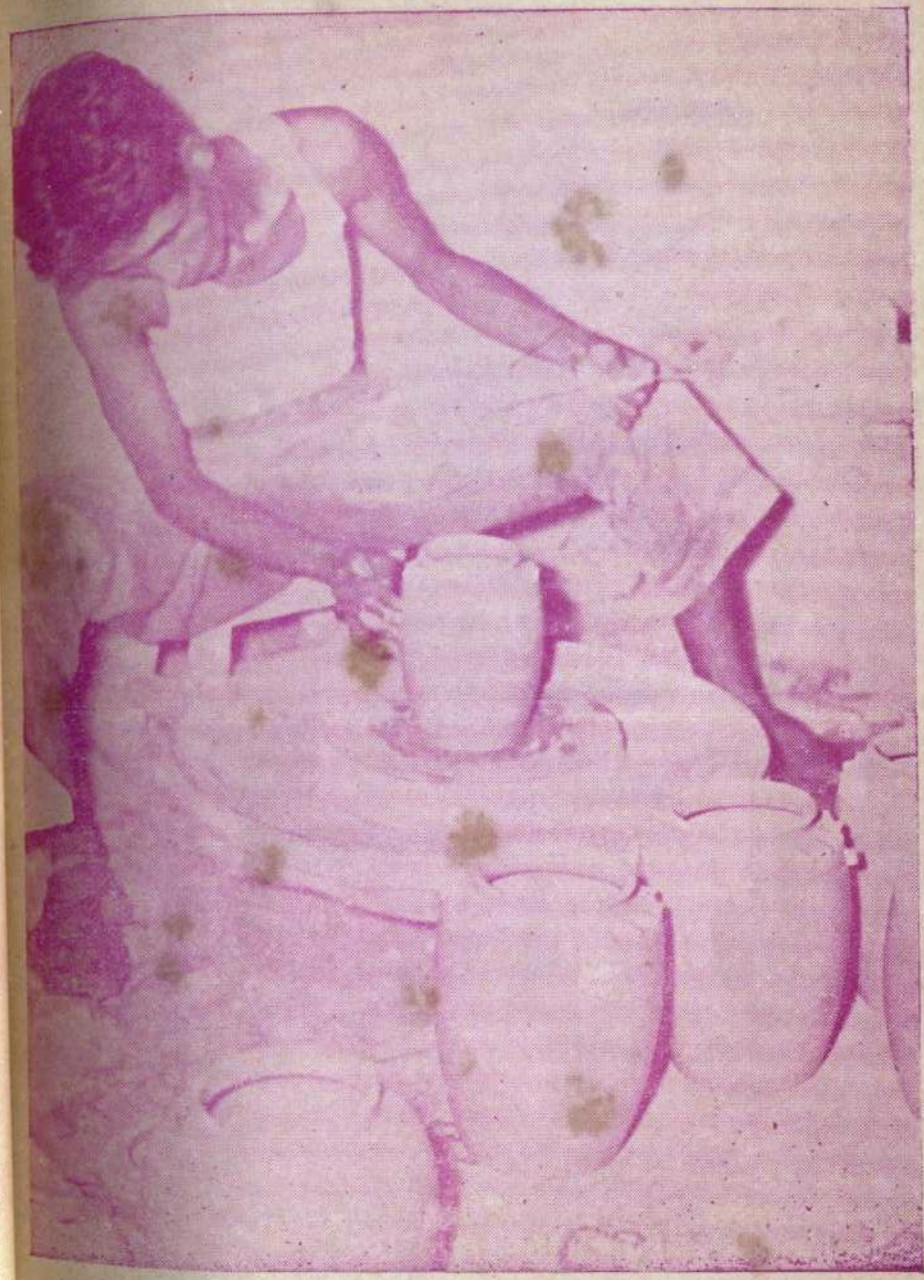
GIẢI-NGHĨA.— **Nhiên-liệu :** những chất để đốt và phát ra sức nóng như : than, củi, dầu hỏa v.v... **Quặng :** loài kim lấy ở mỏ lên, còn lẫn với đất, đá và các chất khác. **Kim-loại :** loài kim như vàng, bạc, đồng, sắt có những đặc-tính như dẫn điện, dẫn nhiệt, dễ dát mỏng, dễ kéo thành sợi v.v... Còn gọi là kim-thuộc. **Khoáng-sản :** các thứ khai ở mỏ lên. **Điện cao-áp :** luồng điện rất mạnh, ở nhà máy chính phát ra. **Kỹ-sư :** nhà chuyên-môn đã tốt-nghiệp ở một trường Đại-học kỹ-thuật. **Hợp-kim :** loài kim này pha với loài kim khác để chế ra một loài kim mới. *Thí-dụ :* Thau là một hợp-kim do đồng pha với kẽm. **Thép :** thứ sắt cứng, có pha một ít than. **Thép già :** thép rất cứng vì có nhiều than. **Thép non :** thép không được cứng lắm vì có ít than. **Đồ-sộ :** rất to lớn. **Khai mỏ :** đào lấy quặng kim-thuộc ở dưới mỏ lên. **Luyện thép :** nấu, đúc thép thật kỹ.

BÀI-TẬP : Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Mặc dầu ở nước ta có rất nhiều . . . . mà nền . . . . vẫn chưa được mở-mang. Sở-dĩ có tình-trạng ấy là vì trước đây, bao nhiêu . . . . khai ở dưới mỏ lên, đều đem xuất-cảng. Không tìm đâu thấy một . . . . để luyện thép, đóng tàu. Ngày nay, nhiều thanh niên đã được cử đi du-học để trở thành những . . . . và . . . . về giúp nước. Họ sẽ . . . . máy-móc để sản-xuất dụng-cụ và hàng-hóa cần-dùng. Ngoài ra những . . . . cũng được thành-lập để mở-mang nền kỹ-nghệ nước nhà.

VII

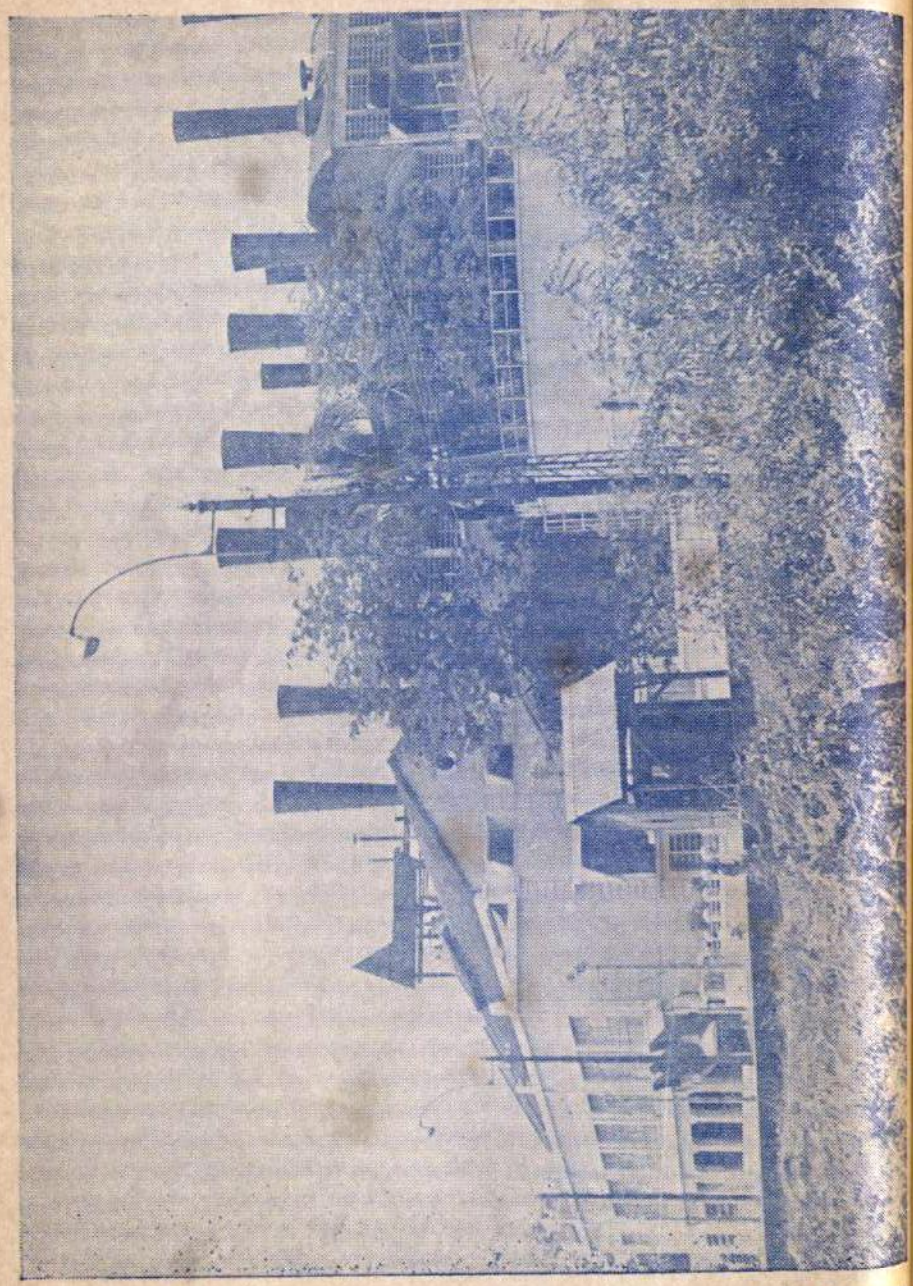
CHỦ-ĐỀ : TIỂU-CÔNG-NGHỆ



PHỤ-BẢN SỐ 7 — ĐỒ GỐM BIÊN-HÒA

VIII

CHỦ-ĐỀ : **KỸ-NGHỆ**



PHỤ-BẢN SỐ 8 — *NHÀ MÁY ĐIỆ*

TẬP ĐỌC

VẤN-ĐỀ CƠ-KHÍ-HÓA

1.— Cơ-khí-hóa là dùng máy-móc tinh-xảo để sản-xuất đồ-dùng. Từ ngày khoa-học phát-triển, người ta đã chế ra nhiều loại máy-móc.

2.— Những máy-móc đó làm tăng thêm lực-lượng của công-nhân. Ở Úc, một cái máy cày do một người điều-khiển có thể cày được vài trăm mẫu ruộng trong một vụ. Máy-móc còn giúp ta làm được nhiều việc mà trước kia, sức người không làm nổi. Nhờ đó, các hàng-hóa sản-xuất sẽ **đồng-đều** và tinh-xảo hơn. Lẽ tất-nhiên là ta dùng máy-móc trong những trường-hợp có thể dùng được. Còn công-việc bắt-buộc phải dùng tới tay chân như nghề thêu, nghề vẽ, nghề điêu-khắc v.v... thì vẫn phải nhờ **nhân-lực.**

Cơ-khí đã có nhiều ảnh-hưởng về kinh-tế. Nó làm tăng sức sản-xuất, giá cả hạ đi và đời sống sẽ đầy-đủ tiện-nghi hơn. Nó lại khiến cho tiểu-công-nghệ dần tiến tới đại-kỹ-nghệ. Tuy vậy máy-móc lại đắt tiền. Một khi đã dùng máy-móc thì phải sản-xuất rất nhiều. Như vậy cần phải có nhiều vốn để **mua trữ** sẵn nguyên-liệu và bán chịu chế-phẩm cho khách-hàng.

3.— Nói tóm lại, vấn-đề cơ-khí-hóa là kết-quả **tất-nhiên** của những **phát-minh** khoa-học. Nó giúp cho nền kinh-tế quốc-gia tiến được **một bước** khá dài.

Theo Thạc-sĩ VŨ-QUỐC-THÚC

GIẢI-NGHĨA.— **Tinh-vi** : khéo-léo. **Đồng-đều** : cùng giống, cùng tốt như nhau. **Nhân-lực** : sức người. **Mua trữ** : mua sẵn để dành dùng vào những khi không có hoặc khan-hiếm. **Tất-nhiên** : phải như thế, không thể khác được. **Phát-minh** : đã tìm thấy trước tiên.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Cơ-khí-hóa là gì ? — Máy-móc có lợi thế nào ? — Trong trường-hợp nào không dùng được máy-móc ? — Cơ-khí đã có nhiều ảnh-hưởng về gì ? — Tại sao giá hàng-hóa lại hạ đi ?

Lời văn : Phản-nghĩa với *sản-xuất* là gì ? — Tìm mấy danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng *cơ* như *cơ-khí* — Tiếng *công* trong *công-nhân* nghĩa là gì ? — Ngoài ra tiếng *công* còn có nghĩa là gì ? Thí-dụ.

DÀN-BÀI : 1 — Cơ-khí-hóa là gì ?
2 — Ảnh-hưởng của phương-pháp cơ-khí-hóa như thế nào ?
3 — Cơ-khí-hóa là kết-quả của khoa-học.

ĐẠI-Ý : **Phương-pháp cơ-khí-hóa đã ảnh-hưởng rất nhiều đến đời sống kinh-tế ở trong nước.**

★

CHÍNH-TẢ

KỸ-NGHỆ Ở VIỆT-NAM

Việt-nam là một nước nông-nghiệp, lại bị ngoại-thuộc trên tám chục năm nên nền kỹ-nghệ chưa được mở-mang. Nếu có một vài nhà máy gạo, máy xi-măng, máy sợi v.v... thì chao-ôi ! lại ở trong tay ngoại-kiều !

Nói về nguyên-liệu thì ta đâu có thiếu ! Mỏ than, mỏ sắt, mỏ chì, mỏ vàng, mỏ bạc ở rải-rác từ Bắc vào Nam. Thế mà chỉ vì thiếu nhà chuyên-môn, thiếu lò luyện-kim, nên các quặng kim-khí lấy ở mỏ lên, đều phải bán rẻ cho ngoại-quốc. Thử hỏi một cân quặng sắt có đáng là bao nhưng nếu được chế thành đồ-dùng, máy-móc thì lại quí giá biết bao !

Rồi đây, với chương-trình phục-hưng kinh-tế của xứ-sở, chắc rằng chính-phủ sẽ tìm mọi cách phát-triển cả công-nghệ lẫn kỹ-nghệ. Có như thế, ta mới mong theo kịp các nước tiền-tiến trên Thế-giới !

B.V.

GIẢI-NGHĨA : **Nông-nghiệp** : nghề làm ruộng, cấy lúa, trồng khoai. **Phát-triển** : khơi rộng, mở to, làm cho mỗi ngày một nhiều, một lớn thêm. **Ngoại-kiều** : người nước ngoài đến làm ăn, buôn-bán. *Thí-dụ :* Hoa-kiều, Ấn-kiều đều là ngoại-kiều ở Việt-nam. **Phục-hưng kinh-tế** : làm cho nền kinh-tế đã bị sút-kém lại hưng-thịnh hơn lên. **Các nước tiền-tiến** : các nước văn-minh đã đi trước mình trên đường tiến-bộ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

X. — Xi-măng, xi đánh giầy, gắn xỉ, xỉ trẻ.
S. — Cây si, ngu-si, si-ngốc, sản-si.
R. — Rải-rác, rác-rưởi.
D. — Gỗ nhiều dác, dớn-dác,
Gi. — Tê-giác, bát giác, giác-ngộ, cảm-giác, tỏ-giác, trực-giác.

CÂU HỎI : 1. — Giải-nghĩa : ngoại-thuộc, quặng kim-khí, quặng sắt, nhà chuyên-môn.
2. — Tán-thán-từ là gì ? Kể những tán-thán-từ ở trong bài này.
3. — Theo chương-trình phục-hưng kinh-tế, chính-phủ định làm thế nào ?
4. — Tìm những tiếng phản-nghĩa với nguyên-liệu, tiền-tiến.

★

VĂN-PHẠM

TÁN-THÁN-TỪ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Kỹ-nghệ ở Việt-nam* có câu : *Nếu có một vài nhà máy... thì chao-ôi ! lại ở trong tay ngoại-kiều !* Và... *nhưng nếu được chế thành đồ-dùng thì lại quí giá biết bao !*

Ta nhận thấy tiếng *chao-ôi !* dùng để mỉa-mai, than-vãn, tiếng *biết bao !* dùng để khen-ngợi.

Vậy những tiếng đặt ở trong câu để tỏ sự vui, mừng, buồn, giận đều gọi là *tán-thán-từ*.

BÀI-HỌC. — Tán-thán-từ là những tiếng đặt thêm vào đầu hoặc cuối câu để tả sự vui-mừng, tức-giận, lo-sợ, ngạc-nhiên v.v...

Thí-dụ : Trời ơi ! Bông hoa đẹp quá ! *Ủa !* anh mà chịu thua ư ?

Những tán-thán-từ chính là : *a ! ô ! ai-cha ! chao-ôi ! than-ôi ! biết bao ! chết nỗi ! Lạ thay !* v.v...

★

TẬP VIẾT

Chữ O, A lối hoa : — Ôn-như-hầu, An-dương-vương

★

TẬP LÀM VĂN

NGƯỜI THỢ CÀY

Dưới ánh nắng gay-gắt của một buổi trưa mùa hè, người thợ cày với con trâu đang mải-miết làm việc. Hãy tả lại cảnh đó.

DÀN-BÀI. — 1) **Mở bài** : Trong cuộc đi thăm đồng, em đã có dịp xem-xét người cày ruộng.
2) **Thân bài** : a) Khung-cảnh : cánh đồng-quê dưới trời nắng gắt.
b) Hình-dáng người thợ cày, con trâu.
c) Công-việc cày ruộng của người và vật (tả tỉ-mỉ).
d) Kết-quả : luống cày hiện ra, đất được lộn lên để sẵn-sàng bừa rồi cấy lúa.
3) **Kết-luận** : Cảm-tưởng của em : ích-lợi của nhà nông và vẻ đẹp của những luống cày đầy nhựa sống...

TUẦN-LỄ THỨ 17

NGỮ-VỰNG

HẢI-CẢNG

Danh-từ.— Hải-đăng — Hải-đạo — Hải-khẩu — Hoa-tiêu — Hải-đồ — Hải-lý — Hải-vận — Hải-trình — Nền ngoại-thương — Hãng vận-tải — Cần-trục — Sở quan-thuế — Thương-thuyền — Thủy-thủ.

Tính-từ.— (Hải-cảng) phồn-thịnh — (Hoa-tiêu) lành nghề — (Nền ngoại-thương) phát-đạt.

Động-từ.— Phát-triển (nền ngoại-thương) — Mở-mang (hải-cảng) — Ăn hàng — Rỡ hàng — Đánh thuế.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Buôn ngược, bán xuôi.— Buôn có bạn, bán có phường.*
— *Buôn tàu, bán bè, không bằng ăn dè, hà-tiện.*

GIẢI-NGHĨA.— **Hải-cảng** : bến ở bờ biển để tàu, thuyền qua lại đậu buôn-bán. **Hải-đăng** : đèn chiếu trên biển, để chỉ đường cho tàu-bè qua lại. **Hải-khẩu** : chỗ cửa sông thông ra biển. **Hoa-tiêu** : nghĩa đen là cái nêu cắm để làm hiệu, làm dấu. Nghĩa rộng là người đưa tàu ra, vào hải-cảng. **Hải-đồ** : bản-đồ dùng để đi biển, đã ghi rõ bằng chữ số những chỗ sâu, nông cùng vị-trí những chỗ có núi đá mọc ngầm dưới nước. **Hải-lý** : dặm đường đi biển, dài chừng 5km555. **Hải-vận** : vận-tải theo đường biển. **Hải-trình** : đường đi biển. **Hải-thương** : việc buôn-bán ở trên mặt biển. **Nền ngoại-thương** : sự buôn-bán với nước ngoài. **Sở quan-thuế** : sở trông nom đánh thuế hàng-hóa nhập-cảng và xuất-cảng. **Thương-thuyền** : tàu biển, chuyên dùng vào việc thông-thương. **Phồn-thịnh** : đông-đúc, thịnh-vượng. **Phát-đạt** : tiến-bộ, mở-mang nhiều. **Phát-triển** : mở-mang, càng ngày càng làm cho to lớn hơn lên. **Ăn hàng** : xếp hàng-hóa ở trên bến, trên kho xuống tàu để chở đi bán. **Rỡ hàng** : khuân-vác, trục hàng-hóa ở tàu lên bờ. **Buôn ngược, bán xuôi** : thành-ngữ dùng để chỉ những người đảm-đang, buôn-bán, luôn luôn xuôi, ngược, đi, về. **Buôn tàu, bán bè, không bằng ăn dè, hà-tiện** : buôn to, bán lớn cũng không bằng ăn tiêu dè-sẻn. Nếu ăn tiêu hoang-toàng, xa-xỉ quá thì buôn to, bán lớn đến mấy cũng không làm giàu được. Đại-ý câu này khuyên ta nên tiết-kiệm.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Sài-gòn là một . . . . phồn-thịnh vào bậc nhất ở miền Đông-nam Á-châu. Hàng ngày những . . . . Việt-nam lái từng đoàn . . . . cập bến Bạch-đằng. Ở đây đã có những cần-trục rất lớn . . . . lên xếp vào kho. Nhân-viên sở . . . . vào tận các kho hàng để kiểm-soát hàng-hóa và . . . . .

TẬP ĐỌC

BỜ BIỂN

1.— Hình-thể ở bờ biển khác nhau vì những tầng đất, đá không dắn đều nhau. Nếu biển ở cạnh đồng-bằng thì bờ biển phẳng và thấp. Nếu biển ở cạnh những tầng đất, đá dắn thì bờ biển là một rặng vách đá **cheo-leo.**

2.— Bờ biển **khúc-khuỷu,** nhiều chỗ nhô ra lõm vào, rất có lợi cho nghề **hàng-hải** và **ngư-nghiệp**. Ở đó sẵn chỗ **trú-ẩn** cho tàu-thuyền, lại thêm mực nước sâu nên dễ thành hải-cảng tốt.

Trái lại, bờ biển bằng-phẳng, mực nước nông thì tàu-thuyền qua lại hay bị mắc cạn. Nhưng hình-dáng bờ biển mới là một điều-kiện. Bờ biển quan-trọng hay không là còn tùy-thuộc ở nền kinh-tế sau bờ biển đó. Nếu sau bờ biển là một miền kỹ-nghệ hoặc canh-nông **phồn-thịnh,** cần phải nhập-cảng nguyên-liệu và xuất-cảng sản-phẩm thì nhất-định phải có nhiều hải-cảng thiên-nhiên hoặc nhân-tạo. Hải-phòng và Sài-gòn là hai hải-cảng do bàn tay người dựng lên vì bình-nguyên Bắc-phần và Nam-phần rất **trù-phú.** Bờ biển miền Trung ít hải-cảng lớn vì ở đó đất hẹp, dân nghèo.

3.— Bờ biển là nơi có nhiều người tới buôn-bán hoặc đánh cá. Tuy-nhiên sự **phân-phối dân-cư** vẫn không đều. Thường thường, ở những bờ biển cao khúc-khuỷu, có nhiều hải-cảng thiên-nhiên tốt, đông dân hơn ở những nơi bờ biển thấp và bằng-phẳng.

Theo Bà TĂNG-XUÂN-AN

GIẢI-NGHĨA.— **Cheo-leo** : không vững, làm cho người ta ghê-giợn, **Khúc-khuỷu** : cong-queo. **Hàng-hải** : (*Hàng* : đi đường. *Hải* : biển) vượt biển hay đi tàu biển. **Trú-ẩn** : ở tạm để tránh sự nguy-hiểm. **Bình-nguyên** : chỗ đất phẳng, miền đồng-bằng. **Trù-phú** : đông-đúc, giàu-có. **Phân-phối** : chia ra cho đều.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Bờ biển ở cạnh đồng-bằng và bờ biển ở cạnh núi đá khác nhau thế nào ? — Tại sao bờ biển khúc-khuỷu lại có lợi cho tàu-bè ? — Ở đâu có nhiều hải-cảng tốt ? — Tại sao ở miền Trung lại ít hải-cảng lớn ? — Ở bờ biển nào thường đông dân-cư ?

Lời văn : Tác-giả dùng những từ-ngữ gì để tả bờ biển ? — Tìm vài thành-ngữ hoặc ca-dao trong đó có tiếng *sâu*. — *Phân-phối* và *phân-phát* khác nghĩa nhau thế nào ?

DÀN-BÀI : 1.— Hình-thể bờ biển khác nhau.
2.— Sự quan-trọng của bờ biển.
3.— Dân-cư ở bờ biển.

ĐẠI-Ý.— **Bờ biển có nhiều hải-cảng hay không là còn tùy ở hình thể bờ biển và nền kinh-tế liền sau đó.**

HỌC THUỘC LÒNG

BỨC TRANH XUÂN

1— Lư trầm tỏa khói bên chân nến,
Trên mặt ban thờ rực-rỡ nhang,
Chồng-chất, đề bên mâm ngũ-quả,
Vài ba chén rượu, mấy dây vàng.

★

Trong tấm màn the, chiếc độc-bình
Dưới đèn, lấp-loáng sắc men xanh,
Ngậm cành đào lớn, khoe màu thắm
Với chậu hoa đầy cúc trắng tinh...

★

Cơm, rượu bày la-liệt trước ngai,
Một bà kính-cẩn chắp hai tay,
Trước bàn quỳ gối, lâm-dâm khấn :
— « Phù-hộ cho con được phát-tài. »

★

2— Ngoài cửa, trong sân, những tiếng người,
Trên đường, tha-thướt các màu tươi,
Kìa ai níu áo ai dừng lại,
Mừng mấy câu xong, ngặt-nghẽo cười...

★

Trăm sắc huy-hoàng tấm núi sông,
Từng đàn mây trắng giỡn trên không,
Nàng Xuân đã đến trong hoa lá
Với nụ cười tươi, với ánh hồng.

Theo HUYỀN-LINH

GIẢI-NGHĨA.— **Chồng-chất** : cái nọ để lên trên cái kia. **Độc-bình** : (*Độc* : một mình. *Bình* : lọ bằng sứ, bằng sành hay bằng kim-khí như bình tích, bình hoa) cái bình cắm hoa, bày một mình. **La-liệt** : bày khắp nơi. **Lâm-dâm** : nói nhỏ ở trong mồm, người ngoài không nghe thấy rõ. **Phù-hộ** : trỏ việc quỉ-thần giúp-đỡ, che-chở cho người trần. **Phát-tài** : kiếm được nhiều tiền của. **Tha-thướt** : nhẹ-nhàng tung bay trước gió, trông rất đẹp. **Ngặt-nghẽo** : trỏ bộ cười coi ngả-nghiêng. **Huy-hoàng** : sáng tỏ rực-rỡ. **Giỡn** : đùa, nô.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng.** – Đây là cảnh ngày nào trong một năm? — Lư trầm tỏa khói ở đâu ? — Người ta thường cắm hoa gì vào độc-bình ? — Gặp nhau, mọi người làm gì ? — Nàng Xuân đã đến ở đâu ?

Lời văn : Tìm những tiếng chỉ màu-sắc ở đoạn thứ nhất ? — Hai câu thứ 17, 18 gợi cho ta hình-ảnh gì ? — Thi-sĩ đã nhân-cách-hóa cái gì ở đoạn cuối ?

DÀN-BÀI. — 1 — Cảnh Tết ở ban thờ bày trong nhà.
2 — Cảnh Tết ở ngoài đường và vẻ đẹp của mùa Xuân.

ĐẠI-Ý.— **Cảnh đẹp ở trong nhà, ở ngoài đường trong dịp Tết đến, Xuân về.**

★

CHÍNH-TẢ

TÀU CẬP BẾN

Mọi người trố mắt nhìn, con tàu hiện ra, lớn dần, lướt sóng tới như một kỳ-quan. Tàu từ từ cập bến. Nó rất oai-vệ với hai ống khói cao lớn, với một phù-hiệu chói vàng.

Hành-khách đông lắm, đứng ngồi đen nghịt trên « boong ». Đoàn thủy-thủ đều leo cả lên cầu đằng mũi. Vẻ hân-hoan lộ ra nét mặt. Từ thành tàu bên trái, chiếc cầu treo đã từ từ hạ xuống. Một thủy-thủ oai-vệ tiến ra với một cuộn thừng trong tay. Đó là vị sứ-giả đầu-tiên mở lối cho hàng ngàn du-khách...

Còi tàu lanh-lảnh thét lên... Viên thuyền-trưởng giơ tay ra hiệu. Một hồi chuông nổi dậy. Guồng máy từ từ dừng, quay ít vòng, theo đà mạnh thúc-đẩy, rồi đứng lại. Mặt nước sùi bọt, đục ngầu. Chiếc tàu tròng-trành rồi yên hẳn...

Theo NGÔ-NGỌC-BÍCH

GIẢI-NGHĨA.— **Kỳ-quan** : cái lạ mắt, mới thấy lần đầu. **Phù-hiệu** : dấu-hiệu riêng. **Sứ-giả** : người đi sứ ở một nước khác. **Thuyền-trưởng** : người đứng đầu chỉ-huy chiếc tàu. **Thủy-thủ** : các người làm ở dưới tàu.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S. — Sứ-giả, đồ sứ, quỉ sứ.
X. — Xứ-sở, đầu-xứ.
Tr. — Trưởng-thành, trưởng-nam, ty-trưởng, hiệu-trưởng.
Ch. — Chưởng-lý, chấp-chưởng, chưởng-bạ.
D. — Dừng tay, cắm dừng trát vách.
R. — Rừng cây, rừng-rực.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : cập bến, oai-vệ, hân-hoan, hành-khách, sủi bọt

2) Khi tàu cập bến thì mọi người làm gì ?

3) Một câu văn thường có mấy phần chính ?

4) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : đầu tiên, tròng-trành, hân-hoan.

*

VĂN-PHẠM

NHỮNG PHẦN CHÍNH TRONG MỘT CÂU

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Tàu cập bến* có câu : *Tàu từ từ cập bến* là ngắn hơn cả. Xét kỹ câu ấy, ta thấy ba phần chính :

a) Phần thứ nhất có tiếng *Tàu* đứng làm chủ nên gọi là *chủ-từ*.

b) Phần thứ nhì có những tiếng *từ từ cập*, tiếng *cập* là *động-từ* (từ từ là trạng-từ).

c) Phần thứ ba có tiếng *bến* làm lọn nghĩa cho động-từ *cập* là *túc-từ* chỉ nơi tàu cập.

BÀI HỌC.— Mỗi khi nói chuyện hoặc diễn-tả ý-kiến bằng lời văn thì ta phải đặt thành câu.

Mỗi câu thường có ba phần chính là *chủ-từ*, *động-từ* và *túc-từ*. Đó là một câu đủ.

Thí-dụ : *Tôi* (chủ-từ) *yêu* (động-từ) *Tổ-quốc* (túc-từ).

Quân (chủ-từ) *bảo-vệ* (động-từ) *dân* (túc-từ).

*

TẬP VIẾT

Chữ Q, X, lối hoa : — Quốc-gia, Xã-hội.

*

TẬP LÀM VĂN

TẢ CẢNH

Chỉ-dẫn đại-cương : Cảnh là một sự tổng-hợp của đồ-vật, thú-vật, cây-cỏ hoặc các hiện-tượng trong trời-đất.

Muốn tả cảnh, phải dùng các giác-quan để xem-xét rồi ghi-chép lấy. Trước hết phải nói rõ vị-trí và thời-gian rồi tả đến toàn-thể cảnh-vật.

Sau đó, tả đến những chi-tiết đặc-biệt trong khung-cảnh. Ta nên tả từ gần đến xa, từ cái chính đến cái phụ, bằng những nét thật đúng và linh-hoạt.

Nhiều khi ta phải tả những cảnh không có ở trước mắt nên lại phải tưởng-tượng ra những điều đã *mắt thấy, tai nghe* để rồi xếp-đặt lại và diễn-tả ra cho có thứ-tự.

Cảnh tả muốn cho khỏi khô-khan, rời-rạc thì cần phải có tình. Vì vậy trong lúc tả cảnh, nên ghi chút tình-cảm của ta vào để cho người đọc văn có cảm-tưởng như đứng trước những cảnh thực...

DÀN-BÀI MẪU VỀ TẢ CẢNH

1) Mở bài : Thời-gian, vị-trí, khung-cảnh.

2) Thân bài : a) Tả cảnh-vật (từ gần đến xa, từ chính đến phụ).

b) Tình-cảm do cảnh-vật gợi ra.

3) Kết-luận : Cảm-tưởng trước cảnh đó.

*

CƠN DÔNG

Trời đương nắng gay-gắt bỗng tối đen lại, rồi cơn dông nổi lên. Gió to tàn-phá cả một vùng. Tả lại cơn dông đó.

DÀN BÀI.— **1) Mở bài** : Trước cơn dông, trời nắng gay-gắt, người, vật uể-oải.

2) Thân bài : a) Dấu-hiệu báo trước cơn dông : mây kéo đen nghịt, gió thổi mạnh dần.

b) Cơn dông, gió thổi mạnh, sấm chớp đùng-đùng, lá bay, bụi tung lên, mưa đổ xuống.

c) Sự tàn-phá : nhà đổ, cây gẫy, mùa-màng bị hỏng.

3) Kết-luận : Sau cơn dông, vạn-vật đều điêu-tàn, xơ-xác.

TUẦN LỄ THỨ 18

NGỮ-VỰNG

XUẤT NHẬP-CẢNG

Danh-từ.— Thương-trường — Thương-cục — Thương-điếm — Thương-gia — Thương-giới — Ngoại-tệ — Thuế-xuất — Quan-thuế — Hãng Bảo-hiểm — Hàng rào quan-thuế — Hóa-đơn — Cước-phí — Xa-xỉ-phẩm — Ngũ-cốc — Lâm-sản.

Tính-từ.— (Thương-cảng) sầm-uất — (Quan-thuế) đồng-minh — (Thuế-suất) tối-thiểu.

Động-từ.— Đặt hàng — Giao hàng — Xếp hàng — Nộp thuế.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Buôn quan tám, bán quan tư.*

— *Đất chỗ buôn, buồn chỗ bán.*

GIẢI-NGHĨA.— **Xuất-cảng** : vận-tải hàng-hóa ra bán ở ngoại-quốc — Còn gọi là xuất-khẩu. **Nhập-cảng** : chở hàng-hóa của nước ngoài vào hải-cảng nước mình để bán. **Thương-trường** : nơi mua bán, tiêu-thụ hàng-hóa. **Thương-cục** : sở kinh-doanh, buôn-bán to. **Thương-điếm** : cửa hàng, tiệm buôn. **Thương-giới** : nói chung về các người buôn-bán. **Ngoại-tệ** : tiền bạc của nước ngoài. **Thuế-suất** : số thuế do Ty Thuế-quan ấn-định để đánh vào các loại hàng-hóa nhập-cảng hoặc xuất-cảng. **Thuế-quan** : cơ-quan đặt ở những nơi giao-thông (đường thủy hoặc đường bộ) để đánh thuế các hàng-hóa qua lại (còn gọi là hải-quan). **Quan-thuế** : tiền thuế mà các hàng nhập-cảng hoặc xuất-cảng phải đóng cho Ty Thuế-quan. **Hàng rào quan-thuế** : (còn gọi là **quan-thuế bích-lũy** hay **quan-thuế chướng-bích**) chính-sách của những nước có quyền tự-chủ hoàn-toàn về quan-thuế. *Thí-dụ* : định giá thuế nhập-cảng thật cao để ngăn giữ không cho hàng ngoại-quốc tràn-lan vào nước mình khiến hàng nội-hóa không phát-triển được. **Xa-xỉ-phẩm** : phẩm-vật không cần-thiết cho đời sống như phấn, nước hoa, mùi rượu, thuốc lá thơm v..v... **Ngũ-cốc** : năm giống lúa hoặc năm thứ cây dùng làm thực-phẩm như : lúa, bắp, khoai, đậu, kê v.v... **Lâm-sản** : sản-vật lấy ở rừng như : ngà voi, gỗ quí, củ nâu, mật ong, nấm v..v... **Quan-thuế đồng-minh** : sự liên-hợp từ hai nước trở lên, tổ-chức thành một khu-vực quan-thuế để thi-hành chung chính-sách quan-thuế như nhau. **Thuế-suất tối-thiểu** : tiền thuế hạ nhất đánh vào hàng-hóa của các nước bạn được mình ưu-đãi.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Đặt hàng, nhập-cảng, xuất-cảng, thương-cục.*

2) Thế nào là « buôn may bán đắt » ?

3) Muốn nhập-cảng hàng-hóa, các nhà buôn phải làm thế nào ?

4) Tìm những tiếng phản-nghĩa với « sầm-uất », « tối-thiểu », « xa-xỉ ».

TẬP ĐỌC

PHỤC-HỒI KINH-TẾ

1.— Miền Nam là một dải đất phì-nhiêu, đồng-ruộng bao-la, bát-ngát. Nếu có gọi châu-thổ sông Cửu-long là một vựa thóc khổng-lồ thì thật ra cũng không quá đáng !

2.— Trước Đại-chiến thứ hai, hàng năm miền này sản-xuất được nhiều thóc, gạo. Ngoài số thặng-dư cung-cấp cho Bắc và Trung-phần, lại còn **xuất-cảng** được hàng triệu tấn.

Trong thời loạn-ly vừa qua, vườn ruộng bị bỏ hoang, thóc-lúa bị cướp-phá và đốt cháy. **Tài-nguyên** nước nhà hầu như **kiệt-quệ**. Thế mà hòa-bình và trật-tự mới trở lại được ít lâu, nền kinh-tế nông-nghiệp của ta đã phục-hồi rất chóng. Khắp nơi, đồng-bào trở về quê-hương. Đê, đường, cầu, cống được xây-cất và sửa-sang lại. Ruộng đất trước kia bỏ hoang, nay đã được khai-khẩn. Do sắc-lệnh cấm ngoại-kiều làm mười một nghề, việc buôn-bán lúa gạo đã về tay ta... Thấy các **cơ-quan chuyên-môn** và dân ta quyết-tâm làm việc, các nước bạn cũng vui lòng giúp-đỡ phương-tiện để khuếch-trương nông-nghiệp.

Ở vùng Ban-mê-thuột, Đồng-tháp-mười và các nơi khác, công-cuộc dinh-điền đã đạt được nhiều kết-quả tốt-đẹp. Cho tới nay vẫn-còn một số đồng-bào Quảng-nam, Quảng-ngãi tiếp-tục xin lên Cao nguyên lập-nghiệp.

3.— Trên thị-trường lúa gạo, nước nhà đã chiếm được địa-vị khả-quan. Việc xuất-cảng đều-đặn sẽ nâng cao đời sống của nông-dân và phục-hồi lại nền kinh-tế thời tiền-chiến.

NAM-CHI

GIẢI-NGHĨA — **Phục-hồi** : trước đã mất hay kém đi, bây giờ lại lấy lại được như cũ. **Kinh-tế** : do 4 tiếng *kinh-bang tế-thế* mà ra. Ý nói những việc làm ích nước, lợi dân. **Tài-nguyên** : nguồn lợi. **Kiệt-quệ** : (*Kiệt* : hết. *Quệ* : què) hết cả, tê-liệt không còn gì. **Sắc-lệnh** : mệnh-lệnh của Tổng-thống ban. (Sắc lệnh cấm ngoại-kiều làm 11 nghề như : buôn chạp-phô, bán thịt sống, bán lúa gạo, than, củi v.v... nhằm mục-đích bảo-vệ quyền-lợi cho dân-chúng Việt-nam). **Dinh-điền** : việc mở-mang khai-phá ruộng đất.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Ruộng đất miền Nam vì sao lại phì-nhiêu ? — Trước Đại-chiến thứ hai, mức sản-xuất thế nào ? — Trong thời loạn-ly, thóc-lúa bị ai cướp-phá ? — Ở những nơi nào công-cuộc dinh-điền đã đạt được nhiều kết-quả ? — Tương-lai nền kinh-tế nước ta thế nào ?

Lời văn : Tìm những tiếng cho ta biết miền Nam là vựa thóc — Câu *vườn ruộng... đốt cháy* gợi cho ta cảnh-tượng gì ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *xuất-cảng*, với *hòa-bình*.

DÀN-BÀI : 1.— Đồng-ruộng ở miền Nam.
2.— Sau chiến-tranh, công-cuộc phục-hồi kinh-tế.
3.— Việc xuất-cảng lúa-gạo.

ĐẠI-Ý.— **Nông-dân miền Nam đang cố-gắng phục-hồi lại nền kinh-tế bằng cách tăng-gia sản-xuất.**

★

CHÍNH-TẢ

KỸ-NGHỆ VÀ THƯƠNG-MẠI

Nếu ta nhìn quanh Thế-giới thì sẽ nhận thấy các quốc-gia phú-cường đều là những nước có một nền kỹ-nghệ và thương-mại rất phồn-thịnh.

Riêng ở nước ta, trước kỳ Đại-chiến thứ hai, số xuất-cảng luôn luôn trội hơn số nhập-cảng. Người dân thảnh-thơi, dư ăn, dư để... Thế mà hiện nay, sự ăn-tiêu quá sức đã làm cho số hàng nhập-cảng tăng lên rất nhiều. Chúng ta phải thành-thực mà nhận rằng nền kinh-tế của ta chưa khả-quan vì nhu-cầu thì nhiều mà sức sản-xuất lại kém. Để chấn-hưng lại nền kinh-tế của xứ-sở, toàn-dân phải lo tổ-chức lại công ăn việc làm của mình.

Ta phải tăng-gia sản-xuất, kỹ-nghệ-hóa nước nhà, để tự cung-cấp lấy những hàng cần-dùng mà khỏi tốn ngoại-tệ nhập-cảng. Chừng nào con số xuất-cảng thăng-bằng, hoặc trội hơn con số nhập-cảng, thì mới có thể nói đến chuyện «dân giàu, nước mạnh» được.

Theo Kỹ-sư NGUYỄN-VĂN-KHAI

GIẢI-NGHĨA : **Phú-cường :** giàu và mạnh. **Thương-mại :** việc đổi-chác, buôn-bán. **Phồn-thịnh :** (còn gọi là phiền-thịnh) đông-đảo, tươi-tốt, thịnh-vượng, sầm-uất. **Nhu-cầu :** (*Nhu :* cần dùng. *Cầu :* mong-mỏi) cần dùng mà tìm kiếm. **Tăng-gia sản-xuất :** gia-công, gắng sức làm việc để có nhiều sản-vật, chế-phẩm.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

X.— Xuất-cảng, xuất-nhập tự-do, xuất-bản, xuất-chúng, xuất-dương, xuất-gia, xuất-hiện, xuất-sắc, xuất-thân, xuất-xứ, sản-xuất, trục-xuất, xuất-phẩm, xuất-phát.

S.— Suất-đinh, đốc-suất, xướng-suất, khinh-suất, sơ-suất, áp-suất của không-khí.

X.— Xứ-sở, bản-xứ, đồ đầu xứ.

S.— Đồ sứ, đi sứ, sứ-giả, sứ-bộ, sứ-đoàn, sứ-mệnh, sứ-quán, sứ-thần, quí-sứ, thống-sứ, công-sứ, tiết-độ-sứ.

CÂU-HỎI.— 1) Giải-nghĩa : thảnh-thơi, nền kinh-tế, kỹ-nghệ-hóa, cung-cấp.
2) Chủ-từ là gì ? Tìm chủ-từ ở câu thứ nhất trong bài này.
3) *Xuất-cảng* và *nhập-cảng* khác nghĩa nhau thế nào ?
4) Chúng ta phải làm thế nào để cho *nước giàu, dân mạnh* ?

★

VĂN-PHẠM

CHỦ-TỪ

NHẬN-XÉT :

Ở bài chính-tả *Kỹ-nghệ và thương-mại*, trong câu đầu « *Nếu ta nhìn... phồn-thịnh* » ta thấy :

Tiếng *ta* làm chủ-từ cho động-từ *nhìn, nhận thấy*.

Tiếng *quốc-gia* làm chủ-từ cho động-từ *đều là*.

Tiếng *nước* làm chủ-từ cho động-từ *có*.

Tiếng *ta* là đại-danh-từ đứng làm chủ-từ.

Tiếng *quốc-gia, nước* là danh-từ đứng làm chủ-từ.

BÀI-HỌC.— *Chủ-từ* là tiếng đứng làm chủ ở trong câu.

Chủ-từ có thể là :

a) *Danh-từ : Học-sinh* chép bài.
Thợ-thuyền đến xưởng.

b) *Đại-danh-từ : Nó* viết bảng.
Chúng ta ra sân.

c) *Động-từ : Yêu* cho đòn, cho vọt,
Ghét cho ngọt, cho bùi.

d) *Tính-từ : Đói* ăn vụng,
Túng làm liều.

★

TẬP VIẾT

Chữ P, B, lối hoa : — Phong-đinh, Bình-dương

TẬP LÀM VĂN

ĐÁM CHÁY

Em đã được mục-kích một đám cháy nhà. Hãy tả lại cảnh hãi-hùng đó.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài :** Đám cháy xảy ra ở đâu ? lúc nào ? Tại sao đã được mục-kích.

2) **Thân bài :** *A. Trong khi cháy :*

a) báo-hiệu cháy bằng còi, tù-và, xe cứu-hỏa.

b) ánh lửa đỏ, tiếng kêu thất-thanh.

c) đám cháy lan rộng, tiếng nổ, khói.

d) sự tàn-phá kinh-khủng.

B. Sự cứu-chữa : cố-gắng của dân-chúng, của nhân-viên cứu-hỏa để dập lửa, chạy đồ-dạc, của-cải và cứu người.

3) **Kết-luận :** Tìm nguyên-nhân vụ cháy và những sự thiệt-hại để giữ-gìn cẩn-thận củi-lửa trong bếp.

TUẦN-LỄ THỨ 19

NGỮ-VỰNG

XUẤT-NHẬP-CẢNG *(tiếp-theo)*

Danh-từ.— Nha ngoại-thương — Thị-trường — Ngoại-tệ — Hối-suất — Sản-phẩm — Cơ-quan mậu-dịch — Trương-mục ngân-hàng — Hóa-đơn — Công-ty — Tổ-hợp — Phòng thương-mại — Tổng nha thương-vụ — Luật-lệ ngoại-thương.

Tĩnh-từ.— (Hối-suất) tự-do — chính-thức.

Động-từ.— Tìm (thị-trường) — Thâu-hồi (ngoại-tệ) — khuyến-khích xuất-cảng — Thành-lập (tổ-hợp).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Buôn có bạn, bán có phường.*

— *Đắt chỗ buôn, buồn chỗ bán.*

— *Lành-mạnh-hóa thị-trường.*

GIẢI-NGHĨA : **Nha ngoại-thương :** nha tròng coi việc buôn-bán với nước ngoài. **Thị-trường** : nơi các thương-gia họp nhau để buôn-bán, nơi tiêu-thụ các sản-phẩm. **Hối-suất** : giá mua, bán ngoại-tệ cao hay hạ. **Cơ-quan mậu-dịch :** cơ-quan giao-dịch, mua bán hàng-hóa. **Trương-mục ngân-hàng :** sổ ghi số tiền gởi vào, lấy ra, ở ngân-hàng. **Tổ-hợp :** tổ-chức do nhiều nhà buôn, nhiều nhà xuất, nhập-cảng hợp lại để có nhiều vốn kinh-doanh cho dễ. **Phòng thương-mại :** cơ-quan do tư-nhân lập nên để điều-hòa các ngành nội, ngoại-thương sản-xuất và giúp ý-kiến cho Chính-phủ về các vấn-đề kinh-tế. **Tổng nha-thương-vụ :** một nha lớn ở bộ Kinh-tế trông coi về việc buôn-bán và gồm các nha ngoại-thương, nha nội-thương, nha viện-trợ thương-mại. **Hối-suất tự-do :** giá mua, bán ngoại-tệ theo thị-trường tự-do. **Hối-suất chánh-thức :** giá mua bán ngoại-tệ do Chính-phủ ấn-định. Muốn nâng-đỡ các nhà xuất-cảng Việt-nam, Chính-phủ đã ấn-định như sau : Bán hàng xong, các nhà xuất-nhập-cảng thâu-hồi hoàn-toàn ngoại-tệ về Việt-nam rồi nhượng lại cho Chính-phủ 35% theo hối-suất tự-do và 65% theo hối-suất chính-thức. **Đắt chỗ buôn, buồn chỗ bán :** Đến hãng buôn thì phải tranh nhau mua hàng giá cao, khi đem về bán thì hàng lại ế, chẳng có người mua.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : ngoại-tệ, sản-phẩm, công-ty, hóa-đơn, thâu-hồi ngoại-tệ.*

2) Tại sao các nhà xuất, nhập-cảng Việt-nam lại phải thành-lập các tổ-hợp.

3) Tìm tiếng phản-nghĩa với : Nha ngoại-thương, khuyến-khích xuất-cảng.

4) « Lành-mạnh-hóa thị-trường » nghĩa là gì ? Làm thế nào để lành-mạnh-hóa thị-trường.

TẬP ĐỌC

TIỀN-TỆ LÀ GÌ ?

1.— Muốn hiểu rõ tiền-tệ là gì, trước hết chúng ta hãy tìm hiểu **công-dụng** của nó.

2.— Nếu không có tiền người ta chỉ có cách đổi vật nọ lấy vật kia. Người làm ruộng muốn đổi thóc lấy vải phải cố tìm cho được một người thợ dệt muốn đổi vải lấy thóc. Nếu người thợ dệt lại muốn lấy thịt hoặc cá thì sự trao-đổi sẽ không **thực-hiện** được. Nhờ có tiền, sự khó-khăn ấy sẽ mất ngay. Tiền đã tách việc trao-đổi nói trên ra làm hai chặng. Chặng thứ nhất, người làm ruộng bán thóc lấy tiền, chặng thứ hai, bác ta dùng tiền để mua vải. Tiền còn là **lợi-khí** để dành như trường-hợp một nhà trồng-tỉa có vườn cam **sai** quả. Đó là một tài-sản đáng giá. Tuy-nhiên, nếu để yên, chỉ trong vài tháng chỗ cam đó sẽ khô héo đi và rụng hết. Nếu đem bán cam lấy tiền thì người ấy có thể để dành tiền mãi mãi. Bằng cứ vào đó, ta có thể nói rằng : « Tiền là một lợi-khí để trao-đổi và **bảo-tồn** giá-trị ».

3.— Từ cổ đến nay, tiền-tệ đã trải qua ba **hình-trạng** : hóa-tệ, tín-tệ và bút-tệ. Hóa-tệ là tiền bằng hàng-hóa hay bất cứ thứ gì. Dần dần người ta dùng vàng hay bạc để làm tiền vì vàng, bạc vừa quý, vừa bền, lại không quá khan-hiếm. Tín-tệ là tiền giấy, tự nó không có giá-trị, nhưng vì người ta **tín-nhiệm** nên thành có giá. Bút-tệ là tiền vô-hình chỉ dùng trong việc **kế-toán** vì đáng lẽ trả nhau bằng tiền thực, người ta dùng cách biên sổ.

Theo Thạc-sĩ VŨ-QUỐC-THÚC

GIẢI-NGHĨA.— **Thực-hiện** : Làm cho thành sự thực. Không thực-hiện được nghĩa là không thể làm được. **Lợi-khí** : đồ-dùng sắc, nghĩa bóng là cái gì dùng được việc. **Sai** : nhiều hoa, nhiều quả. **Bảo-tồn** : giữ-gìn cho khỏi mất đi. **Hình-trạng** : (*Hình* : hình-dáng. *Trạng* : dáng-bộ, cảnh-tượng, bề ngoài) hình-dáng hiện ra bên ngoài. **Tín-nhiệm** : tin dùng.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Công-dụng của tiền như thế nào ? — Nếu không có tiền, làm thế nào để có vật-dụng ? — Tiền còn là lợi-khí để làm gì ? Từ cổ đến nay, tiền-tệ đã trải qua những hình-trạng gì ? — Tín-tệ, bút-tệ khác nhau thế nào ?

Lời văn : Phân-biệt nghĩa : *công-dụng* và *công-hiệu*, *thực-hiện* và *thực-hành*.— Tìm mấy tiếng trong có tiếng *tài* như *tài-sản*.— Phản-nghĩa với *khan-hiếm* là gì ? với *bảo-tồn* là gì ?

DÀN-BÀI : 1.— Muốn hiểu rõ tiền-tệ.
2.— Công-dụng của tiền-tệ.
3.— Các loại tiền-tệ xưa và nay.

ĐẠI-Ý : **Tiền-tệ là một lợi-khí để trao-đổi và bảo-tồn giá-trị.**

HỌC THUỘC LÒNG

XUÂN KỶ-DẬU

1 — Băng-băng đuốc lửa, rừng gươm-giáo,
Khí-thế quân Nam nước lũ tràn.
Khuya tối mồng năm, liên-tiếp sáng,
Hà-hồi thất-thủ, Ngọc-hồi tan.

2 — Đoàn quân giải-phóng tràn-xô đến,
Ngựa thét lừng mây, súng đỏ thành.
Sĩ-Nghị, nửa đêm quăng ấn-tín,
Mình không gươm, giáp, chạy về Thanh.

Một lũ tàn-quân theo chủ-tướng
Tranh nhau, cầu đỗ, vỡ cường-chinh,
Sông Hồng ngập-ngụa thây quân Mãn
Máu đỏ trôi về tận Bắc-kinh.

3 — Cờ Việt thượng lên tàng soái-phủ
Quang-trung dừng ngựa giữa Thăng-long.
Áo bào khói súng pha đen xạm,
Chiến-thắng dân, quân : nức một lòng

Theo TỪ-TRẨM-LỆ

GIẢI-NGHĨA.— **Xuân Kỷ-dậu** : mùa xuân năm Kỷ-dậu, vua Quang-trung phá tan quân Thanh rồi tiến vào Thăng-long. **Liên-tiếp** : liền mãi, hết lượt này đến lượt khác. **Thất-thủ** : không giữ được, bị mất vào tay kẻ khác. **Giải-phóng** : (*Giải* : cởi ra. *Phóng* : buông) cởi mở xiềng-xích để sống một đời tự-do. Ở đây là đoàn quân đến giúp cho dân-chúng thoát ách nô-lệ của quân Thanh. **Tàn-quân** : quân lính thua chạy. **Cường-chinh** : quân giặc mạnh. **Soái-phủ** : dinh-thự của vị đại-tướng. **Chiến-thắng** : được trận.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Thế mạnh của quân ta được ví với gì ? — Ngày nào tháng Giêng năm Kỷ-dậu quân ta thắng trận ? — Tại sao Sĩ-Nghị thua trận ? — Cờ Việt-nam được cắm lên đâu ? — Vì sao vua Quang-trung đại-thắng quân Thanh ?

Lời văn.— Ba tiếng *nước lũ tràn* ở đoạn đầu gợi cho ta hình-ảnh gì ? — Những tiếng gì ở đoạn giữa tả sức mạnh của quân ta ? — Câu *áo bào,.. đen xạm* tả cái gì ?

DÀN-BÀI.— 1 — Sức mạnh của quân ta.
2 — Quân giặc đại-bại.
3 — Cuộc thắng-trận làm nức lòng dân và quân.

ĐẠI-Ý.— **Mùa xuân Kỷ-dậu, vua Quang-trung đã chiến-thắng quân Thanh một cách vô cùng oanh-liệt.**

CHÍNH-TẢ

NGÂN-HÀNG

Ngân-hàng có nhiều loại. Có loại được Chính-phủ giao cho quyền phát-hành tiền-tệ như Quốc-gia ngân-hàng. Có loại chuyên về thương-mại hoặc kinh-doanh như Công-thương ngân-hàng...

Ngân-hàng thương-mại nhận tiền của tư-nhân gửi rồi đem cho vay lấy lãi. Ngân-hàng kinh-doanh thiết-lập và kiểm-soát các xí-nghiệp. Các loại ngân-hàng này đều nhỏ nên thường cần đến sự giúp-đỡ của các ngân-hàng phát-hành đứng đầu hệ-thống.

Ngoài các loại ngân-hàng kể trên, còn có những ngân-hàng đặc-biệt như: Địa-ốc ngân-hàng chuyên về cầm, cố nhà-cửa, ruộng-đất. Nông-phố ngân-hàng xuất vốn cho nhà nông vay để cấy lúa, làm mùa. Những nhà xuất, nhập-cảng muốn có vốn để kinh-doanh lại phải tìm đến Ngân-hàng ngoại-thương. Có thể nói rằng : chỉ cần xem sự giao-dịch của các ngân-hàng trong một nước cũng đủ biết nước ấy giàu hay nghèo, yếu hay mạnh !

TRÚC-SƠN

GIẢI-NGHĨA.— **Phát-hành** : phát ra, bán ra, cho lưu-thông khắp nơi. **Kinh-doanh** : (hoặc kinh-dinh) : mưu việc làm ăn, buôn-bán. **Thiết-lập** : (*Thiết* : bày ra. *Lập* : đặt lên) dựng lên, đặt ra. **Hệ-thống** : thứ-tự của mọi sự-vật có quan-hệ với nhau. **Giao-dịch** : mua-bán, đổi-chác.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D .— Héo dàu, dưa dàu.
Gi .— Giàu nghèo, giàu-có, mụ giàu.
S .— Kiểm-soát, soát nhà, lục-soát, củ-soát.
X .— Xuýt-xoát tuổi nhau.
D .— Giao-dịch, dịch-giả, bãi-dịch, quân-dịch, chiến-dịch, ôn-dịch, kinh Dịch, hách-dịch, xê-dịch.
R .— Rục-rịch.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Phát-hành tiền-tệ. Công-thương ngân-hàng. Địa-ốc ngân-hàng. Ngoại-thương ngân-hàng.
2) Động-từ là gì ? Có mấy loại động-từ ? Tìm thí-dụ ở trong bài này.
3) Ngân-hàng có lợi thế nào cho công-kỹ-nghệ ?
4) Tìm năm danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng *ngân* như *ngân-hàng*.

VĂN-PHẠM

ĐỘNG-TỪ

NHẬN-XÉT :

Ở bài chính-tả *Ngân-hàng* trong câu *Ngân-hàng có nhiều loại* tiếng *có* là động-từ. Trong câu *Ngân-hàng kinh-doanh thiết-lập và kiểm-soát các xí-nghiệp* tiếng *thiết-lập* và *kiểm-soát* cũng là động-từ.

Động-từ *có* một tiếng là động-từ đơn.

Động-từ *thiết-lập*, *kiểm-soát* là động-từ ghép vì do hai tiếng ghép lại.

Động-từ dùng để biểu-diễn cái dụng của chủ-từ.

BÀI HỌC.— Động-từ là tiếng đặt sau chủ-từ để chỉ hoặc biểu-diễn cái dụng của chủ-từ.

Có hai loại động-từ là *động-từ đơn* như :

Ba *đọc* bài.

Học-sinh *chào* cờ.

và *động-từ ghép* như :

Toàn-dân *hoan-hô* chính-thể Cộng-hòa.

Tổng-thống *ban-hành* Hiến-pháp.

Mỗi động-từ có thể có một hay nhiều túc-từ.

★

TẬP VIẾT

Chữ Đ, R, lối hoa : — Đà-nẵng, Rạch-giá

★

TẬP LÀM VĂN

KỂ CHUYỆN VÀ TỰ-THUẬT

Chỉ-dẫn đại-cương : Kể chuyện hay thuật chuyện là một loại văn gồm đủ các lối (tả hình, tả người, đối-thoại v.v...) mục-đích là nhắc lại một cách rất tự-nhiên những chuyện đã được nghe qua hay trông thấy. Bất cứ chuyện nào cũng có những nhân-vật chính và phụ. Mọi việc xảy ra trong nhiều khung-cảnh song đều hướng về một chủ-điểm.

Vậy muốn kể chuyện cho linh-hoạt chúng ta phải chú-trọng tới những điều sau đây :

a) Giới-thiệu nhân-vật chính và phụ.
b) Trình-bày khung-cảnh, địa-điểm, thời-gian đã xảy ra chuyện đó.
c) Tuần-tự kể lại những việc đã xảy ra. Phần này là phần chính nên cần phải đi vào chi-tiết.
d) Nói rõ kết-quả để kết-thúc câu chuyện.

Phần này nếu khéo kể thì dễ làm cho người đọc ham-thích. Cố-nhiên là ta không nên ghi thêm quá nhiều cảm-tưởng hoặc ý-nghĩ riêng của ta vào đây e rằng người đọc sẽ mất hứng-thú. Câu chuyện hay tức là câu chuyện tự nó có thể gợi cho người đọc những cảm-tưởng hoặc rùng-rợn, hoặc vui-thích, hoặc buồn-bã, hoặc phẫn-khởi.

Tóm lại, trong lối kể chuyện, ta phải dùng lời văn giản-dị để cho câu chuyện kể ra có đầu-đuôi, mạch-lạc, tự-nhiên. Không nên bịa-đặt nhiều hoặc thêm bớt quá khiến cho sai-lạc hẳn sự thật.

Tự-thuật cũng là một lối kể chuyện song chỉ khác là do chính nhân-vật ở trong chuyện tự mình nói lại. Vậy ta có thể dựa theo những lời chỉ-dẫn đại-cương đã nói ở trên.

DÀN-BÀI MẪU CHUNG CHO LỐI VĂN KỂ CHUYỆN

1) **Mở bài :** Thời-gian, khung-cảnh, nhân-vật chính và phụ.
2) **Thân bài :** a) Lúc bắt đầu câu chuyện.
   b) Mọi tình-tiết trong câu chuyện.
3) **Kết-luận :** Kết-quả câu chuyện.

✶

MỘT VÁN BI (đạn)

Sau một ván bi, hai em cãi-vã rất hăng. Em bé nhảy vào đánh em lớn. Em lớn chỉ tránh-đỡ chứ không đánh lại. Mọingười lấy làm lạ hỏi tại sao ? Em lớn trả lời như thế nào, hãy thuật lại.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài :** Thời-gian và nơi xảy ra cuộc cãi-vã.
2) **Thân bài :** a) Nguyên-nhân.
   b) Cử-chỉ của hai bên (em bé hung-hăng, em lớn nhường-nhịn...)
   c) Kết-quả ra sao ?
3) **Kết-luận :** Những lời giải-thích của em lớn.

TUẦN-LỄ THỨ 20

NGỮ-VỰNG

XUẤT-NHẬP-CẢNG *(tiếp-theo)*

Danh-từ.— Nha nội-thương — Hàng-hóa — Tiệm buôn — Khách-hàng — Môn-bài — Thuế chợ — Hàng tồn-kho — Tiểu-thương tín-dụng — Mạo-hóa — Người môi-giới — Gian-thương — Nạn đầu-cơ tích-trữ — Chợ đen.

Tĩnh-từ.— (Hàng-hóa) khan-hiếm, cần-thiết.

Động-từ.— Phân-phối (hàng-hóa) — Tiếp-tế (thực-phẩm) — Hạn-chế (nhập-cảng) — Nâng-đỡ (nội-hóa).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Buôn may, bán đắt.*
— *Buôn quan tám, bán quan tư.*
— *Phi thương bất phú.*

GIẢI-NGHĨA.— **Nha nội-thương** : Nha trông coi về mọi việc buôn-bán ở trong nước. **Môn-bài** : (hay bài sanh-ý) thuế đánh vào các tiệm buôn hoặc các nhà công-nghệ. **Hàng tồn-kho** : hàng còn đọng lại trong kho, chưa lấy ra hoặc chưa bán hết. **Tiểu-thương tín-dụng** : cơ-quan cho các nhà buôn nhỏ vay tiền để làm vốn kinh-doanh. **Mạo-hóa** : hàng-hóa giả-mạo. **Người môi-giới** : người đứng giữa làm mối để cho hai bên mua bán, trao-đổi hàng-hóa với nhau. **Gian-thương** : nhà buôn gian-dối, thường dùng mánh-khóe để lừa-gạt khách-hàng. **Nạn đầu-cơ tích-trữ** : nạn hàng-hóa khan-hiếm và đắt-đỏ do bọn gian-thương gây ra. Bọn này hưởng lợi-dụng cơ-hội hàng nhập-cảng chưa tới mà tung tiền ra mua vét, tích-trữ thàng-hóa ở trên thị-trường rồi đem bán chợ đen kiếm lời. **Chợ đen** : buôn-bán lén-lút, tăng-giá quá đáng để làm giàu. **Khan-hiếm** : thiếu-hụt, không đủ để cung-cấp cho nhu-cầu của mọi người. **Phân-phối** : phân chia đi khắp nơi. **Hạn-chế nhập-cảng** : cấm nhập-cảng hay cho nhập-cảng rất ít. Để nâng-đỡ hàng nội-hóa, nha ngoại-thương thường không cho phép nhập-cảng những hóa-phẩm đã sản-xuất được ở ngay trong nước. **Phi thương bất phú** : không buôn-bán thì không thể làm giàu được.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

. . . . . *trông nom về việc buôn-bán ở trong nước. Muốn nâng-đỡ nội-hóa, nha này . . . . . những hóa-phẩm mà ta đã sản-xuất được. Mỗi khi thấy hàng-hóa khan-hiếm, bọn . . . . . lại tìm cách buôn-bán . . . . . kiếm lời. Nhờ có . . . . . cho vay, các nhà buôn nhỏ mới có vốn để kinh-doanh. Ban kiểm-soát kinh-tế hoạt-động rất siết để bài-trừ.* . . . . .

TẬP ĐỌC

TÌNH-HÌNH KINH-TẾ

1.— Trước kia tình-hình kinh-tế ở Việt-nam, nhất là về thương-mại chưa **ổn-định**. Hàng-hóa nhập-cảng không được điều-hòa. Nạn **chợ đen** rất thịnh-hành vì bọn gian-thương luôn-luôn tìm cách **lũng-đoạn thị-trường**. Những thực-phẩm cần-thiết khi có, khi không.

2.— Giờ đây đã đổi khác. Nha nội-thương hết sức bài-trừ nạn **đầu-cơ tích-trữ**. Mọi biện-pháp cần-thiết đã được áp-dụng để điều-hòa hàng nhập-cảng và đồng-thời nâng-đỡ hàng xuất-cảng cùng khuyến-khích các ngành công-nghệ. Những nhà máy xay lúa, xưởng chế-tạo nước mắm, lò đường, trại cưa v.v... đã được thành-lập và đương hoạt-động. Các kho **gạo** dự-trữ giúp cho việc tiếp-tế được mau chóng, dễ-dàng...

Song song với việc cấm ngoại-kiều làm 11 nghề, sở **Tiểu-thương tín-dụng** cũng đứng ra cho các tiểu-thương-gia vay tiền để có đủ vốn thay-thế ngoại-kiều. Vì vậy cho nên ở khắp mọi nơi, từ thành-thị đến thôn-quê, việc buôn-bán đã có phần khởi-sắc. Tuy-nhiên chính-quyền cũng như dân-chúng, vẫn còn phải cố-gắng rất nhiều thì **nền kinh-tế** mới được ổn-định như **thời tiền-chiến.**

3.— Cái khó-khăn của chúng ta ngày nay là phải chuyển nền kinh-tế lệ-thuộc ra nền kinh-tế độc-lập, đổi nền kinh-tế chiến-tranh ra nền kinh-tế hòa-bình. Nhưng với bàn tay khéo-léo và khối óc **cần-cù**, nhất-định chúng ta sẽ vượt được mọi trở-lực.

GIẢI-NGHĨA.— **Kinh-tế** : (do 4 chữ : **Kinh bang tế thế** là trị nước giúp đời) được người Nhật dùng để dịch chữ économie của Tây nên có nghĩa là mọi hoạt-động của người ta để làm thỏa-mãn những nhu-yếu. **Ổn-định** : ổn-thỏa, ngã-ngũ, không rối-loạn nữa. **Lũng-đoạn thị-trường** : thả sức mua bán, nắm giữ độc-quyền ở thị-trường để hưởng lợi. **Thời tiền-chiến** : thời trước chiến-tranh. **Cần-cù** : chịu khó.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Trước kia tình-hình kinh-tế ở Việt-nam thế nào ?— Bọn gian-thương đã làm gì để kiếm lời ?— Chính-quyền đã dùng những biện-pháp nào ? — Tiểu-thương tín-dụng giúp ích cho ai ? — Cái khó-khăn của chúng ta là thế nào ?

Lời văn : Trong bài này có những từ-ngữ nào thường dùng về kinh-tế ? — Tìm những tiếng phản-nghĩa với : *tiền-chiến*, với *lệ-thuộc*. — Tìm một câu ca-dao trong đó có tiếng *buôn*.

DÀN-BÀI.— 1— Tình-hình kinh-tế trước kia.
2— Tình-hình kinh-tế hiện nay.
3— Vững lòng tin ở tương-lai.

ĐẠI-Ý.— **Tình-hình kinh-tế ở Việt-nam, tuy khó-khăn, song vì chúng ta cố-gắng nên sẽ có tương-lai tốt-đẹp.**

CHÍNH-TẢ

VẤN-ĐỀ TIẾP-TẾ

Dân-số đô-thành Sài-gòn gần hai triệu người nên vấn-đề tiếp-tế cũng khó-khăn, phức-tạp.

Hàng ngày, các ghe-thuyền chuyên-chở thóc-lúa miền Hậu-giang lên cung-cấp cho dân-chúng thật là đều-đặn ! Từng đoàn xe vận-tải đem hoa-quả, gà-vịt ở khắp nơi về... Vựa cá chợ Cầu ông Lãnh lúc nào cũng đầy ăm-ắp ! Rau-đậu còn tươi, mang hương-vị Đà-lạt, được ùn-ùn chở đến bằng xe-lửa hoặc máy-bay.

Mọi thứ vừa mới tập-trung lại đã được phân-phối ngay đi các chợ ở khắp đô-thành. Thế rồi, kẻ bán, người mua, trao đi, đổi lại. Những lít gạo trắng bông, những mớ rau xanh ngắt, những trái cây chín mọng, những miếng thịt tươi hồng đã biến thành bữa ăn thanh-đạm hoặc thịnh-soạn cho mọi gia-đình... Ngồi trong bàn ăn, liệu có ai đã nghĩ đến bao nhiêu công-lao của vấn-đề tiếp-tế ?

MỸ-DƯƠNG

GIẢI-NGHĨA.— **Tiếp-tế** : cung-cấp, tiếp giúp cho mọi thứ cần-dùng. **Ăm-ắp** : rất đầy, không chứa thêm được nữa. **Tập-trung** : họp tất cả vào một nơi. **Thanh-đạm** : trong-sạch. **Thịnh-soạn** (*Thịnh* : nhiều, lớn. *Soạn* : cỗ-bàn) bữa tiệc to, nhiều món ăn ngon.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Ch.— Chuyên-chở, che-chở, chở hàng, chở **t**uyền.
Tr.— Trở nên, trở về, trở mình, trở gót, để trở, cách-trở, trở-lực, trở-ngại, hiểm-trở, trắc-trở, ngăn-trở.
Ch.— Chao ôi ! chao tôm, chao đèn.
Tr.— Trao-đổi, trao tay, mắt mở trao-tráo.
X.— Màu xanh, xanh chảo, xanh rì, xanh-xao, tuổi xanh, lầu **xanh.**
S.— Cây sanh (cây si), nhà bảo-sanh, sanh-nhật.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : dân-số, miền Hậu-giang, xe vận-tải, đô-thành, công-lao.
2) Túc-từ là gì ? Trực-tiếp túc-từ khác gián-tiếp túc-từ ở chỗ nào ? Cho thí-dụ.
3) Tại sao vấn-đề tiếp-tế thực-phẩm cho đô-thành Sài-gòn lại khó-khăn phức-tạp ?
4) **Đại-ý** của bài này là gì ?

VĂN-PHẠM

TÚC-TỪ

NHẬN-XÉT :

Ở bài chính-tả *Vấn-đề tiếp-tế* trong câu : *Hàng ngày các ghe-thuyền chuyên-chở thóc-lúa miền Hậu-giang lên cung-cấp cho dân-chúng thật là đều-đặn !*

thì tiếng *thóc-lúa* làm *túc-từ* cho động-từ *chuyên-chở*,

tiếng *Hậu-giang* làm *túc-từ* cho danh-từ *thóc-lúa*.

tiếng *dân-chúng* làm *túc-từ* cho động-từ *cung-cấp*.

Ngoài ra, ta lại nhận thấy *thóc-lúa* làm *trực-tiếp túc-từ* cho động-từ *chuyên-chở* vì nó đứng *sát* ngay với động-từ ấy.

Dân-chúng làm *gián-tiếp túc-từ* cho động-từ *cung-cấp* vì nó được *cách* ra bằng tiếng giới-từ *cho*.

BÀI-HỌC.— Túc-từ là tiếng dùng để làm lọn nghĩa cho tiếng động-từ ở trong câu văn. Túc-từ có thể làm lọn nghĩa cho :

a) *Danh-từ* như : Vở của *học-sinh* rất đẹp.

b) *Động-từ* như : Giáo-sư giảng *bài*.

Trực-tiếp túc-từ đi thẳng với động-từ.

Gián-tiếp túc-từ được cách động-từ bằng một giới-từ.

Thí-dụ : Ba học *bài*.

Tư nói chuyện với *bạn*.

*

TẬP-VIẾT

Chữ U, Y, lối hoa : — Úc-đại-lợi, Y-pha-nho

*

TẬP LÀM VĂN

GIỜ SÁCH CHÉP BÀI

Anh Tư giờ sách chép bài thi nên đã được nhiều điểm và xếp thứ nhất. Trong giờ chơi, Tư lên mặt khoe-khoang tự-đắc. Năm trả lời lại như thế nào ? Hãy thuật lại cuộc tranh-luận này.

DÀN-BÀI — 1) **Mở bài :** Thời-gian, nơi-chốn.

2) **Thân bài :** Tại sao có cuộc tranh-luận ?— Bài thi gì ?— Tại sao Tư được nhất ? — Tư khoe-khoang chế-giễu Năm như thế nào ?— Năm trả lời ra sao ?— Tại sao Năm không phục cử-chỉ và lời nói của Tư ?— Những lý-lẽ nêu ra.

3) **Kết-luận :** Biết phục-thiện và nhận những lỗi của mình, **Tư hứa không tái-phạm.**

NGỮ-VỰNG

CỨU-TẾ

Danh-từ.— Thiên-tai — Chiến-họa — Nạn-nhân — Lòng từ-thiện — Lòng bác-ái — Sự tương-trợ — Ủy-ban cứu-tế.

Tĩnh-từ.— (Người) nhân-đức — (Khách) hằng-tâm, hằng-sản — (Tai-nạn) khủng-khiếp — (Cảnh) cơ-hàn.

Động-từ.— Làm việc nghĩa — Quyên-tiền — Cứu-trợ (đồng-bào) — Bố-thí — Phân-phát (tặng-phẩm) — Ủy-lạo (nạn-nhân).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Dù xây chín đợt phù-đồ*
Không bằng làm phúc cứu cho một người.

— *Cứu nhất nhân, đắc vạn phúc.*

— *Miệng khi đói bằng gói khi no.*

GIẢI-NGHĨA.— **Thiên-tai :** tai-nạn do Trời gây ra như : bão, lụt, đại-hạn, v.v... **Chiến-họa :** tai-nạn do chiến-tranh gây ra. **Nạn-nhân :** người bị thiệt-hại vì các tai-nạn xảy ra. **Lòng từ-thiện :** lòng thương người, hay làm phúc. **Lòng bác-ái :** (*Bác :* rộng-rãi. *Ái :* thương-yêu) lòng thương-yêu tất cả mọi người, mọi loài. **Sự tương-trợ :** sự giúp-đỡ lẫn nhau. **Ủy-ban cứu-tế :** ban giữ việc cứu-giúp, nâng-đỡ những người bị nạn. **Người nhân-đức :** người có lòng tốt, hay cứu-giúp kẻ khác. **Hằng-tâm, hằng-sản :** (*Hằng* : thường, luôn. *Tâm* : lòng. *Sản* : của) có sẵn lòng tốt, lại sẵn tiền của để làm việc nghĩa. **Khủng-khiếp :** ghê-sợ không thể tả được. **Cơ-hàn :** đói và rét. **Quyên tiền :** bỏ tiền ra giúp-đỡ người nghèo-túng hoặc gặp tai-nạn. **Bố-thí :** (*Bố :* bá, truyền rộng ra. *Thí :* cho làm phúc) ban-phát cho mọi người, giúp-đỡ người nghèo-khó. **Ủy-lạo :** (*Ủy :* an-ủi, còn gọi là **úy-lạo**) an-ủi, vỗ-về nạn-nhân bằng lời nói nhẹ-nhàng, ôn-tồn. **Đợt phù-đồ :** lớp, bậc, chùa, tháp để thờ Phật. **Cứu nhất nhân, đắc vạn phúc :** cứu một người là được nhiều phúc (kể hàng vạn).

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp-nghĩa :

Sau mỗi . . . . như bão, lụt v.. v... thì lại có hàng trăm, hàng ngàn . . . phải chịu cảnh màn trời, chiếu đất. Trước cảnh . . . của đồng-bào, ở khắp mọi nơi, người ta lo thành-lập các . . . Người ta đến tận nhà những ai nổi tiếng là hay . . . để quyên tiền, quyên phẩm-vật rồi gửi đi . . . các đồng-bào bị nạn. Chính-quyền cử nhiều phái-đoàn đến tận nơi để . . . nạn-nhân và . . . . . tặng-phẩm.

TẬP ĐỌC

SỔ QUYÊN

1.— Hôm nay đến lớp, thầy giáo có vẻ buồn-buồn. Giờ vào học, thầy thuật cho cả lớp nghe trận bão ác-hại đã **tàn-phá** mấy tỉnh miền Trung. Bây giờ đã hết bão rồi, nhưng đồng-bào đang lâm vào cảnh **lầm-than, cơ-cực** vô-cùng.

2.— Thuật đến đây, thầy ngừng lại vài giây, mắt chớp-chớp rồi lại tiếp : « Thầy định lập một sổ quyên để **hưởng-ứng** lời kêu gọi của Uỷ-ban cứu-tế trung-ương đăng trên các báo. Vậy các con, ai có thể quyên được bao nhiêu thì quyên. **Việc nghĩa,** kẻ ít, người nhiều, góp lại sẽ thành món tiền to để giúp đồng-bào lâm-nạn... »

Cả lớp ồn-ào lên, rồi thấy Dũng đứng dậy thưa :

— « Thưa thầy, quyên bây giờ có được không ạ ? »

— « Tốt lắm ! Càng sớm chừng nào, càng giúp đồng-bào đỡ phần đói-rét chừng ấy ! »

Dũng, tay run-run, đưa lên bàn thầy tờ giấy năm đồng. Cả lớp vỗ tay ran vì ai cũng biết đó là số tiền của Dũng **nhịn** ăn quà sáng từ mấy hôm nay, định để mua hộp chì màu. Sau Dũng lại có mấy em khác mang tiền lên. Một đồng, hai đồng, thầy nhận mà tay thầy cũng run lên.

3.— Bằng giọng cảm-động, thầy bảo cả lớp :

« Của ít, lòng nhiều, các con đã biết chia-sẻ niềm đau-khổ với đồng-bào. Riêng thầy cũng gửi vào sổ quyên một ngày lương để góp sức với các con ».

Theo SINH-LỰC

GIẢI-NGHĨA.— **Sổ quyên** : quyển sổ ghi những số tiền hoặc đồ-vật do các nhà hảo-tâm tặng. **Tàn-phá** : làm cho tan-nát hết cả. **Lầm-than, cơ-cực** : đói-khát và khổ-sở. **Hưởng-ứng** : nghĩa đen là tiếng vang, nghĩa bóng là đáp lại, phụ-họa với. **Việc nghĩa** : những việc nên làm, hợp với lẽ phải.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Tại sao hôm nay thầy-giáo có vẻ buồn-buồn ? — Thầy lập sổ quyên để làm gì ? — Trò nào đứng lên xung-phong quyên tiền ? — Thầy-giáo bảo cả lớp như thế nào ? — Vì sao cả lớp đều yên-lặng ?

Lời văn : Tiếng gì ở đoạn đầu cho ta biết trận bão ác-hại ? — Bốn tiếng *lầm-than, cơ-cực* gợi cho ta cảnh gì ? — Tìm mấy danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng *đồng* như *đồng-bào*.

DÀN-BÀI.— 1.— Trận bão tàn-phá miền Trung.
2.— Sổ quyên được lập ở trường.
3.— Cả thầy và trò đều thông-cảm với đồng-bào lâm-nạn.

ĐẠI-Ý.— **Trước cảnh tàn-phá của trận bão, thầy và trò sốt-sắng quyên tiền để giúp-đỡ đồng-bào lâm-nạn.**

HỌC THUỘC LÒNG

LÒNG NHÂN-ÁI

1.— Ở cho có đức, có nhân.
Mới mong đời trị, được ăn lộc trời.

2.— Thương người tất-tả, ngược-xuôi,
Thương người lỡ bước, thương người bơ-vơ.
Thương người ôm, dắt trẻ thơ,
Thương người tuổi-tác, già-nua, bần-hàn.
Thương người quan, quả, cô, đan,
Thương người đói-rét, lầm-than kêu đường.
Thấy ai đói rách thì thương,
Rách thường cho mặc, đói thường cho ăn.
Thương người như thể thương thân,
Người ta phải bước khó-khăn đến nhà.
Đồng tiền, bát gạo đem ra,
Rằng đây cần-kiệm, gọi là làm duyên.
Nay ta ở chốn bình-yên,
Còn người tàn-phá chẳng nên cầm lòng.
Tiếng rằng ngày đói, tháng đông.
Thương người bớt miệng, bớt lòng mà cho.

3.— Miếng khi đói, gói khi no,
Của tuy tơ-tóc, nghĩa so nghìn trùng.

NGUYỄN-TRÃI (Gia-huấn ca)

GIẢI-NGHĨA.— **Nhân-ái** : *(Nhân* : tính thẳng-thắn, thương người, hiền lành, bao gồm mọi nết tốt. *Ái* : yêu-mến) lòng thương-yêu mọi người. **Bơ-vơ** : không biết nương-tựa vào đâu. **Bần-hàn** : nghèo-khổ, rét-mướt. **Quan** : người góa vợ. **Quả** : người góa chồng. **Cô** : con mồ-côi. **Đan** : người sống một mình không có gia-đình. **Cần-kiệm** : siêng-năng, làm nhiều, tiêu ít. **Tàn-phá** : bị phá-hại vì thiên-tai hoặc chiến-tranh.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Ở đời phải ăn ở với nhau như thế nào ? — Ta nên thương những người như thế nào ? — Phải làm thế nào để giúp họ ? — Đứng trước cảnh tàn-phá, mình phải làm thế nào ? Tuy vậy ta không nên giúp-đỡ hạng người nào ?

Lời văn : Tìm tiếng phản-nghĩa với *già-nua*, với *bần-hàn*. —Bài này thuộc về thể văn gì ? — Câu *Thương người như thể thương thân* nhắc cho ta điều gì ?

DÀN-BÀI.— 1 — Ăn ở phải có nhân, có đức.
2 — Ta nên giúp-đỡ những người nào ?
3 — Cách giúp-đỡ.

ĐẠI-Ý.— **Ở đời, ta nên có lòng nhân-ái đối với mọi người.**

CHÍNH-TẢ

LÒNG BÁC-ÁI

Đời người, từ xưa tới nay, là một trường chiến-đấu. Trải bao cuộc gian-lao, chìm-nổi, mà loài người vẫn cứ hóa hóa, sinh sinh. Đó chính là nhờ ở những người giàu lòng bác-ái, rộng đức hiếu-sinh, thấy đời chìm-đắm mà vớt-chữa rất mau, thấy đời ốm-đau mà thuốc-thang rất chóng.

Có lúc họ gieo thân vào rừng gươm-súng để đưa dân tới cõi bình-an. Có khi họ núp bóng ở nơi bùn-lầy mà dắt người lên đường no-ấm. Có khi họ hy-sinh cả cuộc đời an-lạc mà chìa vai gánh-vác mọi nỗi gian-lao với người chân lấm, tay bùn. Có khi họ rời bỏ những cảnh phồn-hoa để giúp-đỡ những người đầu tắt, mặt tối...

Những công-cuộc ấy thật là cao-đẹp biết là nhường nào ! Tuy-nhiên, muốn đạt được mục-đích cao-cả ấy, lại cần phải có một tấm lòng bác-ái rộng-lớn mới được.

Cho nên, những bậc thánh-hiền xưa nay được người đời sùng-kính đều do lòng xả-thân, vị nghĩa vậy.

Theo SÀO-NAM

GIẢI-NGHĨA.— **Hiếu-sinh :** thương-yêu mọi sinh-vật. **Hóa hóa, sinh sinh :** chết và sống kế-tiếp nhau. **Phồn-hoa :** nơi ồn-ào, náo-nhiệt, ăn-chơi xa-xỉ, **Xả-thân vị-nghĩa :** quên mình, hy-sinh để làm việc nghĩa. **An-lạc :** an-nhàn, vui-vẻ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Tr .— Trường-hợp, trường học, can-trường, chiến-trường.
Ch .— Chán-chường, anh chường (anh chàng).
Gi .— Giàu lòng, giàu-có.
D .— Dầu hỏa, dầu-dãi, dầu vừng.
X .— Xả-thân, thí-xả, nói xa-xả.
S .— Sả ra, chim sả, lá sả, lăn sả vào.

CÂU-HỎI.— 1) Giải-nghĩa : bác-ái, mục-đích, thánh-hiền, sùng-kính.
2) Tìm năm danh-từ ghép trong đó có tiếng *bác* như *bác-ái*.
3) Những người có lòng bác-ái thường làm gì để giúp-đỡ đồng-bào ?
4) Thế nào là một câu chỉ việc chủ-động ? — Tìm thí-dụ ở trong bài này.

VĂN-PHẠM

CÂU CHỈ VIỆC CHỦ-ĐỘNG

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Lòng bác-ái* có câu : *Có lúc họ gieo thân vào rừng gươm-súng để đưa dân tới cõi bình-an* tiếng *họ* đứng làm chủ-từ cho các động-từ gieo, đưa.

Công-việc gieo thân, đưa dân ở đây do chính họ (các người giàu lòng bác-ái) làm, nên câu đó là câu chỉ việc chủ-động.

BÀI HỌC.— Câu chỉ việc chủ-động là câu mà ở trong đó, tiếng chủ-từ đứng ra làm công-việc do tiếng động-từ nêu ra.

Thí-dụ : Học-sinh *chép* bài.
Quân-đội *đánh* giặc.

★

TẬP VIẾT

Câu ngắn có ý-nghĩa : Miếng khi đói bằng gói khi no

★

TẬP LÀM VĂN

OÁN-TRÁCH THẦY-GIÁO

Bạn em vừa bị phạt nên tỏ ý oán-trách thầy-giáo. Ở đâu anh ấy cũng phàn-nàn. Em tìm cách giảng-giải cho bạn em. Thuật lại câu chuyện đó.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Trường-hợp về thời-gian, nơi-chốn.
2) **Thân bài :** *A. Lời phàn-nàn, oán-trách.*— Tại sao bạn em bị phạt ? — Bạn em phàn-nàn, oán-trách ai ? — Sự oán-trách đó được biểu-lộ ra như thế nào ?
B. Lời giảng-giải của em.— Lý-lẽ nêu ra : **sự công-bằng của thầy-giáo.**— Người nghiêm-minh là có lợi cho học-sinh chúng ta.
3) **Kết-luận : Bạn em nhận lỗi và hứa sẽ sửa-đổi.**

TUẦN-LỄ THỨ 22

NGỮ-VỰNG

CÁC HỘI THIỆN

Danh-từ.— Cô-nhi-viện — Dạ-lữ-viện — Bình-dân phạn-điếm — Bình-dân bệnh-viện — Viện tế-bần — Viện dục-anh — Trường mù — Ký-nhi-sở — Công-cuộc xã-hội — Hội bảo-trợ phụ-nữ và nhi-đồng — Sở hướng-nghiệp.

Tính-từ.— Mồ-côi — Góa-bụa — Tàn-tật — Vô thừa-nhận — Cơ-cực.

Động-từ.— Thành-lập (hội thiện) — Tổ-chức (cuộc lạc-quyên) — Cấp-dưỡng (cô-nhi, quả-phụ) — Bảo-trợ (nhi-đồng).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Một con ngựa đau, cả tàu chê cỏ.*

— *Cứu dân, độ thế.*

— *Thương người quan, quả, cô, đan.*

GIẢI-NGHĨA : **Cô-nhi-viện :** viện nuôi trẻ-em mồ-côi. **Dạ-lữ-viện :** nhà để người nghèo ngủ đỡ ban đêm. **Bình-dân phạn-điếm :** quán cơm rẻ tiền cho đồng-bào nghèo. **Bình-dân bệnh-viện :** nơi chữa bệnh không lấy tiền cho đồng-bào nghèo. *Thí-dụ :* Bình-dân bệnh-viện ở đường Phan-thanh-Giản đã chữa bệnh cho rất nhiều đồng-bào nghèo. **Viện tế-bần :** viện giúp-đỡ những người nghèo. **Viện dục-anh :** viện nuôi trẻ-em. **Ký-nhi-sở :** sở trông nom, săn-sóc giữ giúp trẻ-em do các bà mẹ lao-động đem đến gửi, trước khi đi làm. Đến chiều, tan sở, họ lại đến lĩnh con về. **Hội bảo-trợ phụ-nữ và nhi-đồng :** hội chăm-nom, giữ-gìn sức-khỏe cho các bà mẹ và các trẻ-em. Hội can-thiệp để buộc các xí-nghiệp phải cho phụ-nữ công-nhân nghỉ hộ-sản và không bắt thiếu-nhi làm việc quá sức. **Sở hướng-nghiệp :** sở hướng-dẫn nghề-nghiệp cho đồng-bào sa-ngã hoặc nghèo-túng. **Mồ-côi :** không có cha mẹ hoặc cha mẹ đều chết cả. **Góa-bụa :** chồng hoặc vợ đã chết sớm. **Tàn-tật :** bị thương vĩnh-viễn như : mù, què, cụt v.v... **Vô thừa-nhận :** không có ai nhìn-nhận. **Cơ-cực :** đói-rét, khổ-sở. **Tổ-chức cuộc lạc-quyên :** xin phép thành-lập sổ quyên và cho người đi quyên tiền về để giúp-đỡ đồng-bào nghèo-khổ. **Cấp-dưỡng :** cho tiền, nuôi-nấng, giúp-đỡ. **Một con ngựa đau, cả tàu chê cỏ :** một con ngựa ốm không ăn cỏ thì cả chuồng ngựa, bao nhiêu con, đều ngao-ngán, không ăn gì cả. Câu này đề-cao tình thương-yêu đồng-loại của loài vật để ngầm khuyên ta nên thương-yêu đồng-bào. **Cứu dân độ-thế :** cứu người, giúp đời tức là công-việc của những nhà hảo-tâm, bác-ái.

BÀI-TẬP : *1) Giải-nghĩa : Các hội thiện — Công-cuộc xã-hội — Trường mù — Ký-nhi-sở.*

2) Tìm tiếng phản-nghĩa với «thành-lập», với «tàn-tật», với «cơ-cực».

3) Kể tên các hội thiện ở địa-phương của em.

4) Đồng-bào nghèo thường được các tổ-chức nào giúp-đỡ ?

NGỮ-VỰNG

CÔ-NHI-VIỆN

1.— **Cô-nhi-viện** này tuy mới xây-cất ở vùng ngoại-ô nhưng thật ra, nó đã được **thành-lập** từ mười năm nay tại Hải-phòng. Cùng với làn sóng di-cư, bà giám-đốc đã can-đảm đem « bầy con » gần hai trăm em đi tìm tự-do.

2.— Nhờ sự giúp-đỡ của chính-quyền và của tổ-chức **cứu-trợ** Thiên-chúa-giáo, hiện nay cô-nhi-viện đã chứa được trên ba trăm em mồ-côi vừa trai, vừa gái, từ sơ-sinh đến mười sáu tuổi. Các em nhỏ được chăm-nom tại nhà **dưỡng-nhi**. Các em lớn theo học trong sáu lớp, từ lớp mẫu-giáo đến lớp nhất, do ba giáo-viên **phụ-trách.** Một số các em khác được học nghề may-cắt hoặc theo các trường trung-học ở đô-thành. Từ phòng ăn, phòng ngủ đến lớp học, nơi nào cũng **ngăn-nắp**, sáng-sủa, sạch-sẽ. Ngoài ra, các em còn có sân rộng-rãi và phòng bóng bàn để vui-chơi sau những giờ học-tập.

3.— Bà giám-đốc hoạt-động không ngừng để săn-sóc « bầy con ». Và không **phụ lòng** hy-sinh cao-cả của bà, các em trong viện lúc nào cũng tỏ ra ngoan-ngoãn và biết vâng lời. Các em thương-yêu bà không khác gì mẹ đẻ của các em vì ngoài bà ra, các em còn có ai là thân-thuộc ?

Theo T. G. T. D.

GIẢI-NGHĨA.— **Thành-lập** : dựng lên. **Cứu-trợ :** (*Cứu* : làm cho thoát nạn. *Trợ* : giúp-đỡ) giúp-đỡ người khác trong khi họ khổ-sở, gặp tai-nạn. **Dưỡng-nhi :** nuôi trẻ. **Phụ-trách :** giữ và làm một công-việc gì. **Ngăn-nắp :** xếp-đặt đâu vào đấy, có thứ-tự. **Không phụ lòng :** ăn-ở từ-tế, tỏ ra rất xứng-đáng với lòng tốt của người ta đối với mình. **Cao-cả :** to-lớn, rộng-rãi. **Thân-thuộc :** bà-con, họ-hàng cùng máu-mủ với mình.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng : Cô-nhi-viện này xây-cất ở đâu ? — Trong cô-nhi-viện có bao nhiêu trẻ em mồ-côi ? — Việc học ở trong đó được tổ-chức ra sao ? — Bà giám-đốc đối với các em thế nào ? — Các em làm thế nào để không phụ lòng bà giám-đốc ?**

Lời văn : Tiếng gì ở đoạn đầu tả cuộc di-cư to-tát ? — Tĩnh-từ nào được dùng để tả các căn phòng ? — Tiếng gì chỉ đức-tính của bà giám-đốc ?

DÀN-BÀI.— 1 — Lịch-sử cô-nhi-viện.

2 — Cách tổ-chức trong viện.

3 — Tình thân-ái giữa trẻ mồ-côi và bà giám-đốc.

ĐẠI-Ý.— **Cô-nhi-viện là gia-đình êm-ấm của những trẻ em mồ-côi**

CHÍNH-TẢ

NHÀ NUÔI TRẺ

Nhà nuôi trẻ này thành-lập đã trên bốn năm. Vì số trẻ-em gửi tới càng ngày càng đông nên ban giám-đốc đã phải cất thêm ba căn nhà nữa.

Trẻ-em ở đây phần đông đều là nạn-nhân chiến-tranh. Nhà cửa chúng bị phá tan, cha-mẹ chúng bị sát-hại... Vì thế cho nên các nhà từ-thiện đã gom công, góp của lại để nuôi-dạy chúng. Cả thảy có hai trăm em, được chia thành năm toán, mỗi toán có một giáo-viên phụ-trách. Em nào cũng ăn-mặc gọn-gàng và được học-hành tử-tế. Sáng dậy, chúng tập thể-dục theo nhịp còi của huấn-luyện-viên. Sau đó là giờ vào lớp học chữ. Buổi chiều được dành riêng để học nghề như : đan-nát, thêu-thùa...

Đời sống vật-chất ở nơi đây có thể coi là tạm đầy-đủ. Nếu chúng có thiếu thì chỉ thiếu tình mẫu-tử. Để đền-bù lại sự thiệt-thòi ấy, ban giám-đốc và các hội thiện khác luôn luôn gửi phái-đoàn đến thăm-nom, vỗ-về, yên-ủi các em...

MỸ-DƯƠNG

GIẢI-NGHĨA.— **Nạn-nhân chiến-tranh** : những người bị nạn vì chiến-tranh như có người thân bị giết, nhà-cửa bị đốt, của-cải hết sạch... **Từ-thiện** : (*Từ* : tình thương chung. *Thiện* : tốt-lành, trái với ác) có lòng nhân-từ, ham làm điều thiện để cứu giúp những người không may gặp nạn. **Tình mẫu-tử** : tình thương-yêu, trìu-mến của mẹ đối với con, hoặc con đối với mẹ. **Yên-ủi** : (hoặc an-ủi) khuyên-giải, làm cho người khác đỡ tủi thân, đau-khổ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

S — Sát-hại, sát cánh, sát đất, nhà-cửa san-sát, sát-sàn-sạt, cảnh-sát, đồ-sát, giám-sát, khảo-sát, sây-sát.
X — Xát xà-phòng, xát muối, chà-xát.
Đ — Dành riêng, dành-dụm, quả dành-dành
Gi — Giành độc-lập, tranh-giành, giành ấm.
R — Rành-rành, rành-mạch, rành-rọt.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Thành-lập, sát-hại, phụ-trách, huấn-luyện-viên, phái-đoàn.

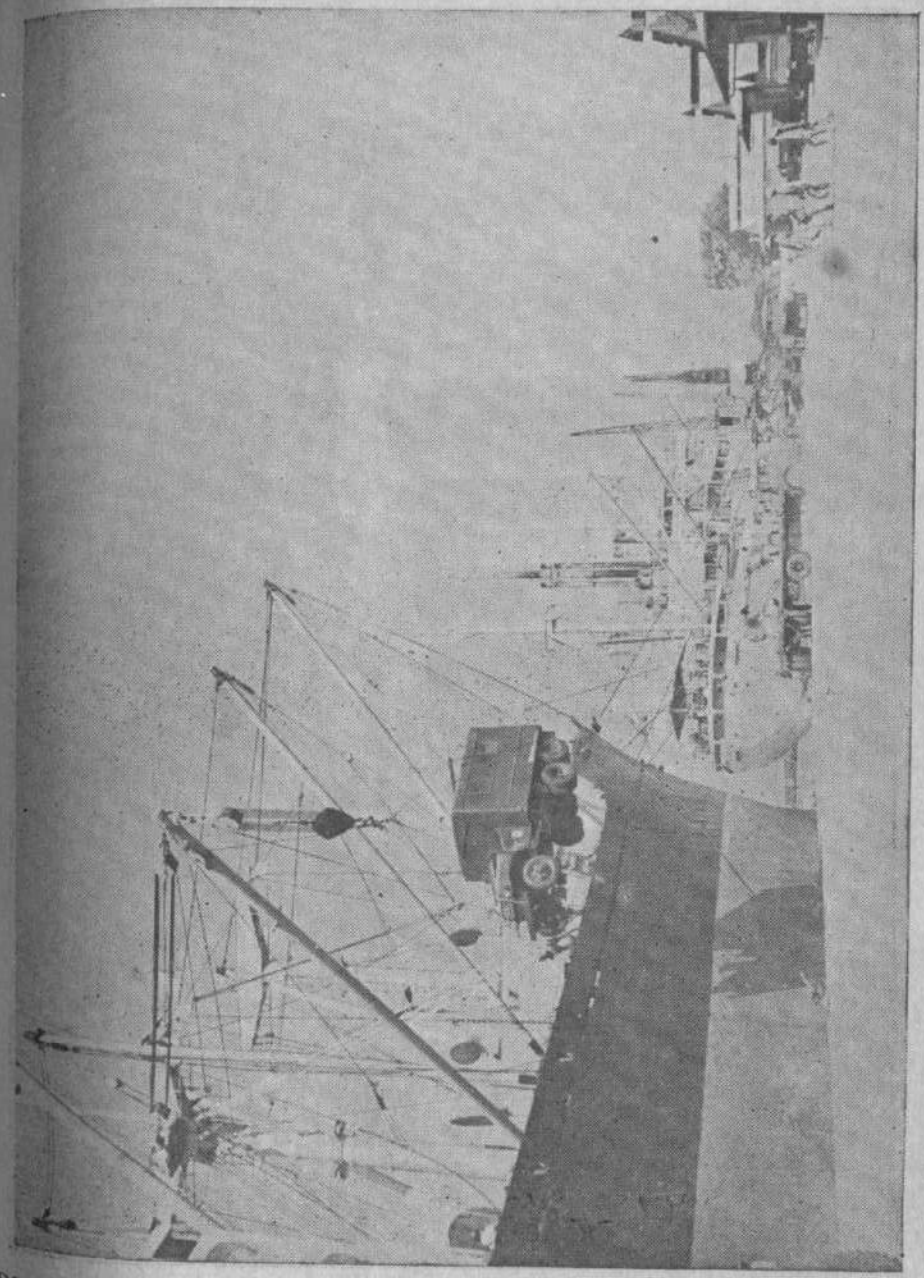
2) Thế nào là một câu chỉ việc thụ-động ? — Đặt hai câu ngắn chỉ việc thụ-động.

3) Nhà nuôi trẻ lập ra nhằm mục-đích gì ?

4) Kể vài danh-từ ghép gồm bốn tiếng như *Nạn-nhân chiến-tranh.*

IX

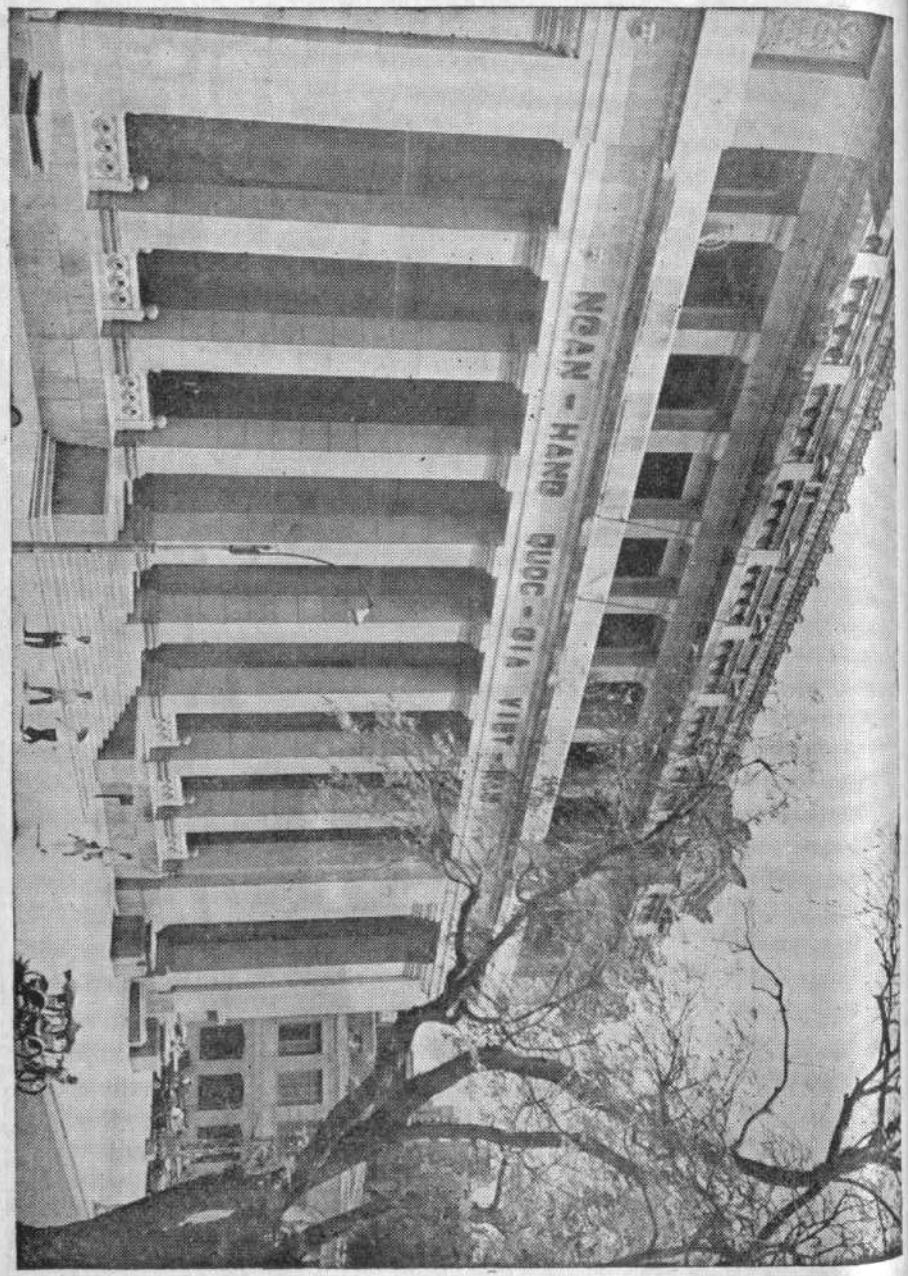
CHỦ-ĐỀ : HẢI-CẢNG



PHỤ-BẢN SỐ 9 — *BẾN TÀU SÀI-GÒN*

X

CHỦ-ĐỀ : NGÂN-HÀNG



PHỤ-BẢN SỐ 10 *QUỐC-GIA NGÂN-HÀNG*

VĂN-PHẠM

CÂU CHỈ VIỆC THỤ-ĐỘNG

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Nhà nuôi trẻ* có câu : *Nhà-cửa chúng bị phá tan, cha-mẹ chúng bị sát-hại* ta thấy :

Tiếng *Nhà-cửa* làm chủ-từ cho động-từ *bị phá tan*, tiếng *cha-mẹ* làm chủ-từ cho động-từ *bị sát-hại*. Ở cả hai trường-hợp, cả hai chủ-từ đều đứng vào thế thụ-động, bị-động chứ không tự đứng ra làm cái công-việc do động-từ diễn-tả. Vậy câu đó là câu chỉ việc thụ-động.

BÀI-HỌC.— Câu chỉ việc thụ-động là câu ở trong đó, tiếng chủ-từ không đứng ra làm cái công-việc do động-từ nêu ra. Chủ-từ chịu nhận lấy những kết-quả, ở vào thế hoàn-toàn bị-động hoặc thụ-động.

Thí-dụ : Học-trò lười bị phạt.

Trẻ-em ngoan được khen.

Trong câu chỉ việc thụ-động thường có những tiếng ***bị, được,*** v.v... đứng trước động-từ.

★

TẬP VIẾT

Lá lành đùm lá rách

★

TẬP LÀM VĂN

QUYỂN SÁCH CŨ KỂ CHUYỆN MÌNH

Một đêm thanh-vắng, quyển sách tập-đọc cũ ngồi kể lại thân-thế mình cho các bạn nghe. Thuật lại câu chuyện đó.

DÀN-BÀI. — 1) **Mở bài** : Trường-hợp nào ? Ở đâu em đã thấy quyển sách tập-đọc tự-thuật lại cuộc đời mình ?

2) **Thân bài** : a) *Lúc sơ-sinh* : khi còn là tờ giấy trắng.

b) *Lúc trưởng-thành* : được đem in, đóng, xén, bày bán cho học-sinh mua về dùng.

c) *Lúc về già* : trải qua mấy năm dùng để học-tập bây giờ nhàu-nát, rách tươm.

3) **Kết-luận** : Tuy bây-giờ thân-hình tiều-tụy song tôi (lời quyển sách) vẫn lấy làm mãn-nguyện vì đã hy-sinh giúp-ích cho đời.

TUẦN-LỄ THỨ 23

NGỮ-VỰNG

HỢP-TÁC-XÃ

Danh-từ.— Hợp-tác-xã sản-xuất — Hợp-tác-xã tiêu-thụ — Xã-viên — Ban quản-trị — Ban kiểm-soát — Trưởng-ban — Cố-vấn — Sổ-sách — Hàng-hóa — Đại hội-đồng — Tiền nhập-hội.

Tính-từ.— (Ban quản-trị) mẫn-cán, giàu kinh-nghiệm — (Sổ-sách) phân-minh.

Động-từ.— Gia-nhập (hợp-tác-xã) — Bầu-cử (ban quản-trị) — Phân-phối (hàng-hóa) — Kiểm-soát (tài-chính) — Thanh-toán (tiền-nong).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
— Buôn tận gốc, bán tận ngọn.

GIẢI-NGHĨA.— **Hợp-tác-xã** : đoàn-thể của những người cùng làm một nghề, cùng ở một nơi, nhằm mục-đích giúp-đỡ và làm lợi cho nhau. Thí-dụ : Hợp-tác-xã đi mua vải ở nhà nhập-cảng về bán rẻ cho các xã-viên. **Xã-viên** : nhân-viên đã vào hợp-tác-xã. **Ban quản-trị** : ban trông-nom, cai-quản mọi công-việc kinh-doanh của hợp-tác-xã. **Trưởng-ban** : người đứng đầu trong ban. **Đại-hội-đồng** phiên họp có toàn-thể xã-viên đến dự để quyết-định mọi việc quan-trọng. **Tiền nhập-hội** : tiền đóng lần đầu tiên để xin vào hội. **Mẫn-cán** : nhanh-nhẹn, được việc. **Phân-minh** : rõ-ràng, sáng-sủa, đâu ra đó. **Bầu-cử** : bỏ phiếu cử người tài-giỏi, xứng-đáng vào một chức-vụ gì. **Phân-phối hàng-hóa** : đem hàng-hóa mua được về phân chia cho xã-viên dùng. **Kiểm-soát tài-chính** : khám-xét tiền-nong và sổ-sách xem có ăn khớp với nhau không, rồi làm tờ trình cho Đại-hội-đồng biết. **Thanh-toán tiền-nong** : trả hết nợ cho mọi người. **Buôn tận gốc, bán tận ngọn** : buôn từ nơi sản-xuất để đem về bán thẳng cho người tiêu-thụ, không phải qua sự trung-gian của người khác.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Ở trường tôi mới thành-lập . . . học-sinh mà chúng tôi đều là . . . Hôm bầu ban . . . có ông Hiệu-trưởng và các thầy-giáo, cô-giáo chứng-kiến. Các vị đều được bầu làm . . . Nhờ có số . . . làm vốn, ban quản-trị liền đi mua sách-vở, giấy bút, về bán rẻ cho các xã-viên. Hàng tháng các ủy-viên . . . tài-chính xem-xét sổ-sách để làm tờ trình lên . . . cứ ba tháng nhóm-họp một lần. Dưới sự chỉ-dẫn tận-tâm của các thầy, các cô, chúng tôi hết sức xây-dựng hợp-tác-xã học-sinh để thực-hiện câu ca-dao . . .

TẬP ĐỌC

HỢP-TÁC-XÃ TRỒNG RAU

1.— Anh chị em trồng rau ở Đà-lạt đã thành-lập hợp-tác-xã.

2.— Công-việc hoạt-động của hợp-tác-xã chia ra làm nhiều đợt như :

— **Thâu-nạp xã-viên** và điều-tra nông-thôn (diện-tích trồng rau, các loại rau, các nhà-vườn v.v...)

— **Phát-động chiến-dịch** hợp-tác-xã.

— **Tổ-chức** những cuộc nói chuyện về lợi-ích của hợp-tác-xã.

Để chấm dứt nạn **trung-gian,** hợp-tác-xã trồng rau đã ký giao-kèo với các chủ vựa ở Sài-gòn trong việc mua, bán rau. Ngoài ra, để cho tổ-chức này có một **phạm-vi** hoạt-động rộng-lớn, việc thâu-nạp các xã-viên cũng hết sức dễ-dàng. Các chủ vựa rau cũng được mời lên đi thăm các khu-vực trồng rau và tiếp-xúc với anh em trồng-tỉa. Đó là bước đầu tiên để « mua tận gốc, bán tận ngọn » và loại-trừ hẳn bọn trung-gian **trục-lợi** ra ngoài.

3.— Tuy-nhiên, đó chỉ là **biện-pháp** giải-quyết cấp-thời. Hiện nay vì diện-tích trồng rau mở rộng mà số nhu-cầu trên thị-trường trong nước chỉ có hạn nên hợp-tác-xã đã xuất-cảng rau ra nước ngoài. Công-cuộc này, không những nâng cao mực sống của hàng ngàn gia-đình xã-viên, mà còn mang lại cho quốc-gia một mối lợi không nhỏ.

Theo PHAN-NGHỊ

GIẢI-NGHĨA.— **Thâu-nạp xã-viên** : thu-nhận những người vào hợp-tác-xã. **Phát-động** : (*Phát* : mở ra. *Động* : làm) khởi đầu làm việc. **Chiến-dịch** : (*Chiến* : đánh nhau. *Dịch* : công-việc) nói chung những việc trong thời chiến-tranh, ở đây là công-việc cổ-động cho hợp-tác-xã. **Trung-gian** : người đứng giữa, giới-thiệu kẻ mua với người bán, để ăn lời. **Phạm-vi** : (khuôn, vòng) ý nói một khoảng có giới-hạn. **Biện-pháp** : cách làm. **Trục-lợi** : theo đuổi để kiếm lợi một cách trái phép.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Ai lập ra hợp-tác-xã trồng rau ? — Công-việc của hợp-tác-xã này chia ra làm mấy đợt ? — Làm thế nào để chấm dứt nạn trung-gian ? — Vào hợp-tác-xã có ích-lợi gì ? — Hiện nay hợp-tác-xã trồng trau đã xuất-cảng rau đi đâu ? (Tân-gia-ba).

Lời văn : *Phát-động* và *hoạt-động* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *thâu-nạp*. — Tìm tiếng khác thay cho tiếng *giao-kèo* (hợp-đồng).

DÀN-BÀI : 1.— Việc thành-lập hợp-tác-xã.
2.— Ích-lợi của hợp-tác-xã.
3.— Công-việc của hợp-tác-xã.

ĐẠI-Ý.— **Hợp-tác-xã loại-trừ nạn trung-gian, mua tận gốc, bán tận ngọn để nâng cao mực sống của xã-viên.**

HỌC THUỘC LÒNG

TRANG SỬ CŨ

1.— Nhớ lại thủa Lạc-long-quân dựng nước.
Cùng Âu-cơ thành-lập họ Hồng-bàng.
Mười tám đời kế-tiếp ở Văn-lang,
Danh Phù-đổng Thiên-vương truyền hậu-thế.

Nước Âu-lạc theo Loa-thành, đổ-bể,
Gươm Lữ-Gia còn vấy máu Ai-vương.
Trải ngàn năm Bắc-thuộc, chịu đau-thương,
Dân-tộc Việt đã nhiều phen quật-khởi !

2.— Hai bà Trưng, đất Mê-linh, thắng-lợi,
Mấy đời sau thêm nữ-tướng Nhụy-kiều,
Từ Cửu-chân vùng dậy, cưỡi voi theo...
Lý Nam-đế trao quyền cho họ Triệu.

Đàm Dạ-trạch lừng danh nơi hiểm-yếu.
Mai-thúc-Loan rồi kế đến Phùng-Hưng,
Đất Giao-châu, danh Khúc-Hạo vang lừng.
Dương-diên-Nghệ đắp xây nền tự-chủ...

3.— Nhờ Ngô-Quyền, Bạch-đằng-giang bắt-tử,
Thành mồ chôn quân Nam-Hán hung-tàn,
Sau nhà Đinh, quan Thập-đạo Lê-Hoàn
Lại phá Tống, bắt giết Hầu-nhân-Bảo.

Lý-thường-Kiệt tiến quân như vũ, bão,
Hạ Khâm, Liêm, rồi vây hãm Ung-châu.
Hội-nghị Diên-hồng, tính kế cùng nhau,
Phá Mông-cổ đã có Trần-quốc-Tuấn.

Cuộc kháng-chiến, trải mười năm lận-đận,
Bình-định-vương tuốt kiếm ở Lam-sơn.
Gươm Quang-trung đã trút hết căm-hờn.
Lên hàng chục vạn quân Tôn-sĩ-Nghị.

(còn tiếp)

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Hậu-thế** : đời sau. **Quật-khởi** : (*Quật* : ở chỗ thấp nổi lên. *Khởi* : dấy lên, trỗi dậy) ở đây ý nói khi nước ta bị Tàu cai-trị, nhiều phen tổ-tiên ta nổi dậy đánh lại chúng để giành độc-lập. **Thắng-lợi** : thu được phần lợi về mình. **Nữ-tướng** : người đàn-bà cầm quân. **Hiểm-yếu** : chỗ khó đi lại và quan-trọng lắm. **Bất-tử** : không bao giờ chết, ý nói tiếng-tăm còn lưu lại muôn đời. **Hung-tàn** : dữ-tợn, ác-nghiệt. **Vũ, bão** : mưa, bão, trỏ sức tiến quân mạnh như mưa, bão. **Thành-lập** : dựng nên.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Ai thành-lập ra họ Hồng-bàng ? — Tại sao Lữ-Gia lại giết Ai-vương ? — Ai giữ đầm Dạ-trạch để chống quân Tàu ? — Vì sao Hưng-đạo-vương đã thắng quân Nguyên ? — Kể những cuộc khởi-nghĩa trong thời Bắc-thuộc.

Lời văn : Tiếng *kháng-chiến* với *kháng-nghị* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *thắng-lợi* — Tiếng *quật-khởi* và *bất-tử* gợi cho ta hình-ảnh gì ?

DAN-BÀI.— 1 — Thời-kỳ dựng nước đến cuối đời nhà Triệu.
2 — Các cuộc khởi-nghĩa trong thời Bắc-thuộc.
3 — Thời-kỳ tự-chủ từ Ngô-Quyền trở đi.

ĐẠI-Ý.— **Những chiến-thắng vẻ-vang của tổ-tiên ta trong thời Bắc-thuộc.**

*

CHÍNH-TẢ

HỢP - TÁC - XÃ

Các sản-vật hoặc hàng-hóa, từ nơi chế-tạo ra, thường phải qua tay những nhà buôn rồi mới tới người tiêu-thụ. Nhà sản-xuất đã ăn lãi một lần, các nhà buôn lại chuyên tay nhau ăn lãi mấy lần nữa. Do đó, giá hàng-hóa tăng lên gấp bội.

Vậy muốn chặn đứng sự tăng-giá quá đáng thì phải làm thế nào ? — Các nhà tiêu-thụ liền họp nhau lại thành những hội để mua bán, giao-thiệp thẳng với nhà sản-xuất. Hội đó là hợp-tác-xã. Có hai loại hợp-tác-xã : hợp-tác-xã tiêu-thụ và hợp-tác-xã sản-xuất. Hợp-tác-xã nào cũng có ích cả.

Có hợp-tác-xã tiêu-thụ thì xã-viên mới không bị ăn đắt và tốn công đi chợ xa. Có hợp-tác-xã sản-xuất thì hàng-hóa của xã-viên làm ra mới không bị thời-giá lên, xuống làm cho thiệt-thòi. Ban quản-trị mẫn-cán, xã-viên chăm-chỉ, sốt-sắng, hợp-tác-xã sẽ càng ngày càng phát-triển để góp phần vào công-cuộc phục-hưng kinh-tế quốc-gia...

Theo VIỆT-LÊ

GIẢI-NGHĨA.— **Hợp-tác-xã** : hội hoặc đoàn-thể của nhiều người cùng nghề, kết-hợp lại để giúp-đỡ và làm lợi cho nhau. **Xã-viên** : nhân-viên trong một hợp-tác-xã. **Ban quản-trị** : nhóm người được cử ra để điều-khiển và làm lợi cho cơ-quan công hoặc tư. **Thời-giá** : giá-cả hàng-hóa lên xuống, theo từng lúc. **Phát-triển** : khơi rộng, mở to, làm cho lớn hơn lên.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Gi.— Giá hàng, thời-giá, phẩm-giá, giá-dụ, hộ-giá, Thánh-giá, đằng vân giá-vũ, giá xào, xuất-giá.

D. — Dối-trá.

R. — Rổ-rá, cà-rá.

X. — Xuất-bản, xuất-cảng, xuất-chúng, xuất-sắc, sản-xuất, xuất-phẩm, trục-xuất, xuất-xứ.

S. — Suất-đinh, đốc-suất, áp-suất, xướng-suất, suất-đội.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : tiêu-thụ, sản-xuất, phục-hưng kinh-tế, mẫn-cán.

2) Có mấy loại hợp-tác-xã ?

3) Tìm những tiếng đồng-âm với *xa* mà đặt thành vài câu ngắn có ý-nghĩa.

4) Tìm một câu xác-định ở trong bài này.

★

VĂN-PHẠM

CÂU NÓI THƯỜNG (XÁC-ĐỊNH)

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Hợp-tác-xã* có câu : *nhà sản-xuất đã ăn lãi một lần, các nhà buôn lại chuyền tay nhau ăn lãi mấy lần nữa* là một câu thường hay nói luôn để nói là *có*. Đó cũng là một *câu nói thường xác-định*.

BÀI HỌC.— *Câu xác-định* là câu không có tiếng phủ-định trạng-từ (như *không, chả, chẳng* v.v...) tức là câu ta thường nói để bày-tỏ ý-kiến là đúng như thế.

Thí-dụ Trường tôi có hợp-tác-xã học-sinh.
Ba viết chính-tả.
Bài tính này đúng.

★

TẬP VIẾT

Một cây làm chẳng nên non

TẬP LÀM VĂN

VIẾT THƯ

Chỉ-dẫn đại-cương : Viết thư là nói chuyện với người ở cách xa mình bằng giấy-tờ để :

a) hỏi thăm sức-khỏe và tin-tức.
b) chia vui, sẻ buồn.
c) thuật lại một câu chuyện.
d) bàn-luận về một vấn-đề gì.

Thư gởi cho họ-hàng, bè-bạn cần thành-thực, giản-dị. Lời-lẽ trong thư phải tự-nhiên, thân-mật để bày tỏ được những tình-cảm chân-thành của lòng mình.

Muốn vậy, trong khi viết thư, ta hãy tưởng-tượng như đang ngồi nói chuyện thẳng với người đọc thư mình, định nói điều gì thì viết ra như thế.

Cần tránh những lời thô-lỗ, những từ-ngữ trống-rỗng và *sáo*, về hình-thức hì nên dùng thứ giấy vuông-vắn, sạch-sẽ. Không nên viết ngoáy, viết tắt hoặc viết lệch hàng.

DÀN-BÀI MẪU CHUNG CHO LOẠI BÀI VIẾT THƯ

1) Đầu thư : Ngày, tháng, năm và câu xưng-hô mở đầu (như Thưa anh, Thưa thầy, mẹ, Thưa ngài v. v...)

2) Lòng thư : Những điều muốn nói :
a) Hỏi thăm.
b) Kể chuyện hoặc bàn về một vấn-đề gì.

3) Cuối thư : Lời cầu-chúc, chữ ký và địa-chỉ.

★

THƯ XIN TIỀN MUA SÁCH

Sắp đến kỳ thi, em viết thư về quê xin tiền cha mẹ để mua sách đọc thêm.

DÀN-BÀI.— **1) Đầu thư :** Ngày, tháng, năm...

2) Lòng thư : a) Lời hỏi thăm về sức-khỏe của cha mẹ và những người thân trong gia-đình.
b) Nói chuyện học, sắp đến kỳ thi, cần phải mua sách.
c) Tên sách, tác-giả, nhà xuất-bản, giá tiền, ích-lợi của sách.
d) Biết rằng cha mẹ đã hy-sinh rất nhiều không dám làm phiền song vì không đừng được mới phải xin tiền.

3) Cuối thư : Hứa hết sức chăm-chỉ và giữ-gìn sách cẩn-thận để làm vui lòng cha mẹ.

TUẦN-LỄ THỨ 24

NGỮ-VỰNG

CHỦNG-TỘC

Danh-từ.— Hoàng-chủng — Bạch-chủng — Hồng-chủng — Hắc-chủng — Đồng-chủng — Dị-chủng — Bộ-lạc — Dân-tộc thiểu-số — Đồng-bào — Thổ-dân — Kiều-dân — Quốc-tịch — Người Kinh — Người Thượng.

Tĩnh-từ.— (Dân-tộc) văn-minh, lạc-hậu, bán-khai, hiếu-chiến — (Phong-tục) dã-man, thuần-hậu.

Động-từ.— Bảo-chủng — Diệt-chủng — Khai-hóa — Đồng-hóa.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Con rồng, cháu tiên.*

— *Con nhà tông, chẳng giống lông, cũng giống cánh.*

GIẢI-NGHĨA.— **Chủng-tộc :** nòi-giống loài người trên thế-giới. **Hoàng chủng :** giống da vàng như người Việt, người Tàu, người Nhật, người Thái v.v... **Bạch-chủng :** giống da trắng như người Pháp, người Anh, người Đức, người Mỹ v.v... **Hồng-chủng :** giống da đỏ như thổ-dân ở Mỹ-châu. **Hắc chủng :** giống da đen như thổ-dân ở Phi-châu. **Đồng-chủng :** cùng một giống. *Thí-dụ :* người Việt và người Tàu đều là đồng-chủng. **Dị-chủng :** khác giống. *Thí-dụ :* người Việt và người Pháp là dị-chủng. **Bộ-lạc :** một số người chung sống với nhau ở một vùng có tù-trưởng cầm-đầu, nhưng chưa thành một quốc-gia. **Dân-tộc thiểu-số :** số dân có rất ít ở trong nước. *Thí-dụ :* Ở Việt-nam có những dân-tộc thiểu-số như : người Nùng, người Thái, người Chàm v.v... **Đồng-bào :** (cùng một bọc) cùng một cha-mẹ sinh ra, người cùng một nước. **Thổ-dân :** dân bản-thổ, từ trước đến nay vẫn làm ăn, sinh-sống ở khu đất này. **Kiều-dân :** người nước ngoài đến cư-ngụ, làm ăn, buôn-bán. *Thí-dụ :* những kiều-dân ở nước ta là người Tàu, người Pháp, người Mỹ, người Thái, người Phi v.v... **Quốc-tịch :** (*Quốc :* nước. *Tịch :* sổ hộ để biên số dân) sổ biên số dân trong một nước. **Người Kinh :** tiếng người Thượng dùng để gọi người Việt ở miền châu-thổ (kinh-đô). **Người Thượng :** tiếng người Việt dùng để gọi những đồng-bào thiểu-số ở miền rừng núi (thượng-du). **Văn-minh :** đã mở-mang tiến-hóa và có mức sinh-hoạt khá cao. **Lạc-hậu :** chậm tiến, còn thụt-lùi lại sau. **Bán-khai :** không đến nỗi lạc-hậu nhưng chưa được văn-minh. **Hiếu-chiến :** hay đánh nhau. **Dã-man :** mọi-rợ, chưa khai-hóa. **Thuần-hậu :** hiền-lành, trung-hậu. **Bảo-chủng :** giữ-gìn nòi-giống. **Diệt-chủng :** làm cho giống-nòi bị tiêu-diệt, mất dần đi. **Khai-hóa :** mở-mang. **Đồng-hóa :** làm cho biến theo, giống như một. Thí-dụ : Trong thời Bắc-thuộc, nhà Minh đã cố đồng-hóa dân-tộc Việt-nam để dễ bề cai-trị.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Nhân-loại, Kiều-bào, Việt-tịch, Ngoại-kiều.*

2) Phân-biệt nghĩa hai từ-ngữ : «đồng-chủng» và «đồng-bào».

3) Kể những đồng-bào thiểu-số ở trên đất Việt-nam.

4) Giải-nghĩa sơ-lược câu : « Nhiễu điều phủ lấy giá gương,

«Người trong một nước phải thương nhau cùng».

TẬP ĐỌC

NGƯỜI VIỆT

1.— Trước đây, người Việt có hai ngón chân cái giao lại với nhau cho nên người Tàu mới gọi là Giao-chỉ. Về sau, trải hàng ngàn năm **Bắc-thuộc**, nòi-giống cũ cũng **lai** đi nhiều lần rồi mới thành người Việt ngày nay.

2.— Tuy thuộc giống da vàng mà chỉ người **phong-lưu**, nhàn-hạ, ở trong nhà luôn, thì nước da mới trắng như màu ngà cũ. Còn người nào phải đi làm-lụng vất-vả, dầm mưa, dãi nắng, thì nước da lại ngăm-ngăm đen. Dáng người thấp bé, gò má hơi cao, môi dày, mũi tẹt, đó là những nét đặc-biệt không sao nhầm được.

Về đằng trí-tuệ, người Việt thông-minh, hiếu-học, rất lễ-phép và đạo-đức. Tâm-địa thì **nông-nổi**, lại **ham danh-vọng** và thích **phô-trương**. Tuy tin ma-quỉ, sùng lễ-bái mà người Việt vẫn không **nhiệt-tín** ở tôn-giáo nào.

Người Việt từ Bắc chí Nam đều theo một **phong-tục** và nói một thứ tiếng như nhau. Tuy rằng mỗi nơi có một ít **thổ-âm** riêng và giọng nặng, nhẹ khác nhau, nhưng đại-đề thì vẫn là một tiếng nói. Riêng ở điểm này cũng đủ chứng-minh tính-chất **đồng-nhất** của một dân-tộc vẻ-vang, đã có mấy ngàn năm lịch-sử!

Theo TRẦN-TRỌNG-KIM

GIẢI-NGHĨA.— **Bắc-thuộc :** thời-kỳ nước nhà bị người Tàu ở phương Bắc sang cai-trị. **Lai :** pha giống. **Phong-lưu :** dủ ăn tiêu, không phải phiền-lụy đến người khác. **Nông-nổi :** không sâu-sắc, ý nói không bình-tĩnh suy-xét kỹ-càng. **Ham danh-vọng :** (*Danh :* tiếng-tăm. *Vọng :* trông-mong) thích tiếng-tăm, danh-giá bề ngoài. **Phô-trương :** bày ra bên ngoài, khoe-khoang. **Nhiệt-tín :** tin một cách sốt-sắng, mạnh-mẽ, gần như điên-dại. **Phong-tục :** thói quen trong xã-hội. **Thổ-âm :** tiếng nói riêng của một vùng. **Đồng-nhất :** cùng như một, không khác mảy-may.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng :** Tại sao người Tàu lại gọi ta là Giao-chỉ ? — Đại-đề hình-dáng người Việt thế nào ? — Phong-tục và tiếng nói của người Việt thế nào ? — Vì sao mà dân-tộc ta được vẻ-vang ?

Lời văn : Những tiếng gì tả đời sống vất-vả của dân ta ? — *Nhiệt-tín* và *cuồng-tín* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tìm vài câu ca-dao hoặc tục-ngữ nói về lòng yêu nước, thương nòi của dân-tộc Việt.

DÀN-BÀI : 1.— Dòng-giống của người Việt.
2.— Hình-dáng và tính-nết của người Việt.
3.— Tính-chất đồng-nhất của dân-tộc ta.

ĐẠI-Ý.— **Vì tính-chất đồng-nhất nên dân-tộc ta đã có mấy ngàn năm lịch-sử vẻ-vang.**

CHÍNH-TẢ

ĐỒNG-BÀO THƯỢNG

Nói đến đồng-bào Thượng thì ai cũng hiểu ngay là một nhóm dân thiểu-số đang sống yên-ổn ở miền sơn-cước. Không bao giờ họ nghĩ đến việc rời bỏ rừng thẳm, non cao để về lập-nghiệp ở miền châu-thổ.

Mới bước chân lên miền Thượng, ai cũng phải ngạc-nhiên khi thấy từng đoàn đồng-bào Thượng, cởi trần, đóng khố, vai mang «gùi» đi chợ. Cái «gùi» là một cái dẫy, đan bằng tre, có quai, để đựng hàng-hóa vì họ không quen đội hoặc gánh.

Họ cặm-cụi làm việc, hết ngày ấy sang ngày khác, kéo dài cuộc sống chất-phác, hòa-bình trong tình thương-yêu đồng-loại. Họ chỉ làm đủ tiêu. Họ chẳng tham-lam, tranh-giành, ghen-ghét lẫn nhau. Sau những ngày vui, chơi, hát, múa, họ lại vào rừng đốt rẫy, làm nương, vun khoai, tỉa bắp. Họ vui sống một cách an-nhàn với cảnh núi non hùng-vĩ, suốt từ thế-hệ này sang thế-hệ khác, tưởng-chừng không bao giờ thay-đổi nữa...

Theo VĂN-HỚN

GIẢI-NGHĨA.— **Đồng-bào Thượng :** đồng-bào thiểu-số ở miền Thượng-du, Cao-nguyên. **Lập-nghiệp :** xây-dựng nhà-cửa, buôn-bán, làm-ăn ở một nơi nào. **Miền châu-thổ :** miền đất mới ở lưu-vực một con sông, do phù-sa của sông ấy bồi thành. *Thí-dụ :* Nam-phần là châu-thổ của 2 sông Cửu-long và Đồng-nai. **Ngạc-nhiên :** lấy làm lạ. **Cặm-cụi :** chăm-chỉ làm-việc, quên cả mệt-nhọc. **Hùng-vĩ :** to-lớn, mạnh-mẽ.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

R. — Rừng-thẳm, rừng-rú, lửa cháy rừng-rực.

D. — Dừng tay, trát dừng.

Tr. — Cởi trần, họ Trần, trần-ai, trần-gian, trần-thế, trần-tục, phong-trần, tuyệt-trần, từ-trần, trần-tình, điều-trần, trần nhà, trần-bì.

Ch.— Lần-chần, chần nước sôi, chần áo bông.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Dân thiểu-số, chất-phác, đồng-loại, nương, rẫy.

2) Thế nào là một câu phủ-định ? Tìm thí-dụ ở trong bài này.

3) Chúng ta phải đối với đồng-bào Thượng như thế nào ?

4) Tìm những từ-ngữ trong bài này chứng-tỏ rằng đồng-bào Thượng vui-sống một cách an-nhàn.

VĂN-PHẠM

CÂU NÓI THƯỜNG (PHỦ-ĐỊNH)

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Đồng-bào thượng* có những câu : *Họ chẳng tham-lam... Họ không quen đội hoặc gánh* là những câu nói thường, cho ta biết tính đồng-bào Thượng *không* tham-lam, *không* quen đội hoặc gánh. Những câu ấy là *câu phủ-định.*

BÀI-HỌC.— *Câu phủ-định* là câu có một tiếng *phủ-định trạng-từ* để nói là không, trái với có. Những tiếng phủ-định trạng-từ chính là : *không, chẳng, chớ, đừng, chưa v.v...*

Những tiếng này thường đặt trước tiếng động-từ hoặc tĩnh-từ.

Thí-dụ : Bài này *không* khó.

Đừng chép tính của bạn.

Chúng ta *chẳng* quên nguồn-gốc, tổ-tiên.

*

TẬP VIẾT

Trung, Nam, Bắc một nhà

*

TẬP LÀM VĂN

THƯ MƯỢN SÁCH

Trong khi luyện-tập Quốc-văn, vì thiếu sách tự-điển, em viết thư cho bạn để mượn sách dùng tạm ít lâu.

DÀN-BÀI.— 1) **Đầu thư :** Ngày, tháng, năm.

a) Hỏi thăm thường-lệ.

2) **Lòng thư :** b) Hỏi mượn sách gì ? (tên sách, soạn-giả, nhà xuất-bản).

c) Vì sao phải mượn ? (học thi, sách hết, chưa tái-bản).

d) Lời hứa (dùng trong ít lâu xin hoàn lại giữ-gìn cẩn-thận).

3) **Cuối thư :** Lời cảm ơn. Chữ ký và địa-chỉ.

TUẦN-LỄ THỨ 25

NGỮ-VỰNG

TÔN-GIÁO

Danh-từ.— Giáo-chủ — Giáo-hoàng — Tín-đồ — Giám-mục — Thiên-chúa-giáo — Linh-mục — Giáo-sĩ — Giáo-dân — Giáo-khu — Giáo-đường — Phật-giáo — Nho-giáo — Lão-giáo — Đạo Tin-lành — Đạo Cao-đài — Đạo Hòa-hảo — Thiền-môn — Tăng — Ni — Giáo-hội Tăng-già.

Tính-từ.— (Đạo) từ-bi, bác-ái — (Người) mộ-đạo, ngoan-đạo, vô-đạo.

Động-từ.— Giảng-đạo — Thuyết-pháp — Xuất-gia — Phá-giới — Ăn chay — Cầu-nguyện — Sám-hối.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Ăn mặn, nói ngay, còn hơn ăn chay, nói dối.*

— *Một lời nói dối, sám-hối bảy ngày.*

GIẢI-NGHĨA.— **Tôn-giáo :** (hay tông-giáo) giáo-lý lấy thần-đạo mà thiết-lập ra, có luật-lệ khiến người ta phải tôn-trọng và tin theo. **Giáo-chủ :** người sáng lập ra tôn-giáo. *Thí-dụ :* Đức Thích-ca Mâu-ni là Giáo-chủ đạo Phật. **Giáo-hoàng :** người đứng đầu Giáo-hội La-mã, cai-quản tất cả các giáo-hội thuộc đạo Thiên-chúa. **Tín-đồ :** những người tin theo một tôn-giáo nào. **Giám-mục :** một hẩm-trật trong đạo Thiên-chúa, đứng đầu quản-trị một khu-vực. **Thiên-chúa-giáo :** tức là đạo Rô-ma, phái cũ của Cơ-đốc-giáo, tôn Giáo-hoàng La-mã làm giòng-chủ và do đức chúa Giê-su sáng-lập. **Linh-mục :** một phẩm-trật trong Thiên-chúa-giáo, dưới bậc Giám-mục. **Giáo-sĩ :** người truyền-đạo Cơ-đốc. **Giáo-dân :** người dân theo đạo Thiên-chúa. **Giáo-khu :** khu-vực truyền-giáo do đức Giám-mục cai-quản và thuộc quyền Giáo-hội La-mã. **Phật-giáo :** tôn-giáo do đức Thích-ca Mâu-ni làm Giáo-chủ. **Nho-giáo :** đạo lấy Nho-học làm gốc và tôn đức Khổng-tử làm tôn-sư. **Lão-giáo :** tôn-giáo do Lão-tử sáng-lập vào đời Xuân-thu bên Tàu. **Đạo Tin-lành :** một phái trong đạo Cơ-đốc, còn gọi là Tân-giáo, cũng thờ đức chúa Giê-su, song không theo lệnh Giáo-hoàng ở La-mã. **Đạo Cao-đài :** một tôn-giáo do người Việt-nam khởi-xướng, dung-hòa cả đạo Lão, đạo Phật, đạo Cơ-đốc, đạo Nho v.v... **Đạo Hòa-hảo :** tôn-giáo thờ Phật do người Việt-nam lập ra ở làng Hòa-hảo (Nam-phần). **Thiền-môn :** (*Thiền :* yên-lặng, nghỉ-ngơi) cửa Phật. **Giáo-hội Tăng-già :** đoàn-thể của các người theo đạo Phật. **Mộ-đạo :** mến đạo. **Ngoan-đạo :** Sùng đạo, hết lòng tin theo đạo. **Vô-đạo :** không tin theo đạo nào. **Thuyết-pháp :** (tiếng nhà Phật) giảng đạo-lý cho tín-đồ nghe. **Xuất-gia :** Rời bỏ nhà, lên chùa, đi tu. **Phá-giới :** bỏ, không theo những điều giới-luật trong đạo Phật; không đi tu nữa. **Sám-hối :** ăn-năn tội-lỗi của mình.

BÀI-TẬP.— 1) Giải-nghĩa : Giáo-chủ, Đạo-hữu, Phật-tử, Con chiên.
2) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : Ăn chay, Xuất-gia.
3) Kể những tôn-giáo ở nước ta.
4) « *Tự-do tín-ngưỡng* » là gì ?

TẬP ĐỌC

PHẬT-GIÁO VỀ ĐỜI NHÀ LÝ

1.— Ai cũng biết rằng Lý Thái-tổ **xuất-thân** ở chốn **thiền-môn** nên khi lên làm vua, ngài hết sức mở-mang đạo **Phật**.

2.— **Ảnh-hưởng** của Phật-giáo lúc này thật là sâu-rộng. Quay về các đời trước, ta thấy những cảnh **hung-hãn**, tàn-bạo như : Đỗ-Thích giết chúa, Long-Đĩnh hại em v.v... Sang đời nhà Lý, nhờ đức từ-bi, bác-ái của Phật-tổ, **phong-tục** cũng trở nên **thuần-hậu**. Lý Thánh-tông hết sức **khoan-hồng** đối với phạm-nhân, Lý Thái-tông hạ-lệnh không được tàn-sát dân Chiêm cũng vì lẽ đó. Những hình-phạt **dã-man** như : vạc dầu sôi, chuồng hổ đời v.v... đặt ra từ đời nhà Đinh, đều bị bãi-bỏ.

Đạo Phật còn là nguyên-nhân của nhiều công-trình kiến-trúc mỹ-thuật khác nữa. Đền Hai bà, chùa Một cột, tháp Báo-thiên đã được xây-cất để tô-điểm cho thành Thăng-long thêm phần **tráng-lệ**.

3.— Suốt các đời vua nhà Lý, việc làm chùa, tô tượng, đúc chuông, soạn kinh, lập đàn vẫn tiếp-diễn không ngừng. Riêng vua Nhân-tông và Thái-hậu đã hoàn-thành được trên trăm ngôi chùa khiến đời sau ta có cảm-tưởng rằng Lý-triều chỉ chuyên vào việc **chấn-hưng** Phật-giáo !

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Xuất-thân :** sinh ra ở một gia-đình hay trong một hoàn-cảnh nào. **Hung-hãn :** dữ-tợn. **Phong-tục :** lề-thói đã có từ lâu đời. **Thuần-hậu :** hiền-lành, tử-tế. **Khoan-hồng :** rộng lượng. **Dã-man :** mọi-rợ, chưa tiến-hóa. **Tráng-lệ :** to-tát, đẹp-đẽ. **Chấn-hưng :** mở-mang, làm cho thịnh-vượng thêm lên.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng :** Ảnh-hưởng của Phật-giáo về đời Lý thế nào ? — Tại sao phong-tục lại thuần-hậu ? — Vua đối với dân-chúng như thế nào ? — Những đền-chùa nào được xây cất ở Thăng-long ? — Tại sao các vua nhà Lý đều tin đạo Phật ?

Lời văn : Tìm tiếng nôm thay cho tiếng *hung-hãn* — Tiếng nào cho ta biết tính-chất của đạo Phật ? — Đoạn nào chứng-tỏ rằng nhà Lý tôn-sùng đạo Phật ?

DÀN-BÀI.— 1 — Vì sao nhà Lý tôn-sùng đạo Phật ?
2 — Ảnh-hưởng của đạo Phật trong đời nhà Lý.
3 — Lòng mộ-đạo của các vua Lý.

ĐẠI-Ý.— **Ở nước ta, về đời nhà Lý, ảnh-hưởng của Phật-giáo rất là sâu-rộng**

HỌC THUỘC LÒNG

TRANG SỬ CŨ *(tiếp theo)*

1.— Cuộc chiến-đấu lâu dài, không phút nghỉ,
Lại vẫn còn tiếp-tục tới gần đây.
Khi bắt đầu va-chạm với phương Tây...

2.— Gò-công nhớ Phó lãnh-binh : Trương-Định,
Tri-huyện Toại, Thiên-hộ Dương thống-lĩnh
Đồng Tháp-mười, làm căn-cứ nghĩa-quân...
Vùng Tân-an lại có Thủ-khoa Huân
Họp dân-chúng ở Hóc-môn, Bà-điểm.
Nguyễn-tri-Phương với tinh-thần quyết-chiến,
Xé bông băng, nhịn đói, chết theo thành.
Tiếp theo sau, Hoàng-Diệu cũng lừng danh,
Khi tuẫn-tiết ở phía trong Võ-miếu.
Hịch Cần-vương, vua Hàm-nghi xuống chiếu,
Núi Vũ-quang nổi bật bóng Đình-Phùng.
Lũy Ba-đình, Đinh-công-Tráng tận-trung,
Khu Bãi-sậy còn lưu-danh Tán-Thuật.
Rừng Yên-thế khiến sài-lang mát mật,
Khi nghe tên Đề-Thám, họ Hoàng-hoa.
Phong-trào Duy-Tân lan khắp gần xa
Hưởng-ứng với Sào-Nam, Tăng-bạt-Hổ.
Sau Tây-hồ, Lương-ngọc-Can cổ-võ
Đặng-kinh-Luân, Dương-bá-Trạc, Nguyễn-Quyền
Lập Đông-kinh nghĩa-thục để tuyên-truyền...
Tiếp-theo đó là Thái-nguyên khởi-nghĩa.
Phạm-hồng-Thái liều thân nơi khách-địa...
Lửa Lâm-thao, Yên-bái cũng bùng lên,
Mười ba nhà liệt-sĩ đã ngang-nhiên
Nhìn máy chém, hô «Việt-nam độc-lập»
Phục-quốc-quân vùng Lạng-sơn bất-khuất !

3.— Và còn biết bao liệt-sĩ, anh-hùng
Đã ra tay chống lại kẻ thù chung,
Quyết chiến-đấu, để giành quyền tự-chủ.
Máu đổ, đầu rơi, gươm vung, đạn rú,
Cũng không hề lay-chuyển nổi tinh-thần,
Lòng hi-sinh, dũng-cảm của toàn dân...

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Thống-lĩnh** : (*Thống* : tóm lại một mối. *Lĩnh* : nhận lấy) giữ quyền cai-quản hết thảy quân-sĩ. **Quyết-chiến** : nhất-định đánh. **Tuẫn-tiết** : vì tiết-nghĩa mà chết. **Võ-miếu** : nơi thờ các tướng võ có công với nước. **Hịch** : lời kể tội giặc và kêu gọi nhân-dân nổi lên đánh lại chúng. **Tận-trung** : hết lòng hi-sinh, quên mình vì nước. **Sài-lang** : (*Sài* : loài thú dữ ở trên rừng, giống như loài chó hay ăn xác người chết. *Lang* : chó sói) người độc-ác, hung-dữ. **Hưởng-ứng** : (*Hưởng* : tiếng vang. *Ứng* : ùa theo) ở đây nói cụ Phan-bội-Châu và cụ Tăng-bạt-Hổ khởi-xướng lên phong-trào Duy-tân, dân-chúng thấy thế ùa theo, giúp-đỡ rất nhiều.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Ai cầm đầu cuộc khởi-nghĩa ở Gò-công ? — Thủ-khoa-Huân nổi lên chống Pháp ở đâu ? — Vì sao ông Nguyễn-tri-Phương và Hoàng-Diệu tuẫn-tiết ? — Ai khởi-xướng lên phong-trào Duy-tân ? — Các bậc anh hùng dân-tộc đã chiến-đấu để làm gì ?

Lời văn : Đọc hai câu đầu, ta thấy tinh-thần của dân ta như thế nào ? — Tiếng gì ở đoạn giữa tả khí-tiết của ông Nguyễn-tri-Phương ? — Tìm những tiếng chỉ cảnh đàn-áp hãi-hùng của thực-dân.

DÀN-BÀI.— 1— Chí bất-khuất của dân ta từ xưa đến nay.
2— Các cuộc khởi-nghĩa trong thời Pháp-thuộc.
3— Lòng hi-sinh, dũng-cảm của toàn dân.

ĐẠI-Ý.— **Cũng như xưa kia, hồi gần đây, dân ta đã chiến-đấu không ngừng để chống bọn ngoại-xâm.**

★

CHÍNH-TẢ

LỄ PHỤC-SINH

Tiếng chuông giáo-đường vang-vang nổi dậy, giữa khoảng không-gian tịch-mịch. Mùa Phục-sinh đã bắt đầu. Gió muôn phương thổi về, quyện các tà áo trắng với tơ vàng của nắng nhạt màu.

Từng đoàn chiên lành, từ các nẻo, lũ-lượt kéo về. Cửa giáo-đường trang-nghiêm rộng mở. Muôn ngàn hoa, lá, cờ-xí khoe màu. Một vòm ánh-sáng của đèn nến tỏa ra chói-lọi và lấp-lánh như sao sa.

Hàng ngàn người từ từ tiến vào nhà thờ. Quang-cảnh giáo-đường bỗng trở nên náo-nhiệt. Không-khí nóng-nực hắn lên. Có tiếng ồn-ào gọi nhau : « Mẹ ở đâu ? — Các con đứng chỗ nào ? ».

Bỗng một hồi chuông rung lên. Lời kinh cầu-nguyện bắt đầu êm-ả ngân xa. Tiếng dương-cầm đệm một khúc ca du-dương, trầm-bổng. Vẻ thành-kính hiện lên trên nét mặt mọi người.

Theo KIM-LIÊN

GIẢI-NGHĨA.— **Giáo-đường** : nhà thờ. **Tịch-mịch** : lặng-lẽ. **Náo-nhiệt** : ồn-ào, nhộn-nhịp. **Ngân** : vang mãi ra ngoài xa.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Ch.— Chuông-trống.
Tr.— Truông (vùng đất hoang, cây-cối mọc lên như rừng). Truông nhà Hồ.
Gi.— Gian nhà, gian-nịnh, thế-gian, gian-lao, không-gian.
D.— Dan-díu, dan tay ra về.
R.— Nổ ran, ran-rát, ngứa ran.

CÂU-HỎI.— 1) Giải-nghĩa : lũ-lượt, trang-nghiêm, du-dương, thành-kính.
2) Muốn đặt câu để hỏi, người ta phải dùng những tiếng gì ?
3) Lễ Phục-sinh thường vào tháng mấy ? Trong ngày ấy, quang-cảnh ở giáo-đường thế nào ?
4) Phân-đoạn bài này và tìm đầu-đề cho mỗi đoạn.

★

VĂN-PHẠM

CÂU ĐỂ HỎI

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Lễ Phục-sinh* có câu : *Mẹ ở đâu ? Các con đứng chỗ nào ?* là hai câu dùng để hỏi. Tiếng *đâu* là tiếng trạng-từ dùng để hỏi nơi, chốn. Tiếng *nào* là nghi-vấn chỉ-định-từ đặt sau danh-từ chỗ, cũng dùng để hỏi.

Sau những câu để hỏi phải có dấu hỏi chấm « ? ».

BÀI-HỌC.— Khi hỏi một điều gì, ta có thể đặt nhiều câu để hỏi với các tiếng : *ai, nào, chi, gì, đâu, làm sao v.v...*

Thí-dụ : Người *nào* đứng kia ?
Anh nói *gì* ?
Em tìm *chi* ?
Nó ở *đâu* ?

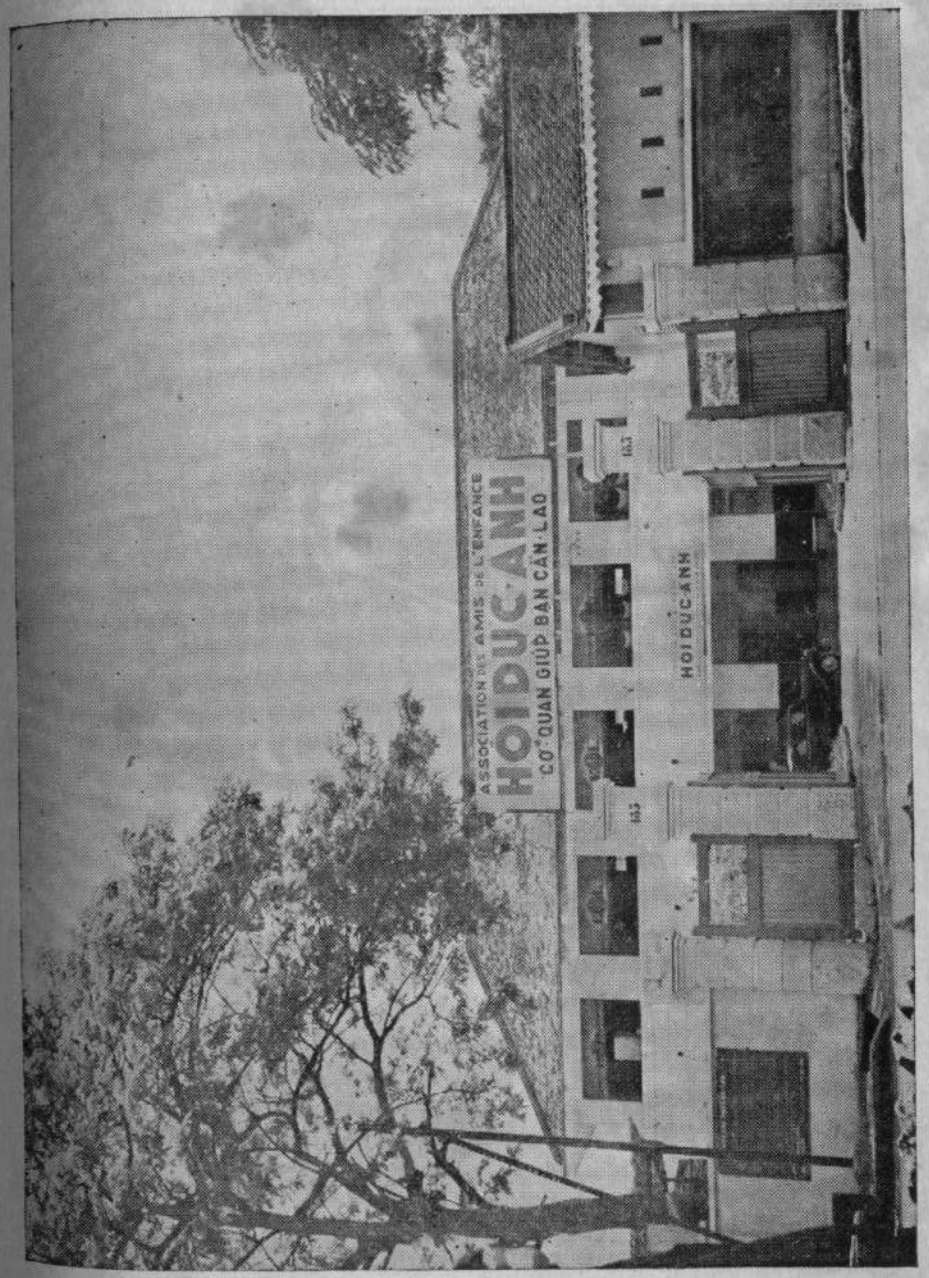
Sau câu để hỏi, phải đặt dấu hỏi chấm (?). Câu để hỏi còn gọi là **câu nghi-vấn**. Những tiếng để hỏi thường đặt sau danh-từ chủ-từ hoặc ở cuối câu.

★

TẬP VIẾT

Có thờ có thiêng, có kiêng có lành

XI
CHỦ-ĐỀ : HỘI-THIỆN



PHỤ-BẢN SỐ 11 — *HỘI DỤC-ANH*

XII
CHỦ-ĐỀ : CHỦNG-TỘC



PHỤ-BẢN SỐ 12 — *EM BÉ MIỀN THƯỢNG*

TẬP LÀM VĂN

THƯ MỪNG BẠN THI ĐỖ

Bạn em vừa trúng-tuyển kỳ thi vào lớp Đệ-thất trường Trung-học. Em hãy viết thư mừng bạn.

DÀN-BÀI.— 1) **Đầu thư** : Ngày, tháng, năm. — Gửi cho ai ?

2) **Lòng thư** : a) Sung-sướng nghe tin bạn trúng-tuyển.

b) Tại sao kết-quả đó không làm cho em ngạc-nhiên ? (Vì bạn vốn học chăm và giỏi).

c) Tương-lai tốt-đẹp chờ-đón bạn.

d) Tin tức của em và các bạn cùng lớp.

đ) Lời khen-mừng.

3) **Cuối thư** : Mong-mỏi sẽ được gặp nhau trong dịp hè, trước ngày khai-trường...

TUẦN-LỄ THỨ 26

NGỮ-VỰNG

CHÍNH-THỂ

Danh-từ.— Quân-chủ — Chính-thể Dân-chủ — Chính-thể Cộng-hòa — Xã-hội — Cộng-sản — Thực-dân — Đế-quốc — Phong-kiến — Quốc-hội — Hiến-pháp — Tổng-thống — Nội-các — Thủ-tướng — Bộ-trưởng — Thứ-trưởng — Dân-biểu.

Tĩnh-từ.— (Chính-thể) tự-do, hà-khắc, độc-tài.

Động-từ.— Thành-lập (nền cộng-hòa) — Xây-dựng (dân-chủ) — Ban-hành (Hiến-pháp) — Triệu-tập (Quốc-hội) —.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Dân vi quý, Xã-tắc thứ chi, Quân vi khinh.*

— *Tham-quyền, cố-vị.*

— *Quan nhất thời, dân vạn đại.*

GIẢI-NGHĨA.— **Chính-thể** : hình-thức chính-trị của một nước như : chính-thể quân-chủ, chính-thể cộng-hòa v. v... **Nền quân-chủ** : nền-tảng chính-trị mà các quyền-hành đều thuộc về nhà vua. **Chính-thể cộng-hòa** : chính-thể của một nước không có vua ; mọi quyền-hành đều ở trong tay dân-chúng. *Thí-dụ :* nước Việt-nam tự-do theo chính-thể cộng-hòa. **Chính-thể độc-tài** : chính-thể dùng sức mạnh để bắt dân phải tuân theo mệnh-lệnh, không được bàn-cãi. *Thí-dụ :* Đức quốc-xã theo chính-thể độc-tài. **Chủ-nghĩa xã-hội** : chủ-nghĩa công-bằng trong xã-hội và giới lao-động được hưởng quyền-lợi xứng-đáng. **Chủ-nghĩa cộng-sản** : chủ-nghĩa tam vô (vô gia-đình, vô tổ-quốc, vô tôn-giáo) để vô-sản cướp chính-quyền. **Thực-dân** : dùng chính-trị, quân-sự, kinh-tế hoặc văn-hóa để xâm-chiếm những nước nhỏ làm thuộc-địa lấy lợi. **Đế-quốc chủ-nghĩa** : dùng quân-sự xâm-lăng các nước nhỏ để mở rộng đất-đai, chiếm thị-trường. **Phong-kiến** : (do bốn tiếng *Phong hầu kiến ấp*) chế-độ xưa khi vua chia đất cho quan, quan giao đất cho nông-dân cày-cấy để thu tô, hưởng lợi. **Quốc-hội** : (do bốn tiếng *quốc-dân đại-hội*) cơ-quan gồm những đại-biểu do dân-chúng bỏ phiếu bầu ra để thảo Hiến-pháp (*Quốc-hội lập-hiến*) hoặc đặt ra pháp-luật (*Quốc-hội lập-pháp*) và kiểm-soát chính-sách nội-trị, ngoại-giao của Chính-phủ. **Hiến-pháp** : luật-lệ căn-bản do Quốc-hội lập-hiến thảo ra để ấn-định cách tổ-chức, quyền-hành của Chính-phủ và quyền-lợi cùng bổn-phận của mọi lớp công-dân. **Tổng-thống** : vị đứng đầu một nước dân-chủ. **Nội-các** : cơ-quan trung-ương của Chính-phủ, được chia ra nhiều bộ, có các Bộ-trưởng trông-nom, quản-trị. **Thứ-trưởng** : người giúp việc Bộ-trưởng. **Dân-biểu** : Đại-biểu nhân-dân, thay mặt dân-chúng ở Quốc-hội hoặc nghị-viện để bàn việc nước. **Hà-khắc** : tàn-ác, khắc-nghiệt. **Triệu-tập Quốc-hội** : mời các vị dân-biểu đến nhóm họp tại trụ-sở Quốc-hội.

BÀI-TẬP.— *1) Các nước ở trên thế-giới theo những chính-thể gì ?*
2) Chính-thể dân-chủ khác chính-thể độc-tài như thế nào ?
3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : tự-do, dân-chủ.
4) Nhiệm-vụ của Quốc hội lập-pháp là gì ?

TẬP ĐỌC

HIỆU - TRIỆU QUỐC - DÂN

Quốc-dân đồng-bào,

1.— Công-cuộc **kiến-quốc**, cũng như công-cuộc **cứu-quốc** không khỏi đụng-chạm đến quyền-lợi một số người. Nhưng thực-hiện dân-chủ kinh-tế và xã-hội tức là lấy quyền-lợi và **nguyện-vọng** của toàn-dân làm mục-đích hoạt-động quốc-gia. Hãy từ bỏ những **đặc-quyền**, những lợi-tức không chánh-đáng để cùng hòa vui với toàn-dân trong cảnh **đồng-tiến xã-hội.**

2.— Chúng ta đã vượt qua nhiều giai-đoạn **gay-go.** Con đường **kiến-thiết** còn dài, chúng ta còn phải nỗ-lực thêm nữa. Nhiều người tưởng rằng : định một chính-sách hay, một kế-hoạch đúng là xong, mọi việc sẽ do Chính-phủ đảm-nhiệm. Đó là quan-niệm ích-kỷ, lười-biếng, **ỷ-lại.** Đời ta là do ta xây-dựng. Nước ta đã bị thiệt-hại nhiều vì chiến-tranh. Chúng ta muốn có một mực sống cao, chúng ta phải làm việc nhiều, làm việc giỏi, làm đồ tốt. Biếng-nhác, không chịu tiến cũng như phung-phí và gian-lận, đều là **đắc-tội** với nhân-dân và Tổ-quốc. Nước ta, dân ta, nghèo vốn nhưng giàu bàn tay **cần-mẫn**, giàu trí-óc sáng-suốt, giàu chí-khí quật-cường.

3.— Công-cuộc kiến-thiết quốc-gia, **cải-tiến dân-sinh**, xây-dựng độc-lập kinh-tế của chúng ta sẽ do chí-khí, trí-óc và bàn tay của toàn-thể chúng ta thực-hiện. Và nhất-định chúng ta sẽ thực-hiện được.

Tổng-thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM

GIẢI-NGHĨA.— **Hiệu-triệu** : (*Hiệu :* gọi. *Triệu :* vời) lời kêu-gọi. **Kiến-quốc** : dựng nước. **Cứu-quốc** : cứu nước, giúp nước trong cơn nguy-vong. **Nguyện-vọng** : trông-mong, ước muốn. **Đặc-quyền** : (*Đặc :* riêng, chỉ có một. khác với lệ thường. *Quyền :* nghĩa đen là quả cân, nghĩa bóng là thế-lực sai-khiến được mọi người, định được mọi việc) quyền-hành đặc-biệt, thế-lực riêng. **Đồng-tiến xã-hội** : (*Đồng-tiến :* cùng lên. *Xã-hội :* đoàn-thể do mọi người tổ-chức nên) ở đây là mọi người trong xã-hội cùng được tiến để chung hưởng mọi sự công-bằng hợp-lý, không quá chênh-lệch về của-cải, ruộng đất, không có cảnh người bóc-lột người như thời Thực-dân, Cộng-sản. **Cải-tiến dân-sinh** : thay-đổi cách-thức làm việc để nâng cao mực sống của dân.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Đây là lời hiệu-triệu của Tổng-thống đọc dịp nào ? — Chúng ta lấy gì làm mục-đích hoạt-động quốc-gia ? — Chúng ta phải nỗ-lực để làm gì ? — Đời ta do ai xây-dựng ? — Những kẻ biếng-nhác, gian-lận, phung-phí sẽ mắc tội với ai ?

Lời văn : *Cứu-quốc* và *kiến-quốc* khác nghĩa nhau thế nào ? — Những tiếng gì ở đoạn giữa chỉ khuyết-điểm của một số người ? — Tổng-thống dùng những tiếng gì để tả lòng tin vững-chắc của Người ?

DÀN-BÀI : 1 — Phải hy-sinh quyền-lợi riêng vì lợi-ích chung
2 — Mọi người cùng nỗ-lực làm việc.
3 — Tin-tưởng ở sự thành-công.

ĐẠI-Ý.— **Trong công-cuộc kiến-quốc và cải-tiến dân-sinh, toàn-dân phải biết hy-sinh quyền-lợi riêng và nỗ-lực làm việc theo đường-lối của chính-phủ.**

*

CHÍNH-TẢ

NGHĨA-VỤ ĐOÀN-THỂ

Người ta ở trong xã-hội, cũng như thủy-thủ trên chiếc thuyền đi biển. Mỗi người một việc, người coi buồm, người cầm lái. Hễ ai trễ-nải việc gì thì làm vất-vả, phiền-lụy đến cả mọi người, có khi nguy-hại cho cả chiếc thuyền.

Ở trong xã-hội cũng vậy, một người mà bỏ trễ công-việc thì mọi người phải chịu thiệt-thòi lây ! Như người làm ruộng mà không cày-cấy, để đất bỏ hoang, người thợ-mộc mà không cố sức bào, đục cho khéo, thì chúng ta sẽ thiếu gạo ăn và không có đồ-dùng. Thế là họ đã không hiểu nghĩa-vụ đoàn-thể ở trong xã-hội. Những người ấy thật là đáng trách biết bao !

Ta theo nghĩa-vụ đoàn-thể là ta trả nợ cho đời, bởi vì ở đời, ta phải nhờ-cậy mọi người. Như vậy, có lẽ nào mình lại không làm hết bổn-phận để đền-bù lại đôi chút hay sao ? Vả lại, có đoàn-thể thì rồi giống người mới biết yêu-mến nhau như anh-em, mới biết quyền-hạn của mình và của người, mới hiểu nghĩa công-bằng, mới có lòng trung-hậu.

Theo TRẦN-TRỌNG-KIM

GIẢI-NGHĨA.— **Đoàn-thể** : nhiều người liên-lạc với nhau để tổ-chức thành một hội. **Nghĩa-vụ** : công-việc hợp với lẽ phải. **Công-bằng** : đúng-mực, không thiên-vị ai, hay thì khen, hèn thì chê. **Trung-hậu** : hết lòng tử-tế.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

X. — Xã-hội, xã-giao, hợp-tác-xã, thị-xã, thư-xã, xã-tắc,
S. — Suồng-sã, sã cánh.
Tr.— Trả nợ, trả lời, trả bài, chim trả, trả giá.
Ch.— Chả bò, chả (chẳng) nói.

CÂU-HỎI.— 1) Giải-nghĩa : bỏ hoang, bổn-phận, quốc-gia, vất-vả, trễ-nải
2) Ta dùng tiếng gì trong câu đề than ? Kể những tán-thán-từ dùng để chỉ sự vui hoặc buồn.
3) Nghĩa-vụ đoàn-thể là gì ? Tại sao người thiếu nghĩa-vụ đoàn-thể lại đáng trách ?
4) Tìm năm danh-từ ghép trong đó có tiếng *quốc* như *quốc-gia*.

*

VĂN-PHẠM

CÂU ĐỀ THAN

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Nghĩa-vụ đoàn-thể* có câu *Những người đó thật là đáng trách biết-bao !* thì tán-thán-từ *biết-bao !* dùng để phàn-nàn. Sau câu dùng để than-vãn hay phàn-nàn phải có dấu tán-thán (!).

BÀI HỌC.— Câu đề than là những câu trong đó có những tán-thán-từ dùng để biểu-diễn mọi cảm-tình hoặc xúc-động mạnh.

Thí-dụ : Trời ơi ! Anh viết sai rồi !
Than-ôi ! Chỉ vì tham ăn mà mắc bẫy !
Ái-chà ! tiêm (chích) đau quá !

Sau câu đề than bao giờ cũng có dấu tán-thán (!).

*

TẬP VIẾT

Học thầy không tày học bạn

*

TẬP LÀM VĂN

THƯ CHIA BUỒN

Bạn em không may vừa có tang... Em hãy viết thư chia buồn cùng bạn.

DÀN-BÀI.— 1) **Đầu thư** : Ngày, tháng, năm. — Gửi cho ai ?
2) **Lòng thư** : a) Giật mình khi thấy tin bạn có tang (hoặc xem báo, hoặc có người cho biết) — Tiếc không ở gần để đến tận nơi chia buồn nên phải viết thư.
b) Lời khuyên-giải và chia buồn.
3) **Cuối-thư** : Mong sẽ có dịp lên thăm bạn. Địa-chỉ và chữ-ký.

TUẦN - LỄ THỨ 27

NGỮ-VỰNG

CHÍNH-THỂ (tiếp-theo)

Danh-từ.— Chính-đảng — Lãnh-tụ — Đảng-cương — Đảng-viên — Phát-xít — Quân-phiệt — Tư-bản — Vô-sản — Phổ-thông đầu-phiếu — Trưng-cầu dân-ý — Tổng-tuyển-cử — Ứng-cử-viên — Cử-tri — Tuyên-ngôn — Quyết-nghị — Ủy-ban chấp-hành — Cuộc cách-mạng.

Tĩnh-từ.— (Đa-số) tuyệt-đối, tương-đối — (Đảng-viên) trung-kiên, cốt-cán.

Động-từ.— Gia-nhập (đảng) — Ly-khai (đảng) — Đảo-chính — Khởi-nghĩa — Tuyên-truyền — Huấn-luyện.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— Vì dân, vì nước. — Ý dân là ý trời.

GIẢI-NGHĨA.— **Chính-đảng** : đảng-phái chính-trị gồm những người cùng một ý-kiến về chính-trị, kết-hợp với nhau để mưu thực-hiện chương-trình chung. **Lãnh-tụ** : người cầm đầu một chính-đảng. Còn gọi là lĩnh-tụ hay đảng-trưởng. **Đảng-cương** : đường-lối chính-trị của một đảng. **Đảng-viên** : nhân-viên trong chính-đảng. **Phát-xít** : trỏ một đảng độc-tài do Mussolini lãnh-đạo ở Ý từ năm 1923. **Quân-phiệt** : quân-nhân cầm-quyền, dùng võ-lực để mở-rộng bờ-cõi, phát-triển thế-lực cá-nhân. **Tư-bản** : (tiền vốn để kinh-doanh). Chế-độ trong đó người nhiều vốn bỏ tiền ra đặt máy, mướn thợ kinh-doanh. Khi lợi thu vào thì nhà tư-bản giữ cả, chỉ trả cho công-nhân một số tiền lương có hạn mà thôi. **Vô-sản** : không có tư-sản, chỉ sống bằng cách bán sức lao-động của chính mình cho đảng. **Phổ-thông đầu-phiếu** : (còn gọi là phổ-thông tuyển-cử) toàn-thể công-dân đủ tuổi đều có quyền đầu-phiếu và không bị hạn-chế về học-lực, tài-sản hoặc giai-cấp. **Trưng-cầu dân-ý** : hỏi ý-kiến của dân-chúng về một vấn-đề chính-trị bằng cách tổ-chức cuộc phổ-thông đầu-phiếu. **Tổng-tuyển-cử** : cuộc tuyển-cử cùng một lúc diễn ra ở khắp mọi nơi trong nước. **Ứng-cử-viên** : người ra dự cuộc tuyển-cử, để người khác bỏ phiếu bầu cho mình. **Cử-tri** : người có quyền đi bỏ phiếu. **Tuyên-ngôn** : lời nói hoặc viết ra (của cá-nhân hoặc của đoàn-thể) để tỏ cho mọi người biết rõ thái-độ và chủ-trương của mình về một công-việc, một vấn-đề gì. **Cuộc cách-mạng** : (do 4 tiếng *cải-cách vận-mạng*) cuộc cải-cách lớn, bỏ những quan-niệm, chính-thể cũ mà thay bằng những quan-niệm, chính-thể mới, tiến-bộ hơn. **Tuyệt-đối** : không có gì so-sánh được, thế là nhất rồi. **Tương-đối** : chưa hơn hẳn, tạm như thế, vì còn có thể so-sánh được. **Trung-kiên** : bền-bỉ, vững-chắc, giữ vai chính-yếu. **Cốt-cán** : (*Cốt* : xương, cái gì cần nhất. *Cán* : chống-đỡ, gánh-vác) phần-tử chính-yếu, cần-thiết. **Ly-khai** : rời-bỏ, không hoạt-động cho đảng nữa. **Đảo-chính** : lật đổ một chính-thể bằng thủ-đoạn chính-trị hoặc võ-lực. *Thí-dụ* : Ngày 9 tháng 3 năm 1945 Nhật đảo-chính Pháp ở Việt-nam.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Đảng-kỳ, Đảng-trưởng, Bảo-hoàng, Dân-chủ, Độc-tài.*

2) Muốn hưởng chế-độ dân-chủ thực-sự, người dân phải có quyền gì ?

3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : Thiểu-số, Khởi-nghĩa, Ly-khai.

4) Câu " Ý dân là ý-trời " nghĩa là gì ?

TẬP ĐỌC

LÁ PHIẾU

1.— Vừa bước chân vào trong nhà, Đường vội mở tờ nhật-báo ra đọc cho mọi người nghe kết-quả của cuộc Tổng-tuyển-cử. Cả nhà đều hoan-hỉ khi được tin những người **quốc-gia chân-chính** đều trúng-cử **dân-biểu**.

2.— Từ một tuần nay, Đường hoạt-động không ngừng. Mới tờ-mờ sáng, anh đã cùng các bạn chia nhau đi kẻ khẩu-hiệu vận-động tuyển-cử. Họ len-lỏi vào tận ngõ hẻm, hang cùng, giải-thích cho đồng-bào biết ích-lợi của cuộc bầu-cử và **nhiệm-vụ** của người công-dân. Giờ đây, Đường sung-sướng vô cùng khi nhận được tin cuộc Tổng-tuyển-cử đã thành-công. Toàn dân hăng-hái rủ nhau đi bỏ phiếu. Có nhiều nơi **tỷ-số** người đi bầu đã lên tới chín mươi tám phần trăm. Các **quan-sát-viên** ngoại-quốc đều phải ngạc-nhiên về sự tiến-bộ của dân ta. Họ không ngớt khen-ngợi tinh-chất tự-do, dân-chủ, trong công-cuộc đầu-phiếu.

3,— Đường sung-sướng bội-phần khi thấy dân ta rất sáng-suốt và thận-trọng khi dùng lá phiếu. Họ biết chọn mặt gởi vàng, không bị lừa-gạt, phỉnh-nịnh. Gạt ra những lời **tuyên-truyền xuyên-tạc** của bọn phá-hoại, họ dồn phiếu vào cho **ứng-cử-viên** nào có đường-lối chính-trị rõ-rệt và thành-tích tranh-đấu thực-sự. Đường mỉm cười nhớ đến câu « Một lá phiếu là một viên gạch xây nền dân-chủ » mà anh đã nhắc đi, nhắc lại, không biết bao lần.

ĐÀO-VIÊN

GIẢI-NGHĨA.— **Người chân-chính** : người có tinh-thần quốc-gia thật-sự, luôn-luôn làm việc cho nước giàu, dân mạnh. **Quan-sát-viên** : ở đây là những người ngoại-quốc được cử đến để xem cuộc bỏ phiếu có tính-cách dân-chủ hay không. **Tuyên-truyền xuyên-tạc** : bịa-đặt những tin-tức không đúng hoặc giải-thích sai đi để lừa-dối và xúi bẩy nhân-dân chống lại. **Giải-thích** : nói rõ cho mọi người hiểu.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Cuộc Tổng-tuyển-cử này nhằm mục-đích gì ? — Tại sao cả nhà lại reo mừng ? — Đường làm những việc gì trước ngày bầu-cử ? — Toàn-dân đi bỏ phiếu thế nào ? — Họ đã bầu cho ai ?

Lời văn : Tìm tiếng phản-nghĩa với *dân-chủ*, *tự-do* — Tiếng gì ở đoạn cuối tả những mánh-khóe gian-dối của bọn phá-hoại ? — Kể những khẩu-hiệu đã được nêu ra trong ngày Tổng-tuyển-cử ?

DÀN - BÀI.— 1— Vui mừng vì cuộc Tổng-tuyển-cử thành-công.
2— Sự hoạt-động của Đường cho ngày Tổng-tuyển-cử.
3— Nhận-xét sáng-suốt của dân-chúng.

ĐẠI-Ý.— **Dân ta đã sáng-suốt tham-gia Tổng-tuyển-cử và dùng lá phiếu để xây-dựng dân-chủ.**

HỌC THUỘC LÒNG

NGÀY GIỖ TỔ

1— Tháng Ba âm-lịch, mồng Mười
Là ngày giỗ Tổ, mọi người không quên !
2— Nhớ thời đất-nước bình-yên,
Đáp xe-lửa đến Tiên-kiên thì ngừng...
Rồi đi quanh núi, ven rừng,
Tới làng Cổ-tích, cách chừng không xa,
Thì ngôi mộ Tổ hiện ra,
Họp Trung, Nam, Bắc, một nhà đồng-tâm.
Trẻ, già, trai, gái, toàn-dân,
Cùng dâng lễ trước mộ-phần Hùng-vương.
Trải bao nhiêu cuộc tang-thương,
Non sông còn đó, miếu-đường y nguyên !
Kìa đền Thượng, nọ giếng Tiên,
Vẫn mang dấu-vết lưu-truyền từ xưa !
Lạc-long-quân lấy Âu-cơ
Chỉ sinh một bọc, nào ngờ trăm con,
Chia đôi, xuống biển, lên non
Nên mầm Hồng-Lạc mới còn đến nay...
3— Chúng ta xiết chặt bàn tay,
Toàn dân đoàn-kết, nhớ ngày Hùng-vương.
Xa-xôi, đốt nén tâm-hương
Mai đây quyết sẽ tìm đường về thăm.

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Âm-lịch** : lịch tính theo mặt-trăng, do người phương Đông làm ra. **Tang-thương** : (dâu, biển) ý nói cuộc đời biến-đổi, đương là nương dâu có thể biến ra bãi biển. **Miếu-đường** : (*Miếu* : đền thờ. *Đường*: nhà) đền thờ to. **Lưu-truyền** : để lại về sau. **Một bọc** : tục-truyền rằng bà Âu-cơ sinh ra một bọc trăm trứng, nở thành trăm người con. **Đoàn-kết** : (*Đoàn* : bọn, lũ, một số đông. *Kết* : buộc lại, thu lại) nhiều người họp lại với nhau rất chặt-chẽ **Tâm-hương** : nén hương tưởng-tượng ở trong lòng.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Giỗ Tổ Hùng-vương vào ngày, tháng nào ? — Mộ đức Hùng-vương ở đâu ? — Trước đây, cứ đến ngày giỗ Tổ thì dân ta làm gì ? — Những dấu-vết gì được lưu-truyền từ ngàn xưa ? — Nhớ đến Tổ, ở xa chúng ta làm thế nào ?

Lời văn.— Câu *Họp Trung, Nam, Bắc...* gợi cho chúng ta cảnh gì ? — Mầm Hồng-Lạc nghĩa là gì ? — Tìm mấy danh-từ trong có tiếng *đoàn* như *đoàn-kết*.

DÀN-BÀI.— 1 — Ngày giỗ Tổ Hùng-vương.
2 — Dân-chúng đi thăm đền Hùng.
3 — Ở chốn xa-xôi, chúng ta nhớ ngày giỗ Tổ.

ĐẠI-Ý.— **Vào ngày giỗ Tổ Hùng-vương, toàn-dân đều tỏ lòng nhớ ơn Quốc-tổ.**

★

CHÍNH-TẢ

TỔNG-TUYỂN-CỬ

Ngày mong-đợi đã đến. Toàn-dân vui-mừng đón-tiếp ngày đại-hội, ngày lịch-sử để mở đầu một kỷ-nguyên mới.

Vừa tảng sáng, dân-chúng đã rủ nhau, lũ-lượt như dòng nước chảy, kéo đến phòng đầu-phiếu. Quang-cảnh đô-thành và ngoại-ô tưng-bừng nhộn-nhịp khác thường. Quốc-kỳ rực-rỡ, tung bay dưới ánh nắng huy-hoàng và gieo vào lòng người, một niềm hi-vọng chứa-chan. Phòng phiếu vừa bắt đầu mở cửa, người ta đã thi nhau vào làm bổn-phận công-dân. Tuy số cử-tri đông-đảo vô-cùng mà cuộc đầu-phiếu vẫn diễn ra trong vòng trật-tự. Suốt buổi sáng, tại các phòng đầu-phiếu, nơi nào cũng, đông nghẹt những người...

Người ta ước-lượng có đến chín mươi tám phần trăm cử-tri đi bỏ phiếu. Tỉ-số này nêu rõ một thắng-lợi vẻ-vang của chính-thể Cộng-hòa và kể từ đó, Quốc-hội đầu-tiên đã được thành-lập. Phải chăng đó còn là một lợi-khí sắc-bén để tiến tới thống-nhất xứ-sở ?

DÂN-VIỆT

GIẢI-NGHĨA.— **Quang-cảnh** : (*Quang* : ánh-sáng. *Cảnh* : cảnh-vật) tình-hình và phong-cảnh. **Huy-hoàng** : tưng-bừng, rực-rỡ. **Cử-tri** : người dân có quyền đi bầu-cử, bỏ phiếu. **Phòng đầu-phiếu** : phòng bỏ phiếu.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D.— Dòng nước, dòng-họ, dòng-dõi, dòng-giống, thẳng dòng, dòng dây, dòng thuyền.

R.— Nước ròng, ròng-rọc, ròng-rã, chảy ròng-ròng.

X.— Xứ sở, đỗ-đầu xứ, xứ đòng, xứ đoài.

S. — Đồ sứ, đi sứ, sứ-bộ, sứ-quán, đại-sứ, quỉ-sứ, tiết-độ-sứ.
S. — Lịch-sử, sử-xanh, kinh-sử, giả-sử, thứ-sử, dã-sử.
X.— Xử-án, xử-sĩ, xử-thế, xử-sự.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : kỷ-nguyên, công-dân, quốc-hội, ngoại-ô.
2) Bài này nói về cuộc Tổng-tuyển-cử nào .
3) Tìm năm danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng *quốc* như *quốc-hội*.
4) Trong bài này, câu kép nào gồm hai câu đơn được nối liền với nhau bởi liên-từ *và ?*

✶

VĂN-PHẠM

Nhận-xét về cách nối hai, ba câu đơn thành một câu kép với liên-từ VÀ.

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Tổng-tuyển-cử* có câu *Tỉ-số này nêu rõ một thắng-lợi vẻ-vang của chính-thể Cộng-hòa và kể từ đó, Quốc-hội đầu tiên đã được thành-lập* là một câu kép vì nó có thể tách ra làm hai câu đơn được.

Hai câu này nối với nhau bởi liên-từ *và*.

BÀI HỌC.— Muốn hợp hai câu đơn thành một câu kép, ta thường dùng liên-từ *và*.

Thí-dụ : Trong lớp, thầy-giáo giảng bài *và* học-sinh chăm-chú nghe.

Ở sân trường, huấn-luyện-viên làm mẫu cho mọi người *và* học-sinh luyện-tập rất chuyên-cần.

Tiếng *và* đứng ở giữa câu,

✶

TẬP VIẾT

Kiến tha lâu cũng đầy tổ

✶

TẬP LÀM VĂN

ĐƠN-TỪ

Chỉ-dẫn đại-cương.— Đơn-từ cũng là một loại thư song chỉ dùng để giao-thiệp với các công, tư-sở trong khi xin việc hoặc hỏi một điều gì.

Trong đơn-từ, lời văn phải vắn-tắt, gọn-gàng, cốt sao cho người đọc đến có thể hiểu ngay ý muốn của ta. Đối với người bận-rộn, *thì-giờ rất quý*, vậy

cho nên đơn-từ viết càng gọn, càng ngắn bao nhiêu thì càng quý bấy nhiêu ! Tuy-nhiên, cũng không nên quá vắn-tắt, đến nỗi lá đơn thành ra một bức điện-tín ngó-ngẩn, khó hiểu.

Cuối đơn là câu lễ-phép, xã-giao thường-lệ và địa-chỉ cùng chữ ký của người đứng viết đơn.

Nhiều khi có những mẫu đơn đã in bán sẵn, ta chỉ việc mua về, điền vào chỗ trống cho gọn-gàng, sạch-sẽ là đủ.

DÀN-BÀI MẪU CHUNG CHO CÁC LOẠI ĐƠN-TỪ

1) **Đầu đơn :** Ngày, tháng, năm. Đơn đề gửi cho ai ? Lời xưng-hô **mở đầu.**
2) **Lòng đơn :** Câu chuyện đem ra trình-bày để xin giải-quyết.
3) **Cuối đơn :** Câu lễ-phép, xã-giao, địa-chỉ và chữ ký của người viết đơn

✶

ĐƠN XIN PHÉP NGHỈ

Em bị sốt, mệt không đi học được. Em viết đơn xin phép thầy-giáo để nghỉ dưỡng-bệnh trong mấy hôm.

DÀN-BÀI.— 1) **Đầu đơn :** Ngày, tháng, năm.
Kính gửi thầy-giáo lớp nhất...
2) **Lòng đơn :** a) Họ, tên, học-sinh ?
b) Xin phép nghỉ mấy ngày ?
c) Lý-do (cảm-sốt, kiêng ra nắng, gió).
d) Lời hứa (khi đi học sẽ chép đầy-đủ mọi bài cho thầy vui lòng)
3) **Cuối đơn :** Lời chúc thường lệ và ký tên (Nếu có thể thì đính theo đơn, giấy khám-bệnh của thầy-thuốc).

TUẦN-LỄ THỨ 28

NGỮ-VỰNG

QUÂN-NHÂN

Danh-từ.— Tướng — Tá — Úy — Chuẩn-úy — Thượng-sĩ — Trung-sĩ — Hạ-sĩ — Binh nhất — Binh nhì — Quân-phục — Quân-kỷ — Quân-cảnh — Quân nhảy dù — Thủy-quân lục-chiến — Tiểu-đội — Trung-đội — Đại-đội — Tiểu-đoàn — Trung-đoàn — Sư-đoàn — Công-binh — Xa-binh — Kỵ-binh.

Tĩnh-từ.— (Quân-nhân) gương-mẫu, cảm-tử, thao-lược — (Sĩ-quan) trừ-bị, hiện-dịch.

Động-từ.— Luyện-tập — Thao-diễn — Hành-binh — Tác-chiến — Phục-kích — Truy-kích — Đột-kích.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Binh hùng, tướng mạnh.*

— *Tri kỷ tri bỉ, bách chiến bách thắng.*

GIẢI-NGHĨA.— **Quân-nhân** : chỉ chung tướng-tá và binh-sĩ đương tại ngũ. **Tướng, Tá, Úy** : cấp-bậc sĩ-quan trong quân-đội. **Chuẩn-úy** : chức võ-quan trên hàng sĩ, dưới hàng úy. **Quân-phục** : quần, áo, giày, mũ của quân-nhân. **Quân-kỷ** : kỷ-luật trong quân-đội. **Quân-cảnh** : cảnh-binh trong quân-đội, trông nom, trừng-phạt những quân-nhân phạm-pháp. **Thủy-quân lục-chiến** : (hay lục-chiến thủy-quân) lính thủy, chuyên việc đổ-bộ lên lục-địa để chiến-đấu. **Tiểu-đội** : đội quân gồm có 12 người. Thường thường 3 tiểu-đội thành một trung-đội, 3 trung-đội thành một đại-đội, 3 đại-đội thành một tiểu-đoàn, 3 tiểu-đoàn thành một trung-đoàn v.v... **Sư-đoàn** : đơn-vị rất lớn trong quân-đội, lúc bình có độ 10 ngàn người, lúc chiến-tranh có thể lên tới 20 ngàn người. **Công-binh** : lính thợ chuyên việc đắp lũy, đào hầm, bắc cầu, sửa đường v.v... **Xa-binh** : lính giữ việc lái xe chuyên-chở, vận-tải. **Kỵ-binh** : lính cưỡi ngựa ra trận. **Cảm-tử** : dám gánh-vác những nhiệm-vụ nguy-hiểm trong khi chiến-đấu, dù phải chết cũng không từ. **Thao-lược** : (do 4 tiếng : *Lục-thao Tam-lược* : là tên hai cuốn binh-thư đời cổ mà ra) Lắm mưu, nhiều trí, có tài dùng binh, điều-khiển quân-đội. **Trừ-bị** : dự-bị, sẵn-sàng để sẽ dùng đến. **Hiện-dịch** : hiện đang tại ngũ, phục-vụ quân-đội. **Thao-diễn** : tập-trận để huấn-luyện quân-sĩ hoặc phô-trương lực-lượng của mình. **Hành-binh** : điều-khiển, chỉ-huy quân-đội tiến hoặc thoái. **Tác-chiến** : nói chung những công việc của quân-đội để đối-phó với địch như : dàn-quân, hành-quân, công-phá, chiến-đấu v.v...

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Tuy mới thành-lập mà trong quân-đội Cộng-hòa đã có rất nhiều quân-nhân . . . . . và . . . . . Trong khi luyện-tập hoặc . . . . họ đã tỏ ra rất anh-hùng. Những khi . . . . . quân phiến-loạn, đoàn thủy-quân lục-chiến và . . . . đã lập được nhiều chiến-công oanh-liệt. Từ những tiểu-đoàn phụ-thuộc, ngày nay chúng ta đã có những . . . . rất tinh-nhuệ, thừa sức để bảo vệ nền Cộng-hòa của chúng ta. Những sĩ-quan trừ-bị hoặc . . . . hết lòng phụng-sự chính-nghĩa và nêu cao gương hy-sinh của quân-đội Cộng-hòa.

TẬP ĐỌC

TẠI SAO ĐÃ THẮNG ?

1 — Ai cũng phải nhận rằng Lý-thường-Kiệt đã có công đặc-biệt đối với vận-mệnh nước ta như : mở cõi miền Nam và miền Bắc, chống thắng cuộc xâm-lăng của nước ngoài và củng-cố biên-thùy về mọi mặt, khiến các lân-bang kinh-nể.

2 — Đạt được mục-đích ấy là nhờ dân ta về đời Lý đã đông-đúc, lại nhờ nhà cầm-quyền biết tổ-chức binh-đội, biết lợi-dụng đức-tính bền-bỉ của nông-dân ở đồng-bằng, tập giỏi nghề đi sông, đi biển của dân miền duyên-hải và sự hiểu thiên-thời, địa-lợi của dân thượng-du.

Lý-thường-Kiệt lại biết đem sự bất-kỳ chống với sức mạnh, đem chỗ minh giỏi chống với chỗ địch kém, đem quân được nghỉ-ngơi đợi quân phải mệt-nhọc, đem sự nhẫn-nại chống với sự kiêu-căng và nhất là : lấy nghĩa sinh-tồn của một dân-tộc đối với lòng cầu-danh của một vài nhân-vật địch. Đó là những cớ chính làm quân Lý thắng và quân Tống phải thua.

3 — Công Lý-thường-Kiệt là to, tài cầm-quân của Thường-Kiệt là cao đã đành, mà đến chính-sách nội-trị và ngoại-giao của Thường-Kiệt cũng khéo. Thường-Kiệt lại không tự-ái quá, biết trọng quyền-lợi chung. Nếu không thì sao, khi vua còn nhỏ, ông cầm hết quyền-binh và quân-đội trong tay, mà không bắt-chước Lê-Hoàn hay Lý-công-Uẩn, chỉ ra một lệnh là cướp được ngai vàng !

HOÀNG-XUÂN-HÃN

GIẢI-NGHĨA.— **Vận-mệnh** : những sự rủi, may ở đời mà cổ-nhân cho là ở số-mệnh không thể tránh được. **Củng-cố** : làm cho vững-bền, chắc-chắn. **Biên-thùy** : biên-cương, bờ-cõi một phương. **Lân-bang** : nước láng-giềng. **Thiên-thời** : thời-vận thiên-nhiên. **Địa-lợi** : cái lợi chiếm được ưu-thế về địa-lý. **Sinh-tồn** : sự sống còn. Ở đời, ai cũng muốn bảo-toàn lấy sự sống còn. Một khi quyền-lợi chống nhau thì sẽ cạnh-tranh không ngừng. **Lòng cầu-danh** : lòng muốn được nổi tiếng, muốn có danh-giá. **Quyền-bính** : quyền-thế mà nhà đương-cuộc nắm ở trong tay. **Chính-sách** : phương-lược, kế-hoạch và đường-lối dùng để thực-hiện một việc gì.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Lý-thường-Kiệt đã có công gì với nước ta ? — Vì sao quân nhà Lý đã thắng quân Tống ? — Tài cầm-quân của Lý-thường-Kiệt thế nào ? — Chính-sách nội-trị và ngoại-giao của ông thế nào ? — Lê-Hoàn và Lý-công-Uẩn đã cướp ngôi của ai ?

Lời văn : Hai tiếng gì ở đoạn đầu chỉ quân cướp nước ? — Đặt một câu có tiếng *tổ-chức*. — Tìm những tiếng chỉ công-lao của Lý-thường-Kiệt.

DÀN-BÀI.— 1 — Công-lao của Lý-thường-Kiệt đối với nước ta.
2 — Lý-do ông thắng trận.
3 — Lòng trung-nghĩa của ông.

ĐẠI-Ý.— **Lý-thường-Kiệt đánh bại được quân Tống vì đã khéo biết tổ-chức quân-đội và được lòng mọi người.**

✱

CHÍNH-TẢ

TÌNH QUÂN-DÂN

Người ta thường nói « *Dân muốn là Trời muốn* » tưởng cũng không ngoa. Một lực-lượng quân-sự, dù hùng-hậu đến đâu mà không có dân làm hậu-thuẫn, thì sớm muộn thế nào cũng bị thất-bại.

Bởi vậy cho nên, những cuộc chiến-đấu có chính-nghĩa bao giờ cũng thắng, vì chính-nghĩa thuận lòng dân. Nhưng làm thế nào cho dân hiểu được chính-nghĩa ? Vậy cần phải dân-vận nghĩa là giảng-giải cho dân-chúng biết rõ đường-lối của chính-phủ và của địch. Lời nói phải đi đôi với việc làm thì dân mới tin. Lúc đó, dân là tai mắt của quân hoặc quân là bức thành che-chở cho dân. Sự nương-tựa giữa hai khối quân và dân sẽ tạo-thành một sức mạnh vạn-năng, có thể đánh bại mọi đối-thủ.

Ngày nay, quân-đội Việt-nam Cộng-hòa đã xứng-đáng với lòng trông-cậy của dân. Quân lúc nào cũng sẵn-sàng săn-sóc hoặc bảo-vệ dân. Tình « *quân-dân nhất-trí* » như vậy thì làm gì mà ta chẳng thắng ?

VŨ-TIẾN

GIẢI-NGHĨA.— **Hùng-hậu** : mạnh-mẽ, đầy-đủ. **Hậu-thuẫn** : (*Hậu* : sau. *thuẫn* : cái mộc để che) sức giúp-đỡ ở sau, làm mạnh thanh-thế cho kẻ tiến lên trước, có chỗ nương-tựa mà không lo-sợ. **Chính-nghĩa** : sự công-bằng, lẽ phải. **Sức mạnh vạn-năng** : sức mạnh hoàn-toàn, có thể làm được rất nhiều việc. **Quân-dân nhất-trí** : quân và dân kết thành một khối, quân bảo-vệ dân, dân giúp-đỡ quân.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Gi. — Giảng-giải, giải-nghĩa, giải-binh, hòa-giải, khuyên-giải, giải-nguyên, giải-thích, con giải.
D. — Dải áo, dải lụa, dải núi.
R. — Rải đá, rải-rác, nói lải-rải.
Ch. — Che-chở, che-đậy, che mắt.
Tr. — Lũy tre, Bến-tre.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : Lực-lượng quân-sự, dân-vận, tạo-thành, đối-thủ.
2) Liên-từ *hoặc* dùng để làm gì ? Đặt một câu kép gồm hai câu đơn, nối với nhau bằng liên-từ *hoặc*.
3) Dân-chúng và quân-đội phải đối với nhau như thế nào ?
4) Kể một vài công-tác dân-vận mà quân-đội đã thực-hiện được.

✱

VĂN-PHẠM

Cách nối liền hai câu đơn thành một câu kép với liên-từ HOẶC

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Tình quân-dân* câu *Lúc đó dân là tai mắt của quân hoặc quân là bức thành che-chở cho dân* là một câu kép.

Câu này gồm hai câu đơn : *Dân là tai mắt của quân* và *quân là bức thành che-chở cho dân*. Hai câu đơn này được nối liền với nhau bằng liên-từ *hoặc*.

Liên-từ *hoặc* cũng có nghĩa như *hay là*.

BÀI HỌC.— Muốn nối hai câu đơn thành một câu kép chỉ sự *luân-lưu* người ta dùng liên-từ *hoặc*.

Thí-dụ : Chúng ta chép bài *hoặc* đọc bài.

Khi muốn chỉ sự *hoài-nghi*, sự *nghịch lại*, người ta dùng liên-từ *hoặc*.

Thí-dụ : Ta tiêu-diệt địch *hoặc* địch tiêu-diệt ta.
Anh đợi đây *hoặc* hắn đến chăng.

✱

TẬP VIẾT

Làm khi lành, để dành khi đau

✱

TẬP LÀM VĂN

ĐƠN XIN HỌC-BỔNG

Cha mẹ em đông con, lại không dư-dật, sai em làm đơn xin học-bổng. Em hãy thảo lá đơn đó.

DÀN-DÀI.— 1) **Đầu đơn** : Ngày, tháng, năm. Đơn để gửi cho ai ?
2) **Lòng đơn** : a) Tên, họ, nghề-nghiệp.
b) Mục-đích lá đơn (xin học-bổng cho ai, học-sinh lớp nhất trường nào ?)
c) Lý-do (nhà nghèo, đông con).
3) **Cuối đơn** : Hy-vọng đơn được xét và lời cám ơn. Địa-chỉ cùng giấy-tờ đính theo (giấy khai tình-trạng gia-đình do chính-quyền cấp, chứng-chỉ học-lực do nhà trường cấp v.v...)

TUẦN-LỄ THỨ 29

NGỮ-VỰNG

QUÂN-NHÂN (tiếp-theo)

Danh-từ.— Tham-mưu-trưởng — Tổng-tư-lệnh — Đại-đội-trưởng — Tiểu-đoàn-trưởng — Sư-đoàn-trưởng — Vệ-binh — Bảo-an-đoàn — Dân-vệ-đoàn — Tân-binh — Quân-dịch — Khinh-quân — Cảm-tử-quân — Không-quân — Thủy-quân — Phi-công — Địa-phương-quân — Quân chính-quy.

Tính-từ.— (Phi-công) gan-dạ, lỗi-lạc.

Động-từ.— Tòng-ngũ — Nhập-ngũ — Giải-ngũ — Đào-ngũ — Xung-phong — Chỉ-huy — Tấn-công — Phòng-ngự — Tiếp-thu — Giải-phóng.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Quân-dân nhất-trí.*

— *Quân với dân như cá với nước.*

GIẢI-NGHĨA.— **Tham-mưu-trưởng :** cấp tối-cao trong bộ tham-mưu để bàn mưu-lược, ấn-định kế-hoạch. **Tòng-tư-lệnh :** chức võ-quan ở cấp tối-cao, cai-quản, điều-khiển mọi ngành trong hải, lục, không-quân. **Vệ-binh :** quân-sĩ có nhiệm-vụ bảo-vệ cho một yếu-nhân, một cơ-quan, một chính-đảng v.v... **Bảo-an-đoàn :** đoàn-thể quân-sự có nhiệm-vụ giữ-gìn trật-tự, an-ninh cho dân-chúng. **Dân-vệ-đoàn :** đoàn-thể bán quân-sự, trông-nom, bảo-vệ dân và làm những công-tác xã-hội. **Tân-binh :** lính mới tuyển-mộ, đương ở thời-kỳ huấn-luyện. **Quân-dịch :** bổn-phận đi lính của toàn-thể công-dân trong một nước độc-lập. **Khinh-quân :** đoàn quân trang-bị bằng võ-khí hạng nhẹ để cho việc chuyển-dịch được nhanh chóng, dễ-dàng. **Địa-phương-quân :** quân lính riêng của từng địa-phương. **Quân chính-quy :** quân chính-thức của một quốc-gia, được võ-trang đầy-đủ và ăn-mặc như nhau. **Lỗi-lạc :** tài-giỏi khác thường. **Tòng-ngũ :** (cũng như tòng-quân) theo vào hàng-ngũ quân-đội. **Nhập-ngũ :** bắt đầu vào trại, đăng lính. **Giải-ngũ :** (hay thoái-ngũ) rút lui khỏi hàng-ngũ quân-đội. **Đào-ngũ :** trốn bỏ hàng-ngũ quân-đội mà mình đang ở. **Xung-phong :** *(Xung :* tiến lên trước. *Phong :* mũi nhọn) thẳng tiến lên trước, không sợ nguy-hiểm **Chỉ-huy :** chỉ rõ mưu-kế, huy-động, điều-khiển quân lính. **Tấn-công :** (Tiến-công) tiến lên đánh phá quân địch. **Phòng-ngự :** lợi-dụng địa-hình, địa-vật, hoặc công-sự mà chống lại địch để giữ vững trận-địa hoặc cứ-điểm. **Tiếp-thu :** thu-nhận cái gì do người khác trao lại.

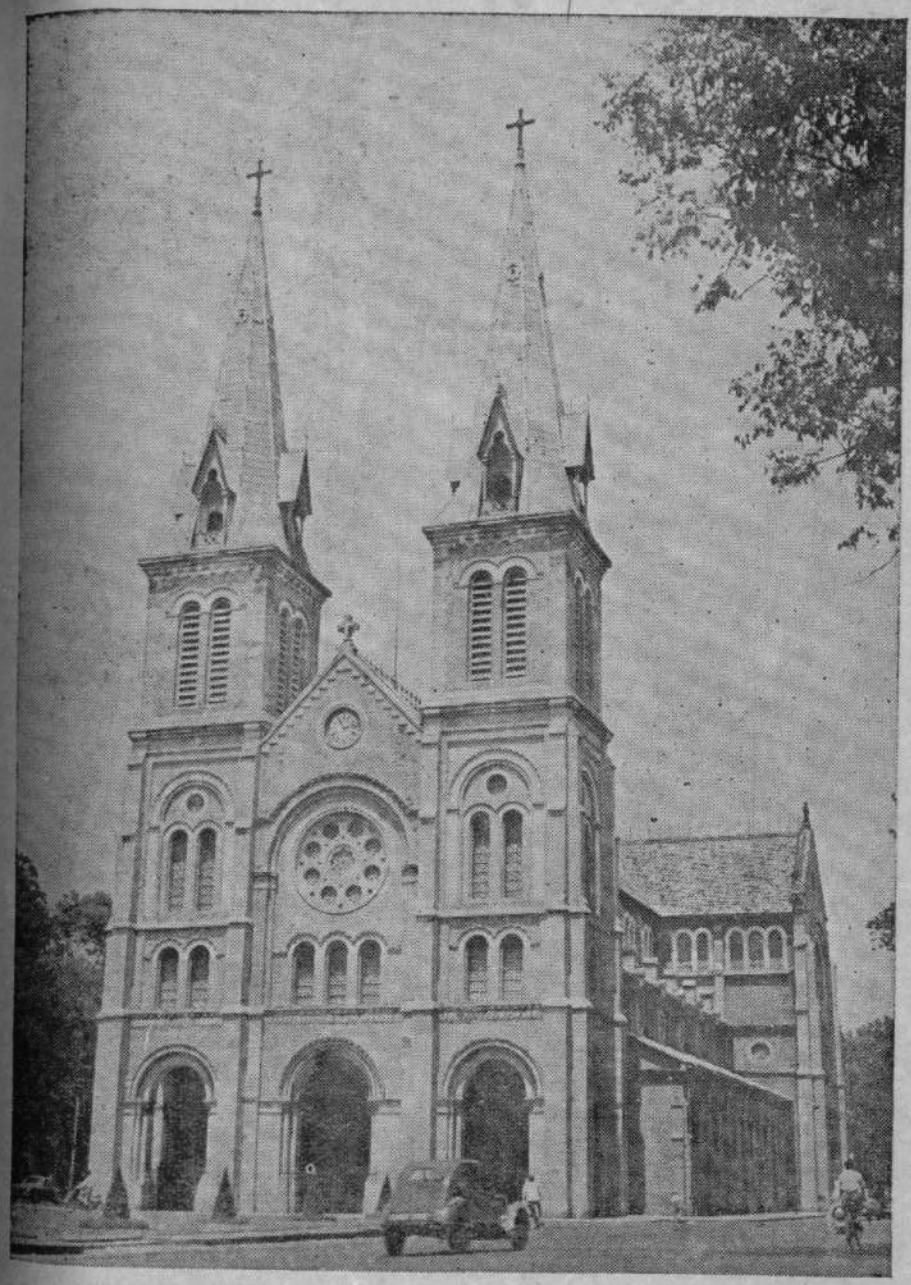
BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Sư-đoàn-trưởng, Cảm-tử-quân, Thủy-quân, Không-quân.*

2) Dân-vận là gì ? Công-tác dân-vận quan-trọng như thế nào ?

3) Tìm mấy danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng «quân» như quân-dịch.

4) Giải-nghĩa câu «Quân với dân như cá với nước».

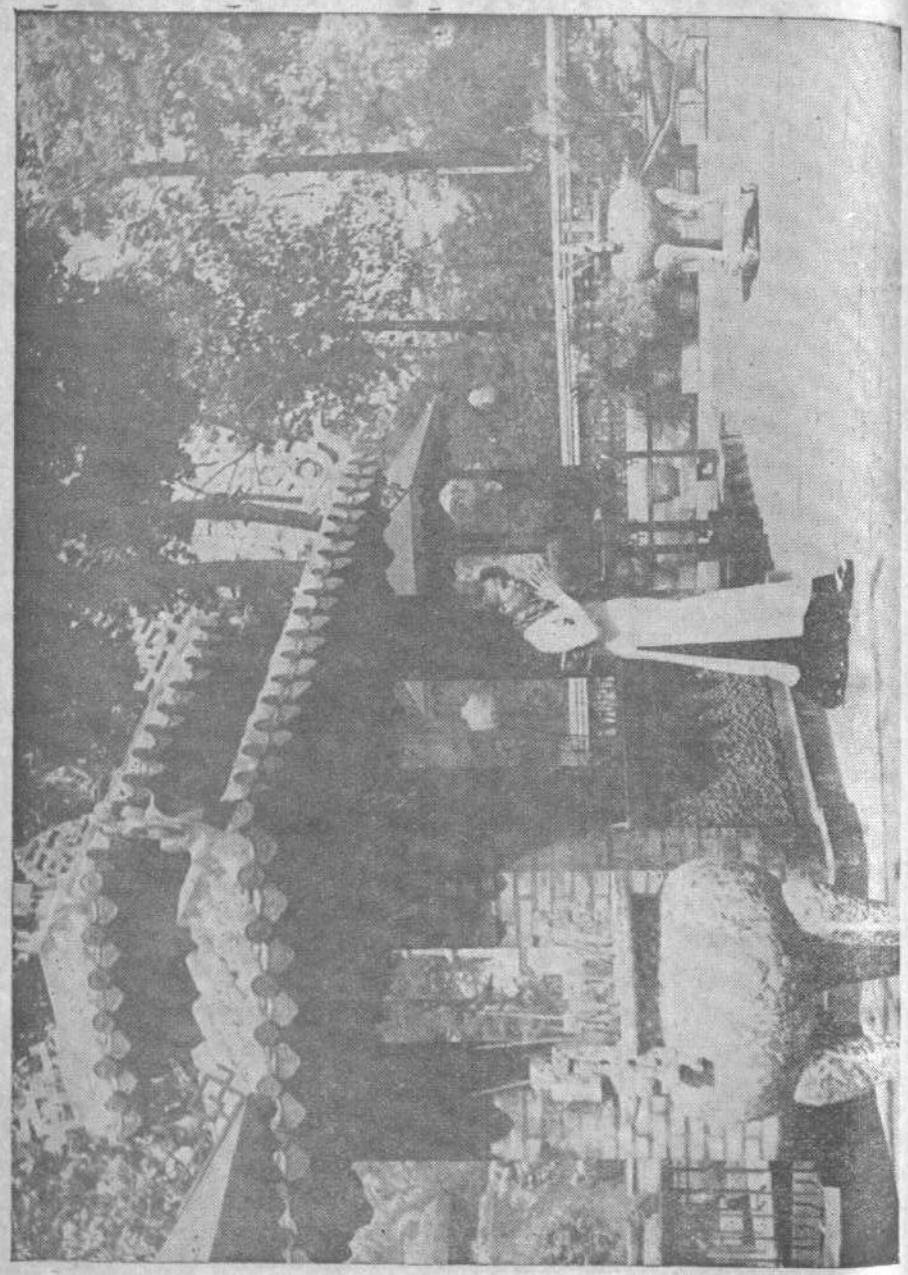
XIII
CHỦ-ĐỀ : TÔN-GIÁO



PHỤ-BẢN SỐ 13 — *NHÀ THỜ ĐỨC BÀ*

XIV

CHỦ-ĐỀ : TÔN-GIÁO



PHỤ-BẢN SỐ 14

ĐI LỄ LĂNG ÔNG

TẬP ĐỌC

VÌ NƯỚC

1.— « Các em ! Các em phải kính-trọng những **quân-nhân** kia mới được. Phải yêu-mến những người đó vì họ đã hy-sinh **tính-mạng** để chống lại quân-thù tàn-ác và bảo-vệ đời sống cho chúng ta.

2.— « Giờ đây, các em được sống yên-vui với gia-đình ở nước Việt tự-do này cũng là nhờ ở công-ơn của những người ấy. Không có những **chiến-sĩ** anh-dũng đó, làm gì các em còn được diễm-phúc yên-ổn ngồi đây mà học-tập với thầy, vui-đùa cùng bạn ?

Vì **chính-nghĩa** quốc-gia, vì tương-lai đất-nước, họ đã sống những phút **kinh-hoàng** ngoài mặt-trận, quên cái chết ở sau lưng.

Sẵn-sàng chết để bảo-vệ đời sống cho giống-nòi, hỏi còn gì thiêng-liêng, cao-qui cho bằng ? Những chiến-sĩ ấy cũng chỉ hơn các em chừng năm, bảy tuổi. Họ đã từng đi học, hoặc đang đi học như các em. Họ thuộc mọi tầng-lớp trong **xã-hội,** ở tất cả các miền kéo đến, mang nặng tấm lòng yêu nước **vô-biên.**

3.— « Vậy thấy đoàn quân-sĩ đi qua, các em hãy vui-vẻ nhường bước và tự nhủ rằng : « Đây là những thanh-niên sẵn-sàng hy-sinh vì Tổ-quốc. Mai đây, lớn lên, chúng em sẽ hãnh-diện được thi-hành quân-dịch để nối chí các anh ».

Theo CAO-VĂN-THÁI

GIẢI-NGHĨA.— **Quân-nhân** : người lính ở trong quân-đội. **Tính-mạng** : đời sống của người ta. **Chiến-sĩ** : người đánh trận, còn có nghĩa là người tranh-đấu cho một lý-tưởng gì như : chiến-sĩ diệt dốt, chiến-sĩ quốc-gia v.v... **Diễm-phúc** : sự may-mắn, tốt-đẹp. **Hy-sinh** : (con vật đem giết để tế thần) ở đây là quên mình, liều chết làm việc nghĩa. **Chính-nghĩa** : (*Chính* : ngay-thẳng, đứng-đắn. *Nghĩa* : lẽ phải) lẽ phải việc công-bằng, chính-đáng nên làm. **Kinh-hoàng** : sợ-hãi bàng-hoàng không yên tâm.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Tại sao ta phải kính-trọng quân-nhân ? — Nhờ ai mà ta được sống tự-do, yên-ổn ? — Những người đó đã phải chiến-đấu vất-vả ở đâu ? — Họ thuộc những giới nào trong xã-hội ? — Thấy một đoàn quân đi qua, ta phải làm thế nào ?

Lời văn : Tìm những tiếng chỉ sự hy-sinh của quân-nhân. — Tiếng nào tả sự gian-lao, vất-vả ?—Hãy hát vài bài ca-tụng lòng dũng-cảm của quân-nhân.

DÀN-BÀI.— 1) Bổn-phận của ta đối với quân-nhân.
2) Sự hy-sinh của họ.
3) Phải làm thế nào khi thấy đoàn quân đi qua.

ĐẠI-Ý.— **Chúng ta phải kính-trọng, biết ơn và noi gương anh-dũng của những quân-nhân.**

HỌC THUỘC LÒNG

DIỆT XÂM-LĂNG

1.— Đất-nước bao làn Nguyên-tặc chiếm,
Bình-than, nhóm họp các vương-hầu,
Tiết-chế, sắc phong Trần-quốc-Tuấn.
Phen này thề giữ vững Kim-âu.

*

Theo sau là hội-nghị Diên-hồng,
« Quyết-chiến » toàn dân nứt một lòng.
Bô-lão bốn phương làm việc nước,
Reo-hò rung-chuyển cả non-sông.

*

2— Nghệ-an, một sớm kinh-hồn giặc,
Nhớn-nhác, Toa-Đô cứ chạy dài...
Quang-Khải vang lừng danh dũng-tướng,
Binh hùng Mông-cổ đã ghê oai !

*

Rồi Trần-nhật-Duật bên Hàm-tử,
Hợp với Hoài-văn, đánh đón đầu,
Mất vía, quân Nguyên đành bỏ giáo
Liên-hoàn kế vỡ, chạy theo nhau !

*

Tài trai Phù-ủng, trận Chương-dương,
Ngũ-Lão dàn quân khắp mọi đường,
Giải-phóng Thăng-long : Mùa thắng-lợi,
Tinh-thần dân-tộc đã lên hương.

*

3.— Vạn-kiếp, sau cùng đến Thoát-Hoan,
Quân hàng chục vạn cũng tiêu-tan,
Tranh nhau chạy trốn về phương Bắc
Nước Việt bừng ca khúc « Khải-hoàn »

(còn nữa)

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Xâm-lăng :** (*Xâm* : lấn, cướp. *Lăng* : lấn-áp) ở đây chỉ giặc Mông-cổ sang cướp nước và đè-nén dân ta. **Hội-nghị :** cuộc hội-họp để bàn việc. **Bô-lão :** các bậc già-cả ở trong làng. **Kim-âu :** cái bình vàng, người ta gọi nước ta là chiếc bình vàng. **Dũng-tướng :** người tướng can-đảm. **Tiết-chế :** chức chỉ-huy toàn-thể quân-đội cũng như Thống-tướng. **Khúc khải-hoàn :** khúc nhạc vui-vẻ, hùng-dũng lúc thắng trận trở về. **Liên-hoàn :** (nhiều vòng liền với nhau) ý nói quân giặc dùng mưu cứu-ứng lẫn nhau. **Chương-dương :** tên một bến đò thuộc tỉnh Hà-đông, nơi quân Mông-cổ đã bị ông Phạm-ngũ-Lão đánh tan. **Hoài-văn :** trỏ Hoài-văn-hầu Trần-quốc-Toản.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng :** Vua nhà Trần phong cho ai làm Tiết-chế ? — Hội-nghị Diên-hồng có lợi gì cho cuộc kháng-chiến ? — Toa-Đô bị thua ở đâu ? — Ai đã đánh tan quân Nguyên ở Hàm-tử và Chương-dương ? — Trận cuối-cùng, Thoát-Hoan bị thua ở đâu ?

Lời văn.— Kể những địa-danh ở trong bài này ? — Tiếng *nhớn-nhác* và *mất vía* ở đoạn giữa gợi cho ta hình-ảnh gì ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *thắng-lợi*, với *dũng-tướng*.

DÀN-BÀI.— 1 — Hội-nghị họp bàn kế đánh giặc.
2 — Chiến-công của các danh-tướng nhà Trần.
3 — Lúc khải-hoàn.

ĐẠI-Ý — **Nhờ ở toàn-dân đoàn-kết mà nhà Trần đã phá tan mấy chục vạn quân Mông-cổ sang cướp nước ta**

*

CHÍNH-TẢ

PHI-CÔNG

Có những đêm đầy trăng sao, người phi-công bay trên không-trung mơ-hồ, nhưng ốc họ luôn-luôn sáng-suốt Bầu trời Đầy tinh-tú, mỗi ngôi sao có thể là một cứu-tinh để giúp con người chơ-vơ trong vũ-trụ, tìm ra phương-hướng Nhưng không ngôi sao nào chói-lọi bằng ngôi sao «Tin-tưởng» của người phi-công.

Không bao giờ họ thấy ngã lòng, dù trong phong-ba, bão-tá p hay những lúc lạc-lõng trong mây mù, giữa không-gian. Họ vẫn vững lòng tin, tin ở tài-năng, tin ở ý-chí, ở tấm lòng kiên-trung của họ đối với Tổ-quốc.

Mỗi khi khép cánh cửa kính lại thì phòng lái trở nên một thế-giới riêng-biệt. Đối với họ, không thể có được một tác-động nhầm-lẫn hay một phương-pháp sai-lạc, vì bao nhiêu nhiệm-vụ thiêng-liêng, nặng-nề đều ở trong tay họ.

Theo TOÀN-PHONG

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Tr. — Trăng sao, mặt trăng.
Ch.— Chăng dây, nên chăng.
Tr. — Kiên-trung, trung-thành, trung-bình, trung-châu, trung-lập, trung-gian.
Ch.— Chung-thân, chung-qui, chung-quanh, chung-thủy, chung-kết.

CÂU-HỎI.— 1) Giải-nghĩa : mơ-hồ, tinh-tú, Tổ-quốc, phong-ba.
2) Người phi-công phải có những đức-tính gì ?
3) Vì sao phi-công không được có một tác-động nhầm-lẫn ?
4) Đặt hai câu đơn nối với nhau thành một câu kép bằng liên-từ *thì*.

★

VĂN-PHẠM

Cách nối hai câu đơn thành một câu kép với liên-từ THÌ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Phi-công* có câu *Mỗi khi khép cánh cửa kính lại thì phòng lái trở nên một thế-giới riêng-biệt* là một câu kép gồm hai câu đơn như : *mỗi khi khép cánh cửa lại* và *phòng lái trở nên một thế-giới riêng-biệt*. Hai câu đơn này được nối liền với nhau bằng liên-từ *thì*. Bắt đầu câu này có hai tiếng *mỗi khi*.

BÀI-HỌC.— Muốn nối hai câu đơn thành một câu kép với liên-từ *thì*, thì ở đầu câu kép ấy, người ta thường dùng những tiếng, *khi, nếu, hễ* v.v...

Thí-dụ : Khi cha mẹ đau-ốm *thì* con-cái chăm-nom thuốc-thang.
Nếu anh con lười-biếng *thì* sau này anh sẽ khổ-sở.
Hễ anh làm đầy-đủ bổn-phận *thì* anh sẽ thấy khoan-khoái trong lòng.

★

TẬP VIẾT

Quân, dân nhất trí

★

TẬP LÀM VĂN

THƯ MUA SÁCH

Em viết thư cho nhà xuất-bản để hỏi mua mấy quyển sách giáo-khoa cần dùng.

DÀN-BÀI.— 1) **Đầu thư :** Ngày, tháng, gửi cho ai ?
2) **Lòng thư :** a) Mục-đích bức thư.
b) Số sách định mua (tên sách, tên soạn-giả, giá tiền)
c) Cách trả tiền, cách gửi sách và địa-chỉ người mua.
d) Mong sớm nhận được sách.
3) **Cuối thư :** Lời cảm-ơn và chúc nhà xuất-bản buôn may, bán đắt.

TUẦN-LỄ THỨ 30

NGỮ-VỰNG

VŨ-KHÍ

Danh-từ.— Tiểu-liên — Đại-liên — Trung-liên — Lưỡi-lê — Lựu-đạn — Mìn — Địa-lôi — Không-lôi — Thủy-lôi — Ngư-lôi — Súng cao-xạ — Súng đại-bác — Ba-dô-ca — Bách-kích-pháo — Dàn hỏa-tiễn — Bom nguyên-tử — Bom khinh-khí — Bom na-pan — Vũ-trụ-tuyến — Hỏa-lực.

Tính-từ.— (Võ-khí) tối-tân, thô-sơ, tự-động, lợi-hại.

Động-từ.— Xử-dụng — Điều-khiển — Sáng-chế — Kiểm-soát (võ-khí).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Đạn ăn lên, tên ăn xuống.*
— *Mũi tên, hòn đạn.*
— *Bách phát, bách trúng.*

GIẢI-NGHĨA.— **Võ-khí :** khí-giới dùng để phòng-thủ, hoặc chiến-đấu như : gươm, giáo, súng, đạn. **Tiểu-liên, trung-liên, đại-liên-thanh :** súng liên-thanh (bắn hàng tràng đạn một lúc) cỡ nhỏ, vừa, hoặc lớn. **Lưỡi-lê :** mũi nhọn cắm ở đầu súng, dùng để đâm trong khi đánh giáp lá-cà. **Lựu-đạn :** thứ bom nhỏ như quả lựu, trong ruột có chứa chất nổ, dùng để liệng ra hoặc phóng đi bằng súng. **Địa-lôi :** (hay mìn) một thứ tạc-đạn chôn ngầm ở dưới đất, lối quân địch thường đi qua, để phá chiến-xa. **Không-lôi :** bom nổ ở trên không hay trên mặt đất. **Thủy-lôi :** mìn đặt ở mặt nước hoặc dưới nước để ngăn-cản hoặc phá-hoại tàu địch. **Ngư-lôi :** võ-khí hình giống con cá, khi phóng ra, đâm vào tàu địch thì nổ. **Súng cao-xạ :** súng bắn máy bay, tính tự-động, mỗi phút có thể bắn được trên 20 phát và đạn lên cao tới 12 ngàn mét. **Đại-bác :** (đại-pháo) còn gọi là trọng-pháo hay súng hạng nặng, nòng từ 60 ly đến 450 ly. **Ba-dô-ca :** súng lớn ngắn nòng, dùng để phá chiến-xa. **Bách-kích-pháo :** một thứ đại-bác ngắn nòng, dễ di-chuyển, đặt ở gần mặt-trận để bắn vào vị-trí địch. Còn gọi là súng cối hoặc moóc-chê. **Bom nguyên-tử :** thứ bom chế bằng năng-lực nguyên-tử. **Bom khinh-khí :** thứ bom mới sáng-chế, còn gọi là bom H, mạnh gấp ngàn lần bom nguyên-tử. **Bom na-pan :** bom cháy, chế bằng chất săng đặc. **Vũ-trụ-tuyến :** (còn gọi là vũ-trụ-quang) một thứ quang-tuyến rất mạnh do trong tầng tinh-vân phóng-xạ ra. **Hỏa-lực :** lực-lượng về súng, ống, bom, đạn.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Võ-khí ngày xưa . . . . . bao nhiêu thì võ-khí ngày nay . . . . lợi-hại bấy nhiêu. Sức phá-hoại của . . . . ở trên trời, của . . . . ở dưới đất và của . . . . . ở dưới nước thật là kinh-khủng. Chống lại phi-cơ địch, đã có . . . . . Súng . . . . . dùng để phá chiến-xa. Hai trái . . . . . ném năm 1945 đã khiến phát-xít Nhật phải đầu-hàng. Trước hiểm-họa của bom nguyên-tử và . . . . . có thể tiêu-diệt cả nhân-loại, thế-giới đã hô-hào nên . . . . . và cấm . . . . . thứ võ-khí tối nguy-hiểm này.

TẬP ĐỌC

HỎA-TIỄN LÀ GÌ ?

1.— Có người cho rằng : « Hỏa-tiễn xẹt hơi và lửa ra phía sau tức là ép vào không-khí để tiến lên, cũng như người bơi, đạp vào nước để lấy đà ». Hiểu như vậy chưa đúng hẳn vì hỏa-tiễn xẹt lửa trong khoảng không (không có không-khí) sao vẫn bay được ?

2.— Thật ra, đây mới là **nguyên-tắc** chính của hỏa-tiễn. Ta lấy một quả bong-bóng thổi hơi vào cho phồng lên. Ngón tay ta kẹp chặt lấy vòi thổi hơi. Trong bong-bóng, hơi ép vào màng ở khắp mặt bóng và cân bằng với sức ép của không-khí bên ngoài. Bây giờ ta bỏ ngón tay ra cho hơi ép ở bên trong thoát ra. Sức ép ở ngoài vẫn mạnh nên đẩy bong-bóng bay vọt lên cao, cho đến khi hết hơi mới rơi xuống.

Giờ ta lại lấy cái pháo, để hở phía đuôi, bịt chặt phía đầu rồi châm lửa. Thuốc pháo xẹt lửa ra phía sau thì hơi lửa bên trong đẩy pháo vọt thẳng lên trời. Đó là cái pháo **thăng-thiên**. Bây giờ ta thay cái pháo bằng ống kim-loại, nhồi đầy **nhiên-liệu** rồi đốt. Chất cháy xẹt lửa ra phía sau, **đồng-thời** nó có sức ép đẩy cái ống lên phía trước. Thế là ta đã có một chiếc hỏa-tiễn.

3.— Hỏa-tiễn **tối-tân** thường là hỏa-tiễn do **vô-tuyến-điện điều-khiển** và có thể bay đến khắp nơi trên thế-giới. Do đó, nó còn được gọi là hỏa-tiễn **liên lục-địa**. Hiện nay hỏa-tiễn được dùng để phóng vệ-tinh nhân-tạo. Nếu nó lại dùng để ném bom khinh-khí thì sức tàn-phá sẽ kinh-khủng không biết chừng nào !

Theo T. V. S.

GIẢI-NGHĨA.— **Nguyên-tắc** : điểm chính sẵn có mà mọi người phải theo. **Thăng-thiên** : bay lên trời. **Nhiên-liệu** : những chất có thể đốt cháy được như dầu-hỏa, than-đá v.v... **Đồng-thời** : cùng một lúc. **Tối-tân** : mới nhất. **Vô-tuyến-điện** : điện không cần phải dây mà truyền đi được. **Điều-khiển** : sắp-đặt, sai-khiến. **Liên lục-địa** : (*Liên* : làm cho liền. *Lục-địa* : đất liền) ý nói hỏa-tiễn có thể bay từ châu này đến châu khác, khắp mọi nơi trên trái-đất.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Vỏ hỏa-tiễn làm bằng gì ? — Hỏa-tiễn chứa gì ở trong ? — Hỏa-tiễn tối-tân thường do ai điều-khiển ? — Tại sao lại gọi là hỏa-tiễn liên lục-địa ? — Hỏa-tiễn hiện nay được dùng làm gì ?

Lời văn : Tiếng *không-khí* và *không-gian* khác nghĩa nhau thế nào ? — Tìm mấy danh-từ trong đó có tiếng *kim* như *kim-loại*. — Tìm tiếng phản-nghĩa với *tối-tân*.

DÀN-BÀI.— 1) Tại sao hỏa-tiễn bay được ?
2) Hỏa-tiễn được chế theo nguyên-tắc nào ?
3) Hỏa-tiễn tối-tân ngày nay.

ĐẠI-Ý.— **Hỏa-tiễn là một vô-khí tối-tân, có thể phóng đến khắp mọi nơi trên thế-giới.**

★

CHÍNH-TẢ

NGƯ-LÔI

Trong trận Đại-chiến thứ hai vừa qua, ngư-lôi đã gây cho tàu-thuyền không biết bao nhiêu là thiệt-hại ! Ngư-lôi là khí-giới chính của tàu ngầm nhưng trong những trận hải, không-chiến, ngư-lôi cũng còn được dùng để phóng từ phi-cơ xuống.

Việc phóng ngư-lôi từ phi-cơ xuống dễ trúng đích hơn, cho nên chiến-thuật này được đem áp-dụng luôn. Khi bắt đầu cuộc Đại-chiến, ngư-lôi chỉ chạy nhanh một trăm cây-số trong một giờ và làm thành tia nước trên mặt biển. Do tia nước đó, phần nhiều tàu có thể lái tránh ra một bên hoặc bắn vỡ. Thấy thế, người ta lại chế ra loại ngư-lôi khi chạy không có tia nước, khiến tàu-thuyền khó nhận được đường đi của ngư-lôi mà tránh.

Hiện nay, tốc-độ của ngư-lôi lên tới ba trăm cây-số một giờ, song cũng không đáng sợ lắm vì nhờ có ra-đa, việc phòng-vệ của tàu-thuyền đã khá hoàn-bị. Tuy-nhiên, trong tương-lai, người ta còn có thể chế-tạo nhiều loại ngư-lôi rất nguy-hiểm cho hạm-đội. Đó là sự xuất-hiện của ngư-lôi siêu-thanh hoặc ngư-lôi hỏa-tiễn do vô-tuyến-điện điều-khiển...

Theo PHAN-VĂN-MINH

GIẢI-NGHĨA.— **Ngư-lôi** : vô-khí hình giống con cá, trong chứa thuốc nổ, khi gặp tàu địch thì nổ tung và gây ra một sức công-phá rất mạnh. **Hải-không-chiến** : trận đánh nhau ở ngoài biển và trên không bằng tàu và phi-cơ. **Chiến-thuật** : thủ-đoạn và phương-pháp tiến, lui, đánh, giữ, ở ngoài mặt-trận để giành lấy thắng-lợi. **Tốc-độ** : mực nhanh nhất. **Siêu-thanh** : nhanh hơn âm-ba, nhanh hơn tiếng động.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Tr.— Tránh nạn, tránh tiếng.
Ch.— Chánh, phó, chánh-phủ, chánh-thức.
S.— Roi song, cá song, song-le, song-hồ, song-the, song-đường, song-hành, song-song, song-mã, song-toàn.
X.— Làm xong, xong-xuôi, xong rồi.
S.— Siêu-thanh, siêu nước, siêu-đẳng, siêu-hình-học, siêu-phàm, siêu-việt, cao-siêu.
X.— Xiêu-vẹo, xiêu lòng, xiêu-xiêu.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : áp-dụng, ra-đa, phòng-vệ, hoàn-bị, hạm-đội.
2) Từ-ngữ *cho nên* dùng làm gì ? — Tìm thí-dụ ở bài chính-tả.
3) Ngư-lôi lợi-hại như thế nào ? — Hiện nay có thứ ngư-lôi nào là nguy-hiểm nhất ?
4) Phân-đoạn bài này và tóm-tắt ý-nghĩa của mỗi đoạn.

✶

VĂN-PHẠM

Nhận-xét về cách chuyển-tiếp từ ý này sang ý khác hoặc từ đoạn này sang đoạn khác với từ-ngữ : CHO NÊN

Trong bài chính-tả *Ngư-lôi* có câu : *Việc phóng ngư-lôi từ phi-cơ xuống để trúng đích hơn cho nên chiến-thuật này được áp-dụng luôn* gồm hai ý khác nhau. Một ý là *ngư-lôi phóng từ phi-cơ xuống để trúng đích* và một ý là *chiến-thuật này được áp-dụng luôn*. Hai ý khác nhau này bổ-khuyết cho nhau. Ý dưới là kết-quả của ý trên. Vì thế ta dùng từ-ngữ *cho nên* đứng ở giữa câu để chuyển-tiếp từ ý này sang ý kia.

BÀI HỌC.— Muốn chuyển-tiếp từ ý này sang ý khác hoặc từ đoạn này sang đoạn khác, người ta thường dùng từ-ngữ *cho nên*. Từ-ngữ này cho ta biết ý dưới do ý trên mới có, ý nọ là kết-quả của ý kia.

Thí-dụ : Ba chăm học *cho nên* tháng nào anh cũng được giấy khen.
Quân-dân nhất-trí *cho nên* phiến-loạn phải tan-rã.

✶

TẬP VIẾT

Nước chảy, đá mòn

✶

TẬP LÀM VĂN

ĐƠN XIN GIẢM THUẾ

Ông hàng xóm có một cửa hàng tạp-hóa. Năm nay vì buôn-bán thua-lỗ, ông nhờ em viết giúp lá đơn xin giảm thuế môn-bài. Em hãy viết lá đơn đó.

DÀN-BÀI.— **1) Đầu-đơn.**— Ngày, tháng, chức-nghiệp người mà mình đệ đơn tới.
2) Lòng-đơn : a) Tên hiệu, địa-chỉ người đứng đơn.
b) Mục-đích lá đơn (xin giảm-thuế, xin giảm bao nhiêu ?)
c) Lý-do (buôn-bán thua-lỗ, tổng-phí nhiều, gia-đình đông con v.v...)
3) Cuối đơn.— Lời cám-ơn thường-lệ, ký tên.

TUẦN-LỄ THỨ 31

NGỮ-VỰNG

VŨ-KHÍ *(tiếp theo)*

Danh-từ.— Chiến-hạm — Pháo-hạm — Thiết-giáp-hạm — Khu-trục-hạm — Tuần-dương-hạm — Thông-báo-hạm — Hàng-không mẫu-hạm — Tiềm-thủy-đĩnh — Hạm-đội — Oanh-tạc-cơ — Khu-trục-cơ — Phi-cơ trực-thăng — Phi-cơ trinh-sát — Phi-cơ phóng-pháo — Phi-cơ hỏa-tiễn — Thủy-phi-cơ — Pháo-đài bay — Chiến-xa — Dàn trọng-pháo — Hệ-thống ra-đa.

Tính-từ.— (Hạm-đội) hùng-hậu — (Phi-đội) cảm-tử, khổng-lồ.

Động-từ.— Phong-tỏa — Tuần-tiễu — Thám-thính — Hộ-tống — Oanh-tạc — Phóng (ngư-lôi) — Thả (bom) — Yểm-hộ (lục-quân) — Can-thiệp.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Bắn súng không nên phải đền đạn.*
— *Đạn đâu bắn sẻ, gươm đâu chém ruồi !*
— *Kinh-thiên động-địa.*

GIẢI-NGHĨA.— **Chiến-hạm :** (tức là chiến-đấu-hạm) tàu bọc sắt, dùng để chiến-đấu, sức công-phá và phòng-thủ rất mạnh. Trọng-tải tàu này từ 10 đến 30 ngàn tấn. *Thí-dụ :* chiến-hạm là chủ-lực của hải-quân. **Pháo-hạm :** (hay pháo-thuyền) tàu chiến, cỡ nhỏ và nhẹ, ngập nước nông, dùng để chở đại-bác và chiến-đấu trong sông hoặc ven biển. **Thiết-giáp-hạm :** tàu chiến vỏ bọc thép. **Khu-trục-hạm :** (còn gọi là diệt ngư-lôi-hạm) chiến-hạm hạng nhỏ, chạy nhanh, dùng để phá ngư-lôi của địch hoặc đánh đuổi chiến-hạm địch. **Tuần-dương-hạm :** tàu đi tuần để biết tình-hình trên mặt biển, cốt bảo-vệ đoàn thương-thuyền và hải-phận của mình. **Thông-báo-hạm :** (cũng như báo-tri-hạm) chiến-hạm hạng nhỏ, chạy nhanh, dùng để truyền-đạt mệnh-lệnh, thông-báo tin-tức hoặc thám-thính vị-trí tàu địch. **Hàng-không mẫu-hạm :** tàu chiến chở phi-cơ, trên sàn có chỗ để cho từ 20 đến 100 chiếc phi-cơ tự-do lên, xuống được. **Tiềm-thủy-đĩnh :** (hay tiềm-đĩnh) tàu ngầm lặn dưới mặt nước mà hành-động. **Hạm-đội :** đội tàu chiến từ hai chiếc trở lên. **Oanh-tạc-cơ :** máy-bay ném bom, phóng-pháo. **Khu-trục-cơ :** máy-bay dùng

để đánh đuổi hoặc hạ máy-bay địch. **Phản-lực-cơ :** máy-bay phản-lực, kiểu tối-tân trong có đặt bộ-phận phản-lực tức là những ống phun hơi ra để đẩy máy-bay thật nhanh về phía trước. **Phi-cơ trực-thăng :** máy-bay có cánh quạt đặt ở phía trên, khi cất cánh hay khi hạ cánh, cứ thẳng một một mạch lên hoặc xuống, không cần chạy một quãng dài như phi-cơ thường. **Phi-cơ trinh-sát :** máy-bay chuyên đi dò-xét tình-hình động, tĩnh của địch. **Phi-cơ phóng-pháo :** máy-bay thả bom, bắn súng. **Phi-cơ hỏa-tiễn :** máy-bay dùng để bắn đạn lửa hoặc một thứ đạn lớn như hình phi-cơ để phóng sang vị-trí địch. **Thủy-phi-cơ** : (hoặc *thủy thượng phi-cơ*) máy-bay có thể cất cánh hay hoặc hạ cánh ở trên mặt nước. **Pháo-đài bay :** phi-cơ cỡ lớn, có đặt trọng-pháo, bay ở trên không như pháo-đài biết bay, thường tiếp-tế xăng nhớt cho phi-cơ khác. **Chiến-xa :** xe bọc sắt, trên đặt súng dùng để công đồn, phá lũy, yểm-hộ bộ-binh. Còn gọi là tàu-bò hoặc « xe-tăng ». **Dàn trọng-pháo :** mấy cỗ đại-bác hạng nặng, nòng từ 100 ly trở lên, ghép bên nhau để bắn cùng một loạt. **Hệ-thống ra-đa :** một loạt những máy dùng vô-tuyến-điện để khám-phá những vật ở cách xa hàng mấy trăm cây-số, bất-kỳ ngày hay đêm đều trông rõ, còn gọi là « mắt thần ». **Hùng-hậu :** mạnh-mẽ, đầy-đặn. **Phong-tỏa :** dùng binh-lực bao-vây kín mọi đường giao-thông. **Tuần-tiễu :** đi tuần để tiễu-trừ kẻ gian và quân địch. **Thám-thính :** dò-la, nghe-ngóng tình-hình địch. **Hộ-tống :** hộ-vệ, che-chở cho tàu, xe đi. **Oanh-tạc :** ném bom, bắn súng để phá-hủy vị-trí địch. **Yểm-hộ :** trợ-lực, che-chở cho quân mình. **Can-thiệp :** nhúng vào, xen vào việc gì để xử-trí hoặc dàn-xếp. Về mặt quân-sự, can-thiệp nghĩa là xông vào dự-chiến. **Kinh-thiên động-địa :** ý nói ghê-gớm quá, làm cho trời phải kinh-sợ, đất phải rung-động. **Bắn súng không nên phải đền đạn :** câu này dùng để chế-giễu người vụng-về, khi đi săn, bắn súng đã không được con thú nào, mà còn phải bồi-thường lại những viên đạn bắn phí, không trúng đích. **Đạn đâu bắn sẻ, gươm đâu chém ruồi :** câu này ý nói là đối với những việc tầm-thường, không quan-trọng thì không cần tới những dụng-cụ quý-giá, đắt tiền, vì như thế không bõ công, vô-ích. Cũng như súng đạn không phải để bắn sẻ (loại chim bé nhỏ) và gươm giáo không phải để chém ruồi, muỗi.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Chiến-đấu-hạm, Thiết-giáp-hạm, Diệt-ngư-lôi-hạm, Hộ-tống-hạm.*

2) Tìm 5 danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng « phi » như phi-cơ.

3) Tìm tiếng phản-nghĩa với : hùng-hậu, khổng-lồ.

4) Nhiệm-vụ của hạm-đội trong thời chiến là gì ?

TẬP ĐỌC

MÁY RADAR

1.— Những buổi tối trời, nhìn mấy cánh dơi **vun-vút,** ngang dọc trong không-gian để săn muỗi, ta không khỏi băn-khoăn tự hỏi : « Chúng làm thế nào để không bao giờ bị va-chạm vào nhau hoặc đâm đầu vào thân cây, vách tường? Hay chúng có thêm một giác-quan mà chúng ta không có ? » Chính vậy ! Loài dơi đang xử-dụng một loại máy Radar thiên-nhiên, rất **hoàn-hảo.**

2.— Theo đó, máy Radar được chế-tạo ra để định rõ sự **hiện-diện** hoặc vị-trí của một vật nào. Máy phát ra một làn sóng điện rất ngắn, có tốc-độ lan-truyền là ba trăm ngàn cây-số trong một giây. Khi gặp vật lạ, làn sóng đó dội lại và được ghi trên mặt máy Radar. Ta chỉ việc nhìn trên đó sẽ biết phương-hướng và khoảng cách của vật lạ đối với nơi đặt máy.

3.— Trong trận Đại-chiến vừa qua, máy Radar đã là một **yếu-tố** chính, mang phần thắng-lợi về cho **Đồng-minh.** Nhờ có máy Radar, phi-cơ và cao-xạ của Anh đã phá tan nhiều đợt tấn-công bằng phi-cơ và bom-bay của Đức. Trên mặt biển, Radar còn **hướng-dẫn** cho các phi-cơ từ **hàng-không mẫu-hạm** bay lên **ứng-chiến** rồi lại trở về. Tàu ngầm của địch, dù lặn sâu dưới mặt nước, cũng bị khám-phá, trước khi hoạt-động. Từ khi hòa-bình trở lại, Radar được dùng trong ngành **hàng-hải thương-thuyền.** Nó là con mắt-thần tinh-tường, sáng-suốt, giúp cho các tàu biển đi lại dễ-dàng trong đêm tối dầy đặc, giữa đại-dương bao-la, ngàn-trùng sóng vỗ...

Theo PHẠM-BỘN

GIẢI-NGHĨA.— **Vun-vút :** tiếng roi quất, ở đây là tiếng cánh dơi bay mạnh và nhanh quá, nghe vun-vút như tiếng roi quất luôn. **Băn-khoăn :** lo-lắng, thắc-mắc vì chưa hiểu rõ điều gì. **Hoàn-hảo :** trọn-vẹn, tốt-đẹp. **Hiện-diện :** (*Hiện :* đang có. *Diện :* nét mặt) có mặt. **Yếu-tố :** (*Yếu :* cốt chính. *Tố :* chất còn nguyên) nguyên-chất cần để cấu-tạo thành vật-thể, ở đây là điểm cần-thiết. **Hướng-dẫn :** đưa đường, chỉ lối. **Ứng-chiến :** lên đánh nhau khi địch tới.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng.**— Vì sao loài dơi bay vun-vút trong đêm tối mà không bị va-chạm ? — Người ta chế ra máy Radar để làm gì ? — Nếu gặp vật lạ thì máy ấy làm thế nào ? — Trong trận Đại-chiến vừa qua, máy Radar đã đem thắng-lợi về cho ai ? — Tại sao người ta ví nó như mắt-thần ?

Lời văn.— Tìm hai tiếng tượng-thanh chỉ sự bay nhanh của loài dơi.— Vì sao tác-giả lại dùng tiếng « *mắt-thần* » để chỉ máy Radar ? — Từ-ngữ *đêm tối dầy đặc* gợi cho ta cảnh gì ?

DÀN-BÀI.— 1— Loài dơi cũng có máy Radar.
2— Công-dụng của máy Radar.
3— Lợi-hại của máy Radar trong trận Đại-chiến thứ hai.

ĐẠI-Ý.— **Nhờ ở máy Radar một phần mà Đồng-minh đã thắng trong trận Đại-chiến thứ hai vừa qua.**

HỌC THUỘC LÒNG

DIỆT XÂM-LĂNG *(tiếp-theo)*

1.— Thảm-bại, giặc Nguyên chưa tỉnh-ngộ
Còn dồn binh-sĩ tới biên-khu,
Giả đưa Ích-Tắc — tên hàng giặc —
Về để làm vua, rửa hận-thù...

*

2.— Thủy, bộ hai đường, quân cướp nước
Công đồn, phá lũy, lại xâm-lăng.
Vua, tôi phải rút vào Thanh-hóa
— Sóng lớn, giờ đây, nổi đát bằng...

*

Giặc ở lâu ngày, lương-thực cạn,
Cho thuyền đi tiếp-vận quân-lương,
Vân-đồn, mắc kế ta mai-phục
Giặc chết đầy sông, gạo nghẽn đường...

*

Tin dữ đưa về trại Thoát-Hoan,
Ba quân chán-nản, tướng kinh-hoàng,
Vội theo đường thủy toan về nước,
Nào có ngờ đâu bị phá tan !

*

Ô-mã-Nhi, Phàn-Tiếp bó tay,
Thoát-Hoan liều chết, suốt đêm ngày
Mới ra đến Nội-bàng, biên-giới,
Lại bị đoàn quân Ngũ-Lão vây...

*

3.— Sống-sót, tàn-quân về đất Bắc,
Phen này thôi vỡ mộng xâm-lăng !
— Ngang sông, ngựa đá hai làn vượt,
Lịch-sử còn ghi dấu Bạch-đằng.

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Thảm-bại** : thua một cách đau-đớn. **Biên-giới** : nơi giáp-giới hai nước. **Thủy-bộ** : đường thủy dưới sông và đường bộ trên đất. **Tiếp-vận** : chuyên-chở luôn luôn, hết chuyến này đến chuyến khác. **Quân-lương** : thức ăn của quân lính. **Mai-phục** : (*Mai* : giấu đi. *Phục* : ẩn-nấp) núp kín ở nơi nào, đợi cho quân địch đi qua rồi đánh úp. **Kinh-hoàng** : sợ-hãi. **Biên-khu** : khoảng đất ở biên-giới. **Ngang sông ngựa đá hai lần vượt** : tục-truyền rằng lúc đánh tan quân Nguyên rồi, người ta thấy mấy con ngựa đá trước cửa nhà Thái-miếu cũng có dấu bùn ở chân. Điều này tỏ rằng cuộc kháng-chiến của ta được cả thần-thánh phù-trợ nên vua Nhân-tôn đã có câu thơ :

Xã-tắc lưỡng hồi lao thạch-mã
Sơn-hà thiên-cổ điện kim-âu.

Dịch nghĩa là

Xã-tắc hai phen bon ngựa đá
Non-sông thiên-cổ vững âu vàng.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Bị thua về nước, giặc Nguyên lại làm gì ? — Chúng bày mưu đưa ai sang Việt-nam ? — Vua, tôi nhà Trần rút vào Thanh-hóa để làm gì ? — Vì sao giặc lại bị thua trận ? — Hiện nay sông Bạch-đằng còn ghi dấu-vết gì ?

Lời văn : *Chán-nản* và *kinh-hoàng* khác nghĩa nhau thế nào ? — Câu *Sóng lớn giờ đây nổi đất bằng* nghĩa là gì ? Câu gì ở đoạn cuối tả cảnh quân giặc bị tan vỡ ?

DÀN-BÀI.— 1 — Giặc Nguyên lo báo-thù.
2 — Cảnh thảm-bại của giặc Nguyên.
3 — Giấc mộng xâm-lăng tan-vỡ.

ĐẠI-Ý.— **Sang đánh báo-thù, giặc Nguyên lại bị thua to nên từ đó, hết mộng xâm-lăng.**

*

CHÍNH-TẢ

ĐOM NGUYÊN-TỬ

Một tiếng nổ long trời, lở đất. Tiếp-theo là một luồng ánh-sáng chói lòa của khối lửa khổng-lồ lên không-gian. Thế rồi khối lửa bốc lên và tỏa ra như hình cái nấm, rộng tới mấy trăm mét.

Khối lửa này nóng dữ-dội. Tuy-nhiên, nó vẫn chưa kinh-khủng bằng những tia phóng-xạ ! Thật thế, gặp ngày nắng ráo, những tia này có thể đốt cháy thành than những vật bằng gỗ ở cách xa ba ngàn mét. Sức tàn-phá của tiếng nổ cũng không kém phần mãnh-liệt. Nó gây ra luồng bão rất mạnh, có thể san phẳng những lâu-đài, nhà-cửa trong đô-thị. Nếu đạn nổ dưới đất thì nó sẽ đào thành giếng sâu vô cùng. Nổ ở dưới

biển thì hiệu-lực lại khác hẳn. Những cây nước ngất trời đổ xuống, biến thành những trận mưa có chất phóng-xạ nguyên-tử rất nguy-hiểm.

Thật là khó mà tả hết những tai-họa giết người do bom nguyên-tử gây ra ! Vì thế cho nên đề-nghị cấm dùng loại võ-khí này đã được nhân-dân thế-giới hoan-nghênh nhiệt-liệt.

Theo NGUYỄN-LÂU

GIẢI-NGHĨA.— **Bom nguyên-tử** : thứ bom chế bằng tinh-năng nguyên-tử. Ngày 4-8-1945 trái bom nguyên-tử đầu-tiên ném xuống thành-phố Hiroshima (Nhật) làm 70.000 người chết ngay và 70.000 người bị thương nặng. Rồi trái bom nguyên-tử thứ hai ném xuống Nagasaki khiến Nhật phải đầu-hàng không điều-kiện. **Tia phóng-xạ** : tia điện rất mạnh do bom nguyên-tử phát ra. **Mãnh-liệt** : mạnh-mẽ, dữ-dội. **Lâu-đài** : (*Lâu* : nhà lầu. *Đài* : nền cao mà vuông) tòa nhà rộng lớn, sang-trọng. **Nhiệt-liệt** : sốt-sắng, hết sức.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

D. — Dữ-dội, giận-dữ, dữ-tợn, mệt dữ, đẹp dữ.
Gi. — Giữ-gìn, giữ-mình.
S. — Giếng sâu, sâu-xa, sâu-sắc, sâu-bọ, sâu răng.
X. — Xâu cá, xâu kim, xâu-thuế, xâu-xé, gá bạc lấy xâu.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : chói-lòa, không-gian, đô-thị, đề-nghị, võ-khí.
2) Liên-từ ghép *«tuy-nhiên»* dùng để làm gì ? Đặt một câu với hai tiếng *«tuy-nhiên»*.
3) Sức tàn-phá của bom nguyên-tử như thế nào ?
4) Tìm năm danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng *võ* như *võ-khí*.

✶

VĂN-PHẠM

Cách chuyển ý với liên-từ ghép TUY-NHIÊN

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Bom nguyên-tử*, ở đoạn hai có mấy câu sau đây : *Khối này nóng dữ-dội. Tuy-nhiên nó vẫn chưa kinh-khủng bằng những tia phóng-xạ.*

Ta thấy hai tiếng *Tuy-nhiên* đặt ở đầu câu thứ hai là liên-từ ghép. Nó dùng để chuyển ý ở câu thứ nhất xuống. Đồng-thời nó còn có nghĩa là trái lại, là hơn thế nữa.

BÀI-HỌC.— Muốn chuyển ý từ câu trên xuống câu dưới, người ta dùng liên-từ tập-hợp *tuy-nhiên*.

Thí-dụ : Ba học rất chăm. *Tuy-nhiên* anh vẫn chưa được lên bảng danh-dự.

Năm nay mưa, gió thuận-hòa. *Tuy-nhiên* hoa-màu vẫn không được tốt-đẹp như ý muốn của nhà nông.

Ta thấy ý-nghĩa của câu dưới thường trái lại với câu trên.

TẬP VIẾT

Ở chọn nơi, chơi chọn bạn

✶

TẬP LÀM VĂN

GIẢI-NGHĨA CÂU CÁCH-NGÔN

Chỉ-dẫn đại-cương : Giải-nghĩa câu cách-ngôn là thể-văn luận-thuyết tương-đối khó hơn các thể-văn khác, nên các em học-sinh phải chú-ý đặc-biệt đến chương này. Khi làm bài, lý-luận cần xác-đáng, lời-lẽ phải gọn-gàng để cho người đọc dễ thông-cảm với ta. Nhiều khi đầu-đề còn ra là « *bình-giải* » thì ta vừa phải *giải-nghĩa* lại vừa phải *phê-bình* nữa.

Trước hết, ta phải nên phân-biệt rõ-ràng mấy danh-từ « *cách-ngôn, tục-ngữ, hoặc ca-dao* ».

Cách-ngôn là lời nói hoặc lời khuyên, phần nhiều bằng chữ Hán, của các bậc Thánh-hiền, ví như :

« *Tiên học lễ, hậu học văn* »
« *Nhập gia tùy tục* » v. v...

Tục-ngữ là lời nói hay và gọn, vốn có tự đời xưa, rồi do cửa miệng người đời truyền đi. Tục-ngữ còn gọi là ngạn-ngữ, ví như :

« *Tốt danh hơn lành áo* »
« *Nói ngọt, lọt đến xương* » v. v...

Không nên nhầm *tục-ngữ* với *phương-ngôn* là những câu chỉ thông-dụng trong một địa-phương chứ không lưu-hành khắp nước.

Ca-dao là những bài hát ngắn, lưu-hành trong dân-gian, để tả tính-tình, phong-tục của người bình-dân. Chính vì lẽ đó nên *ca-dao* còn gọi là *phong-dao* (*phong* : phong-tục) nữa.

Đây là một vài câu ca-dao quen-thuộc nhất.

« *Bần ơi ! thương lấy bí cùng*
« *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn...* »
« *Làm trai cho đáng nên trai*
« *Xuống đông, đông tĩnh, lên đoài, đoài tan...* » v.v...

Vậy muốn giải-nghĩa một câu ca-dao hay tục-ngữ, trước hết ta phải giải-nghĩa, cả *nghĩa đen* và *nghĩa bóng* của câu đó. Nhiều khi câu ca-dao chỉ có một nghĩa thôi nên ta lại phải phân-tách câu đó ra từng tiếng, từng đoạn một, để làm cho vấn-đề sáng-tỏ thêm lên.

Nếu có phê-bình ta phải chứng-minh rằng câu đó *đúng hay sai*, hay *chỉ đúng ở một điểm nào thôi !* Có khi ta còn nên đưa thêm những ý-kiến hoặc nhận-xét riêng của ta về những chỗ sai-lầm, lệch-lạc.

Sau đó, muốn cho lý-luận thêm phần vững-chắc, ta còn phải kể thêm nhiều *thí-dụ cụ-thể* ở trong đời học-sinh, trong khung-cảnh gia-đình hoặc ở ngoài xã-hội nữa.

Đến đoạn kết, phải rút ở những câu cách-ngôn hoặc tục-ngữ trên kia ra một *phương-châm xử-thế* cho hợp với đạo-lý, thiên-lương.

DÀN-BÀI MẪU CHUNG CHO CÁC ĐỀ GIẢI-NGHĨA TỤC-NGỮ, CA-DAO

1) **Mở bài** : Đặt đầu-đề : Trường-hợp nào phát sinh ra, hoặc đã dùng đến.

2) **Thân bài** : a) Giải-nghĩa : (nghĩa đen rồi nghĩa bóng, nếu có).
b) Phê-bình để định rõ giá-trị (đúng hay không đúng).
c) Thí-dụ cụ-thể rút trong đời học-sinh, trong gia-đình, trong xã-hội v. v... để chứng-minh.

3) **Kết-luận** : Áp-dụng câu tục-ngữ hoặc ca-dao vào đời sống của ta để tìm một phương-châm xử-thế thích-hợp.

★

TỐT DANH HƠN LÀNH ÁO

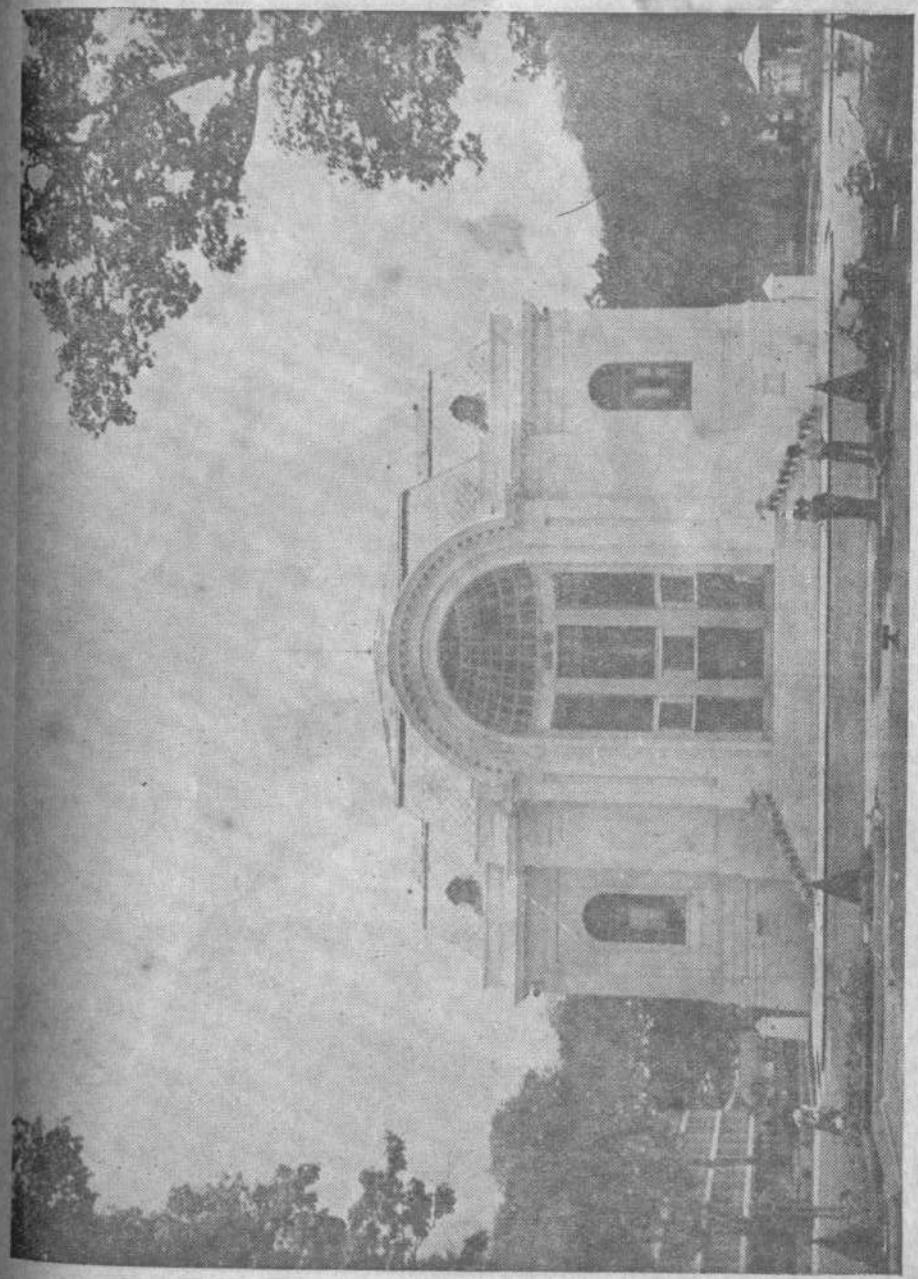
Ta có câu « *Tốt danh hơn lành áo* ». Hãy tìm những thí-dụ cụ-thể để chứng-minh rằng câu nói đó đúng hay sai.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Dịp nào đã dùng đến câu này.

2) **Thân bài** : a) Giải-nghĩa đen (tốt danh, lành áo là gì ?).
b) Tại sao « t t danh lại hơn lành áo ?».
c) Thí-dụ trong đời học-sinh và ở ngoài đời.
d) Trường-hợp nào mà ta cần phải lành áo ?
đ) Tóm lại, câu đó đúng hay sai ?

3) **Kết-luận** : Nên lấy câu đó làm châm-ngôn. Ở đời, muốn được mọi người quý-mến nên lo có danh thơm tiếng tốt trước khi nghĩ đến cách ăn-mặc quần lành, áo đẹp.

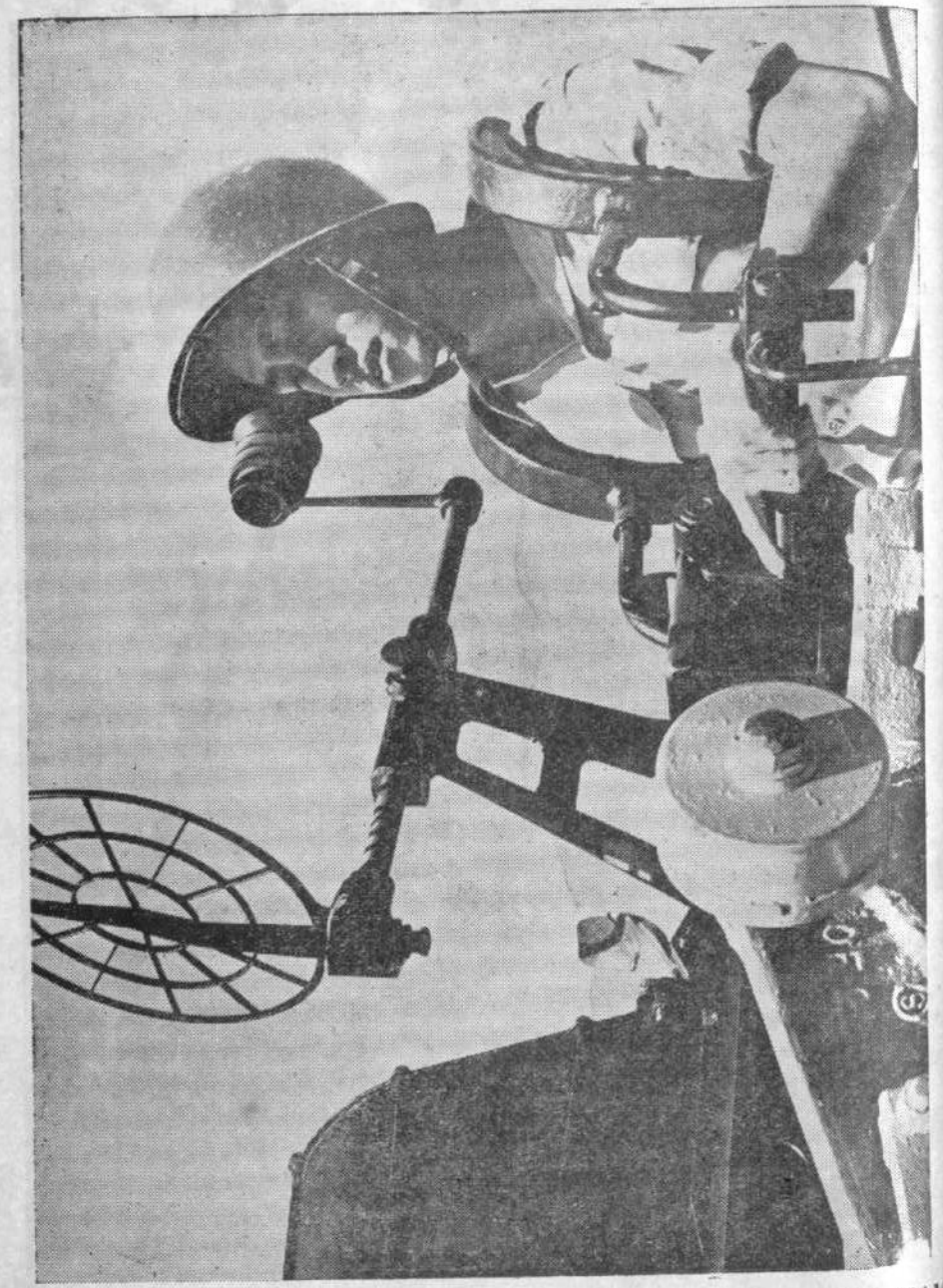
XV
CHỦ-ĐỀ : CHÍNH-THỂ



PHỤ-BẢN SỐ 15 — *TRỤ-SỞ QUỐC-HỘI*

XVI

CHỦ-ĐỀ : QUÂN-NHÂN VÕ-KHÍ



PHỤ-BẢN SỐ 16

PHÁO-BINH VIỆT-NAM

TUẦN-LỄ THỨ 32

NGỮ-VỰNG

CƠ-QUAN BINH-BỊ

Danh-từ.— Bộ Quốc-phòng — Bộ Tổng-chỉ-huy — Bộ Tư-lệnh — Bộ Tham-mưu — Quân-nhu-cục — Nha Chiến-tranh tâm-lý — Trường võ-bị — Trung-tâm huấn-luyện — Quân-y-viện — Tòa-án quân-sự — Công-binh-xưởng — Tế-mục-vụ — Nha quân-cảnh — Ty Hiến-binh — Quân-khu — Chiến-khu — Sở binh-lương — Phòng tuyển-mộ — Ban tình-báo — Ban phản-gián — Nha An-ninh quân-đội — Quân-cảng — Phi-trường.

Tĩnh-từ.— (Pháo-đài) kiên-cố, hẻo-lánh — (Ban tình-báo) lợi-hại, cẩn-mật.

Động-từ.— Bày mưu, lập kế — Huấn-luyện (quân-sĩ) — Phòng-gian, bảo-mật — Thiết-lập (căn-cứ) — Bảo-vệ (cơ-quan) — Huy-động (quân-sĩ) — Tăng-cường — Tài-giảm (binh-bị).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Chiêu binh, mãi mã.*

— *Binh hùng, tướng mạnh.*

— *Mưu thần, chước quỷ.*

GIẢI-NGHĨA.— **Cơ-quan binh-bị :** các tổ-chức quân-sự, các trụ-sở của nhà binh. **Bộ Quốc-phòng :** bộ trông-nom việc phòng-thủ bờ-cõi để chống ngoại-xâm, bảo-vệ lãnh-thổ và chủ-quyền của quốc-gia. **Bộ Tư-lệnh :** cơ-quan giữ việc ra mệnh-lệnh cho quân-sĩ. **Bộ Tham-mưu :** cơ-quan giữ việc bày mưu, tính kế, điều-khiển các cuộc hành-quân. **Quân-nhu-cục :** cơ-quan giữ những dụng-cụ và tài-liệu dùng để tác-chiến như : khí-giới, đạn-dược, lương-thực, quần-áo, dầu-mỡ, thuốc-men v. v... **Nha Chiến-tranh tâm-lý :** cơ-quan chuyên dùng sách-vở, báo-

chí, tranh-ảnh, ca-nhạc v.v... để nâng-cao tinh-thần binh-sĩ, vận-động dân-chúng làm sáng-tỏ chính-nghĩa quốc-gia và phá-tan mọi mưu-mô tuyên-truyền xảo-trá của địch. **Trường võ-bị** : trường huấn-luyện quân-sự. **Quân-y-viện** : bệnh-viện của nhà binh, chuyên chữa cho quân-nhân đau ốm hay bị thương. **Tòa-án quân-sự** : tòa-án chuyên xét-xử những quân-nhân phạm-tội. **Công-binh-xưởng** : xưởng chế-tạo võ-khí, quân-nhu. **Tế-mục-vụ** : cơ-quan trông-nom về hành-chính, kế-toán, lương-bổng v.v... **Nha quân-cảnh** : nha cảnh-sát của quân-đội. **Quân-khu** : khu-vực có thi-hành việc hành-chính về quân-sự. **Chiến-khu** : khu-vực hành-quân đã được vạch rõ và đặt riêng. **Sở binh-lương** : sở phân-phát lương-thực cho quân sĩ. **Phòng tuyển-mộ** : phòng thu-nhận đơn của thường-dân xin gia-nhập quân-đội. **Ban tình-báo** : ban chuyên đi dò-xét tin-tức, tình-hình của địch để mật-báo về bộ Tham-mưu. **Ban phản-gián** : (ban phản gián-điệp hay phản-điệp) ban dùng mưu-mẹo lừa tụi gián-điệp (do-thám) của địch, khiến chúng báo-cáo sai-lạc về tình-hình quân-sự bên mình. **Nha an-ninh quân-đội** : nha trông-nom, bảo-vệ nền an-ninh chung ở trong quân-đội. **Quân-cảng** : hải-cảng để cho chiến-hạm đậu. Ở trong khu-vực quân-cảng thường có xưởng đóng tàu, xưởng công-binh v.v... Cửa quân-cảng, lối ra vào, thường có pháo-đài để canh-giữ. **Kiên-cố** : chắc-chắn, bền-vững. **Hẻo-lánh** : vắng-vẻ, khuất nẻo, ít người qua lại. **Cẩn-mật** : giữ-gìn cẩn-thận, kín-đáo. **Phòng-gian, bảo-mật** : đề-phòng kẻ gian-phi, giữ-gìn tài-liệu bí-mật, khiến cho địch không biết được nội-tình của ta. **Huy-động** : điều-động, chỉ-huy. **Tăng-cường** : (hay gia-cường) tăng thêm lực-lượng cho mạnh hơn lên. **Tài-giảm binh-bị** : (hay tài-binh) giảm bớt lực-lượng về quân-đội cũng như chiến-cụ. **Chiêu-binh, mãi-mã** : tuyển-mộ binh-lính, mua thêm lừa, ngựa, khí-giới để sửa-soạn chiến-tranh.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Bộ Tổng chỉ-huy, bộ Tổng tham-mưu đều trực-thuộc bộ . . . . Quân-nhân đau-ốm được điều-trị tại. . . . . Tòa-án . . . . xét xử những quân-nhân phạm-pháp. Nhờ có ban. . . . và ban . . . . hoạt-động tích-cực nên gián-điệp địch không dò-xét nổi hiện-tình của chúng ta. Muốn gia-nhập quân-đội, thanh-niên ra ghi tên tại phòng . . . . . rồi được gửi đi huấn-luyện tại các . . . . . hoặc trường . . . . . Muốn thắng địch, ngoài việc . . . binh-bị. . . . còn phải cố-gắng tranh-thủ nhân-dân. Công-tác . . . . cũng không kém phần quan-trọng. Trước hiểm-họa tàn-sát nhân-loại của trận Thế-giới đại-chiến thứ ba, các cường-quốc đang lớn tiếng hô-hào . . . . binh-bị để giữ vững nền Hòa-bình thế giới.

TẬP ĐỌC

TRUYỀN - TIN

1.— Truyền-tin là một ngành hết sức quan-trọng của quân-đội. Bất cứ trong thời nào, chiến-tranh hay hòa-bình, ngành truyền-tin đối với quân-đội cũng như bóng với hình. Thiếu truyền-tin, **binh-lực** trở nên vô hiệu-quả.

2— Do đó, ta có thể ví binh-lực là những **bộ-phận cấu-tạo** nên thân-thể và truyền-tin là **thần-kinh-hệ** vậy.

Người lính-chiến, anh-dũng với khẩu súng trong tay, mắt sáng ngời, tiến thẳng vào vùng địch, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Người lính truyền-tin, đeo máy **vô-tuyến-điện** bên mình, trí-não lúc nào cũng bị căng-thẳng đến tột-độ vì bom-đạn tơi-bời. Thế mà họ vẫn giữ được bình-tĩnh để lắng tai nghe những tiếng « tạch-tạch, tè-tè » từ khắp chiến-trường đưa đến. Giữa khi khói lửa mù trời, gươm vung, đạn réo, mà phát ra mệnh-lệnh một cách rõ-ràng, **khúc-triết**, không sai-lầm, là một việc không gì khó-khăn hơn !

3.— Ngoài nhiệm-vụ chuyên-môn, người lính truyền-tin còn thừa **nghị-lực** để sánh vai, sát cánh cùng các **chiến-hữu** khác, rong mọi công-việc. Họ đã gối đất, nằm sương, tham-gia hành-quân. Họ xông-pha khắp nơi chiến-trận để giành quyền-sống cho Dân-tộc. Đã nhiều phen, máu của chiến-sĩ truyền-tin được **hòa** cùng máu của công-binh chiến-đấu, để tô thắm màu cờ cho non-sông, đất-nước.

Theo báo QUÂN-ĐỘI

GIẢI-NGHĨA— **Binh-lực** : lực-lượng chiến-đấu cùng võ-khí của quân-lính. **Cấu-tạo** : làm thành. **Vô-tuyến-điện** : điện không cần đến dây mà truyền đi được. **Chiến-trường** : chỗ đánh nhau, mặt trận. **Khúc-triết** : gãy-gọn, rõ-rệt. **Nghị-lực** : (*Nghị* : quả-quyết. *Lực* : sức mạnh) sức mạnh, quả-quyết, bền-vững. **Chiến-hữu** : bạn đồng-đội, những người cùng đi đánh trận với mình **Anh-dũng** : hăng-hái, mạnh-mẽ. **Tham-gia** : xen-dự vào.

CÂU HỎI.— **Ý-tưởng** : Ngành truyền-tin đối với quân-đội quan-hệ thế nào ? — Người ta ví ngành này như cái gì ở trong thân-thể ? — Người lính truyền-tin làm những công-việc gì ? — Tại sao công-việc của họ đòi hỏi sự bình-tĩnh ? — Họ đã cùng ai xông-pha ở ngoài mặt trận ?

Lời văn.— Tìm mấy danh-từ trong đó có tiếng *binh* như *binh-lực* và *chiến* như *chiến-trường*. — Tiếng *chiến-hữu* gợi cho ta mối tình gì ? — Tiếng gì ở đoạn cuối chỉ người lính truyền-tin đã hy-sinh cho đất-nước ?

DÀN-BÀI.— 1— Sự quan-trọng của ngành truyền-tin.
2— Nhiệm-vụ của người lính truyền-tin.
3— Lòng hy-sinh của họ.

ĐẠI-Ý.— **Người lính truyền-tin, không kém gì người lính chiến-đấu, đã hăng-hái hy-sinh, làm tròn nhiệm-vụ để bảo-vệ đất-nước.**

★

CHÍNH-TẢ

QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Qua nhiều thời-kỳ vừa chiến-đấu, vừa rèn-luyện, hiện-thời lục-quân Việt-nam đã có đủ kinh-nghiệm để tham-dự các chiến-trường,

Không-quân tuy còn ở trong thời-kỳ phôi-thai, song đã tỏ ra có nhiều khả-năng. Một số phi-đoàn quan-sát, tác-chiến và vận-tải đã được tổ-chức. Vươn theo đà trưởng-thành vượt-bực của lục-quân, không-quân đang tiếp-tục bành-trướng về cả hai phương-diện nhân-sự và kỹ-thuật.

Hải-quân đã tiến được những bước vững-vàng. Vì hải-phận Việt-nam khá dài nên hải-quân phải giữ một vai-trò quan-trọng. Gần đây, cuộc viễn-du của chiến-hạm Việt-nam qua các nước bạn, đã gây được nhiều uy-tín cho nền Cộng-hòa tươi-trẻ của chúng ta.

Ngoài ra lại còn các binh-chủng khác như : pháo-binh, xa-binh, công-binh v. v... Nhìn chung, quân-đội Việt-nam Cộng-hòa luôn luôn cải-tiến không ngừng để tiễu-trừ phiến-loạn và chặn đứng mọi cuộc xâm-lăng, bất kỳ từ đâu tới.

BẢO-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Thời-kỳ phôi-thai :** (*Phôi :* có mang được một tháng. *Thai :* mang được ba tháng) thời-kỳ mới bắt đầu. **Trưởng-thành vượt-bực :** lớn rất nhanh, không theo nhịp-độ bình-thường. **Bành-trướng :** chương lên, nở ra, ở đây có nghĩa là mở-mang cho to, cho mạnh hơn trước. **Hải-phận :** phần ở ngoài biển thuộc về một nước. **Cải-tiến :** thay-đổi, xếp-đặt lại để cho càng ngày càng tiến hơn.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Tr. — Trưởng-thành, trưởng-giả, trưởng-khu, trưởng-tộc, trưởng-tràng, bang-trưởng, bộ-trưởng, huynh-trưởng, thị-trưởng, đô-trưởng.

Ch.— Chưởng-bạ, chưởng-lý, chưởng-ấn, chấp-chưởng.
X. — Xa-binh, xa gần, xa-xôi, xa-xăm. linh-xa, xa-hoa, xa-xỉ, xót-xa.
S. — Mưa sa, sa chân, sa-sút, sa-thải, sa-mạc, sa-trường, phù-sa, sa-môn, sa-sâm, sà-sa, sa-tây.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : nhân-sự, kỹ-thuật, chiến-hạm, binh-chủng, tiễu-trừ phiến-loạn.
2) Quân-đội Việt-nam Cộng-hòa hiện nay gồm những binh-chủng nào ?
3) Tìm những tiếng phản-nghĩa với : phôi-thai, vững-vàng.
4) Câu *«Không-quân... khả-năng»* có thể chia làm mấy đoạn.

★

VĂN-PHẠM

PHÂN-TÁCH CÂU RA TỪNG ĐOẠN

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả : *Quân-đội Việt-nam Cộng-hòa* câu *Hải-quân đã tiến được những bước vững-vàng* thành-lập do một mệnh-đề có nghĩa lọn hẳn. Câu : *Không-quân tuy còn ở trong thời-kỳ phôi-thai song đã tỏ ra có nhiều khả-năng* thành-lập do hai mệnh-đề vì nó có hai đoạn.

Vậy trong một câu, hễ có bao-nhiêu mệnh-đề, là có bằng ấy đoạn. Mỗi đoạn thường có một tĩnh-từ biểu-diễn cái thể, hoặc một động-từ biểu-diễn cái dụng của chủ-từ.

BÀI HỌC.— Muốn phân-tách câu ra từng đoạn thì phải tìm xem câu ấy có bao nhiêu mệnh-đề, nghĩa là có bao nhiêu động-từ, hoặc tĩnh-từ.

Thí-dụ : 1) Người học-trò này giỏi.
2) Người học-trò này giỏi và có lễ-phép.
3) Người học-trò này giỏi và có lễ-phép nên được phần thưởng.

Câu thứ nhất có một mệnh-đề hay một đoạn.
Câu thứ nhì có hai mệnh-đề hay hai đoạn.
Câu thứ ba có ba có ba mệnh-đề hay ba đoạn.

★

TẬP VIẾT

Ruộng mẫu bề-bề không bằng nghề trong tay

TẬP LÀM VĂN

CÁ KHÔNG ĂN MUỐI, CÁ ƯƠN

Ca-dao có câu: «*Cá không ăn muối, cá ương,*
Con cưỡng cha mẹ, trăm đường con hư !»

Theo ý của em thì câu đó đúng hay sai ? Cho thí-dụ.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài :** Ai hay nhắc đến câu này ? vào dịp nào ? để làm gì ?

2) **Thân bài :** a) *Giải-nghĩa :* Cá không ăn muối cá ương. Tại sao ? Con cưỡng (chống lại) cha mẹ, trăm đường con hư. Tại sao ? (cha mẹ từng-trải, muốn cho con hay).

b) *Phê-bình :* Câu này đúng hay sai ? — Lý-do ? — thí-dụ — trường-hợp nào con có thể cưỡng cha mẹ (lớn tuổi, cha mẹ say-sưa, bắt con làm điều trái với lương-tâm lễ-giáo).

3) **Kết-luận :** Nên lấy câu này làm châm-ngôn ở đời... để sau này sẽ thành người có giáo-dục.

TUẦN-LỄ THỨ 33

NGỮ-VỰNG

CHIẾN-TRANH

Danh-từ.— Tối-hậu-thư — Chiến-trường — Chiến-tuyến — Chiến-công — Chiến-địa — Chiến-lợi-phẩm — Chiến-phạm — Đối-phương — Chiến-dịch — Chiến-thuật — Chiến-lược — Viện-binh — Cuộc hành-quân — Cuộc tảo-thanh.

Tính-từ.— (Chiến-tranh) tàn-khốc, toàn-diện, xâm-lược, giải-phóng — (Chiến-công) hiển-hách, anh-dũng — (Đối-phương) xảo-quyệt, tầm-thường.

Động-từ.— Khai-chiến — Tuyệt-giao — Tổng-động-viên — Tuyên-chiến — Chiến-đấu — Giải-giáp — Tàn-phá — Thiêu-hủy.

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Giặc tới nhà, đàn-bà phải đánh.*

— *Tướng chuộng nhiều quân, dân chuộng nhiều người.*

— *Kể từ gây việc binh-đao*
Đống xương vô-định đã cao bằng đầu !

GIẢI-NGHĨA.— **Tối-hậu-thư :** (tối-hậu thông-điệp) bức thư gửi cho đối-phương với điều-kiện sau cùng đã nêu ra trong cuộc đàm-phán và có kèm lời cảnh-cáo rằng : nếu điều-kiện đó bị bác bỏ thì sẽ có chiến-tranh. **Chiến-trường :** chỗ đánh nhau. **Chiến-tuyến :** mặt-trận, tiền-tuyến chung của đôi bên tiếp-giáp nhau, nơi hai bên giao-chiến. **Chiến-công :** công-lao, thành-tích lập được trong khi có chiến-tranh. **Chiến-địa :** nghĩa như chiến-trường, sa-trường. **Chiến-lợi-phẩm :** những phẩm-vật chiếm được của quân địch như : súng-ống, đạn-dược, lương-thực, quần-áo v.v... **Chiến-phạm :** phạm-nhân chiến-tranh tức là những người đã phạm tội gây ra chiến-tranh trước tiên. **Đối-phương :** người hoặc phe đối-địch, tranh-giành, đánh nhau với mình. **Chiến-dịch :** gọi chung mọi việc tác-chiến ở một nơi trong một khoảng thời-gian. *Thí-dụ :* chiến-dịch Hoàng-Diệu, chiến dịch Thoại-ngọc-hầu... **Chiến-thuật :** thủ-đoạn và phương-pháp lui, tiến, đánh, giữ ở mặt trận. Thường thì chiến-thuật là một phần nằm trong chiến-lược. **Viện-binh :** quân cứu-viện. **Hành-quân :** đem quân ở ngoài chiến-trường, từ nơi này qua nơi khác. **Tảo-thanh :** (*Tảo :* quét sạch. *Thanh* trong, không tục) quét sạch,

diệt-trừ hết bọn phiến-loạn hoặc tàn-quân của đối-phương còn ở lại những-nhiễu dân-chúng. *Thí-dụ :* chiến-dịch Thoại-ngọc-hầu nhằm mục-đích tảo-thanh những khu rừng-núi ở miền Tây. **Toàn-diện** : khắp cả mọi mặt. **Chiến-tranh toàn-diện** : chiến-tranh cả về mọi mặt : kinh-tế, quân-sự, chính-trị, văn-hóa v.v... **Xâm-lược** : lấn cướp đất nước khác để mở rộng lãnh-thổ của mình. **Giải-phóng** : cởi-mở cho dân-chúng được tự-do, không bị trói-buộc, đè-nén, ức-hiếp. **Chiến-công hiển-hách** : chiến-công vẻ-vang, danh-tiếng, lừng-lẫy khắp nơi. **Anh-dũng** : (anh-hùng và dũng-cảm) hăng-hái, mạnh-mẽ khác thường. **Xảo-quyệt** : gian-ngoan, dối-trá, quỷ-quyệt. **Khai-chiến** : tuyên-bố bắt đầu đánh nhau với nước khác. **Tuyệt-giao** : đoạn-tuyệt tình giao-hảo, không có liên-lạc ngoại-giao với nhau nữa. **Tổng-động-viên** : khi có chiến-tranh, toàn-quốc phải động-viên để chống nhau với giặc. Thanh-niên, trai-tráng ra lính, ô-tô, lừa, ngựa của tư-gia phải sung-công để chở lính, các nhà máy phải hoạt-động giúp Chính-phủ trong việc sản-xuất quân-nhu, khí-giới. **Tuyên-chiến** : báo cho nước khác biết rằng nước mình bắt đầu khai-chiến với họ. **Giải-giáp** : tước-bỏ khí-giới, quân-trang v.v... **Giặc tới nhà, đàn-bà phải đánh** : từ xưa tới nay, người ta thường cho là đàn-bà chân yếu, tay mềm, nên những việc nặng-nhọc như chiến-đấu đều dành cho đàn-ông. Tuy-nhiên, gặp khi tai-biến, giặc tràn tới nhà thì đàn-bà không nhẽ lại ngồi yên chờ bị giết. Lúc này, họ cũng phải hăng-hái chiến-đấu để tự cứu lấy mình, lấy gia-đình mình.

BÀI-TẬP.— Chọn những tiếng đã học mà điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa :

Trước khi . . . . nước này phải gửi . . . . . cho nước kia chứ không bao giờ dùng lối đánh úp. Khi . . . đã bùng nổ, các nhà hữu-trách liền ha lệnh . . . . để ném hết cả nhân-lực, vật-lực vào cuộc chiến-tranh . . . Bộ Tổng tham-mưu ấn-định . . . . và . . . . để dễ bề đè bẹp đối-phương. Trên . . . . . biết bao thanh-niên đã hăng-hái, xông-pha để lập nên những chiến-công . . . Chiến-tranh bao giờ cũng rất . . . . . cho nên chúng ta chỉ chiến-đấu để tự-vệ hoặc giải-phóng đất-nước mà thôi ! Những . . . . . gây ra những cuộc chiến-tranh . . . bao giờ cũng bị nhân-loại lên án, trừng-phạt.

TẬP ĐỌC

CHIẾN-TRANH NGÀY NAY

1.— Khác với chiến-tranh ngày xưa ở trong một phạm-vi nhỏ hẹp, chỉ có quân-sĩ hai nước giao-chiến với nhau, chiến-tranh ngày nay đã diễn ra **toàn-diện.** Chẳng những chiến-tranh trên lãnh-vực quân-sự, mà còn chiến-tranh cả trên các lãnh-vực khác như : kinh-tế, **văn-hóa, chánh-trị,** vân vân...

2.— Chiến-tranh đã diễn ra **toàn-diện** thì người chiến-sĩ cũng không phải chỉ là người vác súng mà thôi. Chiến-sĩ là nhà buôn, nhà văn, nhà **sản-xuất,** nhà giáo... là tất cả mọi người. Và khí-giới cũng không phải riêng ở khẩu súng, trái bom, máy bay, tàu chiến, phi-đạn, hỏa-tiễn. Khí-giới còn là cái bút, cái cày, cái cân, cái thước kẻ nữa. Những danh-từ tiền-tuyến, hậu-phương cũng mất dần ý-nghĩa. Muốn chiến-thắng địch, tất phải chiến-thắng trên mọi mặt-trận. Chiến-thắng riêng trên một mặt-trận quân-sự chưa đủ vì không chiến-thắng trên các mặt-trận chính-trị, văn-hóa, kinh-tế, thì chưa gọi được là đã chiến-thắng hoàn-toàn.

3.— Vì tính-chất của chiến-tranh biến-chuyển như vậy, nên một triết-gia Tây-phương đã nói : « Chiến-tranh là **kế-tục** của chính-trị. Chiến-tranh là chính-trị có đổ máu ».

Theo HOÀNG-LÊ

GIẢI-NGHĨA.— **Toàn-diện** : tất cả mọi mặt. **Lãnh-vực** : khu, hạt, còi, ở đây có nghĩa là địa-hạt. **Sản-xuất** : sinh ra, ý nói làm ra các dụng-cụ, khí-giới v.v... **Phi-đạn** : đạn có thể bay ở trên không, do một căn-cứ quân-sự nào phóng ra. **Triết-gia** : người nghiên-cứu về triết-học, về nguyên-lý của trời, đất và vạn-vật. **Kế-tục** : nối tiếp nhau, hết cái này đến cái khác. **Biến-chuyển** : thay đổi, không như cũ.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Chiến-tranh ngày xưa chỉ diễn ra ở đâu ? — Chiến-tranh ngày nay diễn ra như thế nào ? — Chiến-sĩ là những ai ? — Muốn chiến-thắng địch, phải làm thế nào ? — Khí-giới được dùng là những gì ?

Lời văn : Những tiếng gì ở đoạn hai chỉ các loại khí-giới ? — Những tiếng gì được nhắc đi, nhắc lại ở trong bài này ? — Tìm năm danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng *chiến* như *chiến-tranh.*

DÀN-BÀI.— 1.— Chiến-tranh xưa và nay.
2.— Chiến-tranh ngày nay đã diễn ra như thế nào ?
3.— Chiến-tranh là gì ?

ĐẠI-Ý.— **Chiến-tranh ngày nay diễn ra toàn-diện và muốn chiến-thắng địch, ta phải chiến-thắng về cả mọi mặt.**

HỌC THUỘC LÒNG

THANH-BÌNH

1— Bao năm mỏi mắt chờ, trông,
Ngày vui trở lại, núi-sông thanh-bình.
Từ đồng-quê đến thị-thành,
Toàn-dân khao-khát mộng lành, vui ca...

2— Tin mừng thoắt đã lan xa,
Chiến-binh gác súng, về nhà nghỉ-ngơi.
Nhưng dòng sông nhỏ xa-xôi,
Bỗng đâu cắt đứt, rạch đôi sơn-hà!
Bắc, Nam xưa vẫn một nhà,
Bây giờ Nam, Bắc lìa xa muôn trùng!
Những ai vì chuyện núi-sông,
Những ai còn nhớ Tổ-tông, giống-nòi,
Những ai chán cảnh tôi-đòi
Quyết-tâm vượt núi, lội ngòi vào Nam...

3— Một đi là nhớ thôn-làng,
Ở thì chịu ách tham-tàn, sầu-bi,
Thế rồi nhất-quyết ra đi
Trăm cay, nghìn đắng, chỉ vì Tự-do...

Theo HOÀI-VÂN

GIẢI-NGHĨA.— **Thanh-bình** : yên-lặng, thái-bình không còn giặc-giã **Khao-khát** : mong-muốn, thèm-thuồng. **Chiến-binh** : người lính đi đánh trận **Sơn-hà** : núi-sông, đất-nước. **Tham-tàn** : tham-lam và tàn-ác. **Nhất-quyết** : quyết hẳn như vậy, cũng như nhất-định. **Tự-do** : được đi lại, ăn-mặc, nói-năng và làm theo ý muốn của mình, không bị ai bắt-buộc, dò-xét.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Bao năm người ta chờ trông điều gì? — Con sông gì chia đôi hai miền Nam, Bắc? — Ai đã làm cho đất-nước bị chia đôi? — Vì sao người ta quyết-tâm vào Nam? — Đồng-bào vào Nam với mục-đích gì?

Lời-văn : Tiếng *khao-khát* gợi cho ta sự gì? — Tại sao tác-giả dùng hai tiếng *tôi-đòi*? — Tìm 3 danh-từ ghép trong đó có tiếng *tự* như *tự-do*.

DÀN-BÀI.— 1— Toàn-dân khao-khát thanh-bình.
2— Hòa-bình trở lại nhưng đất-nước lại bị chia đôi.
3— Vì tự-do mà bao người phải rời bỏ quê-hương.

ĐẠI-Ý.— **Thanh-bình đã trở lại, song đất-nước bị chia đôi, nên một số người chán-ghét cảnh độc-tài lại phải đi tìm tự-do.**

CHÍNH-TẢ

VẤN-ĐỀ QUÂN-DỊCH

Có nhiều người không hiểu thế nào là động-viên, thế nào là quân-dịch? Thật ra thì cũng rất giản-dị.

Động-viên là gọi thanh-niên ra tòng-quân trong thời-kỳ chinh-chiếnà Việc tập-luyện này có tính-cách gấp-rút, nhất-thời. Còn quân-dịch l. nhiệm-vụ của toàn-dân, ở bất cứ một nước dân-chủ nào trên thế-giới. Trong thời-kỳ này, thanh-niên được trau-giồi về mọi mặt để có đủ khả-năng quân-sự. Khi cần đến, họ có thể xử-dụng ngay khẩu-súng để bảo-vệ non-sông, Tổ-quốc. Trong một nước độc-lập, chủ-quyền quốc-gia không phải chỉ ở tay một cá-nhân, nhưng mà ở trong tay toàn-thể dân-chúng. Quốc-gia hùng-cường, nhân-dân sung-sướng. Quốc-gia yếu-hèn, nhân-dân đau-khổ. Vậy việc quân-dịch không những là bổn-phận mà còn là vinh-dự cho mọi tầng-lớp công-dân.

Hiện nay, tại nhiều nước, việc quân-dịch của thanh-niên thường từ một năm rưỡi đến hai năm. Sau thời-gian đó, thanh-niên nào có tài, có đức, mà xét ra cần cho quân-đội, thì chính-phủ lại có quyền trưng-dụng thêm, trong một thời-gian nữa.

Theo LAM-GIANG

GIẢI-NGHĨA.— **Tòng-quân** : vào hàng-ngũ quân-đội, làm công-tác của quân-nhân. **Khả-năng** : sức có thể làm được, năng-lực làm việc. **Tổ-quốc** : đất-nước mà xưa kia Tổ-tiên đã ở và ngày nay con cháu còn đương sinh-sống. **Toàn-thể dân-chúng** : tất cả mọi người. **Cá-nhân** : chỉ riêng về một người, phản-nghĩa với đoàn-thể.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :
Gi.— Giản-dị, giản-yếu, đơn-giản, giản-tiện, đánh giản.
Tr.— Trau-giồi, trau-chuốt.
Ch.— Chau mày, lau-chau.
X.— Xử-dụng, xử án, xử-kiện, xử-đoán, xử-hòa, xử-quyết, khu-xử, phân-xử, xử-sự, xử-thế, xử-trí.
S.— Sử-gia, sử-học, sử-ký, sử-lược, sử-xanh, dã-sử, thứ-sử, giả-sử, lịch-sử.

CÂU HỎI.— 1) Giải-nghĩa : chinh-chiến, nhiệm-vụ, hùng-cường, vinh-dự công-dân.
2) Hai tiếng *nhưng mà* dùng để làm gì? Đặt một câu, với hai tiếng *nhưng mà*.
3) Tại sao quân-dịch không những là bổn-phận mà lại còn là vinh-dự cho thanh-niên?
4) Đại-ý bài này là gì?

VĂN-PHẠM

Cách chuyển-tiếp ý với liên-từ NHƯNG MÀ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Vấn-đề quân-dịch* ở đoạn giữa có câu : *Trong một nước độc-lập, chủ-quyền quốc-gia không phải chỉ ở trong tay một cá-nhân, nhưng mà ở trong tay toàn-thể dân-chúng* ta nhận thấy hai tiếng *nhưng mà* đứng ở giữa câu để chuyển ý từ đoạn trên xuống đoạn dưới. Hai tiếng *nhưng mà* là tập-hợp liên-từ. Nó trái nghĩa với nghĩa đoạn trên.

BÀI HỌC.— Muốn chuyển-tiếp ý đoạn trên xuống đoạn dưới và nhất là để nói trái lại, người ta dùng liên-từ *nhưng mà*. Liên-từ *nhưng mà* thường đặt ở giữa câu.

Thí-dụ : Ba chăm học *nhưng mà* anh chậm hiểu.
Tư thông-minh lắm *nhưng mà* anh lại hơi lười.
Hai tiếng *nhưng mà* có thể thay bằng hai tiếng *song-le*.
Những tiếng này có nghĩa là trái lại.

★

TẬP VIẾT

Tham thực, cực thân

★

TẬP LÀM VĂN

TRĂM NĂM BIA ĐÁ THÌ MÒN

Người ta thường nói :

« *Trăm năm bia đá thì mòn,*
« *Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ-trơ...* »

Câu này ngụ-ý khuyên ta điều gì ?

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Trong dịp nào em đã nghe nói đến câu này ? do ai nói ?

2) **Thân bài** : a) Giải-nghĩa : Tại sao *trăm năm bia đá thì mòn* ? thí-dụ : những hàng bia ở cổ-mộ, đình-chùa. Bia miệng là gì ? Tại sao *bia miệng còn lưu-truyền mãi mãi* ?

b) Thí-dụ trong lịch-sử, người tốt và người xấu đều được lưu-truyền (chứng-minh bằng thí-dụ).

3) **Kết-luận** : Câu này ngụ ý khuyên ta gì ? (Cố-gắng làm điều hay và giữ-gìn danh thơm, tiếng lốt).

TUẦN-LỄ THỨ 34

NGỮ-VỰNG

HÒA-BÌNH

Danh-từ.— Liên-hiệp-quốc — Hội-nghị hòa-bình — Hòa-ước — Điều-khoản — Cuộc đình-chiến — Lệnh ngừng bắn — Cuộc triệt-thoái quân-đội — Ủy-hội kiểm-soát đình-chiến — Cuộc tiếp-thu — Cảnh thái-bình — Việc kiến-thiết — Nền an-ninh — Sự trật-tự — Lệnh giải-ngũ — Hội-đồng Bảo-an — Việc tài-giảm binh-bị.

Tính-từ.— (Nền hòa-bình) trường-cửu — (Hòa-ước) bình-đẳng, bất bình-đẳng — (Quốc-gia) hưng-thịnh, suy-vong.

Động-từ.— Nghị-hòa — Ký-kết (hòa-ước) — Thi-hành (lệnh ngừng bắn) — Phục-hưng (kinh-tế) — Vãn-hồi (trật-tự) — Duy-trì (an-ninh) — Bãi-bỏ (lệnh giới-nghiêm) — Chấm-dứt (tình-trạng chiến-tranh) — Kiến-thiết (xứ-sở) — Bảo-vệ (hòa-bình) — Ngăn-cản (chiến-tranh).

Tục-ngữ, ca-dao, thành-ngữ :

— *Dĩ hòa vi quý.*

— *An-cư lạc-nghiệp.*

— *Quốc-thái, dân-an.*

— *Bóng kỳ-xí giã ngoài quan-ải,*
Tiếng khải-ca trở lại thần-kinh.

GIẢI-NGHĨA.— **Hòa-bình** : yên-ổn, vui-vẻ làm ăn, không có chiến-tranh. **Liên-hiệp-quốc** : tổ-chức quốc-tế, thành-lập sau hồi Thế-giới Đại-chiến thứ hai, nhằm mục-đích dàn-xếp những sự xích-mích giữa các nước trên thế-giới và duy-trì nền hòa-bình vĩnh-cửu cho loài người. **Hội-nghị hòa-bình** : (hay Hòa-hội) hội-nghị để giảng-hòa, không đánh nhau nữa. **Hòa-ước** : điều ước giữa những nước đã giao-chiến với nhau, để đi tới hòa-bình, không chiến-tranh nữa. **Điều-khoản** :

những điều, những khoản ghi-chép rõ-ràng để hai bên cùng theo. **Cuộc đình-chiến** : cuộc ngừng bắn, thôi không đánh nhau nữa. **Cuộc triệt-thoái quân-đội** : cuộc rút quân-đội đi khỏi nơi nào. *Thí-dụ* : Theo lời yêu-cầu của Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa, cuộc triệt-thoái quân-đội viễn-chinh Pháp đã diễn ra một cách mau-lẹ. **Ủy-hội kiểm-soát đình-chiến** : ủy-hội xem-xét, trông-nom cho cuộc đình-chiến được thực-hiện đứng-đắn. **Việc kiến-thiết** : việc xây-dựng, tu-sửa lại nhà-cửa, đường-sá bị chiến-tranh tàn-phá. **Nền an-ninh** : sự yên-ổn, không rối-ren. **Lệnh giải-ngũ** : lệnh cho phép những quân-lính động-viên được trở về đời sống dân-sự vì đã hết chiến-tranh. **Hội-đồng Bảo-an** : hội-đồng do Liên-hiệp-quốc cử ra để hoạt-động và xét đơn xin gia-nhập của các quốc-gia muốn làm hội-viên. Hội-đồng Bảo-an gồm có 11 hội-viên mà trong đó Nga, Mỹ, Trung-hoa, Anh, Pháp là năm hội-viên vĩnh-viễn. **Trường-cửu** : lâu dài. **Bình-đẳng** : ngang hàng, bằng nhau, không bên nào chịu kém thế. **Hưng-thịnh** : trở nên giàu-có. **Nghị-hòa** : để nghị, bàn-bạc để thôi không đánh nhau nữa. **Phục-hưng kinh-tế** : làm cho nền kinh-tế đã bị suy-sụp, lại trở nên thịnh-vượng. **Vãn-hồi trật-tự** : cứu-vãn lại, làm cho nền trật-tự được trở lại như cũ. **Duy-trì an-ninh** : giữ-gìn cho được yên-ổn, không bị rối-ren, loạn-lạc. **Lệnh giới-nghiêm** : (hay lệnh thiết quân-luật) khi trong nước có chiến-tranh hoặc phải đối-phó với những biến-cố khác thường thì những khu-vực quan-trọng đều ra lệnh giới-nghiêm như : ban-phát khẩu-lệnh, hạn-chế thì-giờ đi ngoài đường, khám-xét người qua lại, kiểm-duyệt thư-từ, phong tỏa giao-thông v. v... **Dĩ hòa vi quý** : lấy sự hòa-bình làm quý hơn cả. **An-cư lạc-nghiệp** : ở yên chỗ, vui-vẻ làm ăn. **Quốc thái, dân an** : nước thái-bình, dân-chúng yên-ổn.

BÀI-TẬP.— *1) Giải-nghĩa : Lệnh ngừng bắn, Cuộc tiếp-thu, Việc tài-giảm binh-bị, Hòa-ước bất bình-đẳng.*

2) Tìm mấy danh-từ ghép bắt đầu bằng tiếng "hòa" như "hòa-bình".

3) Khi hòa-bình đã trở lại thì Chính-phủ phải lo việc gì ?

4) Tổ-chức Liên-hiệp-quốc đã làm được những việc gì để bảo-vệ nền hòa-bình thế-giới ?

TẬP ĐỌC

LIÊN-HIỆP-QUỐC

1.— Là một tổ-chức hòa-bình nên Liên-hiệp-quốc rất chú-trọng đến công-cuộc **kiến-thiết** lại hoàn-cầu đã bị chiến-tranh tàn-phá.

2.— Liên-hiệp-quốc đã nhận rõ **nguyên-nhân** sâu-xa của mọi cuộc tranh-chấp là sự **bất bình-đẳng** giữa các dân-tộc, kẻ yếu, người mạnh, kẻ giàu, người nghèo. Liên-hiệp-quốc tìm mọi cách bảo-vệ quyền tự-do của các dân-tộc, không phân-biệt lớn, nhỏ. Tổ-chức này cố khuếch-trương kinh-tế xã-hội để nâng cao mực sống của con người và truyền-bá chủ-nghĩa tương-thân, tương-ái trên khắp địa-cầu. Liên-hiệp-quốc cũng không dung-túng những kẻ **phản-bội** hòa-bình nên đã trực-tiếp can-thiệp vào các vụ tranh-chấp hay xâm-lược.

Ngoài ra, các cơ-quan chuyên-môn của Liên-hiệp-quốc còn hoạt-động rất mạnh để giúp các nước hội-viên về mọi mặt như : giáo-dục, khoa-học, xã-hội, kinh-tế v.v...

Những hội-nghị quốc-tế được tổ-chức luân-chuyển khắp nơi, khiến cho các nước tiện bề trao-đổi văn-hóa, tìm-hiểu lẫn nhau, gây tình hữu-nghị để đi tới hòa-bình trường-cửu.

3.— Nhờ có Liên-hiệp-quốc nên một phần lớn nhân-loại đã khỏi bị rơi vào ách độc-tài thống-trị. Liên-hiệp-quốc còn là một thành-trì kiên-cố để bảo-vệ tự-do của con người.

Theo báo G. S.

GIẢI-NGHĨA.— **Liên-hiệp-quốc** : một tổ-chức quốc-tế thành-lập sau cuộc Đại-chiến thứ hai để giàn-xếp những xích-mích giữa các nước trên thế-giới và duy-trì nền hòa-bình cho loài-người. **Nguyên-nhân** : (*Nguyên* : đầu tiên. *Nhân* : cái hạt) cớ chính đã gây ra việc gì. **Bất bình-đẳng** : phân-biệt ra kẻ giàu, người nghèo, kẻ trên, người dưới, không ngang hàng với nhau. **Phản-bội** : chống lại, trái-nghịch với lẽ phải. **Độc-tài** : (*Độc* : một mình. *Tài* : định-đoạt) giữ hết mọi quyền-lực trong nước, muốn làm gì thì làm, không ai dám ngăn-cản. **Hữu-nghị** : tình-nghĩa bạn-bè. **Trường-cửu** : lâu-dài. **Kiên-cố** : vững-chắc, khó bị phá vỡ.

CÂU-HỎI.— **Ý-tưởng** : Liên-hiệp-quốc được thành-lập từ bao giờ ? — Vì sao trên thế-giới thường xảy ra những cuộc tranh-chấp ? — Liên-hiệp-quốc làm những công-việc gì ? — Kể một vài cơ-quan chuyên-môn của tổ-chức này ? — Nhờ có Liên-hiệp-quốc, nhân-loại đã tránh được nạn gì ?

Lời văn : Tiếng gì ở đoạn đầu cho ta thấy tai-họa của chiến-tranh ? — Bốn tiếng *tương-thân, tương-ái* nghĩa là gì ? — Tìm tiếng phản-nghĩa với *độc-tài*, với *bất bình-đẳng* mà đặt thành một câu ngắn.

DÀN-BÀI : 1.— Mục-đích của Liên-hiệp-quốc.
2.— Công-việc do Liên-hiệp-quốc đang làm.
3.— Liên-hiệp-quốc bảo-vệ tự-do cho con người.

ĐẠI-Ý.— Liên-hiệp-quốc nhằm mục-đích nâng-cao đời sống của nhân-loại để chống nạn độc-tài và bảo-vệ nền hòa-bình thế-giới.

★

CHÍNH-TẢ

KIẾN-THIẾT QUỐC-GIA

Hòa-bình vừa trở lại, đồng-bào ta đã hăng-hái bắt tay vào công-cuộc kiến-thiết quốc-gia.

Khắp nơi, nhà-cửa được xây-dựng lại. Đường-sá, cầu-cống cũng mở-mang thêm. Hầm-mỏ lại được khai-thác, các ngành công-nghệ đã hoạt-động hơn xưa. Phong-trào dùng hàng nội-hóa lan-tràn khắp nước. Trường học mọc lên như nấm để lo thanh-toán nạn mù chữ. Các công-cuộc cứu-tế, xã-hội cũng được chú-trọng đặc-biệt. Cô-nhi-viện, viện tế-bần, trung-tâm hướng-nghiệp, an-dưỡng-đường cho các thương, phế-binh, đã được thiết-lập tại nhiều nơi.

Tuy thế, việc khai-khẩn ruộng-đất bỏ hoang và cải-cách điền-địa để nâng cao mực sống của toàn-dân mới là điểm then-chốt, trong chương-trình kiến-thiết quốc-gia. Du-khách có dịp qua thăm vùng Cao-nguyên, Đồng-tháp-mười, Cái-sắn đều phải ngạc-nhiên, thán-phục, trước những kết-quả rực-rỡ, do bàn tay cần-cù của người dân Việt-nam vừa xây-dựng lại.

NAM-CHI

GIẢI-NGHĨA.— **Kiến-thiết quốc-gia** : xây-dựng nước nhà. **Khai-thác** : mở-mang. **Hàng nội-hóa** : hàng do người nước mình làm ra. **Cô-nhi-viện** : nơi nuôi trẻ-em mồ-côi. **Trung-tâm hướng-nghiệp** : chỗ dạy nghề cho những người lầm-lỡ hay tàn-tật. **Cải-cách điền-địa** : sửa-đổi lại cách phân-chia ruộng-đất và giảm tô xuống cho công-bằng, hợp-lý.

NHẬN-XÉT CHÍNH-TẢ :

Tr.— Trở lại, ngăn-trở, trở mặt, trở chứng.
Ch.— Chở hàng, che-chở.
X.— Xây-cất, xây-xẩm (choáng-váng, tối-tăm).
S.— Sây da, sây-sát.
Sá.— Đường-sá, sá-cày (luống cày), công-sá.
Xá.— Xá-tội, xá gì (không chấp làm gì), tệ-xá (nhà tồi-tàn : lời nói nhún).

CÂU-HỎI.— 1) Giải-nghĩa : toàn dân, cứu-tế, an-dưỡng-đường, bỏ hoang.
2) Sau chiến-tranh, đồng-bào ta đã làm được những công-việc gì ?
3) Tìm mấy từ-ngữ bắt đầu bằng tiếng *kiến* như *kiến-thiết*.
4) Có mấy thứ mệnh-đề ? Câu đầu trong bài chính-tả này có những mệnh-đề nào ?

★

VĂN-PHẠM

CÁC THỨ MỆNH-ĐỀ

NHẬN-XÉT :

Trong bài chính-tả *Kiến-thiết quốc-gia* đoạn đầu có hai mệnh-đề : *Đồng-bào ta đã hăng-hái bắt tay vào công-cuộc kiến-thiết quốc-gia* là ý chính trong câu nên gọi là *mệnh-đề chính*. Mệnh-đề *Hòa-bình vừa trở lại* chỉ cái thời-gian của công-việc kiến-thiết. Nó phụ-nghĩa cho mệnh-đề chính cho nên gọi là *mệnh-đề phụ*.

BÀI HỌC.— Có ba thứ mệnh-đề là : *mệnh-đề độc-lập, mệnh-đề chính* và *mệnh-đề phụ*. Mệnh-đề độc-lập tự nó có nghĩa lọn hẳn.

Thí-dụ : Thầy-giáo dạy học-trò.
Quân-đội bảo-vệ đất-nước.

Mệnh-đề chính là mệnh-đề phải nhờ mệnh-đề khác (gọi là mệnh-đề phụ) phụ thêm vào thì mới đủ hết nghĩa.

Thí-dụ : Anh tôi được giải-ngũ, khi chiến-tranh chấm dứt.
(mệnh-đề chính) (mệnh-đề phụ)
Thầy-giáo bảo : « các anh phải chăm-chỉ học-hành »
(mệnh-đề chính) (mệnh-đề phụ)

★

TẬP VIẾT

Uống nước, nhớ nguồn

★

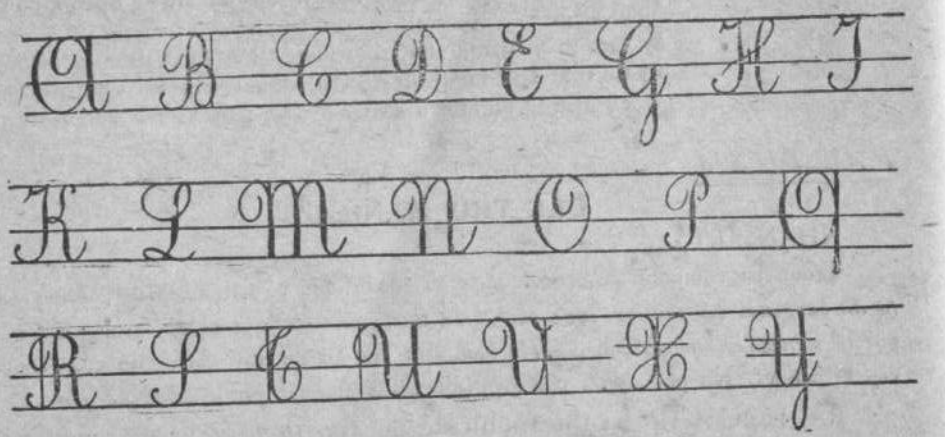
TẬP LÀM VĂN

UỐNG NƯỚC, NHỚ NGUỒN

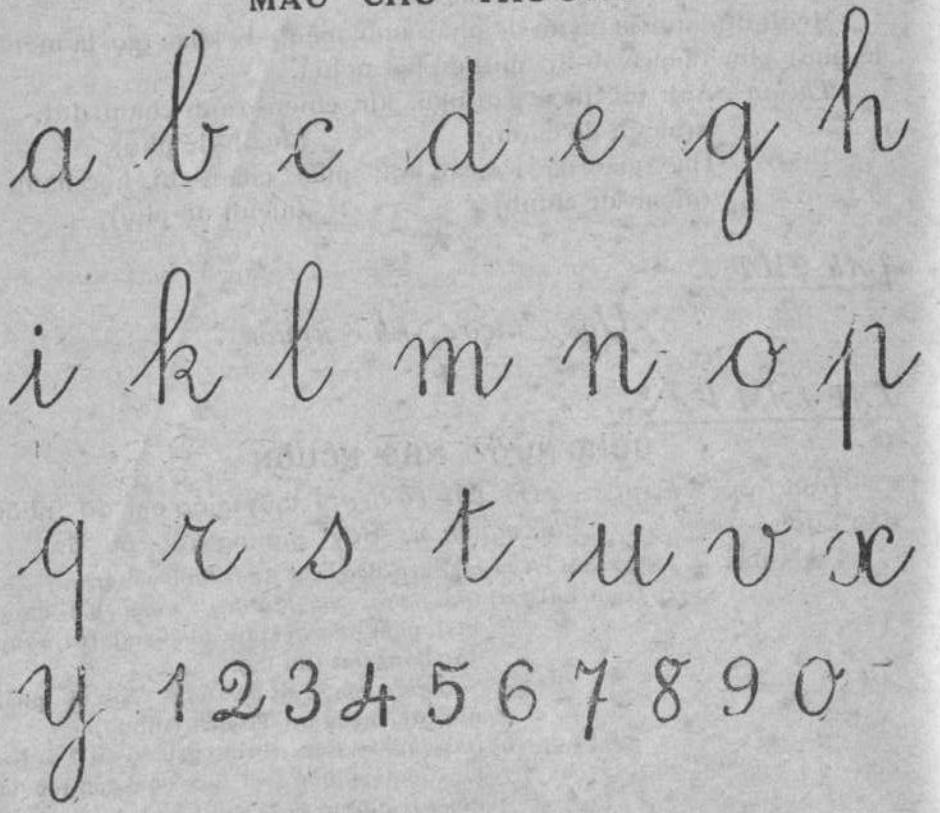
Trong bài Đức-dục : « *Đối với Tổ-tiên* » thầy-giáo em đã nhắc đến câu : « *Uống nước, nhớ nguồn* ». Hãy giải-nghĩa câu đó.

DÀN-BÀI.— 1) **Mở bài** : Trường-hợp nào, em được học câu này ?
2) **Thân bài** : a) *Giải-nghĩa — nghĩa đen* : uống bát nước mát phải nhớ đến nơi phát-sinh ra nước tức là nguồn (thí-dụ).
— nghĩa bóng : được sống yên-vui phải nhớ đến công-ơn Tổ-tiên (thí-dụ).
b) *Phê-bình* — Câu này đúng hay sai ? — Nó biểu-lộ tấm lòng biết ơn của dân-tộc ta đối với những ai đã giúp-đỡ ta.
3) **Kết-luận** : Tùy theo khả-năng của ta mà xử-sự và xa-tranh những kẻ vong-ân bội-nghĩa...

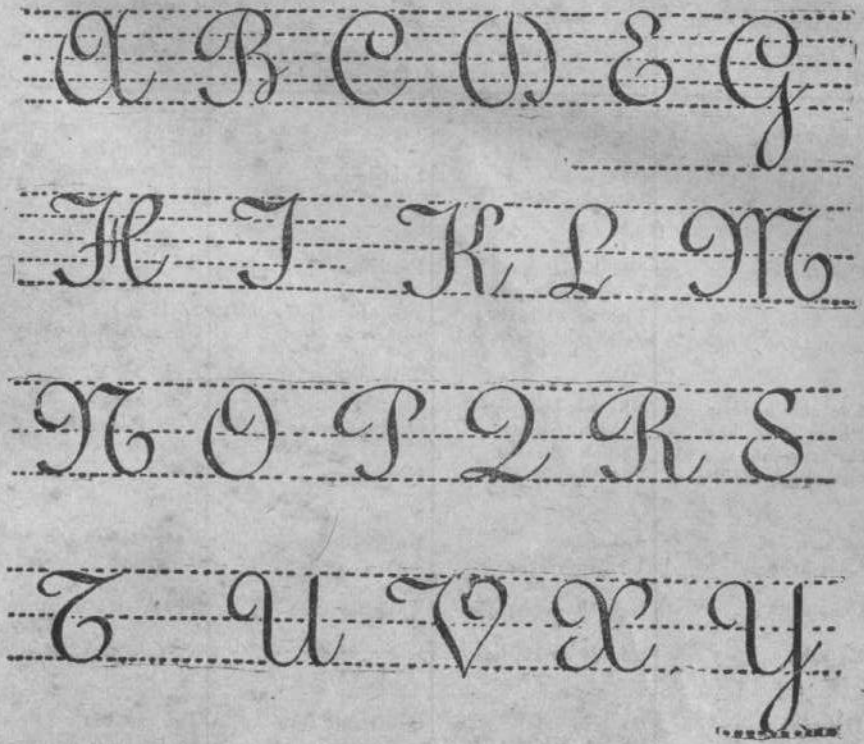
MẪU CHỮ HOA



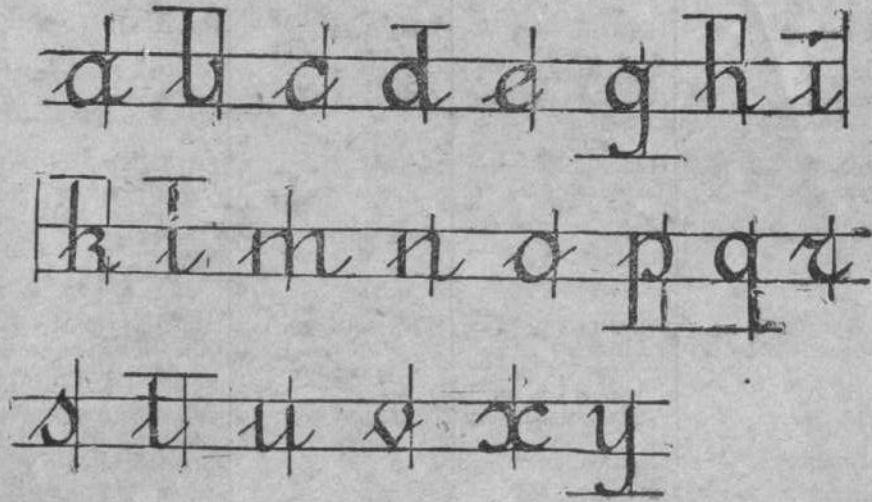
MẪU CHỮ THƯỜNG



MẪU CHỮ « RÔNG » HOA



MẪU CHỮ « RÔNG » THƯỜNG



BẢNG PHÂN CHIA CHƯƠNG-TRÌNH

VIỆT-NGỮ Ở LỚP NHẤT

Tuần lễ thứ	NGỮ-VỰNG	TẬP ĐỌC	Học Thuộc Lòng	CHÍNH-TẢ
1	Thể-thao	Thể-dục và thể-thao	Trận cầu quốc-tế	Thân hình cường-tráng
2	Trò chơi thể-thao	Chơi bóng chuyền		Bóng chuyền, bóng rổ
3	Du-ngoạn	Đi tắm biển	Lên dưỡng	Ngắm biển
4	Du-lịch	Một chuyến đi		Đi chơi đồi
5	Các bậc học	Ngành giáo-dục	Ru em	Sự học
6	— n. t. —	Trường mẫu-giáo		Việt-ngữ
7	Các khoa chuyên-môn	Trường bá h-khoa	Trên đường kiến-thiết	Sử là gì ?
8	— n. t. —	Bước tiến của y-học		Các môn định bệnh
9	Các nhà bác-học	Nhà bác-học		Khoa-học
10	Phòng thí-nghiệm	Nguyên-tử-năng	Ốc khôn-ngoan	Viện Pasteur
11	Sự sáng-chế	Vệ-tinh nhân-tạo		Sáng-tác quốc-ngữ
12	Các ngành văn-hóa	Vấn-đề chính-tả	Nhạc hùng	Lẻ-phép
13	— n. t. —	Âm-nhạc	Gương tự-lập	Công-tác văn-hóa
14	Công-nghệ	Tiểu công-nghệ ở V. N.		Trung-tâm định-cư
15	Công-nghệ	Nghề đánh cá biển	Vững tay chèo	Thanh-niên và thực-nghiệp
16	Kỹ-nghệ	Vấn-đề cơ-khí-hóa		Kỹ-nghệ ở V.N.
17	Hải-cảng	Bờ biển	Bức tranh xuân	Tàu cập bến
18	Xuất, nhập-cảng	Phục hồi kinh-tế		Kỹ-nghệ và thương-mại
19	— n.t. —	Tiền-tệ là gì ?	Xuân kỷ-dậu	Ngân-hàng
20	— n.t. —	Nền kinh-tế ở V. N.		Vấn-đề tiếp-tế
21	Cứu-tế	Sổ quyên	Lòng nhân-ái	Lòng bác-ái
22	Các hội thiện	Cô-nhi-viện		Nhà nuôi trẻ
23	Hợp-tác-xã	Hợp-tác-xã trồng rau	Trang sử cũ	Hợp-tác-xã
24	Chủng-tộc	Người Việt		Đồng-bào Thượng
25	Tôn-giáo	Phật-giáo về đời Lý	Trang sử cũ (t.t.)	Lễ Phục-sinh
26	Chính-thể	Lá phiếu		Nghĩa đoàn-thể
27	Chính-thể (tiếp theo)	Hiệu-triệu quốc-dân	Ngày giỗ tổ	Tổng-tuyển-cử
28	Quân-nhân	Tại sao đã thắng ?		Tinh quân-dân
29	Quân-nhân (tiếp theo)	Vì nước	Diệt xâm-lăng	Phi-công
30	Võ-khí	Hỏa-tiễn là gì ?		Ngư-lôi
31	Võ-khí (tiếp theo)	Máy Radar	Diệt xâm-lăng (t.t.)	Bom nguyên-tử nổ
32	Cơ-quan binh-bị	Truyền tn		Quân đội Việt-nam cộng hòa
33	Chiến-tranh	Chiến-tranh ngày nay	Thanh-bình	Vấn-đề quân-dịch
34	Hòa-bình	Liên-hiệp-quốc		Kiến-thiết quốc-gia

SOẠN-GIẢ	VĂN-PHẠM	TẬP VIẾT	TẬP LÀM VĂN	Từ trang đến trang
			TẢ ĐỒ-VẬT	
Khái-Hưng	Nguồn gốc tiếng V.N.	i, u lối thường	Chiếc áo mới	7 — 12
Duy-Minh	Nguyên-âm, phụ-âm	n,m —	Quyển sách vở lòng	13 — 16
Khái-Hưng	Dấu giọng	t, s —	Tờ nhật-báo	17 — 21
Khái-Hưng	Dấu chấm câu	o, k —	Chiếc xe máy dầu	22 — 25
			TẢ THÚ-VẬT	
T.B. Trẻ	Danh-từ	s, d —	Con gà trống	26 — 31
Lê-văn-Nựu	Mạo-từ	c, x —	Con bò gặm cỏ	32 — 35
Trần-trọng-Kim	Loại-từ	v, r —	Con bướm	36 — 40
B.S. Dục	Chỉ-định-từ	l, h —	Con voi	41 — 44
			TẢ CÂY-CỐI	
Thu Giang	Đại-danh-từ	b, k —	Cây tre	45 — 50
T.G.T.D.	Tính-từ	y, g —	Bông hồng nhung	51 — 54
Dương-q.-Hàm	Động-từ	N, M lối hoa	Cụm chuối	55 — 59
Phạm-Quỳnh	Trạng-từ	J, K —	Cây chanh	60 — 63
			TẢ NGƯỜI	
Sinh-lực	Giới-từ	H, V —	Người học-trò tốt	64 — 69
Trúc-Sơn	Liên-từ	S, L —	Thương-binh	70 — 73
Việt-Sơn	Trợ-ngữ-từ	C, G —		
			Người thợ hớt-tóc	74 — 79
B.V.	Tán-thán-từ	O, A —	Người thợ cày	80 — 83
			TẢ CẢNH	
Ngô-ngọc-Bích	Phần chính trong câu	Q, X —	Cơn dông	84 — 89
N. V. Khai	Chủ-từ	P, B —	Đám cháy	90 — 94
			KỂ CHUYỆN TỰ THUẬT	
Trúc-Sơn	Động-từ	D, K —	Vấn bi	95 — 100
Mỹ-Dương	Túc-từ	U, Y —	Giữ sách chép bài	101 — 104
Sào-Nam	Câu chỉ việc chủ-động	Miếng khi đói gói khi no	Oán-trách thầy-giáo	105 — 109
Mỹ-Dương	— thụ-động	Lá lành đùm lá rách	Sách cũ kể chuyện mình	110 — 113
			VIẾT THƯ	
Việt-Lê	— đức-tính	Một cây làm chẳng nên non	Xin tiền mua sách	114 — 119
Văn-Hón	— tình-trạng	Trung Nam Bắc một nhà	Thư mượn sách	120 — 123
Kim-Liên	Câu để hỏi	Góp gió thành bão	Mừng bạn thi đỗ	124 — 129
T. T. Kim	— than	Học thầy không tày học bạn	Thư cha buồn	130 — 133
			ĐƠN-TỪ	
Dân Việt	Câu kép với liên-từ và	Kiến tha lâu cũng đầy tổ	Đơn xin phép nghỉ	134 — 139
Vũ-Tiến	— *hoặc*	Làm khi lành, dành khi đau	Đơn xin học bổng	140 — 143
Toàn-Phong	— *thì*	Miếng khi đói gói khi no	Thư mua sách	144 — 148
P. V. Minh	Chuyển ý với từ-ngữ *cho nên*	Nước chảy đá mòn	Đơn xin giảm thuế	149 — 152
			GIẢI-NGHĨA PHÊ-BÌNH	
Nguyễn-Lân	— *tuy-nhiên*	Ở chọn nơi chơi chọn bạn	Tốt danh hơn lành áo	153 — 160
B. V.	Phân-tách câu ra từng đoạn	Ruộng mẫu bề bề không bằng nghề trong tay	Cá không ăn muối cá ươn	161 — 166
Lâm-Giang	Cách chuyển-tiếp ý với liên-từ *nhưng mà*	Tham thực cực thân	Trăm năm bia đá thì mòn	167 — 172
Nam-Chi	Các thứ mệnh-đề	Uống nước nhớ nguồn	Uống nước, nhớ nguồn	173 — 177

PHÂN-TÍCH LOẠI TỪ

Phân-tích loại-từ là xét xem những tiếng ở trong một mệnh-đề hay trong một câu, để biết rằng tiếng ấy thuộc về loại nào và có công-dụng gì trong mệnh-đề.

a) **Muốn phân-tích một danh-từ,** cần phải nói danh-từ ấy thuộc về loại nào ? (riêng hay chung, đơn hay ghép) đứng làm gì ? (chủ-từ hay túc-từ).

b) **Muốn phân-tích một loại-từ,** thì chỉ cần nói nó là loại-từ chung hay loại-từ riêng và đặt trước danh-từ nào ?

c) **Muốn phân-tích một mạo-từ,** thì phải nói nó thuộc về số ít, hay số nhiều ? và nó chỉ-định cho tiếng danh-từ nào ?

d) **Muốn phân-tích một đại-danh-từ,** ta phải nói đại-danh-từ ấy thuộc về loại nào ? (nhân-vật hay chỉ-thị, hay nghi-vấn, hay phiếm-chỉ đại-danh-từ), thuộc ngôi thứ mấy ? số ít hay số nhiều ? đứng làm gì ? (chủ-từ hay túc-từ).

đ) **Muốn phân-tích một chỉ-định-từ,** ta nói rõ nó thuộc về loại nào (chỉ-thị, lượng-số, thứ-tự, nghi-vấn, hoặc phiếm-chỉ chỉ-định-từ) và dùng để làm gì ? (chỉ-định nghĩa cho danh-từ nào ?).

e) **Muốn phân-tích một tĩnh-từ,** ta nói công-dụng của nó (hoặc làm hình-dung-từ để chỉ cái thể của một chủ-từ hay túc-từ nào ? hoặc dùng làm thuộc-từ để chỉ cái thể của một chủ-từ nào ?)

g) **Muốn phân-tích một động-từ,** ta phải nói nó thuộc thể đơn hay ghép, có công-dụng gì ? (chỉ sự hoạt-động hay sự thụ-động của chủ-từ nào ?).

h) **Muốn phân-tích một trạng-từ,** ta phải nói nó thuộc về loại nào (thời-gian, nơi-chốn, thể-cách, lượng-số, phủ-định v...v..) và nó phụ-nghĩa cho động-từ, hoặc trạng-từ, hoặc tĩnh-từ nào ?

i) **Muốn phân-tích một giới-từ,** chỉ việc nói rõ nó là giới-từ đơn hay quán giới-từ và nó liên-lạc tiếng nào với túc-từ nào ?

k) **Muốn phân-tích một liên-từ,** ta phải nói nó thuộc loại nào (liên-từ đơn hay quán liên-từ) và nối tiếng nào với tiếng nào ? hay những mệnh-đề nào ?

l) **Muốn phân-tích một tán-thán-từ,** chỉ cần nói tiếng ấy là tán-thán-từ và biểu-diễn cảm-tình gì ? (vui hay buồn, ngạc-nhiên hay lo-lắng).

m) **Muốn phân-tích một trợ-ngữ-từ,** chỉ cần nói đó là tiếng trợ-ngữ-từ mà không phải nói công-dụng.

BÀI TẬP

Phân-tích loại-từ trong câu này :

« Uả ! Những người hành-khách sang-trọng ấy bước xuống xe mà không trả tiền ư ! ».

BÀI LÀM

Uả : tán-thán-từ, biểu-diễn sự ngạc-nhiên.
Những : mạo-từ số nhiều, chỉ-định cho tiếng danh-từ «hành-khách»
Người : danh-từ đứng làm loại-từ riêng, đặt trước tiếng danh-từ « hành-khách ».
Hành-khách : danh-từ chung, ghép, làm chủ-từ cho động-từ « bước » và « trả ».
Sang-trọng : tĩnh-từ ghép, chỉ-định cho danh-từ chủ-từ « hành-khách ».
Ấy : chỉ-định-từ, chỉ-định nghĩa cho tiếng danh-từ «hành-khách».
Bước : động-từ đơn, chỉ sự chủ-động của chủ-từ « hành-khách ».
Xuống : giới-từ đơn, nối động-từ «bước» với danh-từ túc-từ «xe».
Xe : danh-từ chung, đơn, làm túc-từ cho động-từ « bước ».
Mà : liên-từ đơn, nối hai mệnh-đề « bước xuống xe » và « không trả tiền » với nhau.
Không : trạng-từ phủ-định, phụ-nghĩa cho động-từ« trả ».
Trả : động-từ đơn, chỉ sự chủ-động của hành-khách.
Tiền : danh-từ chung, đơn, làm trực-tiếp túc-từ cho động-từ «trả».
Ư ! : trợ-ngữ-từ.

PHÂN-TÍCH MỆNH-ĐỀ

Phân-tích mệnh-đề trong một câu (hay phân-tích một câu) tức là :

a) chia câu ấy ra làm mấy mệnh-đề ?
b) nói rõ mệnh-đề ấy là mệnh-đề gì ? (độc-lập, chính hay phụ ?)
c) nói công-dụng của mệnh-đề phụ (chỉ-định, bổ-túc hoặc chỉ trường-hợp nào ?)

MỆNH-ĐỀ PHỤ CHỈ-ĐỊNH

Mệnh-đề phụ chỉ-định làm chỉ-định túc-từ cho tiếng chủ-từ hay tiếng túc-từ ở mệnh-đề chính.

Thí-dụ : Quyển vở mà *anh mới mua* giá năm đồng. Tôi mua quyển vở này ở hiệu *mà anh quen.*

MỆNH-ĐỀ PHỤ BỔ-TÚC

Mệnh-đề phụ bổ-túc làm lọn nghĩa mệnh-đề chính, nếu bỏ nó, câu sẽ bị bỏ lửng, thiếu nghĩa.

Thí-dụ : Cha mẹ muốn *các con đi học cho ngoan.*
Tôi ngỡ rằng *Ba nghỉ học.*

MỆNH-ĐỀ PHỤ CHỈ TRƯỜNG-HỢP

Mệnh-đề phụ chỉ trường-hợp làm trường-hợp túc-từ cho mệnh-đề chính. Nó chỉ trường-hợp về thời-gian, nơi-chốn, duyên-cớ, mục-đích, so-sánh, phản-kháng, v. v...

Thí-dụ : Tôi đến trường *giữa lúc trời mưa* (thời-gian).

Tôi yêu cha mẹ tôi *vì các người sanh ra tôi* (duyên-cớ).

BÀI-TẬP :

Phân-tích mệnh-đề ở những câu sau này :

a) — Xuân là người học-trò chăm-chỉ.

b) — Cái nhà mà cha tôi mới mua, giá năm chục ngàn đồng.

c) — Tôi thuê chiếc xe mà anh thường đi.

d) — Tôi mong rằng anh trả tôi quyển sách mà anh đã mượn.

đ) — Nếu tôi có tiền, tôi sẽ cho anh để anh đi học thêm.

BÀI LÀM :

a) *Câu thứ nhất :* « **Xuân là người học-trò chăm-chỉ** » có một mệnh-đề độc-lập.

b) *Câu thứ hai :* « **Cái nhà mà cha tôi mới mua, giá năm chục ngàn đồng** » có hai mệnh-đề :

1) **Cái nhà giá năm chục ngàn đồng :** mệnh-đề chính

2) **Mà cha tôi mới mua :** mệnh-đề phụ chỉ-định túc-từ cho tiếng danh-từ chủ-từ *nhà*

c) *Câu thứ ba :* « **Tôi thuê chiếc xe mà anh thường đi** » có hai mệnh-đề :

1) **Tôi thuê chiếc xe :** mệnh-đề chính.

2) **Mà anh thường đi :** mệnh-đề phụ, chỉ-định túc-từ cho danh-từ túc-từ *xe*.

a) *Câu thứ tư :* « **Tôi mong rằng anh trả tôi quyển sách mà anh đã mượn** » có ba mệnh-đề :

1) **Tôi mong rằng :** mệnh-đề chính.

2) **Anh trả tôi quyển sách :** mệnh-đề phụ bổ-túc.

3) **Mà anh đã mượn :** mệnh-đề phụ, chỉ-định túc-từ cho danh-từ túc-từ : *quyển sách*.

đ) *Câu thứ năm* : « **Nếu tôi có tiền, tôi sẽ cho anh để anh đi học thêm** » có ba mệnh-đề :

1) **Nếu tôi có tiền :** mệnh-đề phụ làm trường-hợp túc-từ về điều-kiện cho mệnh-đề chính.

2) **Tôi sẽ cho anh :** mệnh-đề chính.

3) **Để anh đi học thêm :** mệnh-đề phụ bổ-túc.